

## THEO DẤU CHÂN PHẬT

*“Này Ananda! Có bốn nơi làm phát khởi tín tâm. Đó là những nơi nào? Thứ nhất là nơi Đức Phật dẫn sanh; thứ hai là nơi Đức Phật thành đạo; thứ ba là nơi Đức Phật Chuyển Pháp Luân; và thứ tư là nơi Đức Phật nhập Niết bàn. Và, này Ananda, nếu các vị tỳ kheo hay tỳ kheo ni đi đến chiêm bái dẫn lễ các Thánh tích này với lòng thành kính sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh thiên...” (Mahaparinibbana Sutta, 5.8.)*

Theo truyền thống Phật Giáo, Đức Phật đã dạy ngài A Nan trong bài pháp cuối cùng trước khi Phật nhập diệt (khoảng năm 483 trước TL) những Thánh tích liên hệ đến Ngài: Thế Tôn, Bạc Toàn Giác, Phật phải được chiêm

bái danh lễ. Ngài cũng đã khuyên tổ chức lễ trà tỳ sau khi Ngài nhập diệt. Hành hương chiêm bái các Thánh tích liên quan đến cuộc đời đức Phật như là một việc làm quan trọng trong đời sống của một người phật tử- một việc làm được kinh điển nhắc nhở. Ngay từ đầu Đức Phật đã cho thấy rõ ý nghĩa của việc chiêm bái các Thánh tích, những nơi liên hệ đến cuộc đời của Ngài như Lâm Tỳ Ni, Bồ Đề Đạo Tràng, Vườn Lộc Uyển, và Kushinagar (Câu-thi-na, nơi Phật niết bàn). Bốn nơi khác được Đức Phật tuyên bố và được công nhận là các Thánh tích nên đến hành hương chiêm bái đó là Linh Thứu, nơi đức Phật thuần hoá con voi điên; Tỳ Xá Ly (Vaishali), nơi Ngài tọa trên toà sen để thuyết rất nhiều bài pháp; Sankisa, nơi Ngài lên Cung trời Đạo lợi. Tất cả 8 thánh tích này được gọi là Atthamahathanani. Trong những địa danh thêm sau này thì Ca-tỳ-la-vệ nơi Đức Phật trải qua thời thơ ấu; Kaushambi nơi Đức Phật thuyết rất nhiều bài pháp vào năm thứ 6 và năm thứ 9 sau khi Ngài thành đạo; Kesariya, nơi Đức Phật trao bình bát của Ngài cho dân chúng ở đây. Như trong kinh Bốn Sanh, Đức Phật cũng đã nhiều lần đến Nalanda; đây cũng là nơi mà lịch sử thành lập tu viện vào thời kỳ của vua A Dục được tìm thấy. Tất cả 12 nơi này trở thành những điểm hành hương quan trọng của Phật giáo. Trong 12 thánh tích này, Sarnath (Lộc Uyển), Kusinagara (Câu-thi-na), Sharvasti (Xá-vệ quốc), Sankasya, Kapilavastu (Ca-tỳ-la-vệ), và Kaushambi thuộc bang Uttar Pradesh gần trung tâm Varanasi, Lucknow. Lâm Tỳ Ni, nơi Phật đản sanh nay thuộc Nepal gần biên giới của quận Siddharthnagar. Còn Kesariya và Vaisali nối liền Varanasi rất thuận tiện cho tuyến hành hương chiêm bái. Ngoài những nơi Đức Phật đi qua, thì Patna và Mathura cũng không kém quan trọng, vì Đức Phật cũng từng ở tại đây. Như vậy tổng cộng là 15 điểm được chấp nhận là thánh tích liên hệ đến cuộc đời đức Phật.

Trong suốt thời gian giáo hoá và trong những mùa an cư Đức Phật thường khuyến khích xây dựng tinh xá. Tinh xá Trúc Lâm ở Rajgir (Vương Xá thành), tinh xá Kutagarasala ở Tỳ-xá-ly, tinh xá Kỳ Hoàn ở Xá-vệ quốc đã trở thành những trung tâm tu tập giáo lý giải thoát. Ngoài ra còn nhiều tinh xá được xây dựng ở những vùng như Magadha (Ma-kiệt-đà), Koshala (Kiêu-tát-la), và những vùng lân cận kinh thành. Hình ảnh y vàng của các vị tỳ kheo đã trở nên quen thuộc ở khắp mọi nơi. Giáo lý được truyền bá rộng rãi trong vòng sáu năm đầu sau khi Phật thành đạo.

Đức Phật đã trải qua mùa an cư thứ 6 tại núi Makula, năm thứ 7 tại núi Sankisa, thượng nguồn của sông Hằng. Mùa an cư thứ 8 tại Sumsumaragira ở Bhagga, mùa an cư thứ 9 tại Kaushambi. Kaushambi là một thành phố lớn của vương quốc Vamsa nằm dọc theo dòng sông Yamuna. Một tinh xá được xây dựng ở đây trong một khu rừng rộng lớn, tên là Ghosira, tên của một vị thí chủ cúng dường khu rừng này. Những vị đại đệ tử của đức Phật như ngài Đại Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất không có an cư cùng với đức Phật tại

đây. Chỉ có ngài A Nan, La Hầu La thì theo ngài Xá Lợi Phất. Khu rừng Ghorisa có nhiều cây Simsapa. Đức Phật rất thích ngồi thiền dưới gốc cây này vào những buổi trưa oi bức. Một hôm sau khi xả thiền, Ngài trở về tinh xá với một nắm lá Simsapa. (Vinaya Mahavagga 10).

Một hôm trong khi đang ngồi trong vườn Bhesakala ở Sumsumaragiri, đức Phật nói với các vị tỳ kheo: “Này các tỳ kheo, Ta sẽ nói cho các ông nghe về 8 điều giác ngộ của một bậc Đại nhân. Tôn giả Anurudha cũng đã nói về 8 điều giác ngộ trước đây. Những điều giác ngộ được tuyên thuyết bởi một bậc đại nhân giúp cho người khác diệt trừ vô minh, chứng ngộ giải thoát. Tám điều đó là:

- Điều giác ngộ thứ nhất là hiểu được các pháp là vô thường, vô ngã. Thấy được sự vô thường, vô ngã của các pháp, chúng ta có thể đoạn trừ được khổ đau, chứng ngộ giải thoát, an lạc, niết bàn.
- Điều giác ngộ thứ hai là phải thấy được càng ham muốn càng mang đến nhiều đau khổ. Tất cả những khổ đau trong cuộc đời đều do tham ái.
- Điều giác ngộ thứ ba là phải biết rằng cuộc sống thiếu dục tri túc đưa đến an lạc, hạnh phúc. Sống thiếu dục giúp ta có nhiều thời gian tập trung tu tập để giúp đỡ tha nhân.
- Điều giác ngộ thứ tư là biết rằng chỉ có nỗ lực, tinh tấn mới dẫn đến giác ngộ. Lười biếng, ham muốn dục lạc là những chướng ngại của việc tu tập giải thoát.
- Điều giác ngộ thứ năm là biết được vô minh là nguyên nhân của sanh tử luân hồi. Ta phải thường nghe nhiều, học rộng để tăng trưởng trí tuệ biện tài.
- Điều giác ngộ thứ sáu là hiểu rằng nghèo hèn sanh ra oán hận, tạo thêm những nghiệp duyên bất thiện. Người thực hành hạnh khoan dung nên cư xử bình đẳng đối với mọi người, bạn cũng như kẻ thù như nhau. Không phê bình chỉ trích những việc xấu mà người khác đã làm, không thù ghét những người xấu.
- Điều giác ngộ thứ bảy là phải biết rằng mặc dù chúng ta đang sống trong cuộc đời này nhưng không bị đắm nhiễm bởi thế sự. Người tu hành thường nghĩ đến tam y, bình bát. Thường sống hạnh tri túc, có lòng từ bi đối với tất cả chúng sanh.
- Điều giác ngộ thứ tám là phải nhớ rằng chúng ta không phải chỉ tu tập giải thoát cho riêng cá nhân mà phải cống hiến cho tha nhân giúp đỡ chúng sanh tu tập giác ngộ, giải thoát.

Đức Phật dạy tiếp: “Này các tỳ kheo, đây là tám điều giác ngộ của bậc đại nhân. Các Bồ tát nhờ thực hành tám điều này mà giác ngộ giải

thoát. Các Ngài trở lại cuộc đời để giáo hoá chúng sanh, chỉ cho chúng sanh con đường tu tập để giác ngộ giải thoát.” (Anguttara Nikaya VIII.30; Samyutta Nikaya XII.15; Tripitaka 779).

### **NHỮNG VỊ CHIÊM BÁI THÁNH TÍCH**

Mặc dù khí hậu khô nóng, môi trường khắc nghiệt nhưng miền Trung Ấn, lưu vực sông Hằng là một trong những nơi quan trọng của văn minh nhân loại. Điều này thường được diễn đạt trong văn học Phật giáo như Majjhimadesa (Middle Land –Trung Thổ), nơi sản sinh ra nhiều tư tưởng lớn của nền văn minh Ấn độ. Đức Phật cũng sanh ra ở đây, trải qua suốt cuộc đời của Ngài, du hành trên những con đường đầy bụi bặm, hành thiền trong những khu rừng khô cháy ở đây, thuyết pháp tại đây trong những thành phố, thị trấn, làng mạc. Phật giáo đã phát triển mạnh trong những thế kỷ đầu trên mảnh đất này; và Phật giáo cũng đã nhanh chóng truyền bá khắp đất nước Ấn

độ, thậm chí đến các nước lân cận, những người phật tử khắp nơi đều xem Trung Thổ như là quê hương của Phật giáo.

Được xem như là thánh địa của Phật giáo, trong suốt nhiều thế kỷ qua, Trung Ấn thu hút rất nhiều phái đoàn hành hương, dù phải vượt qua nhiều chướng ngại, đôi khi bỏ cả mạng sống để mong được chiêm bái các thánh tích liên quan đến cuộc đời đức Phật. Những đoàn hành hương này đến từ những nước khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Indonesia, Miến Điện, Tích Lan, Kazakhtan và Thái lan.

Những đoàn hành hương từ Trung Quốc hoặc Hàn Quốc phải vượt qua sa mạc tử thần Taklamakan, và phải leo qua những rặng núi cao nhất trên thế giới. Hoặc giả có người đến bằng đường biển, thì phải trải qua nhiều tháng ngày trên biển cả, đối đầu với bão tố, hải tặc, và bệnh tật. Những đoàn hành hương đến từ Tích lan, Sumatra hay Java thì phải qua vịnh Bengal, đến hải cảng Tamralipti (hiện nay là Tamluk gần Khagagpur ở West Bengal), tiếp tục vào sông Hằng cho tận đến Patna, và từ Patna họ di chuyển bằng đường bộ. Còn những đoàn đến từ Nepal và Tây tạng, khoảng cách thì không xa nhưng trở ngại lớn nhất là thời tiết. Di chuyển từ nơi khí hậu trong lành, mát mẻ đến một môi trường ô nhiễm bụi bặm và nóng của Ấn độ rất dễ nhiễm bệnh và thậm chí chết vì tật bệnh.

#### **ASOKA (A Dục Vương 270-232 BCE)**

Người đầu tiên trong lịch sử chiêm bái hành hương là vua A Dục ở Ấn Độ, hay thường được ngài tự xưng là Piyadassi, “Con yêu dấu của Thượng đế”. Khi vua A Dục lên ngôi vào năm 270 trước Công nguyên, trở thành vị hoàng đế thứ ba của triều đại Maurya, ngài thống trị cả một vương quốc rộng lớn trải dài từ Afganistan đến Bangladesh bao gồm cả Ấn độ ngoại trừ phía cực Nam Ấn vùng Kalinga, hiện nay thuộc bang Orissa. Một cuộc chiến tranh giành ngôi báu, Asoka đã chiến thắng và đã giết rất nhiều anh em của mình. Năm 278, vua thống lãnh binh sĩ đánh chiếm Kalinga, kết quả là vô số người phải chết. Chứng kiến cảnh này đã tác động mạnh mẽ đến vua A Dục, dẫn đến một thay đổi lớn cho vị vua này, ảnh hưởng đến chính sách cai trị và đặc biệt là ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo. Vua đã trở thành một phật tử thuần thành và vua cố gắng thực hành giáo pháp để cai trị vương quốc mình. Vua từ bỏ chính sách bành trướng các nước lân bang, cải tổ lại bộ máy hành chính, từng bước phát triển, hoà hợp các tôn giáo khác nhau, cho trồng những cây thuốc ở khắp nơi trong nước, vua ra lệnh cấm săn bắn một số thú hoang dã. Nhưng trong tất cả những cải tổ của vua A Dục, thì nỗ lực lớn nhất của ngài là truyền bá Phật giáo. Ngài đã đứng ra tổ chức lần đại hội kết tập kinh điển lần thứ ba tại thủ đô của vua tại Patna, thống nhất lại tăng đoàn, phái những vị tăng có học thức đi truyền bá giáo pháp trên khắp đất nước, cho đến tận những nơi như Syria,

Ai Cập, và Macedonia. Một trong những phái đoàn truyền giáo thành công nhất đó là phái đoàn do ngài Mihinda, con trai của vua A Dục đến Tích Lan.

Vua A Dục hộ trì Phật giáo, tổ chức những cuộc hành hương đến các nơi quan trọng của Phật giáo cùng với vị Thầy của Ngài là Upagupta. Trong những chuyến hành hương đến các thánh tích này vua đã cho dựng những đài kỉ niệm, dựng những trụ đá, và giáo hoá mọi người. Ashokavadana (một bài thơ viết bằng chữ Sanskrit, nói về những chuyến hành hương của vua A Dục) nêu ra tất cả là 32 thánh tích liên quan đến cuộc đời của đức Phật. Trong một sắc lệnh vua A Dục đã cho thấy rằng sự quan tâm của ngài đến vấn đề chiêm bái thánh tích là bằng cách cho sửa sang lại đường sá, cho xây cất những nhà nghỉ, giếng nước. Vua còn phái nhiều phái đoàn truyền đạo đi khắp Ấn độ và các nước khác như Ai Cập, Palestine, và Hy Lạp. Hy Lạp là một trong những vương quốc Alexandrian ở phía Bắc Ấn độ chấp nhận Phật giáo, sau này vua Menandros (Pali: Milinda) được tỳ kheo Nagasena (Na Tiên) giáo hoá theo đạo Phật- cuộc đàm đạo này được ghi lại trong kinh Milinda Panha.

Truyền thuyết cho rằng vua A Dục đã cho khai quật 7 trong số 8 tháp thờ xá lợi của đức Phật để phân chia ra làm 84.000 phần và cho xây dựng 84.000 tháp để thờ. Rõ ràng con số 84.000 là một con số biểu tượng, nhưng sự thật thì rất nhiều tháp ở Ấn độ lần đầu tiên được xây dựng trong thời đại của Maurya. Trong một bia ký vua A Dục ghi rằng ngài đã từ bỏ những cuộc du sơn ngoạn thủy và thay bằng những cuộc hành hương chiêm bái các thánh tích. Vào năm 260 TCN<sup>1</sup>, ngài đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng, và 10 năm sau ngài đến Lâm Tỳ Ni.

Những nhà hành hương hiện nay vẫn có thể thấy những ảnh hưởng của vua A Dục ở khắp lưu vực sông Hằng, thật ra nhiều nơi ở Ấn Độ, qua những trụ đá mà vua A Dục đã dựng. Những trụ đá này được dựng lên để ghi lại những những sắc dụ mà vua ban hành trong suốt 38 năm trị vì, hoặc đánh dấu những thánh tích, và cũng có khi ghi lại tuyến hành trình chiêm bái của ngài từ Patna đến Lâm Tỳ Ni. Những trụ đá ấy vẫn tồn tại đến ngày hôm nay để lại một dấu ấn vàng son của mỹ thuật cổ đại Ấn Độ. Mặc dù có một số trụ đá bị gãy, trụ đá cao nhất đến 15 mét, cho thấy kỹ thuật điêu khắc, trang trí sắc xảo dù đã trải qua nhiều thế kỷ. Mỗi trụ đá đều được khắc trên đỉnh, hoặc tạc hình con trâu hay sư tử. Một số trụ đá được trang trí những tranh vẽ của nghệ thuật điêu khắc Ấn độ. Hầu hết những trụ đá này đều được tạc tại các mỏ đá ở phía Nam Varanasi, và từ đây được đưa đi xa hàng trăm cây số đến nơi tôn dựng.

### **FA-HSIEN (PHÁP HIỂN 374-462 CN)**

---

<sup>1</sup> Viết tắt chữ Trước Công nguyên (tây lịch)

Người Trung Quốc đầu tiên đến chiêm bái các thánh tích ở xứ Phật là ngài Pháp Hiển. Với lòng khát khao được học hỏi kinh điển nguyên thủy và thăm những thánh tích ở Ấn độ. Năm 25 tuổi, Ngài cùng với ba người khởi hành cuộc hành trình về đất Phật năm 399 TL<sup>2</sup>, có thể nói đây là một trong những cuộc du hành có một không hai trong lịch sử. Với một thông tin ít ỏi về vùng đất xa lạ này, không nói được tiếng Ấn, chỉ biết Ấn Độ là một vùng đất rộng lớn ở phía Tây, Pháp Hiển và những người đồng hành chẳng có một người hướng dẫn cũng chẳng có một sự giúp đỡ nào khác ngoài niềm tin mãnh liệt. Vượt qua sa mạc tử thần Taklamakan, điều duy nhất đối với những người du hành là làm sao chống chọi với những cơn khát.

Khi Pháp Hiển trở lại Trung Quốc vào năm 414 TL, trải qua tất cả là 14 năm. Ngài ghi lại tất cả những sự kiện trong suốt cuộc hành trình, và suốt thời gian còn lại của đời, ngài dịch kinh mà ngài đã mang về từ Ấn độ. Ngài mất vào năm ngài 88 tuổi tại tu viện Sin, ở Kinh Châu. Cuộc đời ngài trải qua hai triều đại của Trung Quốc đó là triều đại Đông Tấn (317-419) và nhà Tống (420-478). Từ đó Phật giáo được truyền về phương Đông, không ai có thể so sánh với ngài và hạnh nguyện mang chánh pháp đến cho mọi người. Cuộc hành trình của ngài là một thông điệp đến với mọi người là mọi việc dù có khó khăn đến đâu cũng có thể vượt qua nếu mình có ý chí và nghị lực. Bởi vì rõ ràng là ngài sẽ thành công nhưng ngài đã thành công chính là vì ngài coi thường những gì mà người khác đánh giá, và tôn trọng những gì mà người khác coi thường. Pháp Hiển không những là một nhà du hành dũng cảm mà còn là một người khiêm tốn, chân thật, lương thiện và có lòng tin vững chắc vào Tam bảo, khiến cho mọi người đều quý mến ngài.

Nhật ký của Pháp Hiển đã ghi lại nhiều chi tiết quan trọng về những cuộc hành hương chiêm bái thánh tích trước ngài. Ngài không những quan tâm đến những thánh tích liên quan đến đức Phật, và chư Tăng mà ngài còn đến những nơi liên hệ đến tiền thân của đức Phật được diễn tả trong kinh Bản Sanh. Cuộc hành hương của Pháp Hiển đến Ấn độ không phải chỉ đơn thuần là ghi lại tiểu sử của đức Phật mà ngài còn ghi lại tiểu sử của đức Phật trong nhiều tiền kiếp với hạnh nguyện Bồ tát.

Có khoảng 187 người Trung Quốc khác sau Pháp Hiển đến chiêm bái đất Phật. Trong số đó thì chỉ có một số vị ghi lại cuộc hành trình của mình như Chih-meng (404-414), Sun-yun (đầu thế kỷ thứ 6), và Nghĩa Tịnh (671-695).

### **HUYỀN TRANG (603-664 TL)**

Một nhà du hành khác đến đất Phật do bởi thán phục tấm gương của Pháp Hiển đó là Huyền Trang, một vị tăng rất có tiếng tăm, và có ảnh hưởng

---

<sup>2</sup> TL:Tây lịch

lớn đến các nhà chiêm bái, và dịch thuật. Ngài đến Ấn Độ từ năm 630-644. Huyền Trang đã ghi lại chuyến hành trình của mình dài 12 cuốn gọi là Tây Du Ký. Sau khi Huyền Trang mất đệ tử của ngài là Hwui-li và Yen-thsong đã ghi lại tiểu sử của ngài.

Huyền Trang sanh ra trong một gia đình đạo Phật, xuất gia từ lúc nhỏ. Chỉ sau 20 năm tiếng tăm của ngài đã lan rộng, và vào năm ngài 26 tuổi ngài quyết định thực hiện chuyến Tây du đến xứ Phật để thỉnh kinh, học hỏi giáo lý từ các vị đạo sư Ấn độ, và chiêm bái các thánh tích. Ngài đã nhiều lần thỉnh cầu vua cho phép để sang Tây Trúc nhưng đều bị từ chối, cuối cùng ngài quyết định bỏ trốn.

Cuối cùng ngài đã đến được đại học Nalanda, ngài đã học và dạy ở đó 5 năm. Trong suốt thời gian này ngài đã đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng và nhiều nơi khác nhiều lần. Sự thông minh của ngài làm cho các vị giáo sư và sinh viên khác thán phục, đến nỗi họ không muốn để ngài trở lại Trung Quốc. Tất cả các vị tu sĩ ở đây đều đến thỉnh ngài ở lại. Không thuyết phục được ngài, họ đưa ngài đến gặp thầy của ngài tên là Silabhadra. Cũng giống như những người khác Silabhadra hỏi tại sao ngài phải trở về. Huyền Trang trả lời một cách rõ ràng và rất cảm động:

*“Đất nước này là nơi mà đức Phật thị hiện; không có gì có thể sánh bằng. Ý định của con đến đây là để học hỏi giáo lý để trở về truyền đạt lại cho phật tử tại quê nhà. Từ lúc con đến đây, thầy đã tử tế giảng dạy giáo pháp, giải thích những bộ luận và những nghi ngờ về giáo lý. Con đã được đến chiêm bái các thánh tích, được nghe luận giải nhiều học thuyết khác nhau của Phật giáo. Con thành thật nói rằng lòng con tràn ngập hạnh phúc, và sự hiện diện của con ở đây là một điểm phúc. Con mong muốn trở lại quê nhà để dịch lại và truyền đạt những gì mà con đã học được ở thầy, khiến cho những người khác cũng biết được công đức của thầy. Chính vì lý do này mà con mong muốn được trở về không thể tiếp tục ở lại đây.”*

Silabhadra rất hoan hỷ sau khi nghe Huyền Trang trả lời, ngài dạy các vị tu sĩ giúp đỡ cho Huyền Trang chuẩn bị cho chuyến hồi hương. Khi Huyền Trang đến biên giới của Trung Quốc, ngài phái một sứ giả để về thông báo cho nhà vua là ngài đã trở về. Khi ngài đến Lạc Dương, rất nhiều người đi đón ngài. Nhà vua chỉ khiển trách nhẹ về việc ngài tự ý bỏ đi không xin phép vua, và tuyên bố rằng không có một vị tăng nào có thể sánh bằng từ trước đến nay. Ngài trở về sau hơn 15 năm xa quê hương, mang về 657 bộ kinh-luật-luận bao gồm 520 loại, chuyên chở bằng 20 con ngựa. Ngài đã kể lại nhiều chuyện trong suốt cuộc hành trình, những gì ngài đã thấy và gặp những nguy hiểm mà ngài đã trải qua. Theo lời yêu cầu của nhà vua, ngài đã viết chi tiết lại chuyến đi của ngài đến nỗi cuốn sách này cho đến ngày nay vẫn là một tài liệu quý giá viết về Trung Á và Ấn Độ vào thế kỷ thứ 7. Suốt thời gian còn lại của cuộc



đời, ngài tập trung dịch nhiều bộ kinh mà ngài đã mang về, tất cả gồm 24 bộ. Ngài mất vào năm 664 TL. Ngoài công việc dịch thuật vô tiền khoáng hậu của ngài, 740 cuốn kinh từ bản Sanskrit với sự giúp đỡ của những phụ tá đã được phiên dịch. Huyền Trang còn sao chép kinh điển, tạc tượng, tranh ảnh của đức Phật, độ cho nhiều người xuất gia, dạy giáo lý cho tăng chúng ở nhiều tu viện, đôi khi thuyết pháp cho những quan lại đến viếng ngài, thậm chí ngài còn phụ khiêng gạch đá để xây dựng tu viện Tayen.

Nếu hình ảnh của vua A Dục là biểu tượng, là người mở đầu cho những cuộc hành hương chiêm bái thánh tích tại Ấn độ thì Huyền Trang trở thành biểu tượng của những người hành hương Trung Quốc. Sau này vào thế kỷ 16, Ngô Thừa Ân có viết một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “Tây Du Ký”, cuộc hành trình của Huyền Trang (Tam Tạng) đã được ông tiểu thuyết hoá và được phổ biến rộng rãi trong dân gian. Tôn Ngộ Không bao gồm nhiều đặc điểm tiêu biểu cho giáo lý nghiệp trong Phật giáo (liên quan đến luật nhân quả). Cuộc hành trình của thầy trò Đường tăng được minh hoạ như là một lộ trình tu tập giải thoát theo Phật giáo: kết thúc của cuộc hành trình là cả hai Đường tăng và Tôn Ngộ Không đều thành Phật.

Rõ ràng trung tâm của lưu vực sông Hằng Phật giáo phát triển mạnh, Bà La Môn giáo ít phát triển ở đây, chỉ tập trung mạnh ở vùng Kurus (Viễn Tây). Có một vài tuyến đường dẫn đến miền Trung thổ sông Hằng do một số người đến để đàm luận với đức Phật. Những thương nhân cũng đi từ Sarnath để đến Sharavasti (Xá-vệ quốc), Kapilavasu (Ca-tỳ-la-vệ), Lumpini/Kasia, Kesariya, Vaishali (Tỳ-xá-li), Pataliputa (Hoa Thị Thành), Nalanda, và cuối cùng là Bodh Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng).

### **I-TSING (NGHĨA TỊNH 634-713TL)**

Khi Huyền Trang về đến Trung Quốc thì Nghĩa Tịnh mới 10 tuổi nhưng ngài cũng đã có ý định xuất gia. Nghĩa Tịnh được gia nhập tăng đoàn khi ngài 14 tuổi. Vào năm 672 TL ngài đến Ấn độ và ở đó cho đến năm 685, trong thời gian ở đây ngài nghiên cứu kinh điển và chiêm bái các thánh tích. Sau khi trở về lại Trung Quốc, suốt thời gian từ năm 700-712, ngài đã dịch được 56 bộ kinh trong số 400 mà ngài đã mang về từ Ấn Độ, ngài mất năm 713.

Ngài đến Ấn độ bằng đường bộ lẫn đường thuỷ. Cuộc hành trình của ngài thiếu những thông tin chính xác như ngài Huyền Trang nhưng bù lại rất nhiều người tháp tùng theo ngài. Khởi hành cuộc hành trình vào năm 671 ngài trải qua 8 tháng ở Sumatra, 6 tháng ở Srivijava bắt đầu di chuyển bằng đường thuỷ, ngài đã lưu lại 2 tháng ở Malaya nước láng giềng của Palembang. Ngài đặt chân đến Tamraliptivào năm 673, và sau đó đi đến Ma Kiệt Đà, thánh địa Bồ Đề Đạo Tràng và những thánh tích khác. Ngài ở Nalanda 10 năm học Luật và thu thập kinh điển. Ngài có nhiều người tùy tùng sau này ngài có ghi

chép lại trong nhật ký, những người này sau khi rời khỏi đây ngài không hề gặp lại. Ngài rời Ấn Độ vào năm 685 cũng bằng con đường từ Tamralipti. Ngài trải qua 4 năm ở Srivijaya học tiếng Sanskrit để dịch kinh điển; về Trung Quốc năm 689 để tìm người phụ tá cho công việc dịch thuật, ngài tiếp tục ở Srivijaya 5 năm nữa, cuối cùng trở về quê nhà vào năm 695. Như Huyền Trang trước đây ngài cũng xin phép triều đình cho chuyến đi và đã được chấp thuận.

Một trong những tác phẩm của Nghĩa Tịnh, *A Record of Buddhist Religion as Practised in India and the Malaya Archipelago*, đã được một học giả người Nhật J. Takakusu dịch sang tiếng Anh. Nhiều điều lý thú hơn trong cuốn sách của ngài tựa đề “Đại Đường Tây Vực Cao Tăng Truyện”. Tác phẩm này cũng đã được Chavannes dịch sang tiếng Pháp. Tác phẩm cho chúng ta thấy rõ ràng lòng nhiệt thành của những nhà du hành chiêm bái, số lượng người đến đất Phật mà trước đây chúng ta không hề ngờ được, với lòng can đảm vượt qua những nguy hiểm, chướng ngại để đạt được ý nguyện. Thật ra rất nhiều chuyện thương tâm, xảy ra trên suốt cuộc hành trình bằng đường bộ cũng như đường thủy. I-tsing đã nói một cách đau buồn: “Mặc dầu chuyến đi thành công nhưng con đường thật sự đầy dẫy chông gai, những thánh tích vẫn mãi xa vời vợi. Nhiều người cố mang theo hoa trái, có một số cố gắng nhưng đều không thành công, chỉ một số ít ỏi làm được. Lý do là phải vượt qua rất nhiều sa mạc, sông lớn và chịu đựng cái nắng như thiêu như đốt ở Ấn Độ, những cơn sóng thần trên biển cả, những vực sâu thăm thẳm. Có khi chỉ một mình đơn độc vượt qua cả ngàn dãy núi và vượt qua eo núi giữa Samarquand và Bactria, có người rơi xuống những dốc đá sâu; hành trình bằng thuyền thì phải vượt qua Column of Coppers (phía nam Tongking), họ phải vượt qua nhiều nhánh sông, có người phải bỏ mạng. Đó là lý do tại sao số lượng người khi khởi hành là 50 người nhưng cuối cùng chỉ còn lại con số trên đầu móng tay”. Nhiều tu sĩ người Hàn quốc đã đến được Ấn Độ, đa số thường đi qua Trung Á, có một số đi bằng đường thủy, trong số những vị này, I-tsing ghi lại rằng: “Họ đã chết ở Ấn Độ, chẳng bao giờ trở lại được quê nhà”. Thật ra con đường qua Trung Á càng lúc càng trở nên nguy hiểm, khó khăn hơn sau khi nhà Đường sụp đổ, và cuộc nổi loạn của người Tây Tạng, chưa kể là phải qua những nước theo Hồi giáo càng lúc càng nhiều ở Trung Á.

Đối với người Trung Quốc thì đường thủy thuận tiện hơn. Những vấn đề liên hệ đến văn hoá của Ấn độ đối với những người Indochina, và Indonesia cần phải quan tâm, I-tsing khuyên là trước khi đến Ấn Độ nên ở lại Srivijaya một thời gian để học tiếng Sanskrit trước. Thời gian ở đây là để học hỏi thêm những kinh nghiệm, kiến thức, kinh điển và những trao đổi về nghệ thuật kiến trúc giữa Ấn Độ và Tích Lan, Java, Cambodia, Campa, và những hải cảng của Canton ở Trung Quốc.

### **MARPA CHOKYI-LODRO (1012-1097)**

Theo tài liệu sử của Tây Tạng, ngài Marpa sanh năm Tý, 1012 tại Lhotrak, mất năm Sửu, 1097. Tsang Nyon Heruka, một nhà sáng tác, giáo sư, và nhà Yoga đã viết một cuốn sách nói về cuộc hành trình của ngài Marpa đến xứ Phật và cuộc đời của ngài. Marpa là một đệ tử xuất sắc của đạo sư Naropa (1016-1100). Marpa là một nông dân, một người luyện yoga, và cũng là một nhà thơ. Năm mới 12 tuổi ngài đã xuất gia theo một vị đạo sư tên là Drogmi trong 3 năm. Sau đó ngài đến Nepal và ở tại Svayambhunatha 3 năm. Theo lời tiên đoán của đạo sĩ Tipola (988-1069) thì ngài sẽ đến Ấn Độ và trở thành đệ tử xuất sắc của ngài Napora. Do đó, ngài Napora đã chấp nhận Marpa và lập tức chọn ngài là người thừa kế. Thật sự, Marpa là người xiển dương giáo pháp của đức Phật, người làm rạng rỡ xứ Tuyết, người khai sáng truyền phái Mật tông ở Tibet.

Marpa đến Ấn Độ 3 lần, trải qua nhiều gian khổ vì lợi ích của đạo pháp. Được học hỏi giáo lý kinh điển từ những vị đạo sư nổi tiếng, ngài đã trở về quê hương để truyền bá chánh pháp. Mục đích của ngài đến Ấn Độ là để gặp những vị đạo sư danh tiếng. Ngài đã đến chiêm bái nhiều thánh tích liên quan trực tiếp đến cuộc đời của đức Phật. Trong lần đầu tiên đến Ấn Độ, Marpa học với ngài Naropa và một vài vị đạo sư khác trong vòng 9 năm, sau đó trở lại Típet. Naropa là một trong bốn vị giáo sư nổi tiếng ở đại học Nalanda và Vikramshila, Naropa là người phụ trách điều hành chương trình giảng dạy, và mọi người rất kính nể ngài. Ngài cũng có giảng dạy ở một vài trường đại học Phật giáo khác như Bodhgaya và Otantapuri. Naropa có xây một ngôi chùa nhỏ ở Phullahari về phía Đông Bắc của Nalanda nơi mà ngài gặp Marpa lần đầu tiên. Sau này Marpa đã đến học tất cả những trường đại học này.

Về Típet, Marpa gặp những học trò của ngài sau này như Ngkton, Marpa Glek, Tsurton, và Bawachen. Marpa lập gia đình với Dagmena và có con. Trong lần thứ hai trở lại, Marpa ở 6 năm tại Ấn độ. Sau khi trở về Típet Marpa giảng dạy cho các học trò như Meton Tsonpo và vị thánh của Típet là Milarepa.

Lần cuối trở lại Ấn độ ngài ở lại 3 năm. Trong một bài hát sáng tác trong chuyến hồi hương, Marpa nói rằng ngài đã trải qua một phần ba đời mình ở Ấn Độ, tổng cộng tất cả là 18 năm. Mọi người biết đến ngài như là Marpa, Người phiên dịch nhờ những tác phẩm dịch thuật sang tiếng Típet của ngài.

Marpa, ánh sáng của trí tuệ xua tan bóng đêm vô minh cho những người dân Típet, và tự hào mình là người thừa kế xứng đáng của Naropa, ngài tuyên bố điều này trong một bài hát:

“Là người thừa kế của Naropa,  
 Những lời giáo huấn được lan truyền,

Chánh pháp cao sâu rất nhiệm mầu,  
Không ai liễu ngộ ngoài ta cả”

(Heruka, 1982:196)

Trưởng tử và là người thừa kế Maropa là Dorje Gyaltsen, sau này được biết như là Malarepa (1052-1135). Mặc dầu có sự phân chia giữa các bộ phái của Phật giáo Típet, nhưng tất cả đều hình như hợp nhất và dưới sự lãnh đạo của ngài Jetsun Milarepa với tất cả sự ngưỡng mộ và tôn kính. Milarepa theo lời di huấn của thầy Maropa đã đến chiêm bái tất cả là 24 thánh tích ở Ấn độ, và 8 nơi thờ xá lợi của đức Phật trong một tình trạng sức khoẻ yếu kém, ngài đã làm sống lại phong trào hành hương chiêm bái các thánh tích cho Phật giáo Típet. Milarepa mất năm 84 tuổi, vào ngày trăng tròn của tháng Vaishaka (April-May).

Tipola là vị tổ của dòng Kagyu truyền thừa cho Naropa, Marpa và Milarepa v.v... Tâm ấn và khẩu truyền được khởi sáng do ngài Tipola được trao truyền xuống cho đệ tử là Naropa. Đây là bốn vị tổ sư của phái Vajrayana.

#### **DHARMASVAMIN (1196-1263)**

Có lẽ đây là người cuối cùng hành hương đến các thánh tích ở Ấn Độ trước khi toàn bộ bị phá huỷ vào thế kỷ 13, là một tu sĩ người Típet tên là Dharmavamin. Trước đó có rất nhiều người từ Típet đến Ấn độ để chiêm bái và học giáo lý trong suốt nhiều thế kỷ qua nhưng hình như chỉ có ngài Dharmavamin là người ghi lại những sự kiện về cuộc hành trình của mình. Những thông tin này ngài đã đưa cho một người viết sử, tên là Chos dar.

Vị này kể rằng lòng ham muốn học hỏi của ngài rất cao “từ khi ngài 17 tuổi cho đến 45, ngài đã lập một lời nguyện rằng sẽ chẳng bao giờ rời khỏi bút mực.” Trước khi rời Típet để đến học tại tu viện Svayambhu ở Nepal, ngài thệ nguyện rằng sẽ không bao giờ trở lại quê nhà cho đến khi đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng. Sau khi kết thúc thời gian học 8 năm ở đây, ngài quyết định đi sang Ấn Độ.

Và vào năm 1234 TL, ngài khởi hành đến đất Phật. Trong thời gian này Ấn Độ rất hỗn loạn, Hồi giáo chiếm cứ Ấn Độ, phá huỷ toàn bộ các thánh tích. Nhiều băng cướp, những nhóm binh lính cướp bóc tài sản dân chúng khiến cho đường phố vắng người qua lại, thậm chí ngay cả những thành phố lớn cũng đầy dẫy nguy hiểm. Dharmasvamin gia nhập vào một đoàn thương buôn 300 người, trong đoàn này thì có đến 60 người giống như ngài là cùng đi đến Bồ Đề Đạo Tràng. Cuối cùng thì Dharmasvamin cũng đến được BĐĐT, chỉ bằng cách là di chuyển thật nhanh để tránh những cuộc tấn công lúc nào cũng có thể xảy ra. Khi ngài trở về thì những nguy hiểm cũng đã chấm dứt, ngài trải qua thời gian 3 tháng để hành thiền, lễ bái, chiêm bái các thánh tích, vì ngài có thể nói

được tiếng Sanskrit nên ngài đã làm thông dịch cho những vị tăng khác trong đoàn.

Sau khi rời Bồ Đề Đạo Tràng, ngài đến viếng Linh Thứu và đại học Nalanda, ở đây ngài thọ giáo với một học giả nổi tiếng Rahula Sri Bhadra, lúc đó đã 90 tuổi và là chủ trì tu viện Nalanda. Nhưng không lâu sau đó đại học Nalanda hoàn toàn bị phá hủy. Hồi giáo cướp phá đại học Phật giáo ở Odantapuri, nơi mà chúng đã biến thành một căn cứ quân sự cho cuộc xâm lược của chúng một vấn đề mà trước sau chỉ là thời gian và mọi việc đã xảy ra. Sau khi Hồi giáo hoàn toàn chiến thắng, thống trị toàn bộ lãnh thổ Ấn Độ trong suốt gần nửa thiên niên kỷ, Phật giáo hầu như hoàn toàn biến mất.

Sau khi học xong Dhamasvamin chuẩn bị cho chuyến trở về Típet. Ngài Rahula Sri Bhadra khóc nói với người học trò của mình: “Con là một tu sĩ tốt. Hãy trở lại Típet. Ta nay đã già. Típet thì xa vời vợi. Thầy và con không thể gặp lại trong đời này. Thầy sẽ gặp con nơi cực lạc.” Dharmasvamin trở về đến Típet bình an, nhưng trên đường trở về ngài đã phải nằm dưỡng bệnh nhiều tháng trời ở Pattata. Ngài mất năm 67 tuổi, năm 1263. Mặc dầu thời gian ở đất Phật ngắn ngủi, nhưng những ghi chép của ngài để lại cho chúng ta như một chứng nhân về tình hình Phật giáo giai đoạn cuối cùng ở Ấn Độ.

### **SIR ALEXANDER CUNNINGHAM (1804-1893)**

Tất nhiên Cunningham đến đất Phật không phải như là một nhà hành hương chiêm bái thánh tích, nhưng tất cả những gì mà ngày nay phật tử khắp nơi được chiêm ngưỡng những thánh tích đều nhờ công lao của ông. Alexander Cunningham đến Ấn Độ năm 1833 với vai trò là tham tán công sứ. Ông hoạt động trong nhiều lãnh vực nhưng sau chức vụ mà ông có khả năng nhất là quản lý về ngành khảo cổ. Suốt thời gian từ năm 1833-1885 ông ở Ấn Độ, và năm 1861 khi Viện Khảo Cổ Ấn Độ thành lập, ông được bầu làm chủ tịch cho đến năm 1885 khi ông trở lại Anh quốc; ông đã cống hiến cuộc đời ông trong việc tìm kiếm và bảo tồn những di tích của Ấn Độ. Ông đã xuất bản 13 tác phẩm viết về khảo cổ của Ấn Độ, ông đã trực tiếp giám sát nhiều công trình khai quật khảo cổ.

Ngay khi ông đặt chân đến Ấn Độ, ông rất quan tâm về văn hoá nước này, trong những chuyến đi về miền Bắc ông không bao giờ bỏ lỡ những cơ hội viếng thăm những di tích, đền đài, thành quách... Công trình khảo cổ thời bấy giờ thường gặp những nguy hiểm và rất nhiều người chống đối. Đường sá thì gồ ghề, vắng người qua lại, bệnh sốt rét luôn là mối đe dọa, cướp giết thì khắp nơi, và có nhiều nơi khi Cunningham đến người địa phương chẳng hề giúp đỡ hoặc giả có thì họ cho những thông tin sai lệch về những di tích. Tệ hại nhất là những đạo sĩ Bà La Môn, những người mà trước đây vẫn thờ ơ trước những

di tích hay những pho tượng nhưng khi thấy Cunningham cần thì họ thẳng thắn đòi mới cho phép ông chụp hình hoặc đo đạc.

Dầu gặp nhiều khó khăn nhưng Cunningham đã cố gắng học để đọc được những cổ ngữ; ông đã phát hiện, đánh dấu và định vị được rất nhiều di tích, ông tìm lại được vị trí của Ấn Độ thời cổ đại, những đồng tiền vào thời này, và so sánh những nghệ thuật điêu khắc của Ấn Độ. Do đó vào năm 1861, ngay khi ông rời khỏi quân ngũ, Viện Nghiên Cứu Khảo Cổ Học được thành lập, và ông chính thức được bầu làm Chủ tịch Viện Khảo Cổ Học này. Từ đó cho đến khi ông về nước, ông đã hết sức cố gắng hiến cho công việc tìm kiếm, bảo tồn những di tích cổ của Ấn Độ.

Điều quan trọng là nhờ những kiến thức của ông về Phật giáo cộng thêm sự say mê, ông đã định vị chính xác những thánh tích liên hệ đến cuộc đời của đức Phật. Khi ông còn trẻ cũng như bao nhiêu người Anh khác, là một người theo đạo thiên chúa, ông cũng tin rằng càng nhanh chóng phát triển lòng tin của mình thì càng tốt cho việc thay đổi lòng tin của người bản xứ. Một vài tác phẩm đầu tiên của ông cho thấy rằng kiến thức về khảo cổ sẽ là công cụ hữu hiệu cho việc phát triển Thiên chúa giáo. Những quan niệm không tốt về Hindu và Hồi giáo của ông dường như chẳng hề thay đổi, nhưng khi ông biết nhiều về đạo Phật, càng ngày ông càng tôn kính Phật giáo về cái nhìn về cuộc đời và những cống hiến to lớn của Phật giáo cho nền văn hoá Ấn Độ. Nhờ có nhiều kinh nghiệm, và nghiên cứu kỹ những tài liệu của những người trước, nhất là những tài liệu ghi chép của những vị hành hương từ Trung Quốc, và với sự ước đoán phi thường, ông đã định vị, xác minh được nhiều thánh tích như Shravasti, Kaushambi, Kushinagar, và nhiều di tích khác ở Rajagriha (Vương Xá thành). Ông cũng khai quật nhiều nơi khác như Mathura, Lộc Uyển, và Bồ Đề Đạo Tràng.

Ông hình như có một quan tâm đặc biệt đối với Tháp Đại Giác (Maha Bodhi Temple), việc làm đầu tiên sau khi ông được bổ nhiệm làm Viện trưởng Viện Khảo Cổ là đi đến Bồ Đề Đạo Tràng (BĐĐT) xem xét nơi nào có thể tiến hành khai quật và những khu vực chung quanh Đại tháp, bảo tồn những pho tượng và bia ký. Theo lời đề nghị của ông, thị trưởng Mead đã tiến hành khai quật đại tháp vào năm 1863, ông chẳng hề xuất bản những tư liệu mà ông phát hiện. Cunningham trở lại đây vào những năm 1871 và 1895 và trong cuốn sách ông viết cuối cùng “Mahabodhi, Đại Tháp Dưới Cội Bồ Đề Nơi Đức Phật Thành Đạo”, bao gồm những tóm tắt về công trình nghiên cứu của ông và một số người khác, những phát hiện và ấn tượng của ông về đại tháp.

### **SIR EDWIN ARNOLD (1833-1904)**

Với nhiệt tâm và lòng say mê, Edwin Arnord đến BĐĐT vào năm 1885 như một nhà hành hương chiêm bái. Năm 1857, ông cũng là một nhà thơ nổi

tiếng khi ông được chỉ định làm hiệu trưởng trường Deccan ở Pune, với tinh thần phóng khoáng và kiến thức về Sanskrit ông đã sớm quan tâm nghiên cứu các tôn giáo của Ấn Độ, đặc biệt là đạo Phật.

Khi ông trở lại Anh, ông viết cho tờ báo Daily Telegraph, sau này ông trở thành nhà biên tập của tờ báo này, và tiếp tục nghiên cứu đạo Phật. Những gì ông nghiên cứu chính xác không được rõ, chỉ một vài cuốn sách về đạo Phật, và một số ít bản dịch từ những bia ký bằng chữ Sanskrit. Nhưng năm 1879, ông xuất bản tập thơ nổi tiếng của ông “The Light of Asia”, minh họa một cách chân tình và chính xác đời sống và những lời dạy của đức Phật. Phật tử ở phương Đông, từ lâu nay chỉ nghe những lời dèm pha, chỉ trích của người phương Tây về tôn giáo của mình, rất hoan hỷ với tập thơ do Arnord sáng tác.

Arnord mong muốn được đến BDDT và Lộc Uyển, ông nhận được rất nhiều thư mời thăm Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện và Nhật Bản, ông quyết định một chuyến Đông du, một ước nguyện mà ông đã từng ấp ủ trong lòng. Ông thật sự đau lòng khi đến tại nhà trưng bày của Tháp Đại Giác, liên tưởng đến chính nơi đây đức Phật đã thành đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác dưới cội Bồ Đề, ông cũng cảm thấy đau lòng trước sự hoang tàn của Tháp. Ông đi ra phía sau của đại tháp, đứng mặc niệm dưới cội Bồ đề.

Kế đó, Arnord đi đến Lộc Uyển, sau này ông đã nói về Lộc Uyển như sau: “Đây là một thánh địa mà không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác”. Tiếp tục cuộc hành trình, Arnord đến Tích Lan, những phật tử của hòn đảo này chào đón ông một cách nồng nhiệt. Ông đã gặp Weligama Sri Sumangala, một tu sĩ học giả uyên bác lúc bấy giờ, và là một trong những người lãnh đạo phong trào chấn hưng Phật giáo đã nhanh chóng lan rộng ở đây. Arnord kể lại tình trạng tồi tệ tại BDDT, và yêu cầu cần phải làm một cái gì đó để chấn hưng trở lại. Ý kiến của ông đã được đa số ủng hộ, và ông hứa sẽ đệ trình việc này lên chính phủ Anh và Ấn Độ. Một điều mà ông có thể dễ dàng làm được là phải có được một vị trí trong bộ máy chính quyền của Anh.

Trong khi chính Arnord là người đưa ra kế hoạch khôi phục lại BDDT nhưng tiến hành thì lại là người khác thực hiện và cuối cùng cũng đã thành công. Nhưng bằng ngòi bút của mình, Arnord có ảnh hưởng rất lớn trong phong trào chấn hưng Phật giáo thời điểm này. Ông đã trực tiếp trao đổi và đệ trình thư lên chính phủ Tích Lan và năm 1893 ông viết một bài báo đăng trên tờ Daily Telrgraph, kêu gọi một cách thiết tha và thuyết phục, đòi lại quyền quản lý BDDT cho Phật giáo đồ. Cho đến khi Arnord mất vào năm 1904, kế hoạch của ông đề ra đã hơn 50 năm nhưng vẫn chưa thực hiện được. Ngày nay những phật tử trên khắp thế giới khi đến chiêm bái BDDT, hoặc thiền hành trong khu vườn ở đây đều nhớ đến công lao của những người phật tử phương Tây đầu tiên này.

### **ANAGARIKA DHARMAPALA (1864-1933)**

Người thực hiện ý tưởng khôi phục lại BDDT của Arnord là một người Tích Lan tên là Anagarika Dharmapala. Dharmapala sanh ra trong một gia đình đạo Phật và giàu có, ông sớm được ảnh hưởng giáo lý đạo Phật và nhất là việc chấn hưng Phật giáo được truyền vào hòn đảo quê hương ông. Ông biết rằng cần phải cống hiến hết tài năng và sức lực của mình mới mong giúp được tình trạng bế tắc của Phật giáo, nhưng mãi cho đến khi ông đến được BDDT rồi thì ông mới biết chính xác là phải làm như thế nào. Năm 1891, ông đến chiêm bái Lộc Uyển và thật sự xúc động trước cảnh điêu tàn ở đó. Nơi mà đức Phật đã chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên thì được dân địa phương ở đây biến thành một bãi rác, nơi cho những con heo đến kiếm ăn. Những tinh xá, tu viện, những ngôi tháp hùng vĩ ở đây chẳng hề có một chút ấn tượng đối với những người dân địa phương, ngoài việc họ sẵn sàng đập phá để lấy gạch để xây nhà.

Một vài ngày sau đó, ngày 22 tháng 1, Dharmapala và một người bạn tu sĩ Nhật bản tên Kozan, trở lại BDDT. Tháp Đại giác đã được phục hồi một vài năm trước đó nhưng cũng vẫn chưa có người bảo quản, chăm sóc nên cỏ mọc kín khắp nơi và rất dơ dáy. Khi Dharmapala đành lễ toà Kim Cang (nơi đức Phật ngồi thiền dưới cội Bồ Đề), một ý nghĩ chợt nảy sinh trong ông đó là niềm tin đối với chánh pháp.

BDDT vẫn chưa trở thành một trung tâm cho Phật giáo đồ đến để chiêm bái trong thời gian nhiều thế kỷ, mãi cho đến cuối thế kỷ 16, một đạo sĩ Hindu đến đây và sống gần đại tháp. Và người kế tục ông ta tên là Mahants dần dần xem BDDT là sở hữu của họ. Mặc dầu là một đạo sĩ nhưng Mahants rất giàu có và có thế lực. Lúc ban đầu ông ta không quan tâm đến sự hiện diện của ngài Dharmapala; thậm chí còn đưa cả chìa khoá của nhà khách để Dharmapala nghỉ ngơi. Lập tức ngài Dharmapala viết nhiều bức thư gửi đến những bạn bè khắp nơi và những hội Phật giáo ở Tích Lan, Miến Điện và Ấn Độ, nêu lên tình trạng của BDDT và vận động giúp đỡ để duy trì một cách tốt hơn. Ông đã sử dụng hết số tiền ít ỏi mà ông có, đáp lại lời kêu gọi giúp đỡ, một vài nơi gửi nhưng với số lượng quá ít ỏi. Ông lo ngại rằng ông không thể hoàn thành được ước nguyện của mình.

Mục đích của ông cuối cùng cũng hoàn mãn. Cùng với Phật giáo, BDDT trở thành thánh địa và được hồi sinh. Ông đã phục hồi được cả hai Phật giáo và BDDT. Đây là việc ông chỉ có thể làm được, nhưng khi ông rời khỏi đây, để duy trì ông quyết định kêu gọi sự ủng hộ của các nước Phật giáo trên thế giới ủng hộ. Ông thành lập Hội Phật giáo Mahabodhi để bảo tồn và duy trì đại tháp, tờ báo Mahabodhi được thành lập, tạp chí Phật học thế giới lần đầu tiên, đăng tải những thông tin về chương trình xã hội trên thế giới. Ông đi đến các



nước như Miến Điện, Tích Lan tổ chức những buổi diễn thuyết trước công chúng, và ông cũng tổ chức nhiều chuyến hành hương cho những phật tử Tích lan đến Ấn Độ chiêm bái. Đáng tiếc là lòng tham của đạo sĩ Hindu, Mahants muốn lấy tiền những ai đến chiêm bái và có tham vọng muốn chiếm cứ lấy BDDT, đã dẫn đến sự tranh chấp kéo dài tại toà án và thậm chí có lúc dẫn đến bạo động..

Vào những năm kế tiếp nhiều sự kiện xảy đến trong cuộc đời của Dharmapala. Năm 1893 ông đã thuyết trình tại Quốc hội về tôn giáo tại Chicago (đây là lần đầu tiên Phật được người phương Tây biết đến). Ông thành lập nhiều tờ báo ở Tích Lan; ông đóng vai trò quan trọng trong việc hài hoà hai bộ phái Phật giáo Đại thừa và Phật giáo nguyên thủy, sự chia rẽ kéo dài suốt nhiều thế kỷ giữa hai phái này; ông xây dựng trường học, nhà thương và những trường dạy nghề và ông đã khôi phục lại Lộc Uyển trở lại thành một trung tâm của Phật giáo. Nhờ những nỗ lực của ông, Phật tử một lần nữa có thể đến chiêm bái tại BDDT, được như vậy cũng phải đến năm 1949, chính ngài Dharmapala là nguồn động lực chủ yếu trong việc chấn hưng Phật giáo. Trước khi mất vào năm 1933 tại Lộc Uyển, ngài nói rằng: “Tôi muốn tái sinh trở lại cuộc đời này 25 lần nữa để truyền bá chánh pháp”

## **PHẬT TƯỢNG**

Gần 500 năm không hề có tượng Phật. Khi một nghệ nhân muốn biểu hiện sự hiện hữu của đức Phật, họ biểu hiện qua những biểu tượng như một cái ghế không, một chiếc ngai, cây, tháp, hoặc hình ảnh dấu chân. Tại BDDT, có ba dấu chân được khắc trên đá vẫn còn được thờ ở đây. Tượng Phật đầu tiên được tạc vào thời đại Kusana, có lẽ do ảnh hưởng của người Ai Cập. Hơn một

ngàn năm sau đó những nghệ nhân người Ấn cố gắng mô tả trí tuệ và lòng từ của đức Phật qua những tác phẩm điêu khắc trên đá và đồng, và một số nghệ nhân hy vọng rằng họ sẽ thành công. Từ những tượng Phật mỉm cười cho đến những tượng Phật được trang điểm bằng đá quý của triều đại Pala, những nghệ nhân biểu hiện sự đam mê trên những tác phẩm điêu khắc đã trở thành biểu tượng của lòng mộ đạo.

Tượng Phật thường được tạc trong tư thế ngồi trên toà sen, hoặc đứng thẳng, và có đôi khi ở tư thế nằm. Tượng Phật nằm là biểu tượng khi đức Phật nhập niết bàn. Tượng đứng như những tượng vào thời đại Gupta thường tạc trong tư thế hoàn toàn thư giãn, trong khi đó thì những tượng vào thời đại Pala thì hơi thẳng và cứng. Tượng Phật trong tư thế ngồi trên ghế hoặc ngai thường thì không phải là tượng Bốn sư mà là tượng ngài Di Lặc, Phật vị lai. Phần lớn tượng Phật đều có nhục kế ở trên đỉnh đầu, và một điểm ở chẹn giữa chân mày hoặc trước trán, đôi khi có hình bánh xe trên tay, hoặc ở dưới lòng bàn chân, đây là những tướng tốt của đức Phật hay Chuyển Luân Pháp Vương. Những tướng tốt thường được thể hiện trên thân thể của đức Phật. Dái tai của đức Phật thường là dài hơn người thường..

Y của đức Phật thường được thể hiện qua một trong hai cách: đắp hở vai hoặc đắp che toàn bộ phần thân. Khi đắp cách thứ hai thì phần cuối của y được giữ bằng tay trái, và chỉ thấy được phần ở mắt cá chân. Những tượng Phật đứng thời đại Gupta, y ngoài đắp che thân thể và dùng dây nịt để giữ chắc phần hạ y.

Những hình tượng đức Phật đầu tiên thường có những vầng hào quang phía sau đầu, trong khi đó thì tượng Phật thời đại Gupta và Pala thì có vầng hào quang dài phía sau thân đức Phật. Thịnh thoảng thay vì là vầng hào quang dài thì thường miêu tả nhiều sự kiện trong đời của đức Phật.

Tay của đức Phật thường được thể hiện một trong nhiều cách. Hai tay đặt vào nhau là tư thế khi hành thiền, hai tay chắp là tư thế khi Phật Chuyển pháp luân, một tay giơ lên lòng bàn tay hướng ra ngoài là biểu hiện sự Vô úy, trong khi tay kia thì đặt dưới thấp lòng bàn tay giữa là biểu tượng ban phước lành. Tư thế ngồi với một tay đặt trên đùi, tay kia thì đặt trên đầu gối các đầu ngón tay thì chạm đất. Theo Lalitavistara, thì sau khi đức Phật thành đạo, đức Phật đã chạm vào trái đất để báo cho mọi loài biết rằng Ngài đã thành đạo. Đôi khi người ta tạc những tượng Phật nhỏ với tư thế ngồi hai tay chắp trước ngực cho những phật tử thờ phụng.

## **1. LÂM TỖ NI, NƠI ĐỨC PHẬT ĐẢN SANH**

Nằm dọc theo biên giới Nepal, Lâm Tỳ Ni là nơi Phật đản sanh. Lâm Tỳ Ni rất dễ di chuyển bằng đường bộ từ Gorakhpur (232 km từ Varanasi). Đi khoảng 90 km từ phía Bắc của Gorakhpur, chúng ta sẽ đến Nautanwa biên giới của Ấn Độ. Từ đó chúng ta có thể di chuyển bằng auto-ricshaw hay taxi để đến Bhairahwa, ở đây rất nhiều phương tiện để đi Lâm Tỳ Ni. Chúng ta cũng có thể đến bằng hãng hàng không Hoàng Gia Nepal, và từ Katmandu chúng ta đi

Bhairahwa chừng 45 phút. Xe buýt đưa chúng ta đến biên giới của Nepal và ở đây chúng có thể đi chuyển bằng nhiều phương tiện hoặc bằng xe richshaw đạp hoặc bằng xe taxi tư nhân để đến Lâm Tỳ Ni, đoạn đường chỉ 8 cây số. Những chuyến xe buýt chạy đêm cũng đến Bhairahwa, từ Katmandu thì mất chừng 9 tiếng đồng hồ, từ Pokhara thì 6 tiếng, nếu từ công viên quốc gia Royal Chitwan thì 7 tiếng.

Ngay trước khi đản sanh, đức Phật là Bồ tát ở cung trời Đâu Suất. Từ đó Ngài thị hiện đản sanh vào cuộc đời để hoá độ chúng sanh. Thọ ký cho Bồ tát Di Lặc sẽ là vị Phật tương lai ở cảnh giới ta bà này. Trong đêm Ngài nhập thai, hoàng hậu Maya, mẹ của các vị Phật trong quá khứ, nằm mộng thấy một con voi trắng nhập vào bụng bà. Trái đất rung động 6 lần. Theo truyền thống Phật giáo thì các Bồ tát nhập thai trong kiếp cuối cùng thường trong tư thế ngồi kiết già. Hơn nữa các vị Phật khi đản sanh đều ở trong khu rừng, và hoàng hậu luôn trong tư thế đang đứng. Một vị ẩn sĩ tên là Asita Kaladevela (A Tư Đà), tiên đoán là thái tử sẽ từ bỏ cuộc sống thế tục, nếu ngài tiếp xúc với những cảnh khổ của cuộc đời. Để điều này không xảy ra, vua Tịnh Phạn chỉ cho thái tử sống trong cảnh xa hoa sung sướng trong hoàng thành ở Ca Tỳ La Vệ, nhưng hoàn toàn không có kết quả. Cuối cùng là thái tử Tất Đạt Đa đã liả bỏ ngôi vị, bắt đầu tu tập để mong tìm ra phương pháp để chấm dứt những khổ đau của kiếp nhân sinh.

Trước khi hạ sanh, Hoàng hậu Maya viếng thăm vườn Lâm Tỳ Ni cách hoàng thành Ca Tỳ La Vệ chừng 16 cây số. Sau khi tắm xong, mặt bà hướng về phía Đông, tay phải vịn vào một cành cây *shala*. Thái tử sanh ra từ bên hông phải của hoàng hậu, bước đi 7 bước trên 7 đoá hoa sen. Quay mặt khắp bốn phương thái tử tuyên bố như tiếng rống của sư tử: “Ta là bậc duy nhất, là tối thắng trong tất cả loài chúng sanh, đây là đời sống cuối cùng của Ta”. Một tay Thái tử chỉ xuống đất và báo trước sự thất bại của Ma vương, một tay chỉ lên trời thái tử muốn tuyên bố rằng tất cả mọi loài đều phải tôn kính Ngài, và chấp nhận giáo lý của Ngài. Trời tràn ngập ánh sáng, chư Thiên rải hoa thơm chúc mừng Thái tử vừa mới giáng trần từ thai mẹ. Sau khi vô cùng hoan hỷ khi hạ sanh Thái tử, hoàng hậu Maya mất 8 ngày sau đó, cả vương quốc vô cùng thương tiếc Bà. Vua Tịnh Phạn lập em gái của hoàng hậu Maya là Mahapajapati (Ma-ha-ba-xà-ba-đề), hay còn gọi là Gotami (Kiều-đàm-di), làm hoàng hậu. Bà đã chăm sóc Thái tử và coi như con mình.

Các vua trời Phạm thiên đến để nâng thái tử, và Tứ đại thiên vương giúp đỡ để tắm cho thái tử. Cùng lúc ấy hai con rồng Nanda và Upananda phun hai voi nước nóng và lạnh để tắm cho thái tử. Sau này ở đây vẫn còn hồ nước này, thậm chí cho đến lúc ngài Pháp Hiển vẫn còn dùng nước ở đây để uống. Thái tử được quấn bằng vải mềm và mỏng, và được đưa về kinh thành Ca Tỳ La Vệ.

Nhiều điềm tốt xảy ra cùng lúc khi thái tử đản sanh. Nhiều người sau này đóng những vai trò quan trọng trong cuộc đời của thái tử cũng đều sanh cùng ngày như Da Du Đà la, vợ của thái tử; Xa Nặc người giữ ngựa cho thái tử và là người giúp thái tử trốn khỏi hoàng thành đi xuất gia; con ngựa Kiên Trắc; vua Tần Bà Sa La cai trị nước Ma Kiệt Đà, vua Ba Tư Nặc của nước Koshala, và người bảo vệ Vajapani. Người ta nói cây Bồ đề cũng mọc vào ngày mà thái tử đản sanh.

Khi vua A Dục đến viếng Lâm Tỳ Ni 200 năm sau đó, vị cố vấn của vua, hiền giả Upagupta, với kiến thức thông thái đã miêu tả lại tất cả những sự kiện ở đây cho vua. Vua A Dục cúng dường nhiều thứ, vua cho dựng một tháp và một trụ đá ở đây. Khi Huyền Trang đến đây thì trụ đá đã bị sét đánh gãy. Tuy nhiên sau khi các nhà khảo cổ tìm ra trụ đá và với bia ký còn lưu lại cũng đủ để xác minh một cách rõ ràng về Lâm Tỳ Ni.

Truyền thuyết nói rằng hoàng hậu Maya, có một giấc mơ báo trước khi bà mang thai thái tử. Trong giấc mơ bà thấy một con voi trắng 6 ngà từ trên trời bay xuống sa vào người của bà. Voi thường là biểu tượng của hoàng tộc. Giấc mơ ấy đã được một vị chiêm tinh gia giải rằng hoàng hậu sẽ hạ sanh một bậc thánh. Trong khi trở về quê để hạ sanh thái tử, hoàng hậu dừng nghỉ tại vườn Lâm Tỳ Ni dưới bóng cây Shala. Tại đây thái tử đã giáng trần. Cảnh thái tử đản sanh được khắc trên mộ tấm đá tại đền thờ Hoàng hậu Maya.

Câu chuyện được ghi lại trong nhiều sách rằng Thái tử giáng trần từ thai mẹ trong lúc bà đang nghỉ dưới cây Vô ưu. Ngay sau khi đản sanh thái tử bước đi 7 bước và bốn hướng, dưới mỗi bước chân của thái tử đều có một hoa sen. Hoa sen là biểu tượng của năng lực của tạo hoá, sự tinh khiết, tốt lành và thịnh vượng. Ngay sau khi đản sanh thái tử tuyên bố: “Ta là bậc tối thắng trong cõi Người, Trời đã vượt ra khỏi đại dương sanh tử. Ta trở lại cuộc đời này là để chỉ cho chúng sanh con đường giác ngộ. Đây là kiếp sống cuối cùng, Ta sẽ không còn trở lui cuộc đời này nữa”. Ngay từ lúc còn nhỏ thái tử có một phong thái thánh thiện. Chư Thiên và tiên nữ đều đến chúc tụng hoàng hậu Maya. Trong suốt 7 ngày tại vườn Lâm Tỳ Ni chư Thiên và tiên nữ vui mừng, chúc tụng Bồ tát giáng trần. Vào ngày thứ 7 hoàng hậu Maya đã từ giã cõi trần, cả vương quốc đau buồn thương tiếc. Thái tử đã được đưa về hoàng thành Ca Tỳ La Vệ một cách chu đáo. Thái tử được Di mẫu Ma-ha-ba-xà-ba-đề nuôi nấng. Cảm nhận được những cảnh khổ sanh, lão, bệnh tử của kiếp người, năm thái tử 29 tuổi, Ngài đã lìa bỏ hoàng thành để đi tìm con đường giải thoát khổ đau cho mình và cho chúng sanh.

Vào thế kỷ thứ 5 TL, Pháp Hiển, người Trung Quốc đã đến viếng Lâm Tỳ Ni, đã ghi lại trong nhật ký là hoàng hậu Maya đã tắm tại hồ trước khi hạ sanh thái tử. Ngài cũng viết về cái giếng nước nơi mà mãng xà vương đã hút nước tắm cho thái tử. Huyền Trang một nhà chiêm bái người Trung Quốc khác

đã đến đây vào thế kỷ thứ 7 TL. Ngài cũng ghi lại nhiều chi tiết về thánh tích này. Ngoài cái hồ nước, ngài còn viết về trụ đá của vua A Dục và các tháp tưởng niệm được xây dựng tại bốn địa điểm: (i) nơi mãng xà vương xuất hiện, (ii) nơi hai dòng suối nóng và lạnh, (iii) nơi đức Phật tắm và (iv) nơi thái tử được nâng bởi chư thiên. Một nhà chiêm bái người Trung Quốc khác tên là Wutung đã đến đây vào năm 764. Sau đó chúng ta không còn nghe về Lâm Tỳ Ni. Vua Khasa Riptu Mala đã thực hiện một chuyến viếng thăm lịch sử vườn Lâm Tỳ Ni vào thế kỷ 14 trước khi thánh địa bị chìm vào lãng quên. Khoảng trung đại khu vực này biến thành một khu rừng rậm. Một toán các nhà khảo cổ học dẫn đầu bởi Khadga Samsheer và một học giả người Đức, tiến sĩ Alois Anten Fuhrer, lần đầu tiên tìm ra trụ đá của vua A Dục vào năm 1895-96 tại Lâm Tỳ Ni và xác minh vị trí nơi đức Phật đản sanh.

TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN LÂM TỖ NI, được ủng hộ bởi 13 quốc gia, thành lập vào năm 1970. Hội này đã thành lập một viện bảo tàng và thư viện, và có một chương trình dự án xây dựng Lumpini “thành một trung tâm văn hoá biểu trưng cho nhân loại và những lời dạy của đức Phật”. Một kiến trúc sư người Nhật bản, Kenzo Tange, thực hiện dự án này. Dự án này cần khoảng 4.8 cây số vuông, chia ra làm 3 khu vực, mỗi khu vực khoảng 1.6 cây số vuông. Tất cả khu vực này được nối bằng một con kênh đào và một con đường cho người đi bộ dài khoảng 1474 mét. Dự án tổng thể của Lâm Tỳ Ni bao gồm: Làng Lumpini, khu vực các chùa chiền, tu viện, và thánh tích Lâm Tỳ Ni. Ngôi chùa Vàng đối diện Vườn là do vua Mahendra xây dựng vào năm 1953, và những tượng Phật từ Miến Điện, Thái Lan, và Nepal. Những bức tranh trên tường trong chùa miêu tả “Chuyến Pháp Luân”, Tứ Thiên Vương, nhiều vị thần trong đạo Hindu chào đón Tất Đạt Đa trở lại Nepal sau khi Ngài thành đạo. Làng Lâm Tỳ Ni sẽ được quy hoạch về hướng Bắc trở thành cửa ngõ để vào thánh địa. Khu vực này bao gồm khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và những khu cắm trại cho khách hành hương... Gần khu cắm trại là bưu điện và bãi đậu xe. Nhờ sự giúp đỡ của chính phủ Malaysia và những nhà hảo tâm một trường trung học được thành lập ở đây. Trong tương lai sắp tới khu vực thánh tích này sẽ có những trung tâm văn hóa, viện nghiên cứu, thư viện và viện bảo tàng. Gần vườn Lâm Tỳ Ni một ngọn lửa bất diệt đã được đốt lên vào ngày 1 tháng 11 năm 1986, tuyên bố ngày Hoà Bình thế giới. Hội Phật giáo Ái Hữu (Bangkok, Thailand) đã hưởng ứng ủng hộ nhiều dự án phát triển khu vực này.

### TRỤ ĐÁ VUA A DỤC

Di tích quan trọng nhất tại Lâm Tỳ Ni (ngày nay là làng Rummindei), về phía nam dưới chân rừng Churia, là trụ đá của vua A Dục, được dựng vào năm 250 TTL, vào năm thứ 20 của triều đại vị hoàng đế phật tử này. Bia ký

viết bằng chữ Brahmi ghi rằng: “Vua Piyadashi, người con yêu của thượng đế, năm thứ 20 sau khi lên ngôi, đã đến đây chiêm bái, nói rằng ‘đây là nơi đức Phật đản sanh’ và ngài đã ra lệnh tạc một con ngựa; và trụ đá này được dựng lên. Do đây là nơi mà đức Phật đản sanh, làng Lumpini được thành lập trung tâm văn hoá, và người dân chỉ đóng 1/10 thuế.”



Trụ đá do vua A Dục dựng ở Lâm Tỳ Ni



Hồ nước và cây Bồ đề trong vườn Lâm Tỳ Ni

Bia ký này đã xác minh thánh tích này. Gần đỉnh của trụ đá một câu thần chú “Om Mani Padme Hum” được khắc bằng chữ Típet. Trụ đá bị phá huỷ nặng vào thế kỷ thứ 7 do sét đánh. Chu vi của phần còn lại của trụ đá là 2.21m và chiều cao là 4.11 m. Người ta ước tính khoảng 3.05m của trụ đá chôn dưới đất. Huyền Trang đã thấy được con ngựa đặt trên đỉnh trụ đá, ngày nay không còn con ngựa này. Gần trụ đá là một đền thờ, ở đây vẫn lưu giữ một tác phẩm điêu khắc bằng đá. Cảnh thái tử đản sanh được khắc trên tấm đá này tạc hình hoàng hậu Maya đang đứng dưới gốc cây, xoay về phía bên phải. Một tay nắm lấy cành cây, còn tay kia thì sửa lại y phục ngay ngắn. Bên cạnh hoàng hậu là thái tử vừa đản sanh. Những người khác cũng được tạc là bà Ma Ha Bà Xà Ba Đề và chư thiên. Đền thờ này có lẽ là được xây dựng sau ngôi đền cổ kỷ niệm nơi Phật đản sanh. Gần đó là một cái hồ đã khô nước. Theo truyền thống, đức Phật sau khi đản sanh đã được tắm bằng nước trong hồ này. Chính phủ Nepal đã cho xây dựng hai ngôi đền mới, một tịnh xá và ngôi chùa với những vật liệu cũ còn lại ở đây. Chánh điện của chùa thờ một tượng Phật lớn, và một bức tranh vẽ theo phong cách thời trung đại được trang trí trên các bức tường.

Một điểm khác cũng không kém phần quan trọng ở Lumpini là một tấm đá đặt sâu trong chánh điện. Nằm sâu dưới ba lớp địa chất và những di tích của ngôi đền thờ hoàng hậu Maya phủ lấp, vị trí này xác định chính xác nơi sanh của đức Phật. Nơi đức Phật đản sanh nằm ở cuối phía Nam của vườn Lâm Tỳ Ni. Các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều phòng ốc, và một tấm đá mà hiện

nay người ta tin tưởng là nơi đánh dấu chính xác vị trí đức Phật đản sanh. Nơi đức Phật ra đời hiện nay là một khu đất được rào lại để tiến hành khai quật khảo cổ. Toàn bộ khu vực có nhiều khu rất thoáng mát trừ phi nhiều phái đoàn hành hương đổ dồn về đây từ nhiều nước trên thế giới.

**ĐỀN THỜ HOÀNG HẬU MAYA** (thế kỷ 19), thờ cả Hindu và Phật giáo, có một tấm đá hình Phật đản sanh được biết xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ 5, nguyên thủy ngôi đền này được xây dựng bởi vua A Dục.



Đền thờ Hoàng Hậu Ma Ya ở Lâm Tỳ Ni



Bức phù điêu cảnh thái tử đản sanh

Đặt trong một mô hình chùa nhỏ, tấm đá có hình hoàng hậu Maya đang đứng, tay phải nắm lấy cành cây Shala và hình thái tử vừa mới đản sanh đứng thẳng trên một hoa sen với vầng hào quang. Về phía Nam, một cái hồ Pushkarini, có ba bậc thang cấp, nơi đây hoàng hậu Maya đã tắm trước khi hạ sanh thái tử và cũng là nơi mà thái tử Tất Đạt Đa được tắm tấy ứ lần đầu tiên. Dưới ánh nắng ban mai, mặt nước trong hồ lấp lánh như bạc, một cơn gió thoảng cũng làm cho mặt hồ xao động. Kiến trúc hồ có một bậc tam cấp và đã được phục hồi trở lại như củ bằng gạch. Ngôi chùa Típet có nhiều bức tranh vẽ và một tượng Phật bằng đồng lớn. Một ngôi chùa khác xây dựng sau này gồm một thangka lớn làm bằng gỗ và được chạm khắc. Ngoài những di tích còn lại ở đây như những bức tường, hồ nước, và những mô đất, còn phát hiện nhiều tháp và một tinh xá.

**NHỮNG CUỘC KHAI QUẬT MỚI**, mãi cho đến gần đây một ngôi đền Hindu được dựng trên mô đất bên cạnh trụ đá vua A Dục. Bên trong đền thờ đã đổ nát, và một số tác phẩm điêu khắc minh họa thái tử đản sanh được khắc vào đầu thời đại Gupta. Hình hoàng hậu Maya trong bức điêu khắc được dân địa phương thờ như là một nữ thần, nhiều người xem như là Rupadevi hay Rumminidevi. Khi đền thờ bị phá vào năm 1997, người ta khai quật ở đây. Viện khảo cổ Nepal công bố là họ đã tìm ra chính xác nơi thái tử Tất Đạt Đa đản sanh. Thật là khó xác thực được điều này là đúng hay sai hay chỉ là muốn đưa ra tin như vậy để thu hút những khách hành hương, chúng ta chỉ có thể chờ đợi những nhà nghiên cứu chuyên môn về bia khắc trên đá thẩm định về nguồn tin sót dỏ này.





Tấm đá xanh đánh dấu chính xác nơi đức Phật đản sanh

LUMPINI DHARMODAYA SAMITI DHARMASHALA, một ngôi chùa Theravada xây dựng vào năm 1956, tọa lạc phía ngoài Lâm Tỳ Ni (LTN). Chùa xây dựng theo kiến trúc hiện đại của Nepal, với nhiều công trình điêu khắc phức tạp, khắc trên gỗ ở những cửa ra vào, cửa sổ và nhiều tranh tượng màu sắc rực rỡ miêu tả những sự kiện cuộc đời của đức Phật trong nhiều kiếp.

DHARMASWAMI MAHARAJA BUDDHA VIHARA, một ngôi chùa Típet thuộc phái Shakyapa cũng nằm phía ngoài Lâm Tỳ Ni. Ngài Rinpoche Chogyo Trichen và vua của Mustang thành lập ngôi chùa này. Cứ mỗi sáng, có khoảng chừng 60 tu sĩ đang sống ở đây hành lễ. Cuối tháng 9, hai ngàn tăng tập trung về đây để cầu nguyện hoà bình trong 10 ngày và ngày 13 tháng 12 hàng năm có lễ Mahakala cũng kéo dài 10 ngày.

Cách LTN khoảng chừng vài cây số là khu vực chùa chiền, tinh xá của nhiều nước được xây dựng trên một khu vực rất rộng. Về phía Đông của Lâm Tỳ Ni có hai ngôi chùa mới. Ngôi thứ nhất do Hội Phật Giáo Nam tông Nepal xây dựng và ngôi chùa thứ hai là chùa Típet thuộc phái Sakyapa. Phía trên LTN khoảng 1 cây số một ngôi tháp rất đẹp do chính phủ Miến Điện xây dựng và một nhà nghỉ của Hội Mahabodhi Society. Chùa chiền ở đây xây dựng theo nhiều kiến trúc khác biệt của từng quốc gia như Miến Điện, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan trong số các chùa này thì một số đang tiến hành xây cất. Cũng nằm trong khu vực này có Viện Nghên Cứu Lumpini, và một Viện Bảo tàng trưng bày nhiều bộ sưu tập về văn học Phật giáo. Cả hai mở cửa từ

Chủ nhật đến thứ bảy từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều, mùa đông thì từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều.

CHÙA NEPAL xây dựng vào năm 1956 và chùa Tipet thuộc phái Sakyapa hoàn thành vào năm 1975, đều có những chánh điện mang nhiều sắc thái rất đẹp của nghệ thuật kiến trúc, minh họa với nhiều tranh tượng truyền thống. Nhiều tu sĩ trẻ đang tu học tại đây, nhờ vậy cũng giúp được trong việc phục hồi LTN trở thành một trung tâm tu học và cũng là để bảo tồn những truyền thống phong tục của Tipet. Chùa Nepal do một tu sĩ hệ phái Nam tông bảo quản, chùa còn có một nhà nghỉ do một số phật tử Nhật bản và tổng thư ký UNO, ông U.Thant cúng dường. Nhờ sự hợp tác với chính phủ Nepal, UNESCO đã giúp đỡ phát triển thánh tích đầu tiên trong 8 thánh tích này. Khoảng 1 cây số phía trên LTN có một tháp rất đẹp do chính phủ Miến Điện xây dựng và một nhà khách của Mahabodhi Society.

### NHỮNG CHUYẾN THAM QUAN

Khu vực Taulihawa, cách Lumpini 27 cây số về hướng Tây, nối liền bằng một con đường rải đá, có rất nhiều di tích Phật giáo quan trọng. Khoảng chừng 6 cây số từ Taulihawa là địa danh Tilauakot, nơi đây mãi cho đến thập niên 70 người ta mới biết là thủ đô của dòng họ Thích Ca, nơi mà đức Phật trải qua thời kỳ niên thiếu. Có nhiều di tích và nền móng còn lại của tu viện và tháp được xây bằng gạch nung và đất sét. Di tích được bao bọc bởi hào chung quanh và tường xây bằng gạch. Chừng 10 cây số về hướng Tây bắc Taulihawa, có một khu vực tam giác rất kiên cố, thành phố mà Phật Kanakmuni sanh ra (đời quá khứ của đức Phật) gọi là thành phố Araurakot. Vẫn còn bức tường thành cổ vững chắc xây bằng gạch.

Khoảng 3 cây số về hướng Tây Bắc của Araurakot là Niglihawa, có một hồ hình tứ giác bao bọc bởi rừng cây Niligsagar. Ở phía Tây của Hồ, có trụ đá của vua A Dục đã bị gãy làm hai. Đoạn dài của trụ đá thì nằm ngang, đoạn ngắn thì trong tư thế thẳng. Trụ đá có hình hai con công ở trên đỉnh và một bia ký bằng chữ Devanagari “Om mani padme hum ripu Mallasya Ciran jaut 1234”. Phần ngắn của trụ đá chôn dưới đất có khắc bia ký của vua A Dục bằng chữ Brahmi. Bia ký được dịch sang như sau: “Vua Piyadassi, con của đấng thượng đế, vào năm thứ 14 ngài đã cho sửa sang tháp Buddha Kanakmuni lại lần thứ hai, và vào năm thứ 20 triều đại của ngài, vua đã đích thân đến để lễ bái và cho dựng trụ đá này.” Khoảng 5 cây số về phía Tây bắc của Niglihawa là khu rừng Sagarhawa. Ở giữa khu rừng có một hồ hình tứ giác tên là Lambusagar. Năm 1895, ông A.A. Fuher nhà khảo cổ học người Đức nhận định hồ nước là dấu vết khu vực hoàng thành của dòng họ Shakyas.

KUDAN, nằm cách Taulihawa chừng 2 cây số về hướng Tây Nam, vẫn còn di tích 4 nền móng và một hồ nước, được khai quật năm 1962. Chừng 3 cây

số về hướng Nam của Kudan là ngôi làng Gotihawa. Trong ngôi làng có một trụ đá của vua A Dục dựng trên một bệ đá. Phần trên của trụ đã bị gãy và không còn, chỉ còn lại phần dưới của trụ đá cao 3.5m. gần bên trụ đá là một đại tháp hình tròn xây bằng gạch thời kỳ Maurian.

#### **KHÁCH SẠN-NHÀ NGHỈ**

Khách sạn ở Lumpini không đến nổi tệ. Nhà nghỉ Lumpini Garden, tọa lạc trong một ngôi vườn rất đẹp chừng 3 cây số về phía Nam, khách sạn có phục vụ thức ăn với giá phải chăng. Nhà nghỉ Sri Lanka Pilgrims chừng 45 phút đi bộ, cách vườn Lâm Tỳ Ni chừng 3 cây số về hướng bắc. Nhà nghỉ có 188 giường cho khách hành hương. Câu lạc bộ Hukle của Nhật bản xây dựng một khách sạn 4 sao Lumpini Hokle Hotel có 55 phòng cho chừng 125 người. Himalayan Inn nằm trên đường Siddharth, gần bến xe buýt có nhiều phòng đầy đủ tiện nghi, sạch sẽ. Ở Bhairahwa Yeti, nằm ở góc đường Siddharth và Bank, nhà nghỉ Sayapati và Pashupati đều nằm ở khu trung tâm ở đây với đầy đủ tiện nghi cho khách dừng nghỉ qua đêm.

#### **BIÊN GIỚI SONALI**

Dân số: 27.000 người; mã số điện thoại vùng: 05522

Sonali là biên giới giữa Ấn Độ và Nepal. Khách hành hương từ Ấn Độ muốn sang Lâm Tỳ Ni đều phải đi qua biên giới này. Đây như là một ngôi chợ nhỏ tại biên giới, như một trạm xe buýt và có một vài khách sạn, cửa hiệu buôn bán, và biên giới mở cửa 24/24. Có nhiều thuận tiện về mọi thủ tục về phía Nepal hơn là ở Ấn Độ với nhiều thủ tục quan liêu, hối lộ. Ở Nepal cũng dễ dàng hơn trong việc trao đổi ngoại tệ.

Khách sạn Niranjana (điện thoại 24901) do công ty du lịch UP thành lập, cách biên giới chừng 700 m, rất tiện nghi và sạch sẽ. Nhà nghỉ Sanju (dt: 24919), gần bưu điện ở biên giới, vừa mới hình thành nằm ở khu vực thoải mái, phòng ngủ sạch sẽ nhưng đa số là những phòng ngủ tập thể cho nhiều người. Hàng hoá ở đây rẻ, nhiều khách sạn với giá vừa phải, khách sạn với môi trường thiên nhiên và hàng loạt quảng cáo bia tại biên giới Nepal, khiến cho nhiều du hành muốn ở lại đây.

## **2. CA TỶ LA VỆ, NƠI ĐỨC PHẬT TRÃI QUA THỜI THỔ ẤU**

Từ Gorakpur đi bằng đường bộ khoảng 97 cây số là đến Ca Tỷ La Vệ (CTLV). Từ đây có thể đi đến nhiều thành phố lớn bằng đường bộ như Kushinagar 148 km, Varanasi 312 km, Lumpini 95 km, Shravasti 147 km, và Lucknow 308 km. Chúng ta có thể đi bằng chuyến tàu lửa Gorakpur-Gonda từ Gorakpur đến Siddhathnagar cách CTLV chừng 30 km. Sân bay gần nhất là ở Gorakpur, 104 km. Một thị trấn nhỏ Birdpur cách Piprahwa 8 km về hướng

Nam với đầy đủ ngân hàng, bưu điện, điện thoại và bệnh viện. Những học giả trước đây như Rhys David và P.C. Mukherji cho rằng CTLV ở vùng Tilaurakot thuộc nước Nepal. Tuy nhiên những cuộc khai quật khảo cổ do Viện Khảo Cổ Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Srivastava chứng minh rằng Piprahwa là thành CTLV cổ.

Theo những công bố ngày nay CTLV, Piprahawa (hiện tại) và Ganwaria nằm cách làng Siddharth khoảng 22 km. CTLV là thủ phủ của dòng họ Shakya, người đứng đầu bộ tộc là vua cha của đức Phật, với lý do đó cho nên đức Phật có tên là Shakyamuni. Dòng họ Shakya là một trong 16 quốc gia độc lập vào thế kỷ thứ 6 TTL. Thái tử Tất Đạt Đa, sau này thành Phật, đã trải qua 29 năm thời niên thiếu ở CTLV, sau đó Ngài đã lìa bỏ hoàng thành, Ngài trở lại thăm sau 12 năm sau khi thành đạo. CTLV một nơi trù phú thịnh vượng trong suốt thời kỳ niên thiếu của đức Phật.

Hơn hẳn những vương tôn công tử và thậm chí cả các vị thầy giáo của mình về kiến thức, thơ văn, võ nghệ... Thái tử cho thấy khả năng nổi bật của mình trong tất cả lãnh vực nghệ thuật. Khi còn là cậu bé, một hôm trong một buổi lễ hạ điền, trong lúc mọi người không ai để ý đến thái tử, ngài ngồi nhập định và chứng được sơ thiên, đến nỗi 5 vị thiên thần đang bay ngang qua đầu thái tử phải dừng lại vì định lực của Ngài.

Khi Thái tử trưởng thành, cảm thấy cuộc sống trong hoàng cung quá tẻ nhạt. Ngài bắt đầu những chuyến du ngoạn ra ngoài để tìm hiểu cuộc sống của thế giới bên ngoài như thế nào. Ngài luôn dắt theo người hầu cận trung thành của mình là Xa Nặc, đôi khi Ngài đi cùng với một vài người bạn hay các hoàng huynh. Xa Nặc là người chăm sóc ngựa cho Thái tử. Thái tử và Xa Nặc thỉnh thoảng thay phiên giữ cương. Thái tử không bao giờ dùng roi để quát ngựa, Xa Nặc cũng vậy. Thái tử đã đi dạo cả bốn cửa thành, từ những vùng đất phía Bắc dưới chân núi Hi Mã Lạp Sơn đến những vùng bình nguyên ở phía Nam. Hoàng thành CTLV nằm ở khu trù phú đông dân cư nhất. So sánh với những nước láng giềng như Koshala (Kiểu-tát-la), Magadha (Ma-kiệt-đà), bộ tộc Shakya rất nhỏ, tuy không rộng lớn về lãnh thổ nhưng vị trí thì thật tuyệt vời. Dòng sông Rohini và Banganga phát xuất từ rừng Hy Mã Lạp Sơn chảy xuống làm trù phú vùng bình nguyên này. Hai nhánh sông này tiếp tục chảy về hướng Nam nhập vào sông Hiranyavati trước khi nhập vào sông Hằng. Thái tử thường hay ngồi bên bờ sông Hiranyavati để nhìn dòng nước chảy.

Sau khi Thái tử lập gia đình với công chúa Da Du Đà La, Ngài đã sống trong cảnh xa hoa, hưởng thụ tất cả dục lạc ở trần gian. Ngày Ngài thành hôn, cả vương quốc vui mừng. Cả hoàng thành treo đèn kết hoa, ca múa khắp nơi. Nơi nào Thái tử và Công chúa đi qua dân chúng đều reo mừng, chúc tụng. Ngài đi đến thăm những ngôi làng nhỏ ở xa hoàng cung, mang theo quà thức ăn và y phục để ban cho những người nghèo khổ.

Vua Tịnh Phạn đã cho xây dựng ba cung điện hợp theo mỗi mùa cho Thái tử và công chúa. Cung điện mùa hè được xây cất trên một vùng cao nguyên rất đẹp, còn cung điện dành cho mùa Đông và mùa mưa thì xây dựng tại CTLV. Mỗi cung điện đều có những hồ sen với những hoa sen màu xanh nhạt, màu hồng, màu trắng. Những đồ trang sức giày dép rất đẹp, những loại hương thơm, dầu trầm được thắp mỗi ngày, đều được mang về từ Varanasi hoặc từ vương quốc Kashi.

Thái tử có ba người anh em bà con rất thân thiện với Ngài đó là Mahanama, Bhaddiya và Kimbila. Thái tử thường mời các vị này vào chơi trong vườn hoa trong cung của Ngài. Hoàng hậu Gotami thường ngồi trên một ghế bằng gỗ bên cạnh hồ sen nhìn họ vui đùa. Những người hầu cận luôn túc trực để Bà sai mang nước uống và thức ăn cho bọn trẻ. Năm tháng trôi qua Thái tử đã trưởng thành và học rất giỏi, Ngài rất giỏi về âm nhạc.

Một hôm đang cỡi ngựa dạo chơi với người hầu cận, thái tử trông thấy một người già rất ốm yếu, một lần khác Thái tử gặp một người bệnh, và một xác người, thái tử mới cảm nhận được cảnh khổ, bệnh hoạn và chết chóc. Ngài nhận ra được nỗi khổ của kiếp nhân sinh. Cuối cùng Ngài gặp một vị đạo sĩ phong thái rất giải thoát. Vị đạo sĩ này nói là đã thoát ly cuộc sống thế gian, xuất gia tìm chân lý và giải thoát. Sau khi La Hầu La ra đời và sau khi chứng kiến những cảnh này Thái tử đã lìa bỏ gia đình đi xuất gia chỉ trước 7 ngày là đến ngày Thái tử được vua cha truyền ngôi. Không thể chậm trễ nữa, Thái tử đã tâm với phụ hoàng về ý định muốn từ bỏ cuộc sống xa hoa tạm bợ của đời sống thế tục để tìm một hạnh phúc thật sự, chấm dứt mọi khổ đau. Vua Tịnh Phạn đã từ chối không cho Thái tử đi. Vì vậy Thái tử đã trốn khỏi hoàng thành cùng với người hầu cận Xa Nặc cùng với sự giúp đỡ của chư Thiên. Đến bên dòng sông A-nô-ma, Thái tử tự thế phát xuất gia, đắp lên người mảnh y của một đạo sĩ. Ngài dạy Xa Nặc mang tất cả đồ đạc trang sức của mình quay về hoàng cung còn Ngài thì bắt đầu cuộc sống một tu sĩ không gia đình.

Với lời yêu cầu của vua Tịnh Phạn, sau khi thành đạo một vài năm đức Phật đã trở về thăm hoàng cung. Vua Tịnh Phạn đứng nhìn đức Phật một hồi lâu và nói rằng: *“Cha cứ nghĩ rằng con sẽ về thăm hoàng cung trước, ai có thể ngờ được con lại đi khát thực trong thành phố! Tại sao con không dùng bữa trong hoàng cung?”*

Đức Phật nhìn vua cha và mỉm cười đáp rằng: *“Phụ vương, con không phải trở về một mình. Con trở về với chúng tăng, và con cũng là một tu sĩ và cũng như các vị tu sĩ khác, mọi người đều khát thực.”*

Vua Tịnh Phạn buồn bã nói rằng: *“Nhưng tại sao con lại đi xin ăn như những người nghèo hèn như thế? Không có ai trong dòng họ Shakya làm như vậy bao giờ”*

Đức Phật lại mỉm cười và nói rằng: *“Có lẽ đúng là chưa từng có ai trong dòng họ Shakyas làm như vậy nhưng các vị tỳ kheo thì có. Phụ vương! khát thực là để giúp cho một vị tu sĩ phát triển tinh thần bình đẳng không phân biệt; mọi người đều bình đẳng như nhau.. khi con nhận sự cúng dường một củ khoai tây nhỏ của một gia đình nghèo khổ cũng giống như đang thọ nhận một bữa cơm thịnh soạn được cúng dường từ một hoàng đế. Vị tỳ kheo có thể vượt qua được hàng rào ngăn cản của sự phân biệt giàu và nghèo. Mọi người dù là nghèo đến đâu đi nữa họ cũng có thể giác ngộ và giải thoát. Khát thực không làm mất phẩm giá của con. Khát thực sẽ cho thấy phẩm giá của tất cả mọi người.”*

Vua Tịnh Phạn lắng nghe với sự kinh ngạc. Lời tiên đoán của vị tiên tri đúng thật. Thái tử sẽ trở thành một bậc Đạo sư, sẽ tỏa sáng khắp thế gian này. Năm tay vua cha, đức Phật cùng với phụ hoàng đi vào hoàng cung.

Nhờ những người hầu hướng dẫn cho các vị tỳ kheo, và họ đã thông báo cho hoàng hậu Gotami, Da Du Đà La, Sundari Nanda, và La Hầu La, cho nên các vị đã có thể nhìn thấy sự gặp gỡ giữa đức Phật và vua Tịnh Phạn từ trên hoàng thành. Họ nhìn thấy vua đã chào đức Phật như thế nào. Khi vua Tịnh Phạn và đức Phật đi gần đến cổng thành, công chúa Da Du Đà La quay sang La Hầu La. Bà chỉ đức Phật và nói với La hầu La: “Này con yêu, con có nhìn thấy vị tu sĩ đang nắm tay ông nội không đang đi về hướng cổng thành kia không?” (Khuddaka Nikaya 1).

Trong lần về thăm này đức Phật đã độ cho Nanda và La Hầu La xuất gia. Sự xuất gia của hai người này đã làm cho vua Tịnh Phạn đau buồn bởi vì vua không đồng ý cho họ xuất gia. Đức Phật nhận thấy điều này cho nên Ngài đã đặt ra giới *‘bất cứ ai muốn xuất gia phải được sự cho phép của cha mẹ’*. Sau hôm đó đức Phật đã dạy ngài Xá Lợi Phất : *“từ nay, chúng ta sẽ không nhận những người trẻ tuổi xuất gia mà không có sự đồng ý của cha mẹ”*, hãy nhớ điều này là giới luật. Năm trăm người trong hoàng tộc gia nhập tăng đoàn trong lần này, trong đó có cả con trai của đức Phật, người anh em họ, và Upali người thợ hớt tóc trong hoàng cung sau này trở thành một trong những vị đại đệ tử của đức Phật.

Thấm thoát thời gian trôi qua rất nhanh, đức Phật và chư Tăng đã ở lại hoàng cung hơn 6 tháng. Số lượng tăng đoàn bấy giờ đã lên đến hơn 500 vị. Số lượng người cư sĩ tăng vô số kể. Vua Tịnh Phạn đã cúng cho chư tăng một khu vực để xây dựng tinh xá, cung điện ngày xưa của thái tử, ở phía Bắc hoàng thành, khu vực này rất đẹp và mát mẻ. Tôn giả Xá Lợi Phất đã tiến hành xây dựng một tinh xá cho chư tăng. Sự hình thành một tinh xá ở đây đã khẳng định chắc chắn niềm tin và thực hành giáo lý của đức Phật trong hoàng tộc Shakyas.

Vua Tịnh Phạn mời đức Phật dùng bữa cơm cuối cùng trước khi ra đi và yêu cầu đức Phật giảng pháp. Nhân dịp này đức Phật đã giảng về áp dụng giáo lý trong lãnh vực chính trị. Ngài dạy: *“Chánh pháp sẽ giúp ích cho chính trị, khẳng định rằng những người đang cai trị một quốc gia cần tổ chức một xã hội công bằng và bình đẳng”* Ngài dạy tiếp: *“Nếu người lãnh đạo biết hành trì chánh pháp, sẽ tăng trưởng lòng từ và sẽ phục vụ cho dân chúng tốt hơn. Sẽ mang lại một xã hội trật tự, hoà bình mà không cần sử dụng đến bạo lực. Không cần phải giết hại, tra tấn, bỏ tù hoặc tước đoạt tài sản của dân chúng. Điều này không phải không thể thực hiện được, nhưng muốn thực hiện thì cần phải hiểu và hành trì chánh pháp”*

Và khi một người làm chánh trị có được sự cảm thông và tình thương thì ông ta sẽ nhận chân được về sự nghèo đói, đau khổ và sự đàn áp. Một người hiểu như thế sẽ có nhiều phương pháp để cải tổ lại bộ máy chính quyền, làm thế nào để giảm đi khoảng cách giữa người giàu và người nghèo, và chấm dứt dùng vũ lực để chống lại kẻ khác. Nay các thiện hữu, những nhà chính trị, những vị lãnh đạo quốc gia cần phải làm gương. Đừng đắm mình trong cảnh sống xa hoa bởi vì sự giàu sang sẽ tạo nên hàng rào chắn giữa bạn và dân chúng. Sống một đời sống đơn giản, có ích, sử dụng thời gian để phục vụ tha nhân hơn là chỉ ăn không ngồi rồi. Người lãnh đạo sẽ không ai tin tưởng và tôn kính nếu như ông ta không là một tấm gương cho người khác noi theo. Nếu người lãnh đạo biết thương yêu và tôn trọng dân chúng thì họ sẽ thương yêu và tôn trọng mình. Cai trị bằng đạo đức không giống như cai trị bằng luật pháp. Cai trị bằng đạo đức không dựa vào sự trừng phạt. Hạnh phúc thật sự chỉ có thể đạt được bằng con đường đạo đức.” (Mahavagga, Khuddaka Nikaya 1)

Trong thời gian ở đây, đức Phật trực tiếp giảng dạy đệ tử của Ngài, và luôn luôn quan tâm đối với những người mới xuất gia. Trong Kinh Bốn sanh cũng có ghi là vào năm thứ 5, khi đức Phật ở tại Vaishali, Ngài đã trở về CTLV để thăm vua Tịnh Phạn đang hấp hối. Sau khi vua Tịnh Phạn băng hà đức Phật trở lại Vaishali.

Thời hoàng kim của CTLV kéo dài không lâu, bởi vì kinh đô của bộ tộc Shakya bị phá huỷ bởi vua Vaidraka, ngay cả trong thời kỳ đức Phật chưa xuất gia đã xảy ra chiến tranh với nước này. Lúc ngài Huyền Trang đến thăm ở đây thì chẳng còn gì ngoài sự hoang tàn và đổ nát, chỉ một số người và một ít tu sĩ sống ở đây. Pháp Hiển (399-414) ghi lại rằng ở đây có một tháp và một trụ đá của vua A Dục, ngôi tháp cao 10 mét, trên đầu tháp có con sư tử. Ngài Huyền Trang cũng đồng ý với điều này. Nhưng tất cả những di tích sự kiện nêu ra trong kinh điển đã tập trung sự chú ý của hai vị, và nhiều điểm ghi chú ở đây là phần lớn tháp. Sau này toàn bộ khu vực này trở thành khu rừng và đầu thế kỷ 20 chỉ có những những đàn voi băng ngang khu này.

Ngày nay CTLV hình thành do nhiều ngôi làng, thành phố chính là Piprahwa và Ganwaria. Một đại tháp vẫn còn ở đây là nơi thờ xá lợi của đức Phật xây dựng do dòng họ Shakya. Một bia ký bằng chữ Brahmi được phát hiện ở đây xác định rằng đây là tháp thờ xá lợi. Nền móng còn lại trải dài một khu rộng lớn. Hiện tại không tìm thấy dấu vết gì về trụ đá do ngài Pháp Hiển và Huyền Trang ghi lại.

Nhiều con dấu ấn vào thời đại Kushana được tìm thấy ở Piprahwa. Một trong số này có mang bốn dòng chữ: “*Om devaputra vihare Kapilavastu bhikshu anghasa*”. Bia ký ghi lại ở nhóm hai chỉ có 3 dòng: “*Om devaputra vihare Kapilavastu bhikshu sanghasa*”. Nhóm thứ ba ghi tên nhiều vị tỳ kheo. Chữ được khắc trên ấn là chữ Brahmi của thế kỷ thứ nhất và thế kỷ thứ hai TL. Cái tên Devaputra liên quan đến vua Kanishka (đầu thế kỷ thứ 2 TL), người ủng hộ Phật giáo rất nhiều, ông xây dựng một tinh xá rất lớn tại Piprahwa và sau sửa lại thành một đại tháp. Ở đây cũng tìm thấy những bình đựng xá lợi bằng đá, và người ta cho là xá lợi của đức Phật. Những cuộc khai quật gần đây công bố những nền móng hiện tại là hoàng thành CTLV của vua Tịnh Phạn. Và nơi đây đức Phật đã trải qua 29 năm thời niên thiếu của Ngài. Khu vực chính của di tích gồm có một ngôi tháp được tìm thấy trong những đợt khai quật khảo cổ những năm 1973-74.

Năm 1897-98 ông W.C Peppe, người Anh và là địa chủ vùng Biidpur (8 cây số về phía Nam Piprahwa) đã tìm ra khu di tích này. Cái hòm được ông tìm thấy gồm có 5 hũ bằng đá. Trong số 5 hũ này thì cái nhỏ nhất (cao 15.24 cm bề ngang 10.48 cm), có ghi một bia ký, giúp ích cho việc xác định vị trí Kapilavastu và liên hệ đến đức Phật và tăng đoàn. Dòng chữ bia ký như sau: *Sukiti bhatinam sa-bhaginikanam sa-puta-dalanam iyam salila-nidhane Buddhasa bhagavate Sakiynam*. Bia ký được Rhys David dịch sang tiếng Anh: “*This shrine for relics of the Buddha, the August One, is that of the Shakyas, the brethren of the Distinguish One, in association with their sisters, and their children and their wives.*” (Nơi đây cất giữ thờ xá lợi của Đức Phật, đấng Vô Thượng Tôn, của dòng họ Shakya, những người bà con của Đấng Giác Ngộ, cùng với chị, con cái và vợ con). Rhys David, cũng như G. Buhler và A. Barth đều đồng ý với nhận định là ngôi tháp ở Piprahwa là ngôi tháp mà trong kinh Đại Bát Niết Bàn đã đề cập rằng dòng họ Shakya đã dựng ngôi tháp để thờ xá lợi của đức Phật sau khi Ngài nhập niết bàn được hoá táng và phân chia xá lợi. Trong những bình bằng đá này có xá lợi của đức Phật.

Nằm về phía Đông tháp tại Piprahwa là Đông Giảng Đường tìm thấy nhiều ấn triện với truyền thuyết về CTLV. Toàn bộ cấu trúc ở đây chia ra làm bốn phần. Tuy nhiên đường đi vào tinh xá luôn luôn nằm ở hướng Tây đối diện với tháp. Tinh xá được xây dựng trên một vùng đất thoáng rộng. Có bốn dãy tầng xá hướng ra ngoài, bốn dãy nằm ở bốn hướng. Hai phần kiến trúc đầu của



ting xá hình vuông, bề ngang chừng 32.30 mét. Sân giữa cũng hình vuông mỗi bề 21.80 mét. Hướng Tây của ting xá có hành lang bao bọc rộng 2.70 m. Đi hết những bậc thang của ting xá là một sân lát bằng gạch và xi măng. Hướng Đông bên cạnh bậc cấp là một bức tường bằng gạch nung.

Bắc Giảng Đường nằm hướng Tây Bắc, góc phía Đông của tháp chính. Ting xá này nhỏ hơn so với những ting xá khác và kiến trúc cũng đơn giản hơn. Về bố cục của ting xá cũng tương tự như ting xá phía Đông, tuy nhiên không có hành lang bao bọc ở sân giữa. Có một sân chính nằm cạnh là tầng xá.

Nam Giảng Đường tìm thấy trong tình trạng rất tồi tệ. Phía Đông và một phần của phía Nam bị hư hỏng nặng do bị xói mòn. Thiết kế của ting xá này ít nhiều cũng giống với những ting xá khác, chỉ một phần khác đó là ở đây có hai phòng trưng bày ở tầng xá. Kiến trúc ở đây chỉ phân làm hai phần. Ting xá hình vuông mỗi bề đo được 24 m. Ting xá nằm ở trong một sân và một hành lang bao bọc. Một đường cống rộng chừng 25 cm nằm ở phía Nam chảy đến phía Bắc và phía Nam ting xá. Đường cống làm để dẫn nước thải trong ting xá. Trên đường cống là một tháp nhỏ bề ngang 4.80 m. Hướng Tây có một tháp, bệ tháp hình vuông.

Tây Giảng Đường khoảng 100 mét về hướng Tây của tháp, gồm một tổng thể của tu viện. Cũng như những ting xá khác. Tầng xá được xây dựng chung quanh sân chính và có hành lang bao bọc. Ting xá cũng hình vuông mỗi mặt bao gồm cả tường ngoài là 25 m. phần dày nhất của bức tường là 1 mét, đoạn bên trong thì chỉ 75 cm.

Chánh điện không xa lắm về góc Tây Nam của Đông ting xá, gần tháp ở phía Đông. Chánh điện được xây bằng gạch làm bằng bùn và đất. Chánh điện rộng 3.15 mét vuông. Về phía Nam của chánh điện có một phòng nhỏ. Dẫn đến căn phòng là một loạt bậc cấp về hướng Tây. Căn phòng cũng như những nơi khác là chỗ làm việc của chư tăng. Chánh điện và sân nằm vào phần kiến trúc thứ tư của khu vực.

Có một một hội trường lớn lát gạch ở phía Tây bắc có trang trí những mô đất. Hội trường hình vuông mỗi bề 10.60 mét. Hội trường được bao bọc bằng bốn bức tường bằng gạch nung. Mặc dù hội trường thuộc phần kiến trúc thứ nhất, nhưng tường chung quanh thì nhóm kiến trúc thứ tư. Mục đích của mô hình kiến trúc cũng vẫn chưa rõ. Rõ ràng là ngôi trường được ngài Huyền Trang ghi lại trong nhật ký của ngài đúng với nơi này.

## THÁP SHAKYA

Kiến trúc quan trọng nhất ở CTLV là tháp chính ở Piprahwa, một trong những tháp được tìm thấy sớm nhất ở Ấn Độ. Tháp được sửa chữa ba lần. Những cuộc khai quật tiến hành vào năm 1971 cho thấy rằng tháp được xây

dựng lần đầu vào thế kỷ thứ 5 TTL và được làm lại lớn hơn hai lần sau này. Tháp nguyên thủy được làm bằng gạch nung và bao gồm một mái vòm với một đường đi chung quanh lát bằng gạch nung rộng 5 mét. Tầng một của tháp được đắp cao bằng đất lấy ở chung quanh. Trên đỉnh tháp ở khu vực giữa là hai phòng nhỏ để đặt xá lợi. Trung tâm của tháp, ở dưới đất có hai phòng nhỏ nối thông với nhau. Ngăn phía Bắc gồm một hủ làm bằng đá trơn láng như xà phòng rất đẹp cao 12 cm và hai cái đĩa. Phòng hướng Nam cũng như vậy nhưng hủ bằng đá lớn hơn cao 16 cm và hai đĩa. Cả hai hủ đá khi khai quật được, mở ra bên trong chứa nhiều mảnh xương người bị cháy đen. Ngoài vị trí và những gì tìm thấy được ở những hủ này cho thấy rằng những mẫu xương cháy đen này là xá lợi của đức Phật được chia cho dòng họ Shakya. Từ năm 1990, những mẫu xá lợi quý giá của đức Phật này được đưa về trưng bày ở Viện Bảo tàng quốc gia ở thủ đô New Delhi.

Tầng thứ hai liên quan đến phần đất sét cứng màu vàng nhạt, phần này không khác với đất thường được đắp ở trên hai tầng gạch xây ở phần dưới. Toàn bộ sửa sang phần hai là phần mái vòm, và những bậc thang cấp, và ngưng lại từ lớp gạch 12 của tầng thứ nhất. Cái kết bằng đá lớn dựng những hủ được Pepe tìm thấy nằm ở tầng thứ hai. Tầng thứ ba là tầng móng của tháp được sửa lại từ hình vuông sang hình tròn do kích thước của tháp được làm lớn lên; bề ngang của một cạnh tháp là 23.50 m. Nhiều hốc tường hình chữ nhật với khoảng cách đều 80 cm được trang trí ở đế tháp. Chân đế tháp cao 1.16 m tính cả những hốc tường.

Tháp thứ hai được xây dựng khoảng 150 năm sau, sau khi nâng cấp mái vòm của tháp thứ nhất. Mái của tháp này đường kính 19 mét, rộng 1.52m tính vòng tròn của chân tháp. Ông Pepe đã phát hiện một kết đá có vết chữ. Sau khi tìm thấy hộp đá lớn có chứa những kết trong hộp, ông khẳng định là không có xá lợi cho nên đã không đào sâu thêm, và ông đã bỏ mất cơ hội tìm thấy hai kết đá lâu năm hơn chỉ một vài mét bên dưới.

Tháp thứ ba, đường kính của mái là 23 mét, được xem là tháp lớn hơn những tháp trước đó, chân tháp mỗi cạnh dài 23.5 mét. Ông Pepe tìm thấy một kết đá trong tháp này, nhưng đã bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ. Đây chính là ngôi tháp mà ngày nay khách hành hương đến chiêm bái. Ngoài vị trí quan trọng lịch sử của ngôi tháp, tháp Shakya còn có nhiều điểm thú vị khác. Không có dấu hiệu gì về việc mở tháp sau khi xây cất, chỉ sau này người ta nói rằng vua A Dục cho mở tất cả các tháp nhưng tháp Ramagama có lẽ là không. Rõ ràng là vua đã không dựng đến vì tôn trọng dòng họ Shakya. Tháp cũng được sửa sang nhiều lần. Kiến trúc ban đầu chỉ là một ngôi tháp nhỏ đơn giản, trải qua nhiều giai đoạn tháp được làm lớn hơn và đa dạng.

Đông Tinh Xá

Cách ngôi tháp chính không xa là nền móng của một tinh xá. Một cái ấn được tìm thấy ở đây có mang dòng chữ: “Kapilavatthu Bhikkhu Sangha”, chứng minh chắc chắn rằng Piprahwa và những di tích còn lại chung quanh đây là quê hương của đức Phật. Chúng ta cũng thấy rằng tinh xá cũng được vua Kanishka xây dựng. Tinh xá gồm có 31 tầng phòng xây chung quanh sân; những phòng lớn hơn ở cuối dãy phía Đông là những nhà kho, trong khi các phòng khác là phòng ở của chư tăng. Đường đi lên tinh xá là những bậc thang cấp và một đường rãnh thoát nước dẫn ra góc phía Bắc.

Salagarh, khoảng 200 mét về hướng Đông của Piprahwa, một tháp khác và một tinh xá được tìm thấy. Tinh xá hình chữ nhật với một loạt dãy phòng. Khu vực lớn của tinh xá ở hướng Đông và Tây. Cổng vào tinh xá nằm ở hướng Bắc qua những bậc thang cấp. Tinh xá được xây cao bởi vì do tình trạng ngập nước. Cho thấy điều này là qua những bậc thang cấp cao. Dấu vết của những bức tường chung quanh tinh xá cũng được tìm thấy. Tinh xá được xây dựng và tái tạo ba lần. Lần thứ ba là khoảng giữa thế kỷ thứ 2 TTL đầu thế kỷ thứ 1 TL.

Về hướng Bắc của tinh xá chừng 30 mét, vẫn còn một ngôi tháp cũng giống như tháp ở Piprahwa, với hình tròn ở tầng trên của tháp. Đường kính tháp là 5.50 mét. Sau này, cụ thể là giai đoạn của vua Kanishka, khi tượng Phật được thờ phượng, chân tháp đã được sửa lại thành hình vuông, mỗi cạnh là 10.85 mét. Dựa theo kích cỡ của những viên gạch tháp được xây dựng cùng thời gian với tầng thứ hai của tháp Piprahwa. Cách tháp khoảng 1 cây số rưỡi, hai mô đất được tìm thấy. Mô đất lớn là một bức tường dày, theo dân địa phương ở đây thì đây là hoàng thành của vua Tịnh Phạn. Cuộc khai quật tại Ganwaria cho thấy rằng khoảng 6 mét cách đỉnh tháp có hai hốc kích thước 82 x 80 x 37cm có đặt tượng của đức Phật. Phần còn lại của những chiếc bình bằng kim loại và những cái đĩa màu sắc chứng thực về câu chuyện dòng họ Shakya phân chia và thờ xá lợi của đức Phật như thế nào. Những vết tích còn lại có từ thế kỷ thứ 4 TTL. Tìm thấy trên đỉnh tháp một hộp đá đã bị vỡ kích thước của hộp là 132x 82 x 66.7cm. Trong hộp đá này có nhiều bình làm bằng gỗ, bạc, cùng với một số đồ trang sức bằng vàng, nhiều tượng sư tử, voi chạm khắc trên những chiếc đĩa bằng vàng, những bánh xe bằng vàng, ngọc đính trên những y phục thêu, nhiều hộp nhỏ bằng vàng. Những đồ cổ này được bảo quản tại Viện bảo tàng Calcutta. Khu đồi cho thấy rằng thành phố rộng hơn nhưng phần lớn khu vực này được sử dụng để trồng trọt. Khảo cổ học cho thấy rằng thành phố có từ năm 800 TTL cho đến hết thời đại của vua Kanishka khoảng năm 300 TTL. Ngày nay chúng ta chỉ thấy hai tinh xá lớn và một số kiến trúc bình thường, phần lớn được xây dựng vào đầu công nguyên.

Những di tích khác trong khu vực này bao gồm một toà nhà công cộng không xa lắm về hướng Bắc của tháp chính., một tháp nhỏ do khách hành hương xây và một tinh xá nằm ở phía Nam, một tinh xá khác ở phía Tây.

Có một tu viện và tinh xá của Tích Lan, Mahavihara, trong khu vực này.

*Những thông tin cần thiết*, mã số thành phố 05544, Birdpur, cách chừng 8 cây số có đầy đủ ngân hàng, bưu điện, điện thoại và bệnh viện. Văn phòng du lịch gần nhất là ở Siddharthnagarchu72ng 20 cây số.

*Khách sạn*: Srilankan Temple Dharmashala, và UP Tourism Bungalow.

### **3. BODHGAYA (BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG) NƠI PHẬT THÀNH ĐẠO VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG GIÁC**

*“Ngay chỗ này dù thân thể ta có thể bị huỷ hoại, dù cho thịt nát xương tan nhưng ta nguyện là sẽ không bao giờ rời khỏi chỗ ngồi này cho đến khi Ta tìm ra chân lý...”*

Đức Phật sau khi chứng ngộ quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác Ngài ngồi hưởng pháp lạc dưới cội cây Nigrodha bên dòng Ni Liên Thuyền tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ngài nói lên bài kệ:

*“Hạnh phúc thay hạnh sống độc cư,  
Người được nghe chân diệu pháp!  
Hạnh phúc thay người hành trì ,  
Thực hành chân thiện mỹ.  
Hạnh phúc thay giải thoát,  
Đoạn trừ các tham ái.  
Người giải thoát mọi khổ ách,  
Tận trừ gốc rễ “tôi là”*

(Mahavagga1,3 ~4)

#### VỊ TRÍ và PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI

Dân số: 40.000 người. Mã số bưu điện: 824231. Mã số điện thoại: 0631.

Bồ Đề Đạo Tràng (BĐĐT), cách 235 cây số về hướng Đông Varanasi bằng tàu hoả đi qua Gaya, và 270 cây số đường bộ, cách thành phố Gaya 12 cây số, và Gaya cũng là ga xe lửa gần nhất để đến BĐĐT. Đến từ Varanasi phải đi ngang qua Sasaram bằng quốc lộ G.T. (NH2), từ một thị trấn nhỏ tên là Dobhi, chúng ta đi về hướng Bắc khoảng 26 cây số là đến BĐĐT. Nếu bạn dự định đến bằng tàu hoả, Gaya là ga nối liền tuyến đường Delhi-Varanasi-Gaya-Calcutta. Gaya cách Patna 92 cây số về hướng Nam, là địa điểm thuận tiện cho cả đường bộ và tàu hoả. Từ ga Gaya bạn có thể bắt những chuyến xe buýt, xe taxi hoặc Auto richshaw để về BĐĐT chừng 16 cây số. Tất nhiên là tất cả phương tiện ở đây đều chở trên mức bình thường.

Sân bay, ngày 18 tháng 12 năm 2002 tuyến bay từ Gaya đi Calcutta và Bangkok khai trương.

BĐĐT có lẽ không còn là một di tích lịch sử mà trở nên một nơi tôn nghiêm và một trung tâm văn hoá của Phật giáo. BĐĐT là địa điểm hành hương quan trọng nhất của Phật giáo trên khắp thế giới. Rất nhiều bia ký được phát hiện ở đây liên quan đến những đoàn hành hương của Trung Quốc, Miến Điện, Tích Lan đến chiêm bái thánh địa này và những người có công lớn trong việc xây dựng và trùng tu ngôi Đại tháp này. Điểm đặc biệt của BĐĐT được đề cập đến nhiều trong nhiều sách và nhật ký của các nhà hành hương, BĐĐT là nơi duy nhất mà đức Phật thành đạo Vô Thượng Bồ Đề. Nhà chiêm bái nổi tiếng ở thế kỷ thứ 7 là Huyền Trang ghi lại sự cố gắng của đức Phật trong thời gian tu tập tại Pragbodhi Hill (Khổ Hạnh Lâm) nhưng vẫn không có kết quả.

Cuối cùng Ngài đã tìm thấy một nơi cách Pragbodhi Hill chừng 3 cây số về hướng Nam, và nơi đây Ngài đã thành đạo. Và sau đó nhiều thế kỷ, những phật tử khắp nơi đã về thánh địa này để chiêm bái danh lễ nơi đức Từ Phụ giác ngộ Vô Thượng Bồ Đề.

Huyền Trang ghi lại rằng vua A Dục đã cho xây dựng một chánh điện, đích thân nhà vua đã đến đây vào năm thứ 10 ngài trị vì, và nơi này được đề cập trong bia ký là Sambodhi (giác ngộ), và vua đã cho xây dựng chánh điện tại đây. Tuy nhiên không có dấu vết gì tìm thấy về chánh điện củ ở đây. Theo miêu tả của Huyền Trang thì Đại tháp về kiến trúc cơ bản đã có từ thế kỷ thứ 7. Tháp ngày nay đã được phục hồi lớn hơn vào cuối thế kỷ 16. Tháp Đại Giác ở Miến Điện làm theo nguyên mẫu của BDDT.

Phần lớn điêu khắc ở BDDT đều sau thời đại Gupta và có lẽ ở khoảng giữa thời đại Pala-Sena (thế kỷ thứ 8-12). Vật quan trọng nhất ở đây còn lại từ sau thế kỷ thứ 6 là tượng Phật trong tư thế ngồi và trở nên phổ biến trong suốt thời đại Gupta. Mặc dù đây là điểm đặc biệt của BDDT và cũng là biểu tượng Phật thành đạo, nhưng hình tượng này dường như đã phát xuất từ nơi nào khác trước đó. Dầu sao đi nữa thì nơi đầu tiên nổi tiếng ở miền Đông Ấn Độ là BDDT. Nhiều vua chúa, hoàng hậu, khách hành hương đã sửa sang, tu bổ thêm Đại tháp cho đến thế kỷ 12 khi những trận lũ lụt đã vùi lấp toàn bộ ngôi tháp mãi cho đến năm 1811.



Tháp Đại Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng

Mặc dù tình trạng và ngày tháng chính xác vẫn không rõ, nhưng đến thế kỷ 13, sau nhiều thế kỷ hưng thịnh, toàn bộ sinh hoạt tu tập của Phật giáo

hầu như chấm dứt. Francis Buchanan-Hamilton, người đến thăm BDDT năm 1811, ghi lại rằng ngôi tháp lúc đó trong tình trạng đổ nát, và nhiều nơi bị hư hại vì người ta đã lấy những vật liệu và gạch để xây dựng những công trình ở địa phương. Từ đầu thế kỷ 19, nhiều phái đoàn của Miến Điện đến BDDT thấy tình trạng hư hại như vậy nên đã phát tâm cúng dường tu bổ lại, và chương trình tu bổ được tiến hành vào những năm 1880. Không may mắn là những thay đổi ở thế kỷ 19 tại BDDT do những nhầm lẫn đáng tiếc. Một số cấu trúc hoàn toàn bị phá hủy, và nhiều tượng đã bị dời khỏi vị trí nguyên thủy .

Cuối thế kỷ 19, cùng với công trình phục hồi thánh tích này, những bài viết của ngài Edwin Arnord đã thu hút nhiều chú ý đến BDDT. Bài thơ nổi tiếng của ông viết về đức Phật tựa đề: “The Light of Asia” (Ánh Sáng của Châu Á - 1879) và một bài báo gây xúc động mạnh mẽ về sự thờ ơ tai hại về thánh địa BDDT, ông chứng minh hùng hồn về lợi ích của BDDT cho toàn thế giới biết đến. Năm 1891, những bài viết của ngài Arnord đã thúc đẩy Anagarika Dharmapala từ Tích lan sang Ấn Độ và ông đã hy sinh cả cuộc đời để đấu tranh giành lại quyền sở hữu BDDT mà đặc biệt là tháp Đại Giác từ tay của một đạo sĩ Hindu tên là Mahant đang quản lý tháp lúc đó. Từ năm 1953, một chỉ thị ban hành của chính quyền bang Bihar, một hội đồng quản lý BDDT thành lập gồm những thành viên của cả Phật giáo lẫn Hindu, và có những sửa sang cả tháp lẫn môi trường chung quanh. Tháp hiện tại đã được sửa chữa và một tháp mới được xây thêm. Những hốc chung quanh tháp đã được phục hồi lại với những tượng Phật mạ vàng, ngày nay BDDT đã dần trở lại thời kỳ huy hoàng theo như Huyền Trang đã miêu tả.

Tôn giả Cồ Đàm đã thực hành phép tu khổ hạnh trong 6 tháng dưới cội cây Pipala. Ba tháng đầu, ngài chỉ một mình trên núi nhưng đến tháng thứ tư có thêm năm người đệ tử của Uddaka Ramaputta, dẫn đầu là người bạn củ của Ngài là Kiều Trần Như. Tôn giả Cồ Đàm rất vui khi gặp lại Kiều Trần Như, và chỉ một tháng sau khi đức Phật lià bỏ khổ hạnh lâm thì tôn giả Kiều Trần Như đã chứng đắc được cảnh giới thiền Phi tướng phi phi tướng xứ.

Nhận thấy rằng không còn gì để học ở Uddaka Ramaputta, Kiều Trần Như cùng những người bạn đi tìm đức Phật. Sau nhiều tuần lễ họ đã may mắn tìm được đức Phật và họ bày tỏ muốn ở lại cùng tu tập với đức Phật. Tất Đạt Đa đã giải thích với họ là tại sao Ngài tư duy về phương pháp tự khổ hạnh, và năm anh em Kiều Trần Như, Vappa, Bhaddiya, Assaji và Mahanama, quyết định cùng tu tập với Ngài. Mỗi vị tự tìm lấy một hang để trú ẩn, nhưng không quá xa nhau và mỗi ngày một người đi vào làng để khát thực. Khi khát thực trở về, thức ăn được chia ra làm 6 phần cho nên mỗi người chỉ được một nắm thức ăn mỗi ngày. Một thời gian sau năm người này thấy chán và nghi ngờ về phương pháp tu khổ hạnh và họ mất niềm tin ở đức Phật. Năm người đã rời bỏ

đức Phật để đi tìm một đạo sư khác, nhưng họ không thành công cho đến khi họ gặp đức Phật trở lại.

Tôn giả Cồ Đàm quyết định từ bỏ ý nghĩ muốn rời bỏ thế giới này, bởi vì Ngài nhận thấy rằng hiện tại mình đang hiện hữu trong thế giới hiện tượng này, Ngài đã trở về với chính mình. Một hơi thở, một tiếng chim hót, một ngọn lá rơi hay một tia nắng - bất cứ điều gì cũng đều có thể là đề tài để thiền quán. Ngài bắt đầu nhận thấy rằng chìa khoá của cửa giải thoát nằm ngay ở mỗi hơi thở, mỗi bước đi, trên từng viên sỏi nhỏ trên suốt chặng đường.

Tôn giả Cồ Đàm quán sát từ thân thể đến những cảm giác, và Ngài tiếp tục thiền quán theo dõi những nhận thức và cả tư tưởng khởi lên trong tâm thức của chính mình. Ngài nhận thấy rằng sự hài hoà của thân và tâm, và mỗi mỗi tế bào trong thân thể bao hàm cả tinh hoa của vũ trụ. Ngài thấy rằng cần phải quán sát kỹ trong một hạt bụi thì sẽ nhận ra được bộ mặt thật của toàn bộ thế giới, chính mỗi hạt bụi là vũ trụ, nếu không có hạt bụi thì không có sự hiện hữu của vũ trụ thế giới. Tôn giả Cồ Đàm vượt ra khỏi tư tưởng về ngã tướng, một cái ngã riêng biệt, và quán sát như vậy, Ngài nhận thấy rằng từ lâu nay mình bị trói buộc bởi những tà kiến về ngã được giải thích trong Vệ Đà. Thật ra, tất cả mọi thứ đều không có một cái ngã riêng biệt. Vô ngã là căn bản của tất cả hiện hữu. Vô ngã không phải là một thuật ngữ để diễn tả một thực thể. Vô ngã là tia chớp đánh tan mọi tư duy tà kiến. Tiếp tục tư duy về vô ngã, Thái tử Tất Đạt Đa giống như một vị tướng vung lên thanh kiếm trí tuệ trong trận chiến thiền định. Suốt ngày và đêm Ngài tiếp tục thiền định dưới cội cây Pipala, trí tuệ đã bừng sáng trong Ngài.

Cuối cùng đêm thành đạo cũng đến. Nhập sâu vào thiền định, vào đầu canh Thái tử Tất Đạt Đa chứng được Túc mạng minh, Ngài thấy được nhiều kiếp trong quá khứ; vào canh hai Ngài chứng được Thiên nhãn minh; và canh ba Ngài tư duy về nhân quả và chứng được trí tuệ đoạn trừ tất cả các lậu hoặc; và khi sao mai vừa mọc Ngài chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, Bạc Toàn Trí, Vô Thượng Tôn. Thái tử Tất Đạt Đa đã chứng ngộ vào ngày trăng tròn mùa xuân tháng Vaishakha (April-May), năm 528 TTL. Tôn giả Cồ Đàm trở thành Phật, Đấng Giác Ngộ; sau này được danh xưng là Sammasambuddha (Đấng Toàn Giác), Như lai, Thế Tôn, Thiện Thệ, và Phật Thích Ca Mâu Ni. Cây mà đức Phật ngồi thiền gọi là Cây Bồ Đề, và khu vực này gọi là Bodhgaya hay Buddhagaya (Bồ Đề Đạo Tràng).

Cho rằng sau khi thành đạo đức Phật đã trải qua 7 tuần ở BĐĐT. Ngài trải qua mỗi tuần tại một địa điểm ở BĐĐT. Tuần thứ nhất Ngài ngồi hưởng pháp lạc dưới cội Bồ Đề. Tuần thứ hai, Ngài đứng và nhìn không rời mắt về cây Bồ Đề nơi đã giúp cho Ngài tìm ra chân lý. Tháp Animeshalochana đánh dấu nơi này ở phía Đông Bắc của Tháp Đại Giác, có tượng Phật đứng mắt nhìn về hướng cây Bồ Đề. Tuần thứ 3 Ngài thiền hành từ cội Bồ Đề đến điểm của



tuần thứ hai thăm niệm ơn cây đã che chở cho Ngài trong suốt thời gian qua. Hoa sen mọc lên ở đây, cho nên nơi đây được biết đến như là Chankraman Chaitya và sau này người ta làm một con đường bằng gạch gồm 18 hoa sen tượng trưng cho những bước đi của đức Phật. Tuần thứ 4 đức Phật nhập định sâu hơn. Nơi mà đức Phật ngồi thiền định gọi là Ratanagraha Chaitya tạo thành những màu trắng, vàng, xanh, đỏ và vàng trong lá cờ Phật giáo. Tuần thứ 5 đức Phật ngồi thiền định ở một gốc cây khác tên Ajapa Nigrodha, nơi đây nàng Sujata đã cúng dường bát cháo sữa. Tuần thứ 6 là ở hồ Muchalinda cách Đại tháp chừng 50 mét, ở đây măng xà vương Muchalinda sống trong hồ nước này đã che cho đức Phật khi Ma vương làm bão tố để phá không cho đức Phật ngồi thiền. Ở đây hiện giờ ở giữa hồ có một tượng Phật ngồi thiền được măng xà che chở. Trước hồ vẫn còn phần còn lại trụ đá của vua A Dục, cao 6 mét.



Hồ nước ở Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật hưởng pháp lạc tuần thứ 6

Cây Rajayatana là nơi đức Phật trải qua tuần thứ 7, cũng là nơi đức Phật quyết định chuyển bánh xe pháp, cũng nơi đây hai người thương buôn Tapassu và Bliallika ở Utkala (nay là Orissa), tình cờ đi ngang qua và đã cúng dường đức Phật bánh và mật ong. Từ cây Rajyatana, đức Phật trở lại cội Bồ Đề và Ngài đã đánh lễ cây Bồ Đề. Sau 49 ngày hưởng pháp lạc, đức Phật rời BDDT, đi đến gặp 5 anh em Kiều Trần Như ở Sarnath (Ba la Nại) để Chuyển Pháp Luân lần đầu tiên.

Nói chuyện với những người bạn của Ngài và đệ tử Savasti, một chú bé chăn trâu, đức Phật nói: *“Tình yêu chỉ có mặt khi có sự cảm thông. Và chỉ có tình thương như thế mới có thể chấp nhận. Hãy thực tập sống trong tỉnh thức, bạn sẽ hiểu sâu hơn về sự cảm thông của bạn. Bạn sẽ có thể thông cảm chính*

*mình, cảm thông người khác và tất cả. Và bạn sẽ có một trái tim đầy áp của tình thương. Đó là con đường tuyệt vời nhất mà ta đã khám phá ra”.*

Savasti hỏi: “Thưa Đạo Sư, chúng ta có thể gọi con đường này là con đường của ‘Sự Tỉnh Thức’ hay không? Đức Phật mỉm cười, “Dĩ nhiên, chúng ta hãy gọi nó là con đường của Sự Tỉnh Thức. Ta rất thích cái tên này. Con đường Tỉnh thức dẫn đến giác ngộ hoàn toàn. Đức Phật gật đầu chấp nhận yêu cầu của Sujata gọi Ngài là Đấng Giác Ngộ. Sujata tiếp tục thưa ‘Awaken’ trong tiếng Magadhi được đọc là ‘budh’; và người đã giác ngộ sẽ gọi là ‘Buddha’. Bây giờ chúng con có thể gọi Ngài là ‘Buddha’ (Phật). Nalaka, 14 tuổi cậu bé lớn nhất trong nhóm thưa: “Thưa Thế Tôn, chúng con rất vui khi nghe những lời dạy của Ngài về con đường của sự tỉnh thức. Sujata đã nói với chúng con là Ngài đã ngồi thiền định dưới cội cây Pipala trong suốt 6 tháng và vừa tối qua Ngài đã chứng ngộ Vô Thượng Bồ Đề. Thưa Thế Tôn, cây Pipala này là cây đẹp nhất và tôn quý nhất trong khu rừng này. Cho phép chúng con gọi cây này là ‘Cây giác ngộ’, cây ‘Bồ Đề’. Chữ ‘Bodhi’ cùng một gốc từ với từ ‘Buddha’ và cùng có nghĩa là giác ngộ.

Đức Phật gật đầu đồng ý. Ngài cũng rất hoan hỷ. Ngài cũng không đoán trước là cuộc gặp gỡ với những đứa bé, pháp môn của Ngài và thậm chí cây Pipala có một cái tên đặc biệt như vậy. Nandapala chấp tay thưa: “Trời đã tối chúng con phải trở về nhà nhưng chúng con sẽ trở lại để nghe Ngài dạy thêm nữa cho chúng con”. Tất cả lũ trẻ đều đứng dậy chấp tay như những bông sen cảm ơn đức Phật. Trên đường về nhà bọn trẻ cười nói rất vui như đàn chim hót. Đức Phật cũng rất vui. Ngài đã quyết định ở lại đây lâu hơn để tìm ra phương pháp để gieo những hạt giống tỉnh thức và cũng để cho Ngài hưởng pháp lạc sau khi chứng được quả vị Vô Thượng Bồ Đề. (Majjhima Nikaya. 10)

#### THÁP ĐẠI GIÁC (MAHABODHI TEMPLE)

Tháp Đại Giác tọa lạc ngay nơi Đức Phật thành đạo là điểm chính để chiêm bái (nếu dùng máy chụp hình và quay phim phải mua vé). Tháp Đại Giác vừa được công nhận là Di Sản Văn Hoá Thế giới (UNESCO).

Đại đế Ashoka (270-232 TTL) đã đến chiêm bái đây nhiều lần cùng với thầy của vua là tôn giả Upagupta (Mogalliputta Tissa). Cuộc chiêm bái đầy ấn tượng được diễn tả trong một cuốn sách Sanskrit vào giai đoạn này tên Ashokavandana. Được vị đạo sư của vua ngài Mogalliputta Tissa vua A Dục đã phát nguyện và tổ chức nhiều buổi lễ đặc biệt. Trong dịp này tôn giả Upagupta nói:

*“Chính tại toà Kim cang này,  
Đấng Điều Ngự chế phục  
Đập tan lũ Ma quân.  
Và cũng tại nơi này  
Đấng Vô Thượng Tối Thắng,*

*Ngộ vô sanh, thắng niết bàn”*

Sau khi nghe lời này, vua A Dục đã cúng dường một trăm ngàn thỏi vàng tại cây Bồ Đề và tiến hành xây dựng ngôi tháp tại thánh tích này.



Tháp đầu tiên vua A Dục xây là vào thế kỷ thứ 3 TTL gần cây Bồ Đề. Tháp này bị thay đổi vào thế kỷ thứ 2 TL, và sau đó cũng trải qua nhiều lần sửa chữa. Tháp hiện nay toàn bộ được xây bằng vữa và có phục chế, từ thế kỷ thứ 6 TL. Nhiều vị tu sĩ người Miến Điện thấy sự thờ ơ và phá hoại của những kẻ đến đây chiếm cứ bất hợp pháp, đã tiến hành nhiều cuộc tu sửa vào năm 1882. gần đây tháp cũng được tiến hành tu bổ vào năm 1998. Tháp xây trên một nền hình vuông cao và rộng, chiều cao của tháp là 54 mét hình chóp nhọn ở đỉnh, với bốn tháp hình chóp nhỏ hơn ở bốn góc, có thờ bên trong tượng Phật ở tư thế ngồi kiết già, được đặt trong một lồng kính. Tư thế này tay phải của đức Phật chạm đất còn tay trái thì đặt trên đùi, biểu tượng của giác ngộ. Ở giữa tháp cũng có một linga của thần Shiva được đặt ở đây vào năm 860 TL. Tháp này người theo đạo Hindu cũng đến lễ bái, bởi vì họ cho rằng đức Phật là hoá thân thứ 9 của thần Vishnu, thần bảo vệ trong đạo Hindu. Những tháp hình chóp nhọn nhỏ được xây thêm là do những phật tử người Miến Điện làm

thêm khi họ tu sửa tháp vào thế kỷ 14. Trong số những hình tượng, cây Bồ Đề thì hộp đựng xá lợi cũng không kém phần quan trọng tại thánh tích này.

Tháp nguyên thủy bị Hồi giáo phá huỷ vào thế kỷ 13. Nhiều phần điêu khắc sắc xảo trên những hàng rào ở phía Nam và phía Tây của tháp có từ rất lâu. Một số hàng rào vẫn còn, một số khác thì được làm mới sau này. Trong vòng 30 năm vừa qua nhiều tượng Phật đã bị ăn cắp từ những lỗ hốc trên tường. Kiến trúc cổ nhất ở đây còn sót lại là hàng rào bằng đá để ngăn ngừa thú dữ, được xây dựng vào thế kỷ thứ 1 TL. Tuy nhiên một phần tư hàng rào này đã được đưa đến Viện Bảo Tàng ở London và Calcutta. Đường đi vào Tháp đi qua một lối được xây dựng mái vòm có chạm trổ ở trên. Hồ sen nơi đức Phật tắm nằm ở phía Nam của tháp. Phía Bắc là một bụi cây dài 18 mét, xây vào thế kỷ thứ 1 có chạm khắc những hình hoa sen ở trên, đánh dấu nơi mà đức Phật đã thiên hành và Ngài đã suy nghĩ là có nên Chuyển pháp luân hay không. Sự kiện này đã được tạc trên những cột bằng đá nhưng hiện nay chỉ còn một cột duy nhất. Trên những bức tường chính vẫn còn những nhiều hình tượng cổ.

### CÂY BỒ ĐỀ

Phía sau Đại tháp là cây Bồ Đề, cây này là hậu duệ của cây Bồ Đề mà đức Phật đã thành đạo. Cây Bồ Đề với nhiều cành toả ra che rợp toả bóng mát, rất linh thiêng và thanh bình khi hành thiên dưới cội cây. Người ta cho rằng cây Bồ Đề nguyên thủy mọc vào ngày đức Phật đản sanh. Truyền thuyết nói rằng khi vua A Dục chưa theo đạo Phật đã ra lệnh chặt cây Bồ Đề và đốt cháy. Nhưng cây mọc lên cây mới trong ngọn lửa đang cháy làm cho vua ngạc nhiên và chuyển tâm cho nên vua cho xây dựng tường rào để bảo vệ, trước đây vua Prasenajit (Ba-tư-nặc) nước Koshala cũng đã cho xây tường để bảo vệ khi đức Phật còn tại thế. Truyền thuyết cũng nói rằng sau khi vua A Dục quy y theo Phật, nhà vua rất gần gũi và quý cây Bồ Đề đã khiến cho hoàng hậu Tishyarashita ghen tỵ và bà đã cho người chặt cây Bồ Đề, nhưng lạ lùng là cây mọc trở lại rất nhanh. Con gái của vua A Dục là Sanhamitra, đã chiết một nhánh của cây Bồ Đề mang sang Tích Lan. Cây này hiện nay vẫn còn ở cố đô của Tích Lan, thành phố Anuradhapura. Sau này người ta chiết nhánh mang trở lại trồng tại BDDT khi mà cây Bồ Đề nguyên thủy ở đây bị chết. Lịch sử đã ghi lại rằng vua Sashanka chặt cây Bồ Đề trong thời gian ông này đàn áp Phật giáo vào năm 600 TL.



Cây bồ đề ở Bồ Đề Đạo Tràng

Huyền Trang ghi lại rằng cứ mỗi độ trăng tròn của tháng Vaishakha (April-May), hàng ngàn người từ khắp nơi trên lãnh thổ Ấn Độ đều tựu về BDDT tưới cây với nước thơm, sữa, ca hát và tung hoa. Dharmavasmin (giữa thế kỷ 13) ghi lại những cảm tưởng như sau: *“Cây Bồ Đề ở giữa bức tường thành bao bọc bốn hướng. Khi mở một cửa vào người ta sẽ thấy có một hố hình như cái bồn... những người đến đây cúng cho cây nhiều thứ như phomat, sữa, và dầu thơm cũng như gỗ trầm, long não v.v... họ mang đến từ xa nhưng mọi thứ vẫn không bị khô.”*

Cây Bồ Đề gốc mọc nghiêng về hướng Đông của vị trí hiện nay nhưng đã được dời đi khi Đại tháp được xây dựng. Cây hiện tại được trồng vào thế kỷ 19 và rõ ràng là cây hậu duệ được chiết từ cây Bồ Đề nguyên thủy.

Sau này, nghe nói Ngài Long Thọ đã xây một hàng rào để bảo vệ cây khỏi bị voi phá, và khi cây đã lớn hàng rào này được đặt một tượng Mahakala phía trên mỗi trụ. Theo Huyền Trang lần thứ ba cây bị phá là vào thế kỷ thứ 6 khi vua Shaivite vùng Bengal đã phá huỷ cây tuy nhiên dù vua này ra lệnh đào cho đến tận gốc rễ nhưng ông này đã không thể đào đến tận gốc. Và sau đó cây được hồi phục rất nhanh vì vua Purvavarma cho tưới vào cây bằng sữa của cả ngàn con bò, làm cho cây phát triển chỉ trong một đêm cây lên cao được 3 mét. Vì sự tàn phá của con người cây Bồ Đề bị chết nhiều lần nhưng cây vẫn vươn mầm mọc tươi tốt bất cứ ở đâu khi những hạt của cây rơi xuống, và những cây con tiếp tục sống.

Có ba hình ảnh về cây Bồ Đề:

Người Phật tử tôn kính cây Bồ Đề



Cũng như những tín đồ Thiên chúa tôn kính thánh giá”

Rhys Davids, *Life of Gautama*

Cây Bồ Đề, từ trước đến nay trong nhiều năm tháng chẳng hề vàng úa, và mọi người đều lễ bái, dưới tàng cây chân lý đã được đấng Từ phụ khai mở.

Edwind Arnord, *Light of Asia*

Thái tử từ từ tiến về phía trước- dưới mỗi bước chân Ngài

Mỗi bước chân làm rung chuyển cả thế giới,

Cho đến khi Ngài dừng tại cây Bồ Đề-

Một lần nữa thế giới rung chuyển

Báo tin đấng quân vương sắp sửa lên ngôi

Alexander Cunningham, *Mahabodhi*



#### VAJRASSHILA (Kim Cang Toà)

Ở giữa cây Bồ Đề và tháp là một toà bằng đá hình chữ nhật được đặt chính xác nơi đức Phật ngồi. Đây là di tích lâu nhất còn lại ở BDDT. Toà này gọi là Vajrashila (Kim Cang Toà) và một số người tin rằng một số lượng lớn kim cương được chôn ở dưới để làm tăng thêm sự linh thiêng. Kích thước của toà là 143 x 238 x 13.5 cm, được làm từ một loại đá đỏ bóng Chunar. Phần trên được trang trí với những hình toán học, và kiểu trang trí hình lá cọ với

nhiều hình chim trang trí ở phần dưới. Do tính cách di cư của loài ngỗng trời này, hình tượng chim này được sử dụng trong Phật giáo cổ đại như là biểu tượng của sự 'từ bỏ'. Tòa kim cang có lẽ do vua A Dục xây dựng, thật ra những trang trí hình lá cỏ và hình ngỗng trời được tìm thấy trên những trụ chính ở Sanchi đã làm tăng thêm sự chính xác của nhận định này. Gần gốc cây Bồ Đề có một tấm đá có khắc hình hai bàn chân, phật tử thì cho là dấu chân Phật nhưng Hindu thì lại cho đó là dấu chân của Vishnu.

Từ thời vua A Dục (270-232 TTL) và trải qua nhiều thế kỷ, số lượng phật tử, tinh xá và chư Tăng đã có mặt ở BDDT. Phật tử đến đây có nơi để thực tập thiền định và những hoạt động xã hội. Sau này Phật giáo suy tàn ở Ấn Độ, những cơ sở này cũng biến mất, và Đại tháp bị bọn Hồi giáo và nhóm phản động Hindu tàn phá vào thế kỷ 13. Sau đó tháp lại bị một đạo sĩ Hindu lợi dụng trong lúc tình hình nhiễu loạn đã chiếm cứ. Nhưng đến năm 1953 tên Mahant bị tống khứ ra khỏi đây và BDDT được giao lại cho Hội Đồng Quản trị BDDT được thành lập do sắc lệnh của chính quyền bang Bihar. Từ đó BDDT phát triển nhanh chóng, hiện nay số lượng chùa các nước Phật giáo trên thế giới đều có mặt ở đây.



Kim Cang Tòa ở BDDT

Năm 1956 kỷ niệm lần thứ 2500 ngày đức Phật niết bàn. Điều này đã có tác động làm hồi sinh lại những hoạt động ở BDDT. Số lượng chùa, tinh xá của các nước tăng nhanh. Tuy nhiên chùa đầu tiên trong số này là Mahabodhi Sangharama, do vua Tích Lan xây dựng vào thế kỷ thứ 4 TL. Hiện nay có đến 25 tinh xá, chùa, và những tổ chức đang hoạt động tại đây trong nhiều lãnh vực. Sự hiện diện của nhiều chùa của các nước trên thế giới đã làm nổi bật thánh địa nơi đức Phật thành đạo và cũng nói lên được sự đoàn kết của Phật

giáo. Lời kinh cầu nguyện âm áp: “*Buddham saranam Gachchami, Dhammam Shaganam Gachchami, Sangham Sharanam Gachchami*” (Quy y Phật, Quy Y Pháp, Quy Y Tăng), những câu thần chú “Om mani Padme Hum” và “Namo Myo Ho Rengo Kyo” được trì tụng hàng ngày làm tăng thêm phần thiêng liêng và nói lên tinh thần hoà hợp của đạo Phật tại BĐĐT. Thực ra, số lượng chùa tháp và tinh xá mọc lên ở đây chắc chắn làm tăng thêm vẻ mỹ quan ở BĐĐT. Thêm vào nữa, sân bay quốc tế tại Gaya đã hoạt động nên những phật tử, tu sĩ khắp nơi trên thế giới có thể dễ dàng về đây để chiêm bái thánh địa này.

Hầu như những nước Phật giáo phát triển đều có chùa tại đây và họ đều xây dựng theo phong cách của mỗi nước.

### HỘI MAHA BODHI Ở ẤN ĐỘ

Khi Anagarika Dharmapala (1864-1933) lần đầu tiên đến BĐĐT vào năm 1891, cơ sở Phật giáo duy nhất ở đây là một nhà nghỉ do vua Miến Điện Mindon-Min xây dựng vào năm 1875 cho phái đoàn do vua dẫn đầu đến đây để tiến hành việc sửa chữa Đại tháp. Thật sự thì nhà nghỉ này đã trở thành trung tâm cho những hoạt động của vua và liên tiếp hơn 10 năm. Sau này, Dharmapala đã ở đây để tranh đấu với gã đạo sĩ Hindu (đang chiếm Đại tháp). Bởi vì Mahant không chịu nhường đất cho hội Maha Bodhi cho nên năm 1900 chính quyền thị trấn Gaya đã cấp cho Hội một mảnh đất, ở đó bây giờ là Nhà Nghỉ Maha Bodhi. Toà nhà lịch sử này được sử dụng để truyền bá chánh pháp trong suốt 100 năm nay, được chính quyền địa phương xây dựng qua sự cúng dường và hỗ trợ của Phật giáo Miến Điện và Tích Lan theo lời yêu cầu của ngài Anagarika Dharmapala, chi phí xây dựng lúc đó mất 15,000 rupees.

Sau khi xây cất xong vào năm 1901, Nhà nghỉ Maha Bodhi đã trở thành văn phòng chính của Hội Maha Bodhi, cũng là nơi nghỉ cho nhiều phái đoàn hành hương đến từ các nước trên thế giới và Ấn Độ. Cũng như một tháp canh, Nhà Nghỉ Maha Bodhi gìn giữ an toàn, sự thiêng liêng cho Đại tháp. Từ năm 1953, chư tăng của Hội Maha Bodhi có bốn phận tổ chức những buổi lễ truyền thống Phật giáo tại BĐĐT. Và từ năm 1970, với lòng nhiệt thành và hy sinh, những hoạt động này đã được thượng tọa B. Pannarama tổ chức. Dưới sự quản lý và bảo trợ của Hội, ngày lễ Phật đản và những lễ hội khác đều được tổ chức tại BĐĐT. Ngày lễ Phật đản trong những năm tới sẽ vào những ngày sau đây: 16-5-2003, 4-5-2004, 23-5-2005, 13-5-2006, 2-5-2007, 20-5-2008, 9-5-2009, và 27-5-2010.

Những nỗ lực phục hồi Phật giáo khởi xướng do ngài Angarika Dharmapala thành tựu sau gần 100 năm, 1991. Lễ kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Hội được tất cả trung tâm của Hội tổ chức rất long trọng ở BĐĐT, nơi Hội thành lập đầu tiên, tượng ngài Anagarika Dharmapala được đặt ngay chính giữa của nhà nghỉ MahaBodhi vào ngày 23-9-1991. Tượng ngài



Dharmapala do thượng toạ Wipulasara, Tổng thư ký Hội Maha Bodhi Ấn Độ thiết kế và tạc, và mọi chi phí do ngài R. Premadasa, tổng thống Tích Lan cúng dường.

Toạ lạc ở một khu lý tưởng, gần Đại tháp và bến xe buýt, Hội Maha bodhi tại BDDT là điểm rất tiện lợi cho các du khách hành hương liên hệ. Trung tâm không những cung cấp những thông tin và hướng dẫn khách hành hương mà còn ấn hành nhiều sách về Phật học và sách nghiên cứu về Ấn Độ.

### CHÙA MIẾN ĐIỆN

Chùa Miến Điện nằm trên một con đường củ dẫn đến Gaya, gần đồn cảnh sát. Chánh điện của chùa có nhiều bức tranh rất đẹp vẽ về nhiều sự kiện trong cuộc đời đức Phật. Chùa được xây dựng theo kiến trúc một chùa nhỏ và mô hình của Pagan, một thành phố có 5000 ngôi chùa. Nhà nghỉ của Miến Điện là toà nhà của một nước Phật giáo xây dựng đầu tiên tại BDDT. Nhà nghỉ do vua Miến Điện Mindon-Min xây vào năm 1875 cho những người Miến Điện trú ngụ để tu sửa BDDT. Nhà nghỉ này sau này phá đi để xây dựng chùa và nhà nghỉ hiện nay. Chùa Miến Điện có một chánh điện trang nghiêm để cho chư tăng tu tập theo truyền thống nam tông.

### CHÙA GELUGPA TÂY TẠNG

Chùa Tây tạng nằm ở hướng Đông bên cạnh nhà nghỉ Maha Bodhi ngay khu trung tâm, rất quen thuộc với khách hành hương. Chùa thuộc phái Gelugta của Phật giáo Tây Tạng, do một Lạt ma nổi tiếng của Ladakh xây dựng năm 1933. Kiến trúc theo phong cách Tây Tạng, chùa gồm có một chánh điện ở tầng một trang trí nhiều bức tranh rất đẹp, cất giữ kinh tạng và những pháp khí. Tầng hai của chùa có nhiều bức tranh vẽ trên tường theo phong cách thangka với những đám mây, bánh xe và bồ tát. Du khách viếng thăm sẽ được mời xoay cái bánh xe hình trụ lớn để cầu nguyện ở tầng dưới. Những bức tranh trên tường vẽ theo nghệ thuật Tây Tạng nói về cuộc đời của đức Phật, những vị Tổ Đại thừa và truyền phái Vajrayana. Ở tầng này cũng có một bánh xe cầu nguyện lớn. Chùa hiện nay có vai trò rất quan trọng là Ngài Tenzin Gyatso Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, sống tị nạn ở Dharamsala từ năm 1959, đến ở đây mỗi khi Ngài về BDDT.

### CHÙA TRUNG QUỐC

Một ngôi đền thờ và một chùa nhỏ, được xây dựng theo kiến trúc chùa ở Trung Quốc, cách Nhà nghỉ Maha Bodhi không xa về hướng Tây Nam. Chùa được xây dựng vào năm 1935 do một tu sĩ tên là Shih-tih Chen. Chùa thờ một tượng Phật bằng đá trắng, trên tường có vẽ nhiều tranh minh họa những sự kiện của cuộc đời đức Phật.

### CHÙA THÁI LAN

Chùa xây dựng theo kiến trúc đặc biệt Thái, (Wat Thai-Chùa Thái), địa điểm tham quan đẹp thứ hai ở BDDT, nằm ngang với chùa Trung Quốc, nằm về hướng tây của Viện Khảo Cổ, cách lộ chính chừng 500 mét. Chùa lớn với nhiều màu sắc như chùa Đá ở Bangkok, với hình móng nhọn trên những mái ngói vàng, chùa xây dựng và khánh thành vào năm 1957. Với tinh thần thoáng, bên trong chùa có những áp phích của các dịch vụ du lịch gắn trên tường. Sau chùa được Hoàng Gia Thái Lan xây dựng trở lại vào năm 1970-1972, một tượng Phật vàng được tôn trí ở chánh điện đã thu hút khá nhiều khách tham quan.

Tượng Phật vàng được tổ chức An vị rất trang trọng vào ngày 3 tháng 5 năm 1967. Tượng Phật cao 3.60 mét do thủ tướng Thái Lan Thanom Kitikachorn cúng dường được chở từ Bangkok đến Gaya bằng máy bay quân sự đặc biệt của Mỹ. Từ Gaya tượng được chuyển bằng một máy bay nhỏ đến BDDT cùng với chư tăng và phật tử dẫn đầu là thượng tọa Phra Deb Visuddhmoli, trụ trì chùa Thái. Chư tăng và phật tử đã rước Phật đi nhiều tháp ba vòng và làm lễ tại Kim cang toà trước khi tượng được thỉnh về chùa Thái. Từ năm 1970 về sau, được sự tài trợ của chùa, chư tăng ở Ấn Độ thường tổ chức những cuộc họp định kỳ hàng năm tại chùa Thái.

### CHÙA BHUTAN

Queo sang góc phố phía trên một tí là chùa Bhutan. Lễ đặt đá xây dựng chùa này vào ngày 28-10-1983. Bhutan thuộc Phật giáo Đại thừa và theo phái Dukpa Kargyu của Tây Tạng. Chùa do Hoàng gia Bhutan xây dựng mang đậm nét văn hoá dân tộc, Miền đất của Rồng.

### CHÙA KARMAPA TÂY TẠNG

Đọc theo đường và hơi đi xuống phía dưới một tí là ngôi chùa trang trí màu sắc, chùa Kagyupa Vajrayana và Tu Viện Phật Giáo Đại Thừa (1938) gọi tên là Chùa Karmapa của Tây Tạng. Chùa thuộc phái Kagyupa Phật giáo Tây Tạng. Chùa này gồm nhiều bức tranh lớn miêu tả cuộc đời đức Phật và một bánh xe Pháp luân, bánh xe sẽ được quay ba lần khi lễ sám hối. Những bức tranh ở đây một số copy từ những bức tranh ở Chùa Mulagandhakuti ở Sarnath. Ở đây còn có một trống làm bằng kim loại màu đỏ và vàng.

### CHÙA NHẬT BẢN – INDOSAN NIPPONJI

Nằm phía trên chùa Tây Tạng, và nằm phía bên phải con lộ là chùa Nhật Bản. Chùa do Hội Phật Giáo Ái Hữu xây dựng, hội này thành lập ở Nhật vào năm 1968 do nhiều hệ phái Phật giáo. Văn phòng chính của Hội ở tại Nakameguro, Meguro-Ku, Tokyo. Chủ tịch đầu tiên của Hội là Đại đức Shoyu

Iwaya, một tu sĩ rất có tiếng tăm, và ngôi chùa đã được thiết kế và tiến hành xây dựng dưới sự chỉ đạo của ông. Bước đầu tiên của dự án là lễ đặt đá Văn phòng Phật giáo thế giới tổ chức tháng 9 năm 1968, và công trình hoàn tất vào tháng 2 năm 1970. Công trình xây dựng chùa khởi công tháng 12 cùng năm đó và hoàn tất vào tháng 11 năm 1973. Cổng chùa chính thức khánh thành vào ngày 8 tháng 12 1973 do ông V.V Giri, sau này là tổng thống Ấn Độ. Cổng sau của chùa có bức tranh vẽ dân chúng chen chúc kéo đến đức Phật. Chùa có một bệnh viện từ thiện, tinh xá và một chuông hoà bình. Chuông được đánh đều đặn vào mỗi sáng và tối. Có một dự án xây dựng tượng Phật Di lặc cao 100 mét tại BDDT cũng là biểu tượng của hoà bình thế giới.

Chùa là một bản sao của những ngôi chùa cổ bằng gỗ ở Nhật. Chùa Nhật Bản có một nét đẹp tự nhiên không có một sự trang trí hay thiết kế nhân tạo. Trên bức tường trong chùa là bức tranh minh hoạ những sự kiện quan trọng của cuộc đời đức Phật. Ở giữa là tượng Bồ Sư được mang sang từ Nhật. Hai tầng mới xây dựng, nền được lát bằng đá bóng rất đẹp và có nhiều hình tượng đức Phật bằng vàng.

Chùa Nhật đối diện với chùa Thái do Hội Phật giáo Ai Hữu (International Buddhist Brotherhood Association-viết tắt là IBBA) xây dựng tháng 10 năm 1965. trên đất của trụ sở chính quyền Bihar, sau được chuyển nhượng cho chùa. Chùa xây bằng loại đá đặc biệt của Ấn Độ, do những kiến trúc sư và kỹ sư Nhật bản dựa theo kiến trúc cổ của Nhật.

Trước chùa là một tháp chuông, chuông nặng 250 kg. Chuông do ông Kono Suke Motsewhito, chủ tịch công ty điện lực quốc gia Nhật tặng. Chuông được đánh vào mỗi sáng từ 5 giờ chiều lúc 6 giờ vào tháng 4 đến tháng 9, từ tháng 10 tới tháng 3 sáng lúc 6 giờ chiều lúc 5 giờ. Buổi trưa thì chuông được đánh suốt năm. Dân địa phương ở đây cũng nhờ tiếng chuông chùa mà biết được giờ giấc để đi làm theo giờ thỉnh chuông chính xác của chùa.

Phần thứ ba của dự án là công trình xây dựng trường Bồ Đề mẫu giáo được tiến hành thi công. Lễ khởi công tổ chức ngày 8-12-1975. Một món quà của những em bé và những nhà tài trợ những trường Bồ Đề Mẫu giáo ở Nhật bản gửi đến cho trẻ em Ấn Độ. Toà nhà hoàn tất vào tháng 2 năm 1977, và ngày 15 tháng 9 năm 1977 đến tháng 12 năm 1977, trường bắt đầu hoạt động dạy dỗ thường xuyên cho khoảng 40 em thuộc gia đình nghèo khó. Năm 1979, trường bước sang năm thứ ba hoạt động, số lượng các em lên đến 50. Hiện tại con số học sinh ở trường lên đến 200 em. Trẻ em từ ba tuổi rưỡi đến bốn tuổi sẽ được nhận sau khi xét nghiệm và khám sức khoẻ. Sau khi học xong chương trình học hai năm mẫu giáo, các em được học chương trình tiểu học. Nhờ vậy mà tất cả trẻ em gia đình nghèo và giai cấp thấp không có đủ điều kiện cho con em đến trường đều tham gia lớp học này sau khi đi mẫu giáo. Mỗi ngày 4 tiếng đồng hồ các em có tham dự những khoá lễ ở chùa, trước bữa ăn thường

nghe giảng về nhiều đề tài, học ngôn ngữ, âm nhạc, học vẽ và nhiều hoạt động khác. Trường còn những cung cấp như khám bệnh định kỳ, đồng phục, dụng cụ giảng dạy, ăn trưa, và nhiều tiện nghi khác.

Chùa Nhật còn khám bệnh miễn phí cho những du khách và dân địa phương tại Phòng Khám Bệnh Từ Thiện Komyo, phòng khám này khánh thành tháng 12 năm 1983, và đã hoạt động đều đặn từ đó đến nay với một đội ngũ bác sĩ và dụng cụ tốt.

Mong muốn của Đại Đức S. Iwaya, chủ tịch Hội Phật giáo Ai Hữu và những đồng sự, từ năm 1975 Hội thường xuyên tổ chức những buổi hội thảo, hội nghị về nhiều đề tài Phật giáo từ ngày 8-10 tháng 12 tại BDDT. Hội cung cấp mọi chi phí, nhu cầu cho những người tham gia hội thảo. Số lượng người tham dự mỗi năm mỗi tăng. Bài hội thảo của các học giả sẽ được tuyển chọn cẩn thận bởi Ban Biên tập và sẽ được ấn hành và phát ra trong buổi hội thảo kế tiếp. Dưới sự tài trợ của chùa Nhật bản, hội nghị Phật giáo thế giới luôn luôn được chủ tọa bởi chủ tịch Hội Phật giáo Ai Hữu, Nhật bản. Hiện tại Đại Đức Tiến sĩ Arsta Tulku là Tổng thư ký của Hội IBBA.

### CHÙA DAIJOKYO

Ngay bên cạnh ngôi chùa Nhật bản đầu tiên (Indosan Nipponji), nằm trên một con lộ khác, một ngôi chùa Nhật khác được xây bởi Hội Daijokyo của Nhật bản. Phái Daijokyo do Đại Đức Tatsuko thành lập, văn phòng chính ở Nayoga, Nhật bản. Chữ Daijokyo có nghĩa là Đại thừa. Phái này gọi là Liên Hoa Tôn do ngài Nichiren truyền bá (1222-1282 TL) vào thế kỷ 13. Daijokyo do cư sĩ thành lập cho nên nghi lễ rất đơn giản ít phức tạp, người đứng đầu giáo phái là một cư sĩ hội viên được bầu lên.

Chùa Daijokyo với mái chùa cao vút, đã được ông Giani Zail Singh và tổng thống Ấn Độ, cộng thêm sự giúp đỡ của Đại Đức Y. Sugisaki, chủ tịch phái Daijokyo khai mạc khánh thành vào ngày chủ nhật 13 tháng 2 năm 1983. Vào ngày này chương trình lễ đặc biệt theo truyền thống Nhật bản được tổ chức long trọng ở chánh điện, nơi thờ tượng Phật Bốn Sư và Bồ Tát.

Lễ kỷ niệm một năm ngày thành lập được tổ chức vào ngày 12-2-1984. Cùng ngày hôm đó có tổ chức lễ an vị Phật, tượng được thỉnh vào ngày khánh thành chùa. Lễ kỷ niệm lần thứ hai tổ chức vào ngày 23-2-1985, cùng với lễ đặt đá xây dựng Đại Phật và khai trương trường học Daijokyo. Lễ kỷ niệm lần thứ ba tổ chức ngày 19-1-1986 cùng với lễ đặt đá Nhà nghỉ Daijokyo. Lễ kỷ niệm lần thứ 6 tổ chức vào ngày 13-11-1989 cùng với lễ khánh thành tượng đài Phật với sự chứng minh của Ngài Đạt lai Lạt Ma thứ 14 Tenzin Gyatso. Đại Đức Y. Sugisaki chủ tịch hội Daijokyo của Nhật chào đón các vị quan khách đến dự buổi lễ mang tính lịch sử này. Lễ tổ chức liên tục trong ba ngày, hàng trăm tăng sĩ của các hệ phái đến tưng kinh, lễ hoàn mãn vào ngày 20-11-1989.

## TƯỢNG ĐÀI ĐẠI PHẬT

Nằm ở cuối con đường bên cạnh chùa Daijokyo, tượng Phật cao nhất tại Ấn Độ được xây dựng bởi phái Daijokyo Nhật bản. Khu vực này rộng khoảng chừng một héc ta đất do chính quyền bang Bihar cấp. Tượng Đại Phật này được tạo theo phong thái kiến trúc Kamakura Nhật, cao 24.25 mét, 18.25 bề ngang. Tượng được làm bằng đá Chunar màu hồng và vàng tượng Phật ngồi trên một toà sen trong tư thế ngồi thiền, mắt nhắm một nửa. Tượng được đặt trên bộ bệ bằng bê tông. Tượng rỗng bên trong, có cầu thang hình xoắn ốc có thể đi từ dưới lên đến ngực, đoạn này chia làm bốn tầng. 16,300 tượng Phật nhỏ bằng đồng làm tại Nhật đặt trên những cái kệ bằng gỗ đặt ở ba tầng bên trong tượng. Công trình xây dựng điêu khắc tượng do Thakur và các con trai của Khudar đảm trách kéo dài hơn 5 năm bắt đầu từ năm 1984. Ngài Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 chứng minh lễ khánh thành tượng đài này vào năm 1989. Lễ kỷ niệm lần thứ 10 chùa Daijokyo tổ chức vào ngày 9-11-1993 khi hai tượng hai vị đại đệ tử của đức Phật là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên được tôn trí ở hai bên tượng đài.



Tượng Phật tại chùa Nhật Bản

Chùa Daijokyo cũng có nhiều hoạt động khác, vào ngày chủ nhật chùa có một lớp học từ thiện dạy học cho khoảng 50 em học sinh thuộc gia đình nghèo tại địa phương. Lớp học dạy các em tụng kinh, học hát, vẽ, cách xếp giấy thành những hình con thú, hoa... Trường cũng có dạy cả tiếng Hindu và tiếng Anh. Chùa cũng có một lớp dạy nghề từ thàng 2-1985 nằm ở một toà nhà 2

tầng bên cạnh chùa. Ở đây thường xuyên có những lớp dạy đánh máy (6 tháng), dạy may (1 năm). Mọi thứ đều miễn phí, và trường còn cung cấp những thứ cần thiết cho học sinh học ở những lớp may.

Chùa Daijokyo, tượng đài Đại Phật, Nhà nghỉ và những hoạt động khác đều do Hội Daijokyo điều hành và hiện tại do ông M. Subba điều hành một cách có hiệu quả, ông vừa là giám đốc kiêm thư ký từ khi bắt đầu.

Chùa cũng có những liên hệ với các chùa Tích lan, Việt Nam, Hàn Quốc, Đài Loan, Bangladesh, và Nepal...

Cạnh Đại tháp Maha Bodhi Temple là chùa Shaivite gồm một cụm bốn tinh xá, chung quanh là cây cối xanh tươi và được chú ý đến với nghệ thuật kiến trúc tuyệt vời, chùa còn có nhiều mộ của các vị tổ. Nằm dọc là dãy tầng xá. Và chú ý đến toà nhà của Mahant phía bên trái ngay khi bạn vừa đặt chân đến thành phố. Bây giờ là một ngôi đền thờ của Hindu, ở đây bạn có thể nhìn thấy dòng sông Ni Liên Thuyền và ngọn đồi Sujata bên trên, và cũng là một địa điểm thú vị để ngồi thiền. Không xa lắm từ tinh xá Shaivite là đền thờ Jagannath, thờ thần Shiva và có một tượng thần khắc trên tảng đá đen bóng.

Sau khi thành đạo đức Phật đã tắm tại dòng sông Ni Liên Thuyền chảy bên ngoài ngôi làng nhỏ yên tĩnh, soi bóng ngọn đồi trước mặt. Sông Ni Liên Thuyền cách đại tháp chừng 250 mét về hướng Đông. Tương truyền rằng đức Phật đã thả bình bát xuống dòng sông này. Ngài lập thệ nguyện rằng nếu Ngài thành đạo thì bình bát sẽ trôi ngược dòng sông như những vị Phật trong quá khứ. Bình bát đã trôi ngược dòng như lời Ngài thệ nguyện. Chừng 2 cây số rưỡi là một mô đất cây cối um tùm, là vị trí ngôi nhà của Sujata. Một số người cho rằng đây là vị trí của cây Ajapala Nigrodha nơi đức Phật trải qua tuần thứ bảy hưởng pháp lạc sau khi Ngài thành đạo. Nhìn bên ngoài thì mô đất giống như một tháp cổ.

## VIỆN BẢO TÀNG KHẢO CỔ HỌC

Viện Bảo tàng này hoạt động từ 28-12-1956, được Ngài Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 Tenzin Gyatso khánh thành khai mạc, trưng bày một số hình tượng bằng đá kim loại từ thế kỷ thứ 1 TTL đến thế kỷ thứ 11 TL. Đa số tượng ở đây thuộc vào thời đại Pala-Sena (thế kỷ thứ 8-12) nhiều hình tượng đức Phật được khắc trên đá, bằng đồng, vàng; tượng thần Hindu, hai tượng Yakshi, và nhiều mảnh của trụ hàng rào những ngôi đền cổ. Nhiều bức điêu khắc ở đây bị lấy đem đến các Viện bảo tàng khác hoặc biến mất trong suốt thế kỷ 19, hiện nay Viện bảo tàng chỉ còn lại rất ít hiện vật. Vật quan trọng đang được trưng bày ở đây là trụ hàng rào đá của Đại tháp. Đa số hàng rào này được tập hợp lại trong sân của Viện bảo tàng, với nhiều phần nhỏ hơn ở bên trong. Hình điêu khắc trên trụ hàng rào minh họa những ngôi tinh xá nổi tiếng, những sự kiện trong đời đức Phật, những cảnh trong cuộc sống hàng ngày, những biểu tượng

phi thường, và trong một số có khắc những thần phổ biến trong đạo Hindu và Hoàng Lão, sáng tác không có một quy luật nhất định.

Những hình ảnh có thể dễ dàng nhận ra ngay trên những hàng rào này là: (1) một vị tu sĩ trong hang động; (2) một con nai có sừng; (3) một vị tu sĩ trong túp lều với con sư tử; (4) một người đàn ông vớ một con ngựa cái có sừng; (5) hai người đàn ông chơi cờ trên một tấm ván với 64 ô vuông; (6) một người phụ nữ với đứa bé đang nghe con dê hoặc nai; (7) một con voi có ngà; (8) một người đuôi cá. Dọc theo trụ đá là một loạt hình người đuôi cá đặt tay vào trong miệng của một con quái vật ở biển, và nhiều con thú thần thoại với những kiểu trang trí cây cỏ, hoa lá.

Chạm trổ trên những hàng rào bên trong Viện Bảo tàng gồm: (1) những hình tượng lễ bái tại hang Indasala; (2) cặp tình nhân; (3) cây Bồ Đề có hàng rào chung quanh; (4) quái vật đầu người mình ngựa, có lẽ là Dhanu, cung thứ 9 trong Hoàng Đạo của Ấn Độ; (5) ba con voi lễ cây Bồ Đề; (6) người chèo thuyền hái hoa sen; (7) nữ thần Hinh du Gaja Lakshmi; (8) đền thờ thờ hình bánh xe Pháp; (9) cảnh Cấp Cô Độc đang mua vườn của Thái tử Kỳ Đà; (10) một con ngựa có cánh; (11) người có cánh đang cưỡi trên một thủy quái; (12) một chiến binh cầm kiếm và khiên chắn. Hầu hết trên những thanh ngang là hình hoa sen, đôi chỗ là hình đầu người, có nơi thú vật ở chính giữa.

Viện Bảo Tàng mở cửa từ 10 giờ đến 17 giờ đóng cửa thứ sáu hàng tuần; vé vào cửa 5 rupees.

Trãi dài trên một khu đất 142 héc ta, trường đại học Magadh nằm cách Đại tháp chừng 3 cây số về hướng Tây, trường có một trung tâm quốc tế nghiên cứu về lịch sử cổ đại, văn hoá, và triết học.

### KHU VỰC CHUNG QUANH BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG

Hang động Dungeshvari (còn gọi là Prasgbodhi, hay Mahakala) nằm cách BĐĐT 7 cây số về hướng Đông bắc, chung quanh là những khu đất bỏ hoang nằm cách xa Phalgu, là nơi mà đức Phật đã tu khổ hạnh trong 6 năm sau khi Ngài lìa bỏ hoàng thành. Do đó ở đây có một tượng Phật rất hốc hác, gầy như một bộ xương. Sau những năm tháng hành trì khổ hạnh ép xác tại Mahakala, đức Phật nhận ra rằng, trí tuệ giải thoát không thể chứng đắc được bằng phương pháp ép xác khổ hạnh. Ngài đi đến BĐĐT, ở đó Ngài nhận được một bát cháo cúng dường. Ngọn núi đá lởm chởm, những con kên kên bay ở bên trên chỉ làm tăng thêm vẻ yên tĩnh. Ở dưới núi, khách hành hương sẽ nhìn thấy nền móng của một tinh xá lớn, và trên đỉnh núi, di tích của nhiều ngôi tháp cổ. Cảnh trí yên tĩnh ở đây, và vẻ đẹp thiên nhiên của Pragbodhi và hùng vĩ của hang động là một nơi đáng để tham quan chiêm bái.

Từ dưới dốc leo một đoạn ngắn thoải thoải sẽ đến chùa Tây Tạng và vài hang nhỏ. Một chánh điện ở trong hang động chính đang được người Tây Tạng

chăm sóc, mặc dù những đạo sĩ Hindu gần đây muốn dành lấy nơi đây. Rất ít khách hành hương đến đây, nhưng thỉnh thoảng một vài xe đến thì sẽ bị bao vây bởi lũ trẻ và những người ăn xin. Hội Phật Giáo Thế Giới muốn giúp đỡ để xây dựng đường sá, và một số cơ sở hạ tầng tại đây nhưng chính quyền bang Bihar phản đối.

### TRUNG TÂM THIỀN Ở BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG

Đặc biệt trong suốt mùa Đông (chính từ tháng 11 đến tháng 2) những khoá tu và lớp thiền của cả hai hệ phái Nam truyền và Bắc truyền được tổ chức ở đây. Mahayana với những hoạt động biểu trưng của các nước như Tây Tạng, Trung Quốc, Nhật Bản... Nam tông Phật giáo đến từ những nước như Tích Lan, Thái Lan và một số nước ở Đông Nam Á. Các thiền sư đến từ khắp nơi trên thế giới để dạy cho những phật tử và những người muốn nghiên cứu, học hỏi đạo Phật ở tại một môi trường linh thiêng ở thành phố chùa tháp này. Một vài trung tâm thường trực ở BDDT luôn có những buổi giảng dạy giáo lý. Những buổi giảng pháp này là hoạt động chính ở BDDT. Có thể đọc thấy những chương trình khoá tu ở những quán cà phê, Root Institute hay chùa Miến Điện.

Root Institute for Wisdom Culture (điện thoại: 0631- 2400714; web: [www.rootinst@nda.vsnl.net.in](mailto:www.rootinst@nda.vsnl.net.in)) nằm ở cuối phố, bên trái của một con đường thường xuyên có đầy rác rưởi, cách Đại tháp chừng 2 cây số là trung tâm tu học với những khu vườn đẹp, một chánh điện, thư viện và nhà ở. Những khoá tu thường tổ chức vào những tháng mùa đông kéo dài từ 7 đến 10 ngày, tập trung vào giáo lý Đại thừa do những Lạt Ma hướng dẫn. Một khoá tu 8 ngày đóng 2600 rupees bao gồm cả ăn uống. Phòng đơn có nhà tắm và hành lang với giá từ 300-450 rupees, phòng tập thể giá 175 rupees một ngày. Điểm tâm được tính chung vào tiền phòng. Người tu ở đây có thể thuê phòng cả 3 tháng, nhưng phải đặt cọc trước. Trung tâm còn có chương trình hoạt động giúp đỡ dân địa phương về y tế, nông nghiệp, giáo dục, gồm cả việc trồng cây vào mùa mưa, nhà tế bần, người hủi và bại liệt hoạt động quanh năm. Trung tâm cần những người tình nguyện cho những việc không chuyên môn, và cũng để giúp chăm sóc trường từ thiện và phòng khám bệnh. Tất cả 90 trung tâm thiền trên khắp thế giới bao gồm cả trung tâm ở Kapan gần Katmandu, Nepal hoạt động do ngân quỹ của Hội Bảo Tồn Phật Giáo Đại Thừa (Foundation for the Preservation of the Mahayana Tradition, FPMT), trung tâm cũng có tài trợ trong dự án xây dựng Đại Phật Di lạc cao 128 mét.

TRUNG TÂM THIỀN THẾ GIỚI DHAMA BODHI (The Dhamma Bodhi International Meditation Centre), (điện thoại 631- 2400437), một trong những trung tâm thiền ở Ấn Độ, cách trường đại học Magadh chừng vài cây số trên đường Dobhi. Trung tâm tổ chức thường xuyên trong năm những khoá thiền



kéo dài từ 10 đến 12 ngày (trừ tháng 6). Trung tâm còn cung cấp miễn phí chỗ ở và thức ăn cho thiền sinh nhưng có thể cúng dường tùy hỷ. Chi tiết về những khoá thiền có thông báo ở Học Viện Quốc tế ở Maharashtra (đt: 02553-285076). Hoặc có thể tiếp xúc trung tâm DhammaDipa ở Anh (Harewood End, Hereford HR2 8JS; Tel: 01989- 730234)

TRUNG TÂM THIỀN QUỐC TẾ (The International Meditation Centre, đt: 0631-2400707) nằm phía sau chùa Trung Quốc chừng vài trăm mét, thành lập do thượng toạ tiến sĩ Rashtrapal Mahathera, bắt đầu hoạt động từ ngày 29-1-1970. Trung tâm ở gần trường đại học Magadh, phía bên kia của chùa Thái Lan. Đây là trung tâm thiền đầu tiên ở BDDT. Trung tâm trước đây nằm ở trục đường chính trong một khu đất rộng 2 héc ta đối diện đại học Magadh. Cổng bằng trụ đá hùng vĩ làm nổi bật trung tâm này. Toàn bộ trung tâm bao gồm một thiền đường hai tầng và bảy toà nhà vừa là văn phòng vừa là thư viện, một trường tiểu học từ thiện Pragyana, một phòng khám từ thiện Taugpulu Sayadaw. Từ tháng 11 năm 1993, một cô nhi viện và từ thiện xã hội được thành lập tại trung tâm này. Từ tháng 4 năm 1990, Trung Tâm Thiền Quốc Tế (TTTQT) thành lập một cơ sở khác gần BDDT. Trung tâm mới này có một nhà nghỉ hai tầng với 8 phòng, một thiền đường riêng biệt rộng rãi và một số toà nhà khác. Cả hai cơ sở của TTTQT đều được tôn trí hai tượng Phật rất đẹp và quý trong tư thế ngồi thiền được thượng toạ Bhadant Yanaviriyachan, trụ trì chùa Dhammamongkol, Bangkok và Ni sư Kruapanich ở Thái Lan tặng. Trung tâm tổ chức những khoá tu 10 ngày cho những người sơ cơ và những khoá tu thiền kéo dài 30 ngày dành cho người đã có kinh nghiệm tu thiền. Mỗi ngày bắt đầu từ 4 giờ 30 và 6 tiếng đồng hồ dành cho những nhóm thiền, có thời gian nghỉ xen kẽ. TTTQT cũng có những lớp giảng dạy về thiền quanh năm. Tất cả đều miễn phí, chỉ tùy hỷ cúng dường.

Những lớp thiền cơ bản cũng có ở chùa Miến Điện; mặc dù lớp thiền này không phải là hoạt động thường xuyên nhưng cũng cung cấp được những kiến thức cơ bản vì ở đây chủ yếu về những hoạt động xã hội gồm cả dạy học. Những người tự nguyện từ phương tây luôn được chào đón. Chùa Tây Tạng cũng có những khoá thiền. Chùa Thai thỉnh thoảng có những khoá tu thiền theo truyền thống Nam tông. Những cư sĩ của Liên Hoa Tôn bên cạnh chùa Trung Quốc cũng có hướng dẫn thiền .

## CHỖ Ở

Những du khách hành hương có thể ở tại các chùa; đa số phòng ở đây thì đơn giản. Đối diện với nhà hàng New Pole-Pole (mở theo mùa), nằm bên trái con đường Gaya, *Chùa Miến Điện* (đt: 0631- 2400721) có những căn phòng tiện nghi với giá rất rẻ 100-200 rupees. Suốt mùa cao điểm (tháng 11 đến

tháng giêng), 35 sinh viên của trường cao đẳng Antioch ở Ohio Mỹ thường đến đây để thay đổi không khí trong thời gian chờ đợi vào đại học.

*Chùa Bhutan* (Tel: 0631- 2400710), nằm ở đường Temple, gần tượng đài Đại Phật, cách khách sạn Shanti Buddha vài trăm thước, là một nơi dừng chân lý tưởng với giá rất mềm từ 200/400 rupees cho phòng đơn và phòng dành cho gia đình.

*Chùa Daijokyo* (Tel: 0631- 2400747), cạnh tượng đài Phật Bốn Sư, có một khách sạn rất đẹp Nichiren Buddhist Hotel dành cho những khách hành hương và du khách; hiện tại ở đây không lấy tiền thuê phòng.

*Chùa Tamang* (Tel: 0631- 2400802), nằm trên đường Bodhgaya gần Viện Bảo tàng Khảo Cổ, có nhiều phòng sạch sẽ nhưng không được rộng rãi lắm.

Hội Mahabodhi và Nhà nghỉ Sri Lanka (Tel: 0631- 2400742, fax: 0631- 2400880) gần Đại tháp, có nhiều phòng tập thể với giường tiện nghi với giá 200/300 rupees.

*Chùa Gelugpa Tây Tạng* gần Hội Mahabodhi, có những phòng rất rẻ, không tiện nghi lắm nhưng sạch sẽ giá 200/300 rupees.

*Chùa Kagyu Tây Tạng*, nằm gần tượng đài Phật, là một nơi nghỉ với giá rất hữu nghị 100/150 rupees.

*Nhà nghỉ Ram* (Tel: 0631- 2400644), khách sạn Amar và Shashi nằm trên đường Gaya có nhiều phòng sang trọng cho những du khách giàu có. Ngoài những nơi này ra thì du khách cũng có thể nghỉ lại chùa Shakya Tây Tạng, chùa Nepal. Tất cả những nơi nghỉ thuộc tôn giáo mong du khách tuân thủ những nội quy, và có tác phong đạo đức.

*Nhà nghỉ Birla* do Jugul Kishor Birla xây dựng ở phía Đông bắc nhà nghỉ Mahabodhi Society, cũng có một tháp rất thu hút du khách.

Hàng loạt khách sạn hạng trung bình và hạng sang mọc lên ở BDĐT. *Bodhgaya Ashok* (Tel: 0631- 2400700 tại Gaya), gần Viện Bảo Tàng có những phòng rất tiện nghi theo kiểu Bungalow (nhà gỗ một tầng) và một toà nhà rất đẹp, với giá từ 2500 rupees trở lên.

*Buddha International* ( Tel: 0631- 2400505, nằm ở phía Nam Bodhgaya gần chùa Indosan Nipponji là một khách sạn rất ấn tượng nhưng giá thì phải từ 2000-3000 rupees.

*Khách sạn Lotus Nikko* (32 phòng; Tel: 0631- 2400789, Fax: 0631- 2400788; email:lotus@dél.vsnl.net.in); giá 1500-2500 rupees.

*Chùa Buddha* (Tel: 0631- 2400445), *Công ty Du lịch Bihar* với giá rẻ cho những phòng tập thể 3, 4 và 6 giường.

*Embassy* (Tel: 0631-2400711), có những anh lính bảo vệ mang găng tay trắng giá 1500-2500 rupees.

*Nhà nghỉ Mahayana Tibetan* (73 phòng; Tel: 0631- 2400756, Fax: 0631- 2400676, Email:mahayanagt@yahoo.com), một khách sạn lớn cách Chùa

Gelugpa chừng 200 mét, có nhiều phòng đẹp, có một đại sảnh nơi chũ tầng có thể tổ chức những cuộc họp; ngài Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã ở đây trong chuyến viếng BDDT năm 1998, giá phòng 600-1200 rupees.

*Nataranjana* (Tel: 0631- 2400475) giống như nhà nghỉ *Embassy* giá 1200 rupees cho phòng đôi.

Nhà nghỉ *Shanti Buddha* (Tel: 0631- 2400534) nằm ở phía nam Viện Bảo Tàng, là một trong những nơi mới thành lập với giá trung bình cho những phòng sang trọng có cả nhà tắm và bếp bên trong giá từ 1500-2500 rupees.

*Shiva* (Tel: 0631- 2400425) đối diện với Đại tháp, ngay khu vực trung tâm với những phòng có máy lạnh giá 600-1500 rupees.

*Siddharth Vihar* (Tel: 0631-2400445), *Bihar Torist Complex* có phòng đôi với nhà tắm giá 400-600 rupees.

### THỨC ĂN

Nhà hàng ăn thì thay đổi theo từng mùa, và giá sẽ đắt đỏ khi vào mùa du khách và những khách hành hương tựu về. *Căn teen Mahabodhi tại Nhà nghỉ của Sir Lanka* phục vụ những món ăn Trung Quốc tương đối khá. *Khách sạn Shiva* gần văn phòng du lịch có cả thức ăn Tây và Ấn. *Fujia Green Chinese Restaurant* ngay phía ngoài chùa Tây Tạng có rất nhiều món ăn Típet và Ấn, có cả momo gà, và mì chay quanh năm. *Sujata Restaurant* (Tel: 0631-2400725), nằm bên trong khách sạn Bodhgaya Ashoka, gần Viện Bảo Tàng là nhà hàng trang trí rất đẹp và rất đắt. *Om Café* vừa mới khai trương là nơi gặp gỡ rất quen thuộc. Giá cả vào mùa Đông gồm luôn cả thức ăn nhẹ là *New Pole-Pole*, đối diện chùa Miến Điện, và *Ginza* đối diện chùa Thái phục vụ thức ăn cho những du khách người Nhật. Trong số những nhà hàng lưu động *Pole-pole*, *New Pole-Pole* và *Gautam* cũng phục vụ tốt.

#### 4. GAYA, NƠI ĐỨC PHẬT NHIỀU LẦN ĐẾN

*Đức Phật ở Gayasisa gần Gaya cùng với một ngàn vị tỳ kheo.*

*Vinaya, IV. 35.*

Dân số: 335.000. Mã số bưu điện: 823001. Mã số điện thoại: 0631.

Gaya cách Varanasi 220 cây số đường tàu hoả, 276 cây số đường bộ và 100 cây số về phía Nam Patna, thủ phủ của bang Bihar. Gaya nằm trên tuyến đường tàu hoả Delhi-Calcutta, và có nhiều chuyến tàu đi trực tiếp đến Delhi, Kolkata, Puri, và Patna. Gaya cách BĐĐT 12 cây số về hướng Bắc.

Những chuyện thần thoại của đạo Hindu miêu tả Gaya như là một trong ba trụ cột cuối cùng trong “Chiếc cầu thánh dẫn đến Thiên đàng” và được ca ngợi như là vùng đất thánh để cầu nguyện cho tổ tiên, thành phố Gaya và những vùng lân cận đã giữ truyền thống này từ thế kỷ thứ 8 như đã được thuật lại trong Vayu Purana. Vayu Purana nêu ra 324 địa điểm liên quan đến lễ nghi tổ tiên, trong số này 84 điểm có thể nhận biết hiện nay và những nơi này tập trung vào 12 thánh tích. Thần vũ trụ được biểu tượng ở ba địa danh-Gaya Mandala, Gaya Kshetra, và Gaya Puri, những địa danh này có sự gắn bó phức tạp về những câu chuyện về sanh, sự sanh sản, mặt trời và cái chết.

Khu vực trung tâm của Gaya Puri (thánh địa của Gaya) được biết như là Adi Gaya (Gaya cổ) cách Vishnupad 800 mét đối diện với sông Phalgu về hướng Đông và cuối ngọn đồi Prabha. Gaya Puri gần với từ Gayashirsha (Gayasisa in Pali), nghĩa của từ Shirsh là cái đầu, kết hợp thành nghĩa là trung tâm, mà đỉnh là ngọn đồi Naga ở hướng Đông và hồ Uttaramanas ở phía bắc. Gaya và Gayashirsha được đề cập nhiều trong những kinh sách cổ. Gaya Puri hiện nay là thành phố Gaya.

Dựa theo một trong những sách Sanskrit giá trị về hành hương và những thánh tích, cuốn Tristhalisetu (Chiếc cầu dẫn đến ba thành phố thánh) viết vào thế kỷ 16, một trong ba chỗ đó là (Cầu dẫn đến linh hồn), Gaya ở cực Đông. Hai địa danh khác là Varanasi và Prayaga (Allahabad), cả hai nằm dọc theo sông Hằng về hướng Tây. Nơi đầu tiên là Gaya một thánh địa của thần thoại được ca ngợi trong Vệ đà. “Vishnu đã ngang qua đây và đã lưu bước chân đầu tiên tại ba nơi: tất cả nơi này sẽ được hoàn thiện trong những bước chân của thần Vishnu”. Thánh kinh Nirukta, thế kỷ thứ 8 TTL, giải thích ba địa danh này là ba thánh địa ở Gaya : Samarohana, Vishnupad, và Gayashisha.

Thời hoàng kim của Gaya là vào thời kỳ Mahabharata, đặc biệt là cho việc cầu nguyện tổ tiên. Huyền Trang cũng nói đến Gaya như là một thánh địa đến đó tắm để gột rửa những tội lỗi.

Tên Gaya xuất phát từ Ma vương, Gayasura, người miệt mài hầu hạ để làm vui lòng thượng đế và được ban phép lành là tất cả thần trú ở trên thân thể của Gayasura. Do sức mạnh của thiên định thiên thần gặp các địa thần,

kết quả là sự thành hình một nơi thánh địa đầy quyền năng. Để nhớ thời hoàng kim và đầy quyền năng của ma vương, thành phố lấy tên ông là Gaya.

Giáo sư tiến sĩ Asher (1989) nói rằng nghi thức đặc biệt cầu nguyện tổ tiên và hành hương đến Gaya thời Mahabharata “có lẽ đã thu hút sự chú ý của đức Phật đến vùng ngoại ô của Gaya để thiên định và cuối cùng chứng ngộ Bồ Đề”. Dựa vào một số tài liệu được ghi lại thì vị trí và truyền thống cầu nguyện tổ tiên trước đây tại đền thờ Vishnu ngược trở lại thời kỳ của Samudragupta (thế kỷ thứ 5 TL). Hoàng hậu Ahilyabai Holkar của Indore thế kỷ 18, có thay đổi một số kiến trúc điêu khắc tại ngôi đền thờ Vishnu và một số đền thờ khác.

Ba thứ quan trọng nhất của biểu tượng thiên nhiên được miêu tả và giải thích theo ý nghĩa rộng của lễ nghi là sông Phalgu (nước chảy), Akshayatavata (Cây Bồ Đề bất tử) và Pretashila (ngọn đồi của Ma). Dòng sông biểu tượng cho sự màu mỡ của nước trong đó có đủ sự sống, sức mạnh, và sự bất diệt. Năm ngọn đồi được đánh dấu ở Gaya Kshetra là Pretashila (Tây bắc), Ramashila (Đông bắc), Prabhas cũng gọi là Ramagaya Pahar, dọc theo dòng sông Phalgu (Đông), Brahmayoni (Đông nam), và Griddhrakuta (Tây nam). Trừ ngọn đồi Prabhas (163 m) và Pretashila (266 m), còn lại ba thì ngọn cao nhất khoảng 218 m. Có cả thảy 45 nơi, và được chia thành 8 thánh địa. Tuy nhiên ba phần tư những người theo đạo Hindu đến cầu nguyện cho tổ tiên chỉ tập trung vào ba điểm sông Phalgu, đền thờ Vishnu và những nơi liên quan đến hai nơi kia.

Sông Phalgu tạo nên một khu phía đông thành phố Gaya. Theo thần thoại Ấn độ giải thích rằng tên Phalgu là kết hợp của *phala* (công đức) và *go* (ước nguyện); giải thích rộng ra là dòng sông có đầy năng lực ban phát niềm tin và công đức. Hai dòng suối Lilajan và Mohana bắt nguồn từ ngọn núi Korambe Pahar (767 m) cách Gaya khoảng 75 cây số về hướng Nam, hai nhánh này gặp nhau cách Gaya 5 cây số có tên là Phalgu. Lilanja là tên sau này nguyên trước là dòng sông Ni Liên Thuyền nơi đức Phật tắm và quảng bình bát phát nguyện trước khi thành đạo. Từ Gaya dòng sông này chảy 82 cây số về hướng Bắc, và sau đó đổ về hướng Đông và cuối cùng là nhập vào sông Hằng. Tất nhiên sông Phalgu hầu như khô phần lớn trong năm. Hiện nay có 11 ngôi đền thờ nằm dọc theo bờ trái của sông là nơi để tế lễ, tắm và cầu nguyện cho tổ tiên của tín đồ Hindu. Đền thờ Shmashan (nơi hoá táng) nằm ở phía cực Nam là nơi hoá táng. Khu vực ở giữa đền thờ Gadadhara và Sangat được sử dụng phổ biến cho những buổi tế lễ, lễ cúng thức ăn cho thượng đế và nhiều lễ hội khác. Bên bờ sông phía Nam nhìn về hướng Tây đền thờ Vishnupad, là một nơi linh thiêng Sita Kund con đường đi đến bờ sông là đền thờ Ramagaya nơi đây được sử dụng tổ chức cho mục đích tôn giáo liên quan đến đền thờ này. Đêm 30 là ngày của tổ tiên của tháng 9-10, gần đến mùa

Thu, là thời gian để cầu nguyện cho ông bà tổ tiên. Vào dịp này hàng ngàn người từ các nơi trên lãnh thổ Ấn Độ kéo về đây để tế lễ bên bờ sông Phalgu.

Vishnupad (dấu chân của Vishnu), ở khu vực trung tâm ở phía Nam sông Phalgu, Vishnupad là một địa điểm nổi tiếng ở Gaya. Thần thoại Ấn Độ kể câu chuyện của Ma vương Gayasura; nhờ thiên và khổ hạnh nên ma vương có được một sức mạnh vô song. Sau đó Brahma và Vishnu yêu cầu ma vương sử dụng vai mình như là một cái bệ cho tất cả các vị thần đứng trên vai theo sự điều khiển của Vishnu. Dấu chân của Vishnu (10x40 cm) được khắc trên một bệ đá hình bát giác. Đường kính 1.1 mét, là điểm trung tâm của đền thờ này, một vòng bằng bạc bọc dấu chân này.

Những người không thuộc đạo Hindu không được phép vào ngôi đền này. Cho đến những năm của thập niên 50 những người thuộc giai cấp thấp cũng không được vào ngôi đền. Đền thờ Vishnupad cao 30 mét với 8 dây trụ đá trang trí điêu khắc rất đẹp chống đỡ ngôi đền, đã được hoàng hậu Ahilyabai Holkar của xứ Indore, Trung Ấn phục hồi vào năm 1787. Vua Krishna Deva và hoàng hậu Tirumala Devi cho xây cổng nằm giữa đền thờ Vishnupad và Surya vào năm 1521. Thủ tướng Nepal Ranjit Pandey, tặng một chuông bằng đồng. Một chuông khác được treo ở cổng vào là của một sĩ quan người Anh tên Gillander tặng vào tháng 1 năm 1790. Chung quanh đền thờ Vishnupad một nhà nghỉ được xây dựng trong những thập niên 60, một nhà nghỉ dành cho khách hành hương, một nơi lưu niệm gồm một công viên để tưởng niệm Shankaracharya, và hai công viên khác tên là Vishnu và Tulasi ở phía sau ngôi đền. Thiếu sự bảo quản, duy trì và quá công cộng nên chung quanh đền thờ rất dơ dáy. Nhiều ngôi nhà cũ và những đền thờ hiện nay ở trong tình trạng đổ nát, và một số nơi thì đã hoàn toàn biến mất.

## VISHNUPAD VÀ DẤU CHÂN PHẬT

Đền thờ Vishnupad, hoàng hậu Ahilyabai Holkar xây dựng trở lại vào những năm cuối thế kỷ 18, có một dấu chân của Vishnu được khắc trên đá bazan. Hiện nay không có dấu vết gì để phân biệt bởi vì trải qua nhiều thế kỷ những dấu vết của Phật giáo đã bị tẩy xóa. Nhiều học giả tin rằng dấu chân của Vishnu là biểu tượng của Phật giáo, khi đạo Phật bị suy tàn ở Ấn Độ, những tín đồ đạo Hindu cho đó là dấu chân của Vishnu. Những học giả nổi tiếng đã đưa ra những kết luận như sau:

1. Dấu chân của đức Phật được khắc trên đá, và được coi như là một biểu tượng được tôn thờ ở các tỉnh xa vào đầu thế kỷ thứ 2 TTL. Trong những tác phẩm điêu khắc ở Bharhut (Madhya Pradesh) chúng ta thấy rằng trên một bức phù điêu minh họa vua A Xà Thế đánh lễ dấu chân Phật có dấu bánh xe luân hồi rất rõ. Dấu chân của Phật là một hình tượng rất phổ biến

ở Nam Ấn. Và dấu chân này cũng xuất hiện trước dấu chân của Vishnu được phát hiện ở các đền thờ Hindu khá lâu.

2. Thành phố Gaya được nâng cấp lên giống như bây giờ của đạo Hindu chỉ sau khi Phật giáo bị suy tàn tại Ấn Độ. Lịch sử của Hindu trước thế kỷ thứ 8-9 không thấy đề cập ở đây, và cũng không có những di tích lịch sử về nó.
3. Để làm cho đạo Hindu ở Gaya được phổ cập trong dân gian và tạo lên một vầng hào quang chung quanh vùng này cho linh thiêng, tín đồ Hindu phải tạo ra những huyền thoại hấp dẫn về Gaya Asura.
4. Không có một nơi nào khác ở Ấn Độ trong đạo Hindu có sự thờ phụng tôn kính dấu chân.
5. Thật ra thì đền thờ Vishnupad một thời là một ngôi chùa của Phật giáo, điều này đã được xác minh qua những công trình nghiên cứu của L.P. Vidyathi vào năm 1951-1956 tại Gaya.

Điểm thu hút của đền thờ Vishnupad là có nhiều đền thờ quan trọng khác và đền thờ trang trí nhiều bức tượng cổ rất đẹp. Trong khu vực Vishnupad, điện thờ của đền thờ Gadadhar có một tượng Vishnu cao 1 mét 6, làm vào thế kỷ thứ 11. Cũng một tượng Vishnu khác được làm vào thế kỷ này được thờ tại đền thờ Krishna Dvaraka với những đồ trang sức nhân tạo và đường nét khô cứng, hai vai có nâng một cái chùy và một hoa sen.

Ở đền thờ Surya, gần Vishnupad, có một hình mặt trời 1.5 m trên đá, tạc vào thế kỷ 11. Kiểu điêu khắc tượng thẳng cứng này chỏi lại với tảng đá đen được khắc những hình tượng uyển chuyển và thỉnh thoảng tìm thấy ở những hình vẽ vũ trụ ở trên đầu của tượng. Tượng thần mặt trời lớn nhất ở Gaya cao 2.44 m làm bằng loại đá bạc ở tại điện thờ đền Brahmani, đối diện với sông Phalgu, dân gian gọi là Narayana.

Akshayavata (cây banyan ‘cây đa bất tử’) cách đền thờ Vishnupad chừng một cây số về hướng Tây nam, dưới chân đồi Brahmayoni. Chuyện thần thoại kể rằng lúc thế giới gặp nạn hồng thủy, trái đất bị ngập trong đại dương, thần Vishnu (thần bảo vệ) hoá thân là một đứa bé nhập vào ngủ trong một cành cây đa. Cây đa hiện nay là biểu trưng cho cây trong chuyện thần thoại này. Trong văn học thần thoại diễn tả câu chuyện này bằng nhiều cách khác nhau nhưng đều đề cập đến vị trí của nó là ở Gaya. Giống như núi trong truyện, cây banyan biểu tượng như là cột trụ chống nối liền giữa trái đất và thiên đường; ý nghĩa này minh họa cho chức năng của nó đối với lễ cầu nguyện ông bà tổ tiên. Hiện nay, cây phát triển cành lá che kín cả đền thờ, bên trong điện thờ có nhiều bức phù điêu và một bia ký ngay phía bên phải cổng vào. Điểm thu hút ở Akshayavata là hồ sen rất đẹp, gọi là Rukminikunda.

Chừng nửa cây số về hướng Đông bắc của đền thờ Akshayavata là đền thờ nữ thần Mangalagauri, người ta tin rằng là một trong Shaktipithas, nơi mà vú của thi hài Sati, vợ của thần Shiva rơi xuống. Tượng nữ thần được đặt trên

một cái ghế được chạm trổ công phu và phía trước có viết một đoạn sử thi về sự huỷ diệt của Sati. Sau khi đi bộ lên khoảng chừng 125 bậc cấp và qua một con đường nhỏ đông đúc là hướng đến khu vực chợ chính. Đi qua một con đường ngoằn ngoèo về hướng Bắc là một ngôi đền Janardana (Vishnu) trong tình trạng đổ nát, bên trong đền có nhiều bức điêu khắc vào thế kỷ thứ 9. Từ đền thờ này quẹo về hướng Tây, xuống một đoạn đường dốc loang lổ chúng ta sẽ thấy một tượng Vishnu khắc vào thế kỷ thứ 5 trên một tảng đá lớn trong điện thờ Gau Prachara. Cách đền thờ Ashayavata chừng 300 mét về hướng Đông là một tu viện và một ngôi đền Kapiladhara. Ở đây mùa xuân thay đổi theo từng năm vì người ta cho rằng có một đường ngầm thông giữa sông Hằng ở Vịnh Băng Gan. Tu viện của vị thánh thần Kapila trong thần thoại, Kapiladhara, nằm ở đây.

Pretashila, ngọn đồi Pretashila cách đền thờ Vishnupad khoảng 8 cây số về hướng Đông bắc, nguồn gốc có lẽ là một nơi tín ngưỡng dân gian sau trở thành nơi cầu nguyện cho tổ tiên, và sau này một đền thờ Pretabhairavi và Vishnu được xây dựng. Trong truyện thần thoại Vayu kể rằng có một người đã leo lên 400 bậc thang đá để cúng những hạt ngũ cốc cho ông bà tại đỉnh đồi (246m). Những hạt ngũ cốc này được dâng cho “thần chết”, Yamaraja và Dharmaraja và những con chó kéo xe của thần chết, Shyama và Shabala. Những người đến đây tắm cầu nguyện ở Brahmakunda dưới chân đồi, và lấy nước từ hồ này để cúng Brahmeshvara Shiva tại ngôi đền thờ gần hồ nước. Truyền thuyết nói rằng Brahma (đấng Sáng tạo) đã làm lễ tế ngựa tại đây.

Ramashila (Đồi Rama) cách đền Vishnupad khoảng 4 cây số về hướng Bắc. Tên củ của ngọn đồi này là Pretaparvata (ngọn đồi Ma). Thần thoại Ấn Độ cho rằng những nghi thức cúng tế ở đây giống với những nơi quan trọng khác ở Gaya. Những truyền thống lâu đời của những người không phải Bà la Môn vẫn còn ở đây, trong khi một quan hệ gần gũi với những đạo sĩ Bà la Môn vẫn còn duy trì. Những buổi lễ tế tự được tổ chức ở cả hai đền Paleshvara và Rameshvara trên đỉnh đồi (218m), muốn lên đó phải leo qua 327 bậc thang cấp. Ở chân núi cũng có một số đền thờ, một trong số này là Linga của Shiva bằng pha lê. Băng qua con đường nhộp nhúa ở phía Đông là hai đền thờ Rama Kunda và Rama Ghat nơi mà những người hành hương đạo Hindu đến đây để cúng tế cho tổ tiên. Dọc theo con lộ về hướng Nam, gần cầu vượt của tàu hoả là Kakabali Vedi (nơi cúng thức ăn cho quạ)

*Sita Kunda và Ramagaya.* Ngọn đồi Prabhas nằm dọc theo bờ phải sông Phalgu, cách đền thờ Vishnupad chừng 800 mét về hướng Đông. Điểm gặp gỡ giữa ngọn đồi và dòng sông được xem là rất linh thiêng cho việc tắm rửa tội. Những người đến đây cúng ngũ cốc cho Prabhas (biểu tượng ánh sáng), Shiva Linga và Rama. Chuyện thần thoại nói rằng tất cả thần linh đều đứng trên người của Ma vương Gaya; cũng vậy nữ thần Lakshmi cũng là Sita, Parvati và



Sarasvati cũng đứng trên người Ma vương. Tượng Sita rất nhỏ trong một cái bồn còn gọi là Sita Kund. Trong bồn này có một tượng bằng đá tay cầm trái banh, hình tượng này rất phổ biến biểu tượng cánh tay phải của Dasharatha, cha của Rama, từ âm ty đưa tay ra để nhận lấy thức ăn do Sita (vợ của Rama) dâng. Những đạo sĩ Hindu và những người ở đây cố gắng biện hộ, giải thích cho những du khách về câu chuyện này. Em của Rama là Bharata cũng ở tại đây do đó đền thờ và nơi này còn gọi là Bharatashram.

Uttaramanas, gần Pitamaheshvara, cách đền Vishnupad chừng 1 cây số về hướng Bắc. Hồ Uttaramanas vốn là một cái hồ cổ được con trai của vua Vishvapura là Yakshapala sửa sang lại, đào sâu hơn, rộng hơn vào thế kỷ 11. Ở đây còn có ba điểm khác nữa, đó là Udichi ở góc Tây bắc, Dakshinamanas góc Tây nam và Kankhal ở giữa. Những tín đồ Hindu cúng thức ăn cả bốn nơi này, và dọc theo bờ sông Phalgu. Cả năm nơi này gọi là Panchatirthi. Lễ cạo đầu của đạo Hindu cũng được tổ chức rất phổ biến ở đây. Gần Uttaramanas có nhiều đền thờ khác thờ Shiva và Durga, tín đồ Hindu chỉ đến đây tham quan chứ không làm lễ.

Cây Đại Giác (Mahabodhi tree), cũng có đề cập đến trong truyện thần thoại cổ tích Ấn Độ như là một nơi thiêng liêng để lễ bái cầu nguyện cho tổ tiên. Cây Bồ Đề này ở BDDT có mối quan hệ rất gần gũi với Phật giáo, tuy nhiên trong thời gian 7 ngày cầu nguyện cho tổ tiên, người theo đạo Hindu đến đây vào ngày thứ tư. Việc lễ bái cây Bồ Đề của Hindu cũng đã có từ đầu thế kỷ thứ 7. Tuy nhiên vào năm 600 TL vua Shashank vùng Bengal, một tín đồ Bà La Môn giáo đã cho đào cây và đốt. Năm 620, vua Purnaverma lại cho trồng lại cây Bồ Đề, và vua cho tưới vào gốc cây sữa của cả ngàn con bò nên chỉ sau một đêm cây mọc lên cao cả 3 thước.

### **Brahmayoni (Gayashirsha) và Đức Phật**

Brahmayoni cách Akshayavata chừng 450 mét về hướng Tây, hay đồi Gayashirsha (Pali Gayasisa). Từ trên đỉnh đồi có thể nhìn thấy quang cảnh cả thành phố. Muốn lên đỉnh phải leo 470 bậc cấp bằng đá do hoàng hậu Ahilyabai Holkar xây dựng vào năm 1785. Có hai hang động nhỏ (yonis, bộ phận sinh dục phụ nữ) tại đỉnh đồi gọi là hang Brahmayoni và Matriyoni. Người ta tin rằng nếu như ai đi qua hang này sẽ không còn tái sanh. Có một đền thờ Astabhuj Devi và những nữ thần khác tại đỉnh đồi.

Gaya và Gayashirsha cũng đã được đề cập đến là những trung tâm quan trọng trong thời kỳ Phật giáo hưng thịnh. Theo Buddhaghosha, ngọn núi vốn có tên là Gajashisha-Tượng Đầu- vì ngọn đồi giống như con voi đang nằm, và thành phố lấy tên của ngọn núi này, Gaya là biến thể của 'gaja'. Gayashisha là trung tâm của Đệ Bà Đạt Đa, người anh em bà con của đức Phật sau này trở thành đệ tử của Ngài. Đức Phật cũng đã đến thăm nơi này nhiều

lần. Một trong những chuyến viếng thăm nơi này Gaya Kassapa cùng 200 đồ đệ đã xuất gia làm đệ tử đức Phật.

Một hôm sau khi khát thực trở về đức Phật đã cho triệu tập các vị tỳ kheo tại Gaya (Gayashisha). Đức Phật cùng với 900 vị tỳ kheo và ba anh em Ngài Ca Diếp ngộ trai trong yên lặng. Sau khi dùng cơm xong, tất cả đều quay về hướng đức Phật. Tại đây đức Phật đã thuyết bài pháp nổi tiếng về Lửa, kinh Adittapariyaya cho cả ngàn vị tân tỳ kheo.

Theo chú giải trước đây thì đức Phật thuyết pháp và thính chúng ngồi tại một phiến đá phẳng lớn. Ngày nay chúng ta không thấy có phiến đá nào như thế này, nhưng phía bên cạnh của ngọn đồi chính có một phiến đá rất bằng phẳng có thể chứa cả ngàn người. Những dấu vết ít ỏi có lẽ chỉ là một tháp tìm thấy ở đây. Muốn lên đến đây phải đi lên những bậc cấp sau khi qua khỏi nửa chặng đường, đi về phía trái một đoạn đường gồ ghề. Từ đây có thể nhìn thấy dòng sông Phalgu và phía sau Pragbodhi.

Ngôi bình thản trên phiến đá lớn ở Gayashisa (đồi Brahmayoni) đức Phật dạy:

*“Này các Hiền giả! Tất cả các pháp đang cháy. Những gì đang cháy? Đó là sáu giác quan- mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đang bốc cháy. Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp đang bốc cháy. Sáu thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức đang bốc cháy. Chúng đang bốc cháy do lửa tham, lửa sân và lửa si. Chúng đang cháy do ngọn lửa sanh, già, bệnh, chết và từ ngọn lửa của sầu, bi khổ ưu, não.*

*“Này các tỳ kheo! Tất cả những cảm thọ đang cháy, dù là khổ thọ lạc thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Những cảm thọ sanh khởi do sáu căn, sáu trần và sáu thức. Cảm thọ đang bốc cháy do ngọn lửa tham, sân, si. Chúng đang bị thiêu đốt bởi ngọn lửa sanh, già, bệnh, chết và ngọn lửa sầu, bi, khổ, ưu, não.*

*“Này các tỳ kheo! Các ông đừng để bị thiêu đốt bởi ngọn lửa tham, lửa sân, lửa si. Phải thấy gốc của hết thảy các pháp là vô thường, biến đổi để không bị trói buộc trong vòng luân hồi do sáu căn, sáu trần và sáu thức tạo ra.”*

Trong một bài pháp khác, khi tất cả các vị tỳ kheo nhìn thấy một số người đang tắm dưới dòng sông với niềm tin là sẽ gột rửa được những tội lỗi của họ, đức Phật đã nói lên bài kệ:

*“Nước không làm thanh tịnh,  
Kẻ ngu tắm ở đây.  
Chỉ tin chân diệu pháp,  
Mới thật sự thanh tịnh,  
Xứng gọi Bà La Môn”*

(Uddan Sutta 7)

Đức Phật đã ở tại Gayashisa ba tháng để dạy cho những vị tân tỳ kheo, các tỳ kheo đều tín thọ lời đức Phật dạy. Ba anh em ngài Ca Diếp đã trở thành những người phụ tá đắc lực cho đức Phật giáo huấn tăng đoàn. (SamyuttaNikaya 35.28)

Khi đức Phật tuổi cao, Đề Bà Đạt Đa đã tách ra khỏi giáo đoàn dẫn theo với 500 vị tỳ kheo ở tại Gayashisa, vua A Xà Thế đã xây cho họ một tinh xá ở đây. Đức Phật đã phái hai ngài Đại Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất đến thuyết phục những vị tỳ kheo bị kích động tách ra khỏi tăng đoàn, cuối cùng những vị này đã trở lại.

Khi ngài Huyền Trang đến thăm Gaya chỉ có chừng một ngàn gia đình sống tại thành phố này. Vào thời đó Gaya có vị trí rất quan trọng liên hệ đến việc đăng quang của các vua. Ngài Huyền Trang nói rằng: “*Ngày xưa có phong tục là khi các vị vua lên ngôi, để hoà giải với thần dân trong nước và cũng để gây tiếng tăm hơn những vị vua trước, thường đến núi này làm lễ đăng quang với nhiều nghi lễ*”. Ngài Huyền Trang cũng có đề cập đến một cái tháp trên đỉnh đồi do vua A Dục xây dựng. Ngày nay Brahmayoni được xem như là thánh địa của đạo Hindu. Brahmayoni là dãy đồi cuối cùng khi rời khỏi đây bằng con đường dọc theo dòng sông để đến BDDT và cũng rất dễ dàng nhận ra do có một tháp truyền thanh trên đỉnh đồi.

#### *Saraj Kund*

Saraj Kund là một cái hồ nước rất nổi tiếng đối với những tín đồ Hindu để cúng bái mặt trời. Đến Suraj cũng bằng con đường đến đền Vishnupad. Khoảng 100 mét trước khi đến Vishnupad về hướng Bắc, có nhiều con lộ nhỏ phía bên tay trái. Đi vào một đường nhỏ và rẽ phải. Có hai ngôi đền thờ nhỏ dọc theo hồ nước có thờ hình tượng thần mặt trời hình tròn. Lễ hội quan trọng nhất là Chatha (tế thần mặt trời vào ngày thứ 6) tổ chức hai lần trong năm vào ngày đầu tuần của nửa tháng Chaitra (March-April) và Kartika (October-November), khi đó cả 500 ngàn người theo đạo Hindu đổ về Suraj Kund.

Hồ hình chữ nhật được bao bọc bởi một bức tường cao xây bằng đá tảng lớn và có một đền thờ ở cuối hồ. Nhiều sự kiện xảy ra ở đây được ghi lại trong kinh Suchiloma (Sutta Nipata 270-273), bên hồ có một kiến trúc như hình tháp gọi là Tankitamancha, Ma vương Suchiloma sống ở đó. Điều thú vị là cũng tháp này được nói đến trong Mahabharata là Brahmaripa. Ma vương Suchiloma đe dọa đức Phật thất bại đã hỏi ngài một câu hỏi: “*Từ đâu tham và sân dấy khởi? Ham muốn không ham muốn, sợ hãi dấy lên từ đâu? Từ đâu những tà kiến khởi lên và làm quấy nhiễu tâm như những đứa bé đuổi quạ?* Đức Phật đã trả lời từng phần:

*“Tham sân phát khởi từ ngã chấp,  
Thương, ghét, sợ hãi, tà kiến  
Cũng từ chấp ngã tướng.*

*Quấy nhiễu tâm như chú bé xua đuổi đàn quạ”*

Không còn dấu vết gì về Tankitamacha hiện nay, nhưng cái tên của hồ nước rõ ràng xuất phát từ ‘suchiloma’, và dưới gốc cây gần ngôi đền, có rất nhiều bức điêu khắc trong đó có một số tháp Phật giáo.

Người ta cho rằng sau bài thuyết pháp đầu tiên tại Sarnath, đức Phật và chư tăng đã ghé thăm Gaya và đã thuyết nhiều bài pháp ở đây. Vẫn có nghi ngờ là đức Phật chưa từng trở lại Gaya, có lẽ Gaya là trung tâm cho lễ tế tự và Ngài cũng có một chút thông cảm với nơi này. Trong kinh Vatthupama (Kinh Ví dụ Tấm Vải) đức Phật dạy:

*“Nếu không nói dối làm hại chúng sanh  
Nếu không lấy của không cho, không có niềm tin,  
Đi đến Gaya làm gì?  
Gaya chỉ là một giếng nước.”*

(Trung bộ kinh)

### NGHI LỄ TẾ TỰ

Kinh điển và truyền thống đạo Hindu dạy rằng những tín đồ phải cầu nguyện cho tổ tiên tại Gaya để giúp cho những vong hồn mà trước đây đã tạo những nghiệp ác chưa được đầu thai sẽ có cơ hội sanh về thiên đàng. Đây là một trong những chủ thuyết của đạo Hindu, được đa số tin theo đặc biệt là ở vùng nông thôn. Bằng cách này linh hồn của ông bà, tổ tiên sẽ được siêu thoát. Có hai cách để cầu nguyện cho ông bà: (a) *tarpana*, cúng những hạt ngũ cốc, và những buổi lễ cầu nguyện dưới sự hướng dẫn của những đạo sĩ Hindu chuyên về nghi lễ. Lễ Tarpana cúng cho bốn hạng tổ tiên: chư thiên (devas), 7 vị thánh (rishis), thần chết (Yama) và thư ký của thần chết (Chitrgupta), và những người thân bên nội-cha-ông nội-ông cố nội-và tổ tiên trước.

*Tuần lễ cầu nguyện cho tổ tiên của đạo Hindu:*

*Ngày thứ nhất: tắm rửa tội và cúng nước tại bờ sông Punpun và Phalgu, và ở Sita Kund.*

*Ngày thứ hai: sau khi tắm tại dòng sông linh thiêng, tham quan Pretashila và cúng nước ở đó và ở tại hồ nước ở chân đồi Brahma Kund. Sau đó là những nghi thức tế tự ở Ramashla dưới chân đồi, Surya Kund và Kakabali.*

*Ngày thứ ba: thăm 5 thánh địa Panchatirthi: Uttarmanas, Uddichi, Dakshina Manas, Kankhal, và Andi Gadadhar; tham quan hai tượng thần Mặt trời (Dakshinarka và Maunarka). Sau khi tắm rửa tội người tế tự có thể trở lại thăm những nơi này.*

*Ngày thứ tư: tham quan Dharmaranya và Matangavapi sau khi kết thúc lễ cầu nguyện tại cây Đại giác.*

*Ngày thứ năm: tham quan Goprachar, Brahmayoni, Brahmasar, và đặc biệt là cúng nước tại vườn xoài gần Goprachar.*

*Ngày thứ sáu: sau khi ngâm mình dưới dòng sông Phalgu, thăm và cầu nguyện tại Gyashirh, Adi Gadadhara, Vishnupad, Gaya Kupa.*

*Ngày thứ bảy: tham quan Gadalola, Prapitamaheshvara, và lễ tế tự sau cùng tại Akshayavata. Sau khi kết thúc trở lại Vishnupad và cúng dường cho những đạo sĩ Hindu, một lễ tạ tổ chức tại đền Gayatri, và cuối cùng là lễ thần Vishnu.*

Viện Bảo Tàng Gaya (mở cửa từ 10 giờ đến 17 giờ mỗi ngày; đóng cửa thứ hai) nằm gần hồ nước nơi có nhiều chuyến xe buýt đi BĐĐT, là một toà nhà gần Dak Bungalow cạnh toà án Gaya. Viện Bảo Tàng là một toà nhà hầu như bị bỏ rơi và trong tình trạng đổ nát, ở đây có một số sưu tập về những tác phẩm điêu khắc, đồ sứ, tranh, những bản viết tay của Phật giáo và cả Hindu được tìm thấy ở trong khu vực Gaya. Thật ra Viện bảo tàng này chỉ mở cửa khi người quản lý ở đây đến.

### CHỖ Ở

Hầu hết những khách sạn rẻ tiền ở đây đều tập trung ở khu vực gần sân ga; dĩ nhiên ở đây rất ồn ào. Hotel Buddha (Tel 223428) dọc theo con đường nhỏ đối diện sân ga nằm trên đường Laxman Sahay có yên tĩnh hơn. Vài trăm thước cách ga sau khi băng qua khách sạn Ajatashatru, có nơi nghỉ rất rẻ tiền và nhà hàng rộng rãi là khách sạn Station View (Tel.220512). Đối diện sân ga về phía trái là khách sạn Ajastashatru (Tel. 221514-223714) có một số phòng rất lịch sự với giá lên xuống thất thường từ 300 rupees cho phòng đơn và 600 Rs cho phòng tập thể. Khách sạn Siddhartha International (Tel. 221254) cách ga khoảng 500 mét phía tay phải, khách sạn tốt nhất của thành phố, phục vụ cho những khách hành hương hạng sang và ở đây có thực đơn của những món ăn mặn. Giá phòng từ 1000/1500 rupees. Gần ga cũng còn vài khách sạn khác Pal Rest Hotel (Tel. 2433139, Madras Hotel và Sahinti Rest House. Nằm trên đường Sswarajpuri cách ga khoảng 1 cây số khách có thể nghỉ tại khách sạn Surya (Tel. 2224254) và khách sạn Samrat (Tel. 224004). Một vài nhà nghỉ rẻ tiền như Sri Kailash Guest House, phía Bắc công viên Azad và Shyam (Tel. 222416) ở đường Rama.

### THỨC ĂN

Hầu hết những nhà hàng ăn ở gần ga thì nhỏ, và nơi tập trung của ruồi nhặng. Ngoại trừ những nhà hàng của những khách sạn tốt. Siddhartha (Tel. 2436243-2436252) trong khách sạn Siddhartha International và Surya (Tel. 223714) của khách sạn Ajatashatru là những nhà hàng tốt. Nhà hàng bao ăn tốt nhất là Station View Hotel. Khách sạn Punjab ở đường Station có những món ăn Ấn. Mặc dù nhà hàng rất hiếm hoi ở những nơi khác trong thành phố nhưng dal (thức ăn của người Ấn) và cơm thì khách hành hương có thể thấy nhang nhặng dọc suốt con đường đến đền thờ Vishnupad. Những người ăn chay có thể ăn bất cứ ở quán ăn nào.

Gaya rất nổi tiếng về thức ăn nhẹ ngọt như bánh biscuit, gọi là tilakuta, làm bằng mè nấu với sữa và phủ đường ở ngoài; món này rất dễ bảo quản và có thể để được cả 10 ngày. Một khu chợ được gọi là Tilakuta bazaar. Ở nhiều nơi người ta có thể thấy một loại bánh chiên phồng, ngọt rất phổ biến ở những cửa hàng tại Bihar gọi là Khajja, nguyên phát xuất từ một làng ở giữa Gaya và Rajgir. Loại bánh này khi chiên xong rất hấp dẫn cho những đàn ruồi.

### THAM QUAN

#### *Hang Barabar*

Hang Barabar có từ thế kỷ thứ 3 TTL cách Gaya khoảng 36 cây số. Con đường nhỏ 22 cây số dẫn đến hang động có một ngọn núi đá granite quay mặt về hướng Đông con đường chính dẫn đến Patna . từ đây cũng phải mất 5 tiếng để đi bộ tham quan hai nhóm hang động. Hai trong số những hang này có bia ký của vua A Dục. Những hang này là những nơi bảo tồn, không cho khai thác đá sớm nhất ở Ấn Độ. Với sự khoan dung của đạo Phật, vua A Dục cho phép những người không phải đạo Phật có quyền theo tôn giáo của họ. Họ đã xây dựng những ngôi đền trong hang đá.

Đồi núi đá thạch anh nằm ở một vùng đồi núi lởm chởm. Lời giới thiệu của vua A Dục trên bia ký đã phát hiện được 4 hang, được những người thợ đá đánh bóng và chạm trổ rất công phu. Những hang này được xây dựng cho những vị đạo sĩ của đạo Jain. Percy Brown đã tìm ra những hang rất tuyệt, đặc biệt là hang Lomasa Rishi và Sudama. Những hang này dựa theo những túp lều hình dáng tổ ong làm bằng tre, gỗ và có mái lợp tranh. Phần bên trong hang Sudama rộng 6 mét, dài 10 mét và cao 3.5 mét, đi qua một khung cửa bên trong là một phòng đường kính 6 mét. Nghệ thuật ấn tượng nhất là ở mặt tiền của Lomasa Rishi là hai cửa nhỏ hình bán nguyệt tương tự như cái móng ngựa làm bằng gỗ được chạm trổ hình mắt cáo và một đàn voi đang đánh lễ tháp. Những hang này cũng là nơi ở của những đạo sĩ phái Ajivika năm 250 TTL. Công trình khảo cổ ở đây chưa hoàn tất, có một số hang có cơ nguy bị sập. Có một đền thờ Shiva ở đỉnh Siddhesvara.

Khoảng chừng 1 cây số từ Babarar có ba hang đá khác trên đồi Nagarjuna. Hang Gopi là một hang lớn, bề ngang là 13.5mx6m và cao 3 mét. Hang này được phát hiện sau Babarar 50 năm, và cho biết rằng đã được cháu của vua Ađục cho đục sau khi lên ngôi.

## 5. SARNATH (VƯỜN NAI), NƠI ĐỨC PHẬT CHUYỂN PHÁP LUÂN

*“Hãy ghi nhớ khu vườn xinh đẹp này, ngôi vườn mang tên những bậc thánh, nơi mà 91 ngàn và vô số chư Phật đã chuyển bánh xe pháp trước đây. Nơi đây thật là tuyệt vời, thanh tịnh, thường có những đàn nai rong chơi. Tại ngôi vườn này, Ta sẽ chuyển pháp luân”*

Lời đức Phật

Tại Lộc Uyển, đức Phật đã chuyển vận bánh xe pháp, Ngài đã thuyết pháp cho năm vị tỳ kheo, mở cánh cửa bất tử cho họ, chỉ cho họ cánh cửa giải thoát niết bàn. Đức Phật dạy:

*“Giới hạnh là những cái cãm của bánh xe: chân lý này không bị thay đổi bởi thời gian; trí tuệ là bánh xe; định là trục của bánh xe, đây là chân lý bất di bất dịch.*

*Ai thấy được khổ, nguyên nhân của khổ, sự đoạn diệt khổ đau và con đường đưa đến đoạn tận khổ. Vị ấy sẽ đi trên con đường chánh đạo. Chánh kiến sẽ là ngọn đuốc soi sáng con đường. Chánh tư duy là người dẫn đường. Chánh ngữ là nơi cư trú trên đường. Đường đi sẽ xuyên suốt bởi vì vị ấy có chánh nghiệp. Cuộc sống sẽ đi đúng đường do vị ấy có chánh mạng. Chánh tinh tấn sẽ là những bước đi, chánh niệm và chánh định sẽ mang lại an lạc cho vị ấy trong từng mỗi bước đi”* The Mahavaga, 1.11~10, 47

Dân số: 31,000 người

Mã số bưu điện: 221008; mã số điện thoại: 0542

## ĐỨC PHẬT VÀ KASHI

Trong kinh tạng Pali đề cập đến 19 nước lớn, trong đó Kashi là một quốc gia hùng cường trước thời của đức Phật. Tuy nhiên trong thời đức Phật, vương quốc này dưới sự cai trị của vua Prasenajit (Ba Tư Nặc) xứ Koshala. Kinh Mahagovinda nói là Dhritarashtra (Pali: Dhatarattha) là vua đầu tiên của vương quốc Kashi, và thành phố Varanasi dưới sự cai quản của Mahagovinda, một quan của vua Runu huyện thoại. Kinh Bốn Sanh nói Kashi (Varanasi) có nhiều tên khác như Surundhana, Sudarhana, Brahmavardhana, Pudhphavati, Rammanagar và Molini. Đa số những tên này chỉ sử dụng trong một thời gian ngắn, và một số là những nơi quan trọng của triết học. Trong kinh Cakkavati Sihanada – Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống - Trường bộ kinh, nói rằng vào thời của đức Phật Di Lặc Varanasi sẽ có tên là Ketumati, “rất hùng mạnh, phong phú, đông dân cư, ăn uống đầy đủ”. Trong Kinh Bốn Sanh Guttla ca ngợi Kashi là một thành phố nổi tiếng của Châu á.

Tuy không phải là thủ đô, Varanasi là một thành phố thương mại thịnh vượng trong suốt thời đức Phật. Đây là trung tâm chính nối liền với con đường thương mại với Taxila (ở phía Tây), Shravasti (ở phía Bắc) và Rajagriha (ở phía Đông). Bằng đường thủy những thương thuyền có thể chở hàng từ Varanasi đi Kaushambi, Patna và Vaishali. Trong Malindapajho (Na Tiên tỳ kheo vấn kinh) đề cập đến những y phục rất đẹp được sản xuất ở Kashi bày bán ở thủ đô Sagala, do vua Yavanajai Milinda cai trị. Kinh Bốn Sanh cũng miêu tả Varanasi là nơi mua bán trầm, đồ thủ công mỹ nghệ, áo quần, đồ trang sức vàng bạc, và là nơi huấn luyện ngựa và voi.

Kinh tạng Pali ghi lại rằng sau khi thành đạo tại BDDT, đức Phật đã quyết định tìm 5 anh em Kiều Trần Như, những người trước đây là bỏ Ngài đang tu tập tại Isipittana Migadaya (Sanskrit: Rishipattana Mrigadaya, chỗ chư Tiên đoạ xứ), 'Vườn Nai'. Đức Phật đã đến đây và độ cho họ và nhận họ làm đệ tử sau khi Chuyển Pháp Luân với bài pháp Tứ Thánh Đế. Đây là năm vị tỳ kheo đầu tiên. Ngay sau đó đức Phật độ cho những người thuộc giai cấp quý tộc, trong đó có thương gia Da Xá và những người bà con của ông đã trở thành đệ tử của đức Phật. Dần dần số lượng chư tăng lên đến 60 vị, được đức Phật dạy đi khắp nơi để truyền bá giáo lý của đức Phật.

Một câu chuyện trong kinh Bốn Sanh nói trong một đời quá khứ đức Phật đã đầu thai làm một con nai vàng, và Ngài đã cứu một con nai có thai. Do biết được chuyện này nên vua Kashi ra lệnh không được săn bắn, và khu vườn được quản lý bảo vệ cho các vị tu sĩ và đàn nai.

Đức Phật đã trải qua mùa an cư kiết hạ đầu tiên tại Sarnath (Ba-la-nại), và cũng từ đó đức Phật lần đầu tiên bác bỏ những quy luật bảo thủ và mê tín của Bà La Môn qua những lời dạy của Ngài trong bài pháp Anattalakkhana Sutta (Kinh Vô Ngã Tướng). Kinh tạng Pali cũng đề cập đến nhiều vị đạo sĩ Bà La Môn nổi tiếng ở khu vực sông Hằng, ở Kashi thì không có nói đến. Điều này cho thấy rằng trong suốt thời đức Phật Kashi không phải là một nơi phát triển của các lễ nghi tế tự và cũng không có những nhóm bảo thủ.

Khi mùa an cư kết thúc, đức Phật quay lại miền Nam. Ngài dừng lại Vườn Nai nơi Ngài chuyển bài pháp Tứ Thánh Đế lần đầu tiên 36 năm trước đó.

Ba mươi sáu năm sau lần đầu tiên Chuyển Pháp Luân đức Phật đã trở lại Sarnath cùng với các vị đại đệ tử của Ngài như tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... và lần này đức Phật cũng thuyết nhiều bài pháp, bác bỏ những nghi lễ bảo thủ, những hình thức tế tự thần linh của truyền thống Bà la Môn giáo. Sau lần viếng thăm thứ hai, đức Phật cũng trở lại Sarnath nhiều lần. Tuy nhiên sau khi đức Phật niết bàn, nhiều tranh chấp về tư tưởng mà Bà La Môn đã chiếm vị trí của Phật giáo.



Tại Ba-la-nại, đức Phật dạy năm anh em Kiều Trần Như:

*“Hãy lắng nghe này các Hiền giả! Ta đã tìm ra con đường giác ngộ, nay Ta chỉ cho các ông. Các ông là người đầu tiên nghe giáo pháp của Ta. Giáo pháp này không phải kết quả của tư duy, mà là kết quả của kinh nghiệm tu tập. Hãy lắng nghe với tâm an tịnh.”*

*Giọng nói của đức Phật phát ra với một uy lực khiến cho năm người phải chấp tay lại và ngược lên nhìn Ngài. Kiều Trần Như thay mặt thưa đức Phật: “Bạch Tôn giả Gautama! Hãy vì lòng thương mà chỉ cho chúng con con đường giải thoát”*

Đức Phật nói một cách thư thái:

*“Này chư Hiền! Có hai cực đoan mà một hành giả cần nên tránh. Một là hưởng thọ những dục lạc, hai là thực hành khổ hạnh ép xác. Cả hai đều sai lầm. Con đường mà Ta đã tìm ra là con đường Trung đạo, tránh xa hai cực đoan có thể giúp hành giả giác ngộ, giải thoát, niết bàn. Đó là con đường Bát Thánh Đạo gồm Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Ta đã hành trì con đường Thánh đạo này và đã giác ngộ, giải thoát, an lạc.*

*“Này chư Hiền! Tại sao con đường này gọi là Chánh đạo? Ta gọi là Chánh đạo vì nó không tránh hay phủ nhận khổ đau, mà là đối diện trực tiếp với khổ đau và tìm ra phương pháp để thoát ra khỏi khổ đau. Bát chánh đạo là phương pháp sống trong tỉnh thức. Niệm là căn bản. Do thực hành chánh niệm, các người sẽ có định, và sẽ giúp các ông giác ngộ. Nhờ hành trì chánh định, các ông sẽ có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và chánh tinh tấn. Có chánh kiến các ông sẽ giải thoát mọi trói buộc của khổ đau, sẽ an lạc, giải thoát thật sự.*

*“Này chư Hiền! Có Bốn sự thật: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Ta gọi đó là Tứ Thánh Đế. Thứ nhất là Khổ đế. Sanh, lão, bệnh, tử là khổ. Sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ. Chia cách người thương là khổ. Sống với người mình ghét là khổ. Chấp thủ năm uẩn là khổ.*

*“Chư Hiền! Đây là thánh đế thứ hai ‘nguyên nhân của khổ’. Do vô minh che lấp nên không thấy được sự thật của cuộc đời, con người bị ngọn lửa của tham, sân, ganh tỵ, buồn phiền, lo lắng, sợ hãi thiêu đốt*

*“Chư Hiền, Đây là thánh đế thứ ba ‘khổ diệt’. Hiểu rõ được sự thật của cuộc đời sẽ đưa đến sự đoạn tận khổ đau, dẫn đến an lạc giải thoát.*

*“Này chư Hiền! Đây là thánh đế thứ tư ‘con đường dẫn đến đoạn diệt khổ đau’. Đó là con đường Thánh đạo ta đã giải thích. Con đường thánh đạo được trường dưỡng bằng cách an trú trong chánh niệm. Nhờ an trú trong chánh niệm mà định phát sanh và giải thoát khỏi những khổ đau dẫn đến an tịnh, niết bàn. Ta sẽ hướng dẫn cho các ông con đường giải thoát này.”*

Trong khi đức Phật giảng Tứ Diệu Đế, tâm Kiều Trần Như bừng lên tia sáng, ông đã hưởng được hương vị giải thoát mà bấy lâu nay tìm kiếm. Đức Phật chỉ và nói: Kiều Trần Như giác ngộ! Kiều Trần Như giác ngộ!

(Vinaya Mahavagga Khuddaka Nikaya, Samyutta Nikaya)

## VỊ TRÍ VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Nằm cách thành phố Varanasi chừng 10 cây số về hướng Đông bắc, Sarnath là một chi nhánh của Hội đồng thành phố Varanasi. Từ Sarnath đến Varanasi có thể đi bằng nhiều phương tiện như xe buýt, taxi, rickshaw và xe ngựa. Tuyến xe lửa từ Varanasi đi Aurihar đi ngang qua Sarnath xuất phát từ ga cùng tên với thành phố 'ga Varanasi'. Toà nhà của ga xây dựng theo kiến trúc Phật giáo.

Tất cả chư Phật trong quá khứ sau khi chứng ngộ Vô thượng Bồ Đề tại Vajrasana, đều đến Sarnath để Chuyển Pháp Luân. Theo truyền thống chư Phật, đức Phật Thích Ca mâu Ni cũng đi đến Sarnath từ BDDT để gặp năm anh em Kiều Trần Như. Đức Phật đến Ba la nại (Kashi) một buổi sáng, sau khi khát thực trong thành phố, tắm và gội trai xong, ngài đi ra cổng thành phía Đông, đi về hướng Bắc đến Vườn Nai, hiện nay là Sarnath. Cái tên Vườn nai bắt nguồn từ một sự kiện xảy ra trong đời quá khứ của đức Phật, lúc đó Ngài đầu thai là một con Nai chúa.

Tại đây năm anh em Kiều Trần Như đang hành trì khổ hạnh. Khi họ thấy đức Phật đi đến, mọi người đều nghĩ Ngài vẫn là Cồ Đàm người đã từ bỏ lối tu khổ hạnh, họ quyết định không chào đón đức Phật. Nhưng khi đức Phật gần đến tự nhiên tất cả đều đứng dậy chào Ngài. Đức Phật tuyên bố rằng Ngài đã giác ngộ và đã thành Phật hiệu là Thích ca Mâu Ni, và hứa là sẽ hướng dẫn cho họ phương pháp mà Ngài đã chứng ngộ.

Huyền Trang ghi nhận tại đây có một tháp hình mái vòm lớn, ở đây còn lại một mô đất lớn có lẽ là những dấu tích của tháp, chung quanh là một kiến trúc hình bát giác của Hội giáo (Chaukhandi Stupa), nằm cách phía Nam của Vườn không xa lắm.

Suốt đêm đầu tiên đức Phật chỉ im lặng, đêm thứ hai đức Phật trao đổi ít, đêm thứ ba đức Phật bắt đầu thuyết pháp. Ngay chỗ đức Phật chuyển bánh xe pháp, 1000 toà báu xuất hiện. Đức Phật đi vòng quanh toà mà ba vị Phật trước đã ngồi và ngồi vào toà thứ tư. Hào quang phát ra từ thân Ngài chiếu sáng khắp cả ba ngàn thế giới, và trái đất rung động. Phạm thiên cúng dường cho đức Phật bánh xe bằng vàng với 1000 cây cặm, Đế Thích và chư thiên khác cũng cúng dường đức Phật và tất cả đều cung thỉnh Ngài thuyết pháp.

Để giúp cho chúng sanh quán sát tâm, đức Phật lần đầu tiên Chuyển Pháp Luân. Ngài dạy con đường tránh xa hưởng thụ dục lạc và khổ hạnh ép xác, đức Phật dạy Tứ Thánh Đế, Bát Thánh Đạo. Trong số năm vị đệ tử thì

Kiều Trần Như là người đầu tiên chứng ngộ, hiểu những lời dạy của ngài, sau đó là Vappa, Bhaddiya, Mahanam, và Assaji là người cuối cùng. Tất cả cuối cùng đều chứng A la hán bài pháp Tứ Thánh Đế lần đầu tiên được chuyển ở tại vườn Nai và liên tục được thuyết trong 7 năm liên tiếp. Nhiều bài pháp khác về Luật, phương pháp thiền định được thuyết ở những nơi khác nhưng bài pháp Tứ Đế đã được đức Phật giảng 12 lần ở Sarnath. Từ đó giáo pháp của Ngài đã hưng thịnh trong suốt 1500 năm tại Vườn Nai.

Trong số những di tích còn lại, các nhà khảo cổ tìm thấy những di tích ghi năm 260 TTL, và bia ký của vua A Dục được khắc trên trụ đá cũng vào thời gian này, cho thấy rằng một tinh xá đã được xây dựng vào triều đại của vua A Dục (273-232TTL). Những vết tích khắc trên những trụ hàng rào đánh dấu vào thời kỳ Shunga (thế kỷ thứ 2-1 TTL) cũng được tìm thấy ở đây. Những tiến bộ của thời kỳ Kushana (thế kỷ thứ 1-2 TL) tương xứng với nghệ thuật kiến trúc điêu khắc của Mathura. Sarnath cũng đã phát triển như là một trung tâm nghệ thuật. Vào thời kỳ Gupta (thế kỷ thứ 4-6 TL) Sarnath thành lập một trung tâm nghệ thuật Phật giáo, sản xuất những tượng Phật bằng đá. Ngài Pháp Hiển (405 TL) mô tả sự thịnh vượng, phát triển rực rỡ của Sarnath vào thời kỳ của Chandragupta (376-414 TL).

#### THÁP DHAMEKHA

Trước đây, có hai tháp tại Sarnath. Hiện nay chỉ còn lại tháp Dhamekha, được xây dựng vào thế kỷ thứ 6. Tháp Dharmarajika do vua A Dục xây dựng. Một số người cho rằng tháp được dựng ngay chỗ đức Phật thuyết pháp nhưng đã bị Jagat Singh phá huỷ vào thế kỷ 18 và đã lấy hòm đựng xá lợi của Phật ném xuống sông Hằng. Huyền Trang kể rằng trụ đá của vua A Dục được dựng trước tháp, trụ đá bóng đến nỗi soi bóng hình đức Phật trên tháp lên trên trụ đá. Banaras (Ba la nại) cũng là một nơi mà đức Phật đầu thai trong những đời quá khứ. Phật Ca Diếp cũng đã xây một tinh xá gần vườn Nai, nơi Ngài quy y cho một cậu bé giai cấp Bà La Môn Jotipala, là tiền thân của Phật Thích Ca. Huyền Trang ghi lại có nhiều tháp và những bực nhân tạo ở nhiều nơi, nơi những vị Phật trong quá khứ ngồi thiền và kinh hành. Vườn Nai cũng là nơi Phật Thích Ca thị hiện như là một hạnh nguyện Bồ Tát trong nhiều kiếp quá khứ. Huyền Trang cũng nêu là có rất nhiều tháp tưởng niệm ở trong tinh xá. Tháp đầu tiên là nơi Bồ tát thị hiện làm nai, tháp thứ hai là nơi Ngài làm con voi sáu ngà, Ngài đã cho ngà của mình cho một người săn, tháp thứ ba là Bồ tát làm thân chim, Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phật là khỉ và voi.

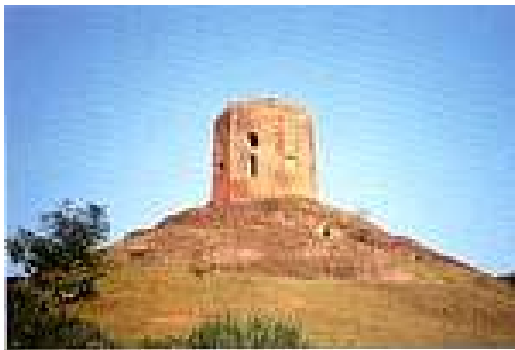
Trong suốt thời kỳ của Skandagupta (455-467 TL), Sarnath rất thịnh vượng, nhưng sau đó thì bị tàn phá bởi Huna. Và đến thế kỷ thứ 8 Sarnath trở lại thời kỳ hoàng kim của mình cho đến năm 1017 khi Mahmud của Ghazi phá huỷ toàn bộ các thánh tích, và những cuộc phá huỷ tiếp tục vào năm 1033 do

Ahmad Nialtgin. Tuy nhiên đến triều đại của vua Gonvindhachandra (1114-1154), với sự ủng hộ của hoàng hậu Kumaradevi, thành phố được phục hồi trở lại, những thánh tích được bảo quản. Hoàng hậu Kumaradevi cho xây một tinh xá rất lớn ở Sarnath, có lẽ đây là một di tích rất ấn tượng cuối cùng được xây dựng tại đây, sau đó không còn một công trình kiến trúc Phật giáo nào được xây dựng. Tiếp tục vào năm 1193 vua Thổ Nhĩ Kỳ đã phá huỷ những di tích Phật giáo tại Sarnath.

Năm 1567 vua Akbar Hồi giáo cho xây dựng một tháp hình bát giác trên một nền tháp cũ để tưởng niệm cha mình, Humayun, đã đến sống ở đây vào năm 1532. Sau đó vào năm 1793 với sự phá huỷ toàn bộ các di tích để lấy vật liệu xây dựng chợ do lệnh của Jagat Singh. Suốt thế kỷ thứ 19 nhiều cuộc khai quật khảo cổ được tiến hành do Alexander Cunningham (1834-36). Tiếp theo đó cũng có nhiều cuộc khai quật khác của F.O. Oertel (1904-05), John H. Marshall (1907), H. Hargreaves (1914-15) và Daya Ram Sahni (1927-32). Tháng 1 năm 1912 Viện Bảo Tàng Khảo Cổ đầu tiên được thành lập ở Sarnath. Trong khoảng thời gian từ 30 tháng 12-1990 đến 1 tháng 1-1991 lễ Kulachakra Puja (Lễ cầu nguyện của Phật giáo Mật tông) lần thứ 14 được tổ chức ở Sarnath dưới sự chứng minh của Ngài Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, Tenzin Gyatso. Khu vực khai quật khảo cổ kéo dài cả khu vực rộng 16.73 héc ta đất, gồm nhiều di tích và tháp; khu vực di tích Phật giáo và lịch sử kéo dài cả khu đất rộng 9.59 héc ta.

### THÁP CHAUKHANDI

Khoảng 600 mét trước khi đến Viện bảo tàng, nằm trên đường chính, phía bên trái chúng ta sẽ nhìn thấy một tháp đầu tiên. Mặc dầu vừa mới được phục hồi, những khu vườn và sự tu sửa những cảnh quan làm cho nơi này trở thành một điểm thu hút khách hành hương du lịch. Theo những nhà khảo cổ học, tháp này (hoặc là một tu viện nằm trên cao) được xây dựng vào thời đại vua Guptas thế kỷ thứ 5. Nơi này đánh dấu nơi đức Phật gặp năm anh em Kiều Trần Như sau khi Ngài thành đạo. Một bia ký viết bằng chữ Ba Tư như sau: “ Humayan, hoàng đế của bảy Vương quốc, đã hạ cố đến và ngồi tại đây để tăng thêm vẻ huy hoàng của mặt trời, Akbar, những người con của ông và những người hầu cận quyết định xây một tháp cao vươn lên giữa bầu trời” thừa lệnh của Akbar, Govardhan, con của vương gia Todarmal, người giữ ngân khố quốc gia, đã xây một tháp cao trên đỉnh tháp này vào năm 1588.



Tháp Chankhandi

### Chùa Padma Same Dharma Chakra (Chùa Tây Tạng)

Từ ngã tư Sarnath- Ashapur, khoảng 350 mét, gần tháp Chaukhandi, về phía bên phải là con đường dẫn đến chùa (House: SA-10/9KA, Sarnath, Tel. 2586296). Chùa này được tài trợ của Khonzen-Palden-Sherab và Khenpo Tsenangum Gyal, khánh thành vào năm 1996. Cổng vào nằm ở hướng Đông, người quản lý ở đây là Premaji Yaltjen. Một trong những mục đích của chùa là dạy giáo lý cơ bản và đạo đức cho những trẻ em Tíbet nghèo và mồ côi. Học sinh được đào tạo 8-10 năm, sau đó có thể trở về gia đình và phục vụ xã hội một cách tốt đẹp.

### Chùa Thái (Hội Mrigadayavana Mahavihara).

Cách tháp Chaukhandi chừng 350 mét về hướng Bắc, nằm trên con đường chính dẫn đến Viện Bảo tàng và khu bảo tồn khảo cổ, chúng ta sẽ nhìn thấy chùa Thái nằm bên trái. Dưới sự hướng dẫn của thượng tọa Phrakru Prakassmadhikun, một phái đoàn hành hương Thái đã đến chiêm bái Sarnath vào năm 1969. Phái đoàn này đã đi chiêm bái hết tất cả thánh tích ở Ấn Độ. Mặc dù thượng tọa trưởng đoàn rất vui khi thấy số lượng tín đồ Phật giáo ở Ấn Độ nhưng ông cũng đau lòng khi thấy nhiều ngôi chùa và những tu viện không được chăm sóc. Với tâm trạng này, vào ngày 27-1-1969 một hội đồng được thành lập để xây dựng một ngôi chùa trong đó có cả tu viện. Lễ đặt đá tổ chức vào ngày 28-11-1974, và ngày 10-2-1976 công trình hoàn tất. Công trình gần đây nhất (1993) là một ngôi chùa Theravada, thờ tượng Phật thành đạo. Tầng hầm được sử dụng làm thiền đường. Một trường tiểu học (từ lớp 1-5) cũng nằm trong chùa. Văn phòng chính của hội Mrigadayavana Mahavihara Foundation ở Bangkok, Thái Lan.

Bạn có thể xuống xe đi bộ chừng 185 mét về hướng Bắc để tham quan Viện Bảo Tàng và khu Bảo tồn di tích khảo cổ và Vườn Nai.

### Viện Bảo Tàng Khảo Cổ

Mở cửa suốt những ngày trong tuần ngoại trừ những ngày thứ sáu, từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Vé vào cửa 5 rupees. Ít nhất cũng phải mất chừng 3 tiếng đồng hồ để tham quan và tìm hiểu về những hiện vật được trưng bày ở đây. Người khởi xướng xây dựng Viện bảo tàng đầu tiên là tiến sĩ J.H.

Marshall, sau đó là Tổng giám đốc Viện Khảo Cổ Ấn Độ, người trực tiếp trong công trình khai quật ở Sarnath. Sơ đồ thiết kế của toà nhà do kiến trúc sư James Ransome, cựu cố vấn thiết kế của chính phủ Ấn Độ, đầu năm 1909 công trình hoàn tất. Tháng 12-1910 Viện bắt đầu sưu tầm các hiện vật khảo cổ, và tháng 2-1912 Viện bắt đầu mở cửa cho du khách tham quan. Toà nhà chính gọi là Nhà trưng bày Shakyasimha (2.5 x 11 x 9 m), được nối thông với hai phòng trưng bày khác. Hai phòng này cũng thông với những phòng khác. Tất cả có đến trên 2700 hiện vật khảo cổ.

Tác phẩm nghệ thuật điêu khắc cổ nhất và đẹp nhất được tìm thấy ở Sarnath là tượng hình sư tử đá của vua A Dục, được tạc trên một khối đá màu sẫm có đốm đen ở vùng Chunar, trưng bày tại nhà trưng bày Shakyasimha, và hình sư tử này đã trở thành biểu tượng quốc huy của nước Cộng hoà Ấn Độ. Tượng cao 2.31 mét gồm hình bốn con sư tử ngồi đầu lưng với một bánh xe ở giữa, có lẽ đây là biểu tượng cho giáo pháp của đức Phật. Từ dưới lên, tượng gồm có bốn phần: (1) phần bệ hình cái chuông trang trí bên ngoài hình lá sen ngược, (2) đầu cột hình tròn trang trí hình bốn con thú, (3) hình bốn sư tử ngồi đầu lưng tạc từ một khối đá, (4) bánh xe pháp với 32 căm hiện nay chỉ còn lại 4 trong 32 cái căm của bánh xe pháp luân. Hình bốn con thú trên đầu cột được diễn tả bằng nhiều cách. Một số người cho rằng là biểu trưng cho những sự kiện quan trọng trong cuộc đời đức Phật, đó là sư tử (biểu tượng của bộ tộc Shakya của đức Phật), hình con trâu (cung hoàng đạo kim ngưu, năm thái tử dẫn sanh là năm Sửu), hình con voi (hoàng hậu Maya mộng thấy voi từ cung trời sa vào bụng), và hình con ngựa (Thái tử cỡi để đi xuất gia). Ngoài ra bốn con thú này cũng biểu trưng cho quy luật thiên nhiên, công việc đồng áng, sức mạnh và tốc độ-bốn yếu tố căn bản của Phật giáo về sự hình thành vũ trụ. Theo cách giải thích này thì đỉnh trụ đá liên hệ triết lý của Phật giáo. Theo cách giải thích phổ biến bốn con thú ngụ ý cho bốn phương trong văn học Phật giáo liên hệ đến Hồ Anotatta nơi đức Phật tắm ở đây. Ở trụ đá tại Anuradhapura –Tích Lan cũng tạc hình bốn con thú này.

Một tượng đứng bằng đá đỏ, tạc hình Bồ tát rất lớn tại toà nhà chính là một mô hình của trường phái nghệ thuật kiến trúc Mathura. Tu sĩ Bala đã làm tượng này vào năm thứ ba của triều đại Kushana vua Kanishka. Một cái cột bát giác đặt phía sau chống trên một tầng dù bằng đá được chạm khắc rất đẹp trưng bày ở phía bắc của toà nhà. Cái dù bằng đá này đường kính 3.05 m được trang trí với nhiều vòng tròn đồng tâm. Phần hồng chính giữa được trang trí hình bông sen nở. Phía ngoài của mép dù là những lỗ đục nhỏ cách đều nhau khoảng cách 0.48 m đây có lẽ là những dải vòng hoa hoặc là những hình tượng khác do những phật tử nhiệt tâm làm trước đây. Nhiều tượng đức Phật trong nhiều tư thế được trưng bày ở toà nhà chính, những tượng ở đây đẹp ở sự hùng

vĩ, tao nhã và đơn giản; và là biểu trưng cho truyền phái nghệ thuật kiến trúc điêu khắc ở Sarnath.

Phía bên trái của phòng trưng bày trung tâm, một tượng thần Tara đứng tay cầm một quả lựu đã bóc có thể thấy hạt bên trong, đây là một mẫu của nghệ thuật điêu khắc của thế kỷ thứ 5. Trọng lượng của thân tượng được trình bày một cách tao nhã ở chân phải. Đồ trang sức rất phong phú, nhưng tinh xảo gồm có những dải đai, vòng đeo tay có trang trí hình hoa lá, và ba vòng dây chuyền. Những vòng đeo tai lớn đeo ở hai tai. Mặt dù khuôn mặt đã bị hỏng, nhưng vẫn toát lên được vẻ thiên lự của pho tượng. Một con kỳ lân, một con thú huyền thoại, Ngài Văn Thù ngồi trên lưng kỳ lân với một cành hoa sen nở, một bia miêu tả thời kỳ hưng thịnh của Shravasti, khi đức Phật đã dùng nhiều phương tiện để khuất phục những luận sư ngoại đạo, một cái hủ bụng phình to Jambhala. Thần thịnh vượng cùng với vợ là Vasudhara, tháp Ramagrama được thần rắn bảo vệ, và một bia ký của hoàng hậu Kumaradevi, hoàng hậu phật tử của xứ Gahadavala vua Govindachandra nêu đến công trình xây dựng tinh xá Dharmachakra Jina của hoàng hậu, và một số đồ cổ quan trọng được trưng bày ở phòng trưng bày Triratna. Bia có ghi tám thánh tích, bốn trong số này liên quan đến những sự kiện chính trong cuộc đời đức Phật, và bốn nơi đức Phật thị hiện thân thông là một hiện vật quý giá trong phòng trưng bày này.

Phòng trưng bày ở hướng Đông bắc (Tathagata) trưng bày những hình tượng của đức Phật, Bồ tát Kim Cương Bồ tát Văn Thù với một cành hoa sen nở trên tay, *Nilakantha Lokeshvara* với ly thuốc độc trên tay, và tượng Di Lặc đứng tay trái cầm bầu rượu, tay phải cầm chuỗi hạt và hình tháp ở trước trán.

Điểm đáng chú ý nhất và cũng là tác phẩm điêu khắc nổi tiếng của trường phái điêu khắc Sarnath là tượng Phật ở tư thế Chuyển Pháp Luân (Buddha in dharmacakramudra), tạc bằng đá (sa thạch) Chunar và vẫn còn giữ nguyên màu đỏ.



Tượng này (cao 1.6 m luôn tới đỉnh vầng hào quang, bề rộng 0.79 m) trong tư thế ngồi kiết già, lúc đức Phật Chuyển Pháp Luân ở Sarnath, đang được trưng bày tại một góc của phòng trưng bày Tathagata. Tượng này là biểu tượng đặc biệt của đức Phật như là bậc Đại từ bi, rất sống động với nét từ bi trên gương mặt của Ngài. Với gương mặt trầm tư, bình thản điểm thêm một nụ cười hàm tiếu với nét hoan hỷ, đôi mắt khép hờ, sống mũi thẳng, cặp chân mày rất thanh tao, dài tai rất dài, và những lọn tóc quăn với nhục kế trên đỉnh đầu. Hai ngón tay giao nhau bằng đá rất mỏng và những nếp gấp y làm cho bức tượng nổi bật và rất đẹp. Vầng hào quang khắc những hình ảnh chư thiên và những đường trang trí hoa văn. Tượng được đặt ở chính giữa bệ, hai bên là hình tượng con nai biểu tượng cho Lộc Uyển. Ở phần dưới của tượng là hình ảnh năm vị tỳ kheo mà đức Phật đã thuyết bài pháp Tứ đế cho họ lần đầu tiên cùng với hình một phụ nữ và một đứa bé, có lẽ biểu trưng cho người cúng dường bức tượng điêu khắc này.

Phòng trưng bày Trimurti nằm ở phía Nam, triển lãm toàn những tượng thần của Bà La Môn giáo, gồm Trimurti (Brahma, Vishnu, và Shiva), Surya, Sarasvati, và Mahishasuramardi (Durga). Một số hiện vật thường như chim, thú vật, đầu người ở thế kỷ thứ 3 TTL đến thế kỷ thứ 12 TL được trưng bày ở nhiều tủ trưng bày khác nhau. Thiện và Ác thần của Kirtimukha (thần chiến thắng) là hai vị thần giữ cửa cho phòng triển lãm Ashutosh (Shiva) nằm ở phía Nam.



Phòng trưng bày Ashutosh trưng bày các vị thần của Bà la môn giáo như Shiva, Vishnu, Karttikeya, Parvati, Navagrahas, cùng với Ganesha, lakshmi và Sarasvati. Một tấm panel minh hoạ Navagrahas với Brahma, Vishnu và Shiva cũng đáng chú ý. Thần Shiva, như là Bhairava (một hoá thân của Shiva) là một trong những tượng thần đẹp nhất được tìm thấy ở Sarnath. Một tượng Andhakasuravadha to lớn, tượng Shiva 10 tay trong hoá thân của Shiva là tác phẩm điêu khắc chưa hoàn tất của thế kỷ 12. Giết kẻ thù của Shiva là Andhaka hay Tripura, Shiva nắm cái đầu lâu trên cái đỉnh ba. Cánh tay phải thứ hai cầm thanh kiếm; tay thứ ba cầm hai mũi tên; tay thứ tư cầm cái trống và tay phải thứ năm cầm một vật không rõ vì đã bị vỡ ở phần trên. Tay trái thứ hai cầm một cái chùy được khắc hình sọ người; tay trái thứ ba cầm cái mộc, tay cầm vẫn thấy được; tay trái thứ tư cầm cái bát để đựng máu của ma vương Andhaka; tay thứ năm nắm hai cái bát cong. Tượng được tạc vào thời trung đại thế kỷ thứ 12 TL, một tượng Nataraja Shiva trong tư thế đang múa. Chân và đầu của tượng bị vỡ, tay phải cũng bị hỏng. Tượng nắm vòng đầu lâu và tay trái cầm đỉnh ba.

Hai hành lang ở phía Nam và Bắc, gọi là Vastumandan và Shilparatna trưng bày hầu hết là những hiện vật khảo cổ. Một cây dầm cửa tạc minh hoạ câu chuyện của Shantivadina Jataka là một tác phẩm nghệ thuật giá trị.

### KHU VỰC KHAI QUẬT KHẢO CỔ

Nằm phía bên trái của cổng vào có một cổng bán vé vào cửa: 5 đô la (240 rupees) cho người nước ngoài, và 5 rupees cho người Ấn và Nepal.

Tinh xá số V và VII. Vào cổng chúng ta sẽ thấy hai tinh xá nằm hai bên con đường. Mj. Markhan Kittoe khai quật tinh xá bên phải, tinh xá V, vào năm 1851-52. tinh xá gồm một sân rộng 15.25 mét vuông, với nhiều tầng phòng, 2.6 m đến 2.65 m, và một cái giếng nước ở giữa sân. Trước dãy phòng bên trong sân là một hành lang có nhiều trụ đỡ. Phòng chính giữa là phòng khách. Cấu trúc mô hình này cho thấy rõ ở phần lớn tinh xá xây dựng vào thời đại Gupta và sau này.

Tinh xá phía tay trái, tinh xá VII, xây dựng vào khoảng giai đoạn trung đại. Tinh xá này được xây dựng trên nền móng của một kiến trúc cũ gồm một sân rộng 9.15 mét vuông, và được bao bọc bởi một dãy hành lang và tầng phòng. Người ta nói rằng tinh xá số V và VII bị thiêu huỷ.

### Tháp Dharmarajika

Tháp này do vua A Dục xây dựng vào thế kỷ thứ 3 TTL, biểu tượng chung quanh tháp nói về những sự kiện trong cuộc đời đức Phật. Năm 1794, Jagat Singh, thừa tướng của vua xứ Ba la nại, đã phá huỷ tháp, có một hộp đá xanh chứa xá lợi của đức Phật và châu báu bên trong tháp. Theo những nhà khảo cổ học thì tháp đã được tu bổ 6 lần. Lần thứ nhất làm lớn hơn là vào giai

đoạn Kushana bằng gạch 38.1 x 26.2 x 7 cm. Lần thứ hai vào thế kỷ thứ 5-6, lần này làm thêm con đường đi xung quanh tháp rộng 4.88 m, cùng với một hàng rào bằng đá cao 1.35 m và có bốn cổng ở bốn hướng. Lần thứ ba vào thế kỷ thứ 7, trong thời kỳ của Harsha, lúc đó con đường đi chung quanh được nâng cao và có bốn bậc cấp bằng đá tảng. Lần thứ tư và thứ năm vào thế kỷ thứ 9 và 11. Lần cuối cùng tiến hành là do hoàng hậu Kumaradevi cho xây dựng tinh xá Dharmachakra Jina Vihar vào thế kỷ thứ 12. Tượng Phật rất đẹp trong tư thế Chuyển Pháp Luân được tìm thấy ở đây.

### **Chánh điện.**

Dấu vết chánh điện này (thế kỷ thứ 3 và thứ 5 TTL) là một toà nhà hình chữ nhật 29 x 27 m, với những hốc ở bốn góc cao 5.5 m. Chánh điện xây ngay nơi đức Phật hành thiền do vua A Dục xây dựng và sau này các triều đại vua Gupta. Con đường đổ bê tông và những bức tường bên trong được xây sau này để gia cố thêm cho toà nhà. Ở phía sau là một trụ đá chỉ còn lại 5 mét phần dưới của vua A Dục (thế kỷ thứ 3 TTL). Trụ đá nguyên thủy cao khoảng 15 mét với hình sư tử ở đầu cột, hiện tượng sư tử đang được trưng bày ở Viện Bảo Tàng.

### **Trụ đá Sư Tử của Vua A Dục.**

Trụ đá sư tử ở Sarnath là tác phẩm nghệ thuật đẹp nhất, nổi tiếng nhất của nghệ thuật điêu khắc Maurya. Phát hiện được vào năm 1905, trụ đá được làm bằng một khối đá sa thạch màu vàng sẫm có đốm đen, trên có hình tượng sư tử ở đầu trụ cũng được làm từ một khối đá nguyên. Phần ngắn có khắc bia ký của trụ đá hiện nay chỉ cao 2.03 m, vốn trụ đá cao 15.25 mét, và trên đầu bốn con sư tử được đặt một bánh xe pháp luân ở khoảng trống ở giữa. Trụ đá được dựng một cách chắc chắn trên một bệ đá phẳng lớn, 20.3 X 15.2 x 45.7 cm. Trụ đá có khắc ba bia ký. Thứ nhất là chỉ dụ của vua A Dục bằng chữ Brahmi nhắc nhở tăng ni về việc chia rẽ trong tăng đoàn. Bia ký thứ hai khắc vào thời điểm Kushana đề cập đến năm thứ 40 của Ashvaghosha. Bia ký thứ ba khắc bằng chữ Gupta nêu tên vị đạo sư của phái Sammitiya và Vastiputraka.

### **Mulaganhakuti Vihara.**

Di tích này thiết kế mô hình vuông mỗi chiều đo được là 18.29 m kỷ niệm nơi đức Phật thường ngồi thiền trong ba tháng an cư. Theo Huyền Trang thì tinh xá này cao 61 mét. Phong cách trang trí và kiến trúc cho thấy thuộc giai đoạn Gupta. Tầng hầm chung quanh di tích này và những bức tường gạch ở chánh điện được làm thêm sau này để chống cho mái nhà.

### **Tháp Dhamekha (sanskrit: Dharmachakra).**

Người ta tin rằng vị trí của tháp là chính xác nơi đức Phật thuyết bài pháp thứ hai 'Vô ngã' cho năm anh em Kiều Trần Như. Di tích này được xem là quan trọng và tôn nghiêm nhất trong những di tích ở Sarnath. Tháp hình

trụ đứng, đường kính 28.5 m ở dưới và 33.5 chiều cao, 42.1 chiều cao tính luôn phần móng, gồm có một cái trống cao 11.2 m dựng trên mặt đất mà không có bệ như những nơi khác. Phần hình trống này hướng về 8 phía cao 6 mét, mỗi mặt đều có những khung vòm đặt một bức tượng. Dưới những khung vòm này là những đường trang trí. Những đường trang trí trên thường chỉ trang trí cây sen với lá và búp sen; trong khi ở đường trang trí dưới trang trí những đoá sen nở rộ và búp sen. Phần trên của tháp xây bằng loại gạch lớn. Mặt ngoài của phần này hiện nay đã bị mất và rất khó mà nói có phải phần này cũng được đặt trên đá như phần dưới hay không hay là chỉ tô bằng vữa hồ. Cunningham cho rằng phần này chỉ được trát bằng hồ. Phần trung tâm được trang trí với những mô hình thời đại Gupta, đó là những trang trí hoa lá sum sê, những hình tượng toán học, chim, và hoa-những hình tượng trang trí khó hiểu nhất. Tượng Bồ tát đứng và tượng Phật thuyết pháp được tìm thấy chung quanh khu vực này.

### **Tinh xá Dharmachakra Jina Vihar**

Được coi như là Tinh xá số I, nằm trải dài 232 mét từ hướng Đông đến hướng Tây với một dãy nhà trung tâm, tinh xá này là do hoàng hậu Kumaradevi, vợ của vua Govindachandra xứ Kashi cúng dường. Tất cả toà nhà và tầng phòng hiện nay không còn. Tinh xá này có hai cổng vào ở phía Đông, khoảng cách giữa hai cổng là 88.45 m. Ở cuối hướng tây của tinh xá, có một lối đi khác dẫn đến một chánh điện nhỏ hơn.

### **Chùa Miến Điện**

Chùa Maha Wijitawi Sima hay Chùa Miến Điện xây dựng ở một khu đất thấp nằm ở hướng Tây của khu khai quật khảo cổ. Chùa xây dựng năm 1934 do Daw Ryu và con gái là Ma Than Nyun, cùng với Daw Goom và con trai của bà Maung Hla ở Rangoon. Chùa có thờ một tượng Phật làm bằng đá trắng và hai tượng hai vị đệ tử của đức Phật. U. Shwe Hlwa Myomathugyi, Dawtlla và các con trai; Bassein, Daw Pyu, Daw Goon các con trai ở Rangoon cúng dường. Trước chùa có một thư viện Saddhammaransi Library, do U. Shwe Wi và vợ cúng dường xây dựng. Trước sân có một tượng Phật có tàng lọng che xây dựng vào năm 1994.

### **Vaja Vidhya Sansthan**

Nằm về hướng Bắc trong một ngôi làng Khajuri cách Chùa Mahabodhi chừng 450 mét, Tu viện Vajra Vidya là công trình xây dựng sau cùng ở Sarnath. Dọc theo con đường nằm phía sau những quầy bán hàng tại Viện bảo tàng, chúng ta sẽ gặp một tu viện Miến Điện, cũng theo con đường này chừng một cây số qua chợ Srinagar là đến tu viện. Nằm trên một khu đất rộng một héc ta, tu viện xây dựng do sự tài trợ của Thrangu Tulku Rinpoche, một tu sĩ người Sikkim. Đây là mô hình duy nhất kết hợp giữa nghệ thuật kiến trúc cổ và hiện đại của Tây Tạng. Công trình bắt đầu từ ngày 18-12-1993 và hoàn

thành ngày 29-10-1999; toàn bộ công trình tốn 20 triệu rupees. Chùa thờ tượng Phật Thích Ca bằng đồng thau, mạ vàng cao 4.6 m, và là tượng Phật duy nhất chưa từng có ở Sarnath. Lễ an vị Phật tổ chức vào ngày 29-31-10-1999. Ngài Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 Tenzin Gyatso chứng minh lễ khánh thành chùa vào ngày 15-12-1999, nhằm ngày mồng 7 tháng 11 năm Kỷ Mão. Ngoài tượng Phật lớn chùa còn có 30 tượng Phật khác với nhiều tư thế khác nhau, mỗi tượng cao 1 mét, và 1000 tượng Phật nhỏ, mỗi tượng cao 20 cm. Ngoài ra còn có một tượng thần Tara ở tại chánh điện. Ở sân trong có tượng Mahakal, Brahma, Indra, và nhiều vị thần của đạo Hindu. Toàn bộ công trình kiến trúc của chùa dựa theo mô hình của chùa Samyasha Buddhist Vihara, mà chùa này lại là bản sao của chùa Buddhist Vihara ở Odantapuri tại Bihar. Tu viện còn có một trường Phật giáo, chương trình M.A trong 5 năm cho các bộ môn Triết học, Tôn giáo và Thiên.

### **Đền thờ đạo Jain**

Nằm ngay trong khu vực của tháp Dhamekh, đền thờ xây dựng năm 1824 để tưởng niệm sự ăn năn và tổ thứ 11 của đạo Jain Tirthankara Shreyamsanatha, người có hình thờ trong đền. Bên trong đền thờ được trang trí những bức trang vẽ trên tường minh họa cuộc đời của Mahavira. Vị trí hiện nay của đền thờ người ta tin là đã hình thành tên ngôi làng Simhapur ngày xưa; hiện nay có một ngôi làng cùng tên cách đền thờ khoảng 1 cây số rưỡi.

### **Mulagandhakuti Vihara (ChùaMahabodhi Tích Lan)**

Không xa khu bảo tồn, nằm về hướng Đông, qua những khu vườn là chùa Mulagandhakuti Vihara, do ngài Anagarika Dharmapala xây dựng vào năm 1931, người sáng lập ra Hội Mahabodhi Society. Chùa biểu tượng cho những lời dạy của đức Phật về vũ trụ qua nhiều cách. Toàn bộ ngân quỹ của chùa đều do bà Mary Foster, và những người Mỹ đỡ đầu Anagarika Dharmapala tài trợ. Ngài Harcourt Butler, một nhà quý tộc Anh đã đặt móng ngôi chùa này vào tháng 11-1992. Raja Shiva Prasad, Raja Moti Chand và Rajashi Udai Pratap Singh cúng dường đất và tiền.

Được làm bằng loại đá sa thạch đỏ Chunar, với mô hình thiết kế giống cái chuông, chạm khắc đơn giản, chùa này khánh thành vào ngày 11-11-1931, với sự tham dự gồm đại diện của nhiều nước Phật giáo trên thế giới.

Điểm đặc biệt của chùa này là nhiều bức bích họa do họa sĩ người Nhật tên là Kosetsu Nosu vẽ. Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng sáng tác cho Nosu, và ông đã một mình sáng tác những bức tranh bích họa đó trong nhiều năm (1932-36). Chủ đề của những bức bích họa là những sự kiện nổi bật trong cuộc đời của đức Phật từ lúc đản sanh cho đến khi nhập niết bàn. Trong suốt thời gian ông làm việc để hoàn tất những bức tranh đó chi phí chỉ tốn 10.000 rupees; một phật tử người Anh B.L.

Browton đã cúng dường toàn bộ số tiền này. Hội Mahabodhi Society của Nhật cúng dường một cái chuông lớn treo tại hành lang vào chùa, tiếng chuông ngân xa đến cả 8 cây số. Chùa còn có thờ xá lợi của Phật.

*Những bức bích hoạ trên tường chùa Mulagandhakuti Vihara:*

*Tường phía Nam:*

1. Bồ tát ở cung trời Đâu suất chờ để đầu thai
2. Giấc mơ của Hoàng hậu Mayavà Bồ tát thọ thai
3. Bồ tát đản sanh ở Lâm Tỳ Ni
4. Thái tử Tất Đạt Đa nhập vào sơ thiền trong buổi lễ hạ điền
5. Bốn cảnh khổ của cuộc đời sau bốn lần du ngoạn bốn cửa thành
6. Thái tử thăm công chúa Da Du Đà La và La Hầu La trước lúc Ngài lìa bỏ hoàng thành đi xuất gia.

*Tường phía Tây*

7. Thái tử rời khỏi hoàng thành với Xa nặc và ngựa Kiên Trắc
8. Học với các vị đạo sư đương thời
9. Kiệt sức vì hành trì khổ hạnh, đức Phật nhận bát sữa do nàng Sujata cúng dường
10. Ma vương quấy phá đức Phật
11. Cảnh năm anh em Kiều Trần Như chào đón đức Phật khi Ngài đến Sarnath để chuyển pháp luân.
12. Thuyết pháp cho vua Tần Bà Sa La
13. Cảnh Cấp Cô Độc mua vườn của Thái tử Kỳ Đà

*Tường phía Đông*

14. Đức Phật và tôn giả Anan đến thăm một tỳ kheo bị bệnh
15. Đức Phật hoà giải cuộc chiến tranh giành nước của dòng sông Rohini giữa bộ tộc Shakya và Koliya
16. Đức Phật trở lại Ca Tỳ La Vệ
17. Cảnh Đức Phật nhập niết bàn và tôn giả A Nậu Lôu Đà khuyên các vị tỳ kheo không khóc. Bên phải là ông Tu Bạt Đà La một đạo sĩ Bà La Môn , đệ tử cuối cùng của Đức Phật.
18. Đức Phật thuyết A Tỳ Đàm cho Hoàng hậu ở cung trời
19. Quy phục Vô não (Angulimala)
20. Đề Bà Đạt Đa và A Xà Thế lập mưu giết hại Đức Phật và vua Tần Bà Sa La
21. Tôn giả Anan xin nước cô gái, cô gái do dự không dám đưa vì thuộc giai cấp thấp. Phật giáo không đồng ý về vấn đề giai cấp của Hindu. Tôn giả A nan nói với cô gái: “Tôi không hỏi xin cô giai cấp. Tôi chỉ hỏi xin nước uống”

Chánh điện của tinh xá Mulagandhakuti có thờ xá lợi, người ta tin đó là xá lợi của Đức Phật được tìm thấy tại Taxila, và ở Nagarjunakonda, do ngài

Tổng Trấn Ấn Độ, Lord Irwin tặng cho Hội Mahabodhi. Đằng sau chánh điện có một tháp nhỏ thờ cốt của Anagarika Dharmapala. Phía sau chùa là vườn Nai, phía bên phải ở mé sau là di tích nơi hoả táng Dharmapala. Nằm bên phải con đường đi vào chánh điện chùa là tượng của Anagarika Dharmapala, đứng vòng tay, mắt nhìn xuống rất nghiêm nghị.

Cũng phía bên phải đi hết con đường là cây Bồ Đề, chiết nhánh và mang từ Anuradhapura sang, do ngài Anagarika Dharmapala trồng năm 1931. cũng ở đây một sân nhỏ và một nhà rạp xây năm 1989 do Hội Phật giáo Miến Điện xây dựng, trong đó có tượng đức Phật thuyết pháp cho năm anh em Kiều Trần Như. Một cổng chạm trổ rất đẹp xây dựng năm 1999, chung quanh cây Bồ Đề nhiều tượng Bồ tát đặt trong lồng kính. Đi bộ chừng 100 mét sẽ đến vườn Nai và một sở thú nhỏ có cá sấu, cá sấu Nam Mỹ những giống chim di cư như con Diệc..

#### Vườn Nai

Như đã nói, trong kinh điển Phật giáo Sarnath được biết đến như là Mrigadava (Lộc Uyển), và như chúng ta biết thì thời đức Phật có rất nhiều nai sống ở đây.

Vườn Nai hiện nay được hình thành để kỷ niệm khu Mrigadava cũ. Một số nai vẫn đang được chính quyền bang Uttar Pradesh nuôi và bảo vệ tại đây. Vườn nai thành lập vào dịp kỷ niệm 2500 ngày đức Phật nhập niết bàn, được tổ chức rất long trọng tại Sarnath và khắp Ấn Độ. Công viên rộng khoảng héc ta đất, có một hồ chảy dọc theo khu vườn. Chính quyền bang Uttar Pradesh đã đầu tư 4 triệu rupees để sửa sang lại mỹ quan tại khu di tích này. Đi ra khỏi khu vực chùa chúng ta sẽ thấy văn phòng của Mahabodhi Society. Đây là trụ sở lớn và lâu nhất ở Sarnath. Trụ sở này là chi nhánh của Hội dời từ Colombo sang Calcutta vào năm 1891.

#### Chùa Hàn Quốc

Chùa nằm cách con đường chính chừng 350 mét về hướng Bắc, gần trường Mahabodhi Inter. Chùa do John Kinz xây dựng, và đang được Sư Bisuddha quản lý. Chùa khánh thành ngày 1-2-1996, khuôn viên chùa chỉ độ 0.61 héc ta. Cổng chùa hướng về hướng Nam. Chánh điện thờ một tượng Phật bằng đá.

#### Chùa Trung Quốc

Đi bộ chừng 250 mét về hướng Đông, nằm bên trái là chùa Trung Quốc do thượng toạ Te-Yu, đệ tử của Ngài Tao Kai và Fa-yuan Tsu, chủ tịch hội Phật giáo Đông Nam Á xây dựng năm 1939. Chủ nhà băng ở Singapor tên Lee Chong Seng cúng hầu hết kinh phí. Cổng và tường chung quanh chùa xây dựng năm 1952 do Đại Đức Pau-Chao và`Cheu-Tsau, nhiều Hoà thượng và những người thừa kế Cố thượng toạ Te -Yu, và những người Hoa kiều ở Ấn Độ cúng

dường. Chánh điện chùa hình vuông có thờ một tượng Phật bằng đá rất đẹp. Tượng được tạc ở Miến Điện, nên mang đường nét nghệ thuật điêu khắc Miến Điện rất đẹp và sống động.

#### Đền thờ Saranganatha (Shiva)

Đi thẳng theo con đường từ chùa Trung Quốc về hướng sân ga chừng 150 mét thì rẽ phải chúng ta sẽ thấy ngôi đền nằm riêng biệt trên một khu đất cao, thờ Shiva trong hình thức “Chúa tể của loài Nai”, Saranganatha. Cũng ở tại ngôi đền có một linga gọi là Shobhanatha. Phía Đông ngôi đền là một hồ nước lớn có hoa sen nở suốt mùa. Người ta tin rằng đền thờ được xây dựng tại địa điểm của một điện thờ của đạo Shaivite phát triển rất mạnh trước đây. Suốt tháng Shravana (Julu-August) hầu hết những người sống gần đây đều kéo về trong không khí hân hoan của ngày hội, hàng ngày mọi người tổ chức những cuộc du ngoạn cúng hoa, và đồ ngọt cho Saranganatha, và nấu những món ăn đặc biệt ở ngoài trời. Chừng 150 mét về hướng Tây là chùa Nhật Bản.

#### Chùa Nichigatsuzan Horinji (Nhật bản)

Từ đền thờ Saranganatha khoảng 100 mét về hướng Tây Hội Dharmachakra Indo-Japanese Society có xây một ngôi chùa rộng 2500 mét vuông, chùa Indo-Janese (Na Mu Myo o Ren Ge Kyo). Lễ sát tịnh khu đất tổ chức ngày 10-9-1986. Chùa xây dựng theo phong cách của Nhật bản, tất cả những vật liệu được mang sang từ Nhật; chi phí xây dựng chùa là 10 triệu Rupees. Công ty xây dựng Mitsusui, xây dựng công trình, và đến ngày 21-11-1992 chùa chính thức mở cửa để đón khách thập phương. Trong chánh điện chùa có thờ tượng Phật ngồi thiền định cùng nhiều tượng Bồ tát khác. Theo con đường đi về hướng Tây khoảng 100 mét chúng ta sẽ gặp chùa Phật giáo Tây Tạng.

#### Chùa Phật Giáo Tây Tạng

Năm 1955, dưới sự lãnh đạo của Sư Goshelama, người tỵ nạn trong cuộc chiến Trung Quốc-Tây Tạng, đã xây ngôi chùa này. Tượng Phật lớn làm theo mô hình tượng Phật Sarnath thờ ở đây. Ngoài ra còn có 9 tượng khác hai tượng Phật, hai tượng đệ tử của Phật, một tượng thần Tara, một tượng Di Lặc, một tượng Đại Đức Tsong Khapa và hai đệ tử của Tsong Khapa. Tsong Khapa theo phái Gellupa của Phật giáo Tây Tạng. Còn có ba hệ phái khác nữa ở Típet đó là phái Nyingapa, Shakya, và Kagyudpa. Hàng trăm tu sĩ Típet bất kể họ thuộc hệ phái nào cũng đến đây hàng năm để lễ bái tại đây. Trong chùa đang bảo quản 150 bộ kinh giá trị được dịch sang tiếng Tây Tạng vào giai đoạn thế kỷ thứ 7-9. Một điều ngạc nhiên khác là số lượng tranh bích họa vẽ trên vải và trên tường. Những bức tranh này đã có từ hơn cả trăm năm nhưng màu sắc vẫn tươi và sáng. Đi dọc theo con đường đến ngã tư với lộ chính, chúng ta sẽ gặp nhà hàng Rangoli, với những món ăn hấp dẫn và ngon. Đi chừng 300 mét rẽ phải, theo đường này bạn sẽ gặp một tu viện của Tây Tạng.

### Singhpuri Tirha

Năm 1800 Acharya Kushalachandra Suri đã xây dựng đền thờ này tại ngôi làng Hiranpur và được đánh dấu bằng một bảng viết ở cổng (hiện nay không còn). Hiranpur nằm cách Sarnath 1.5 km về hướng Đông nam, qua khỏi đường tàu hỏa. Tượng của Shreyamsanatha trong hình tượng của Mulanayaka-Ji được thờ ở đây. Ở bốn góc của toà nhà bên trong có biểu tượng về bốn bậc của thượng đế được minh họa. Có một nhà nghỉ cho khách hành hương, trong đền thờ có nhiều cây cối xanh tươi và trồng nhiều hoa.

### Viện Cao Đẳng Trung tâm của Típet

Trong những thập niên 50 tại Tây Tạng đã xảy ra những cuộc xung đột về chính trị, văn hoá, và tôn giáo giữa Trung Quốc và Tây Tạng. Từ đó người Tây Tạng bị kềm kẹp với sự lo lắng rằng những văn hoá của mình mỗi ngày sẽ biến mất và họ sẽ bị đồng hoá. Thấy được điều này, người đầu tiên là Pt. Jawaharlal Neru thủ tướng Ấn Độ và ngài Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 Tenzin Gyatso đã thành lập Học viện Tây Tạng tại bốn địa điểm Gangtok (Sikkim), Leh (Laddakh), Delhi và Sarnath. Những môn học căn bản ở đây là để tạo điều kiện cho những người Tây Tạng tỵ nạn học hỏi kiến thức, thiết lập lại những sách bằng tiếng Sanskrit bị mất, và bảo tồn tiếng Tây Tạng, viện cũng đào tạo truyền thống Phật giáo cổ truyền cùng với những môn học hiện đại để bảo tồn truyền thống văn hoá của Tây Tạng. Viện cũng phục hồi lại những văn học Ấn (những bản gốc bị thất lạc) và giảng dạy chương trình cao cấp Phật học nâng cấp cho những sinh viên đã có học những chương trình Phật học trước đây. Viện trước đây cũng là một phân khoa của trường đại học Sanskrit Varanaseya, và tách rời vào năm 1998 khi viện được UGCA chấp nhận tương xứng với đại học Deemed. Mô hình thiết kết của Viện dựa theo kiến trúc tu viện Tây Tạng cổ. Viện sưu tầm những tài liệu lịch sử để phục vụ cho việc giảng dạy, nghiên cứu, và xuất bản. Viện hiện có tất cả 5 phân khoa: ngôn ngữ học, logic, nghệ thuật và thủ công, triết học và tôn giáo, y tế, chương trình bắt đầu từ lớp 9 đến đại học và hậu đại học. Ở đây cũng có chương trình nghiên cứu cho luận văn tiến sĩ, và chương trình học hàm thụ cho những nghiên cứu sinh dài hạn. Năm 2000, có đến 300 sinh viên nam (ở ký túc xá Padmasambhava), và 62 sinh viên nữ (ở tại ký túc xá Prajapati), và 90 giáo viên. Sinh viên đến ghi danh từ các quốc gia như Nepal, Bhutan, Mông Cổ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nga. Viện có một thư viện tương đối tốt với những tài liệu quý giá, những bản viết tay và hơn 85,000 đầu sách dưới dạng vi film. Từ khi viện được công nhận, viện trưởng là giáo sư tiến sĩ Samdong Rinpoche, người rất có trình độ và tâm huyết trong mọi lãnh vực.

### Chỗ ở

Hầu hết du khách đều không muốn ở qua đêm tại Sarnath, nhưng nếu có thì có thể trú tại một số chùa ở đây với sự cúng dường tùy hỷ. Công ty du lịch



UP có khu khách sạn Bungalow, khách sạn Mrigadaya (Tel: 2586965, Fax: 2587508), có phòng đôi với nhà tắm và máy lạnh với giá phải chăng (khoảng 300 Rs cho phòng hạng sang, 550 Rs cho phòng máy lạnh, và 400 Rs cho những phòng gia đình). Có thể ở lại những nơi khác như: Khách sạn Golden Buddha (Tel: 2587933), giá 350/450 Rs; Chitra Vihar (Tel: 2586280); Nhà nghỉ Jain Paying (Tel: 2595621, tiếp xúc Dr. A.K. Jain, [jpggh@rediffmail.com](mailto:jpggh@rediffmail.com)), 14/37A Barraipur; và Nhà nghỉ Mahabodhi (Tel: 2585595). Có ba nhà nghỉ lớn Dharmashala (nhà nghỉ cho khách hành hương), là Birla, Burmese and Jain. Ngoài ra còn có hai nhà nghỉ khác: Officers' Guest House do Viện Khảo Cổ, và Foret Department Guest House (Tel: 2586635-2586636).

### **Thức ăn**

Cách khách sạn Mrigadaya khoảng 1 cây số về hướng Nam, gần đến ngã tư là Nhà hàng Rangoli Garden Restaurant (Tel: 2585025, 2587125), là nhà hàng tốt nhất. Trong mùa hành hương, một nhà hàng Bhutan, gần chùa Tipet, có phục vụ thức ăn Trung Quốc. Trong thành phố cũng có những nhà hàng trung bình với thức ăn Ấn. Gần ngã tư đường Ashapur, có hai nhà hàng Hotel Highway Inn và Open Restaurant.

### **Những dịch vụ khác**

Ngân hàng duy nhất ở Sarnath là Central bank of India, tuy nhiên cách Ashapur khoảng 1.5 km về hướng Nam có chi nhánh của State bank of India và Carana Bank. Phục vụ ở đây rất tồi, không có dịch vụ đổi ngoại tệ. Có bưu điện và bệnh viện nhà nước.

### **Ga nối : Varanasi**

Dân số: một triệu rưỡi, mã số điện thoại: 0542, mã số bưu điện: 221001.

Thành phố Varanasi nằm bên bờ Tây của sông Hằng, nơi dòng sông Hằng uốn cong về hướng Bắc trước khi đổi sang hướng Đông nam để đổ ra biển. Đây là thành phố thánh của Ấn Độ, thành phố này có lẽ là thành phố quan trọng từ thế kỷ thứ 7 TTL khi Babylon và Nineveh đạt đến đỉnh cao của quyền lực. Thành phố này có đề cập trong Mahabharata và Ramayana. Đức Phật đã đến đây năm 528 TTL. Tên thành phố xuất phát từ tên của hai dòng suối: Varana ở phía Bắc thành phố và Asi ở một dòng suối nhỏ ở phía Nam. Tên Ba la nại là tên thông tục của Varanasi. Varanasi còn gọi là Kashi, 'thành phố của Ánh sáng' do những người theo đạo Hindu tôn kính thường thêm tiếp vĩ ngữ -ji cho nó. Khoảng 8 cây số từ trung tâm thành phố là Sarnath, một khu ngoại ô, nơi Đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên. Theo con số thống kê về số lượng khách hành hương hàng năm đến thành phố này lên đến cả triệu người, khoảng nửa triệu người du lịch Ấn, và chừng 150 ngàn du khách ngoại quốc.

Varanasi được xem như là nơi tổng hợp của tất cả tinh hoa của những nơi hành hương khác người ta tin rằng nếu ai chết ở trong khu vực này sẽ được

sanh lên thiên đàng. Do đó có nhiều tín đồ Hindu đến đây để sống những ngày cuối cùng và thiêu xác để bỏ tro xuống dòng sông Hằng.



Cảnh trên sông Hằng

### **Những cư dân đầu tiên**

Những cư dân đầu tiên sống ở Varanasi (1000 TTL) là những người thuộc giai cấp Sát Đế Lợi đã biến thành phố này thành trung tâm văn hoá, giáo dục, và thủ công nghệ. Từ thời đại Mauryan (thế kỷ thứ 3-4 TTL) cho đến triều đại Gupta (thế kỷ thứ 5-6 TTL), đây là thời kỳ hoàng kim của Varanasi. Sự hưng thịnh của thành phố đạt đến đỉnh cao là vào giai đoạn Gahadavala (thế kỷ 11-12). Thành phố bị quân đội của Hồi giáo tàn phá. Năm 1194, Qutb-ud-din Khalji đánh bại quân đội của hoàng gia và Ala-ud-din-khalji, vua của Delhi (1294-1316) đã phá huỷ toàn bộ đền đài, chùa chiền để xây dựng nhà thờ Hồi giáo. Vua Aurangzeb (1658-1707) cho đập phá những đền thờ, chùa và xây dựng nhà thờ Hồi giáo trên những vị trí đó.

### **Một trung tâm học thuật**

Varanasi được xem như là trung tâm nghiên cứu Sanskrit chính của vùng Bắc Ấn. Sanskrit là cổ ngữ của gốc ngôn ngữ Indo-European, là ngôn ngữ bác học và tôn giáo đã được duy trì ở đây kể từ khi nó không còn là một ngôn ngữ phổ thông. Ví dụ, Trường đại học Sanskrit có hơn 150 ngàn bản viết tay rất giá trị. Những hoạt động của đạo Hindu phát triển ở đây, đặc biệt là vào thế kỷ thứ 15 dưới thời Ramananda và Kabir, một trong những vị thánh thi của Ấn Độ sống ở đây. Tulasi đã viết lại Ramayana từ chữ Sanskrit sang tiếng Hindi

### **Những nơi cần quan tâm**

Varanasi nổi tiếng nhờ dòng sông Hằng linh thiêng chảy uốn cong tạo thành bờ hình lưỡi liềm, dọc theo bờ sông Hằng có 84 đền thờ, năm trong số

các ngôi đền này rất quan trọng cho những tín đồ Hindu đến đây để cầu nguyện và tắm. Từ những đền thờ này nhìn mặt trời lên rất đẹp. Những nơi quan trọng khác như đền Vàng của Vishvanatha và những đền gần đó, đền thờ Kala Bhairava, Durga, Tulsi manas, Bharat (đền thờ đất Mẹ Ấn Độ biểu tượng bằng một bản đồ bằng đá trên mặt đất), Thành Ramnagar và Viện bảo tàng phía bên kia sông, Brarat Kala Bhavan (Viện bảo tàng trong trường đại học Banaras Hindu), Banaras Hindu University, trường đại học nội trú lớn nhất Châu á, đền thờ Kardameshvara (đền có từ thế kỷ thứ 7 vẫn còn giữ những nghi lễ cổ truyền), và nhiều nơi khác.

### **Môi trường ô nhiễm ở sông Hằng**

Đọc theo sông Hằng vấn đề chính yếu là xử lý chất thải (chất thải từ con người và những chất thải công nghiệp) là vấn đề gây khó khăn cho Ủy ban quy hoạch sông Hằng được thành lập năm 1986 để giải quyết tình trạng nghiêm trọng trên. Sự sai lầm và giải quyết vấn đề nước thải trong 7 thành phố được hội thảo tại Kanpur, Allahabad, Mizapur, Varanasi, Patna, Bhagalpur và Kolkata. Tuy nhiên ở Varanasi, những hệ thống cống từ thế kỷ thứ 7, không còn khả năng để dẫn nước thải, lưu lượng nước tăng trong thời gian gió mùa và sự cung cấp cho thủy điện vẫn gặp nhiều trở ngại. Thêm vào đó là hầu hết tín đồ Hindu, dự tính khoảng 25,000 xác người và những xác thiêu bỏ xuống sông Hằng mỗi năm. Những xác gia cầm chết thả trôi trên dòng sông, thịt vữa ra, xác chìm xuống dòng sông.

Nhà máy nước Uttar Pradesh (Jai Nigam) đưa ra một dự án quy hoạch sông Hằng II, nhưng chương trình mới đưa ra thì đã bị chống đối từ bên trong. Đó là lý do tại sao dự án không được tiến hành. Không có sự ủng hộ của cộng đồng và cũng không thấy được những mối nguy hại cho dòng sông. Và những nhận định sai lầm muốn phục hồi lại những đạo đức tôn giáo củ mem về sự hài hoà về thiên nhiên và tín ngưỡng của đạo Hindu. Mặc dầu sông Hằng là một trong những con sông ô nhiễm nhất thế giới nhưng cũng như những dòng sông vùng nhiệt đới, nó có thể tự trong sạch dòng sông một cách nhanh chóng. Những nhà khoa học khám phá ra rằng một đặc tính của dòng sông . Vi khuẩn gây bệnh dịch tả không thể sống quá 3 tiếng đồng hồ ở sông Hằng trong khi đó trong nước máy loại vi khuẩn này có thể sống đến 24 tiếng đồng hồ!

### **Khách sạn- Nhà nghỉ**

Khách sạn

Varanasi có một số lượng khách sạn nhiều nhất, từ một số khách sạn cao cấp đến những nhà nghỉ rẻ tiền, những nhà nghỉ cho khách hành hương. Tùy theo những nhu cầu và giá cả, khách sạn ở Varanasi có thể chia ra làm năm loại.

A. Khách sạn 4 sao, thường là những khách sạn quốc tế, có máy lạnh, có đủ những nhu cầu cần thiết, có cả dịch vụ đối ngoại tệ, thể thao, giá 3000/5000 Rs.

*Clark Varanasi* (140 phòng) Email: [clarkvns@satyam.net.in](mailto:clarkvns@satyam.net.in), Tel: 2348501 đến 2348510; Fax: 2348186-khách sạn tốt nhất trong thành phố.

*Hindutan International* (68 phòng) Tel: 2351484 đến 2351490, khách sạn mới xây và có nhà hàng ăn tốt.

*Taj Ganges* (130 phòng) Web: [www.tajhotels.com](http://www.tajhotels.com), Tel: 2345120 đến 2345117, Fax: 0542-2348067 là nơi nghỉ sang trọng và đầy đủ những dịch vụ.

*Varanasi Ashok* (84 phòng) tel: 2346020 đến 2346030; Fax: 2348089, nằm ở khu vực yên tĩnh.

*Radisson Hotel* (120 phòng) Email: [radvar@sify.com](mailto:radvar@sify.com), Web: [www.radisson.com](http://www.radisson.com), Tel: 091-542-2501515, Fax: 091-542-2501516, khách sạn nổi tiếng trên thế giới Radisson.

B. Khách sạn 3 sao, có máy lạnh trung tâm, có đầy đủ những nhu cầu của hạng A nhưng không sang trọng, giá 1500/3000 Rs.

*Best Western Ideal* (40 phòng) Tel: 2348091; *Hotel de paris* (50 phòng) gần văn phòng du lịch Tel: 2346601 đến 2346608, Fax: 2348520; *Hotel India* (80 phòng), 59 Patel Nagar, Tel: 2343309, 2342912, 2342913, Fax: 2348327; *M.M Continental*, Tel: 2345272-2345273, Fax: 2342839; *Hotel palace on Ganges* (22 phòng), Assi Ghat; *Hotel Pallavi International* (55 phòng), Hathwa Palace Chetgani, Tel: 2356939 đến 2356942, Fax: 2322943.

C. Khách sạn 2 sao, thường là những khách sạn tương đối với giá 1000/1500 Rs.

*Barahdari* (16 phòng) Tel: 2330040-2330581; *Diamond* (55 phòng) tel: 2310696-2310700; *Hotel Ganga View* (14 phòng), Assi Ghat, Tel: 2313218; *Jai Ganges* (18 phòng-máy lạnh) Tel: 2345951 đến 2345954; *Mati* (80 phòng), đường Vidyapith, Tel: 2356844-2351395, Fax: 2322161; *Padmini International* (30 phòng), D/59/150K Shivpurva, Sagra-Mahmoorgani Road, Tel: 2220972-2222274; *Hotel Pradeep* (45 phòng), C27/153 Jagatgani, lahurabir, Tel: 2344963-2344594' Fax: 2344898; *Surya* (35 phòng), Varana Bridge Road, Tel: 2348330-2343014.

D. phòng thoáng mát có nhà tắm và tivi, nhà hàng và dịch vụ phòng, giá 500/1000 Rs.

*Ajay* (19 phòng) Tel: 2344763; *Dak Bungalow Caravan park*, Tel: 2342182; *gautam*, C 26/35 Ramkatora (37 phòng có cooler) tel: 350805; *Shahi River View Hotel*(12 phòng), B1/152 À Assi Ghat, Tel: 2366730; *Siddhartha* (26 phòng) Tel: 2358161-2351852; *Temple on Ganges* (20 phòng), Assi ghat, Tel: 2312340; *Tourist Bungalow* (39 phòng) tel: 2341162- có phòng máy lạnh, nhà

tắm riêng, phòng hạng sang và phòng ngủ tập thể mới xây; Vaibhav (15 phòng) Tel: 2346477-2346588.

E. Phòng đơn có quạt máy (đôi khi có máy lạnh), tắm vòi sen và nước chứa ở thùng. Nhà vệ sinh tập thể, phục vụ hạn chế bao gồm cả thức ăn khi nhà hàng không mở cửa, giá 400/600 Rs.

Ashok: 2350058; Buddha: 2343686; Chandra: 2356318; Empire: 2392129; Garden View: 2360851-23658917; Hotel Jyoti: 2320333-2393050; Lara India: 2320323-2320327.

Guest House; giá 100/200 Rs

Amirt Guest House: 2313264; Beriwalla Atithi bhavan: 2357117; Chitragupta Atithi bhavan: 2345071; Dashashvamedh Boarding House: 2321701; Kapoor Guest House: 2343802; keshari Vishram Bhavan: 2320262 Sri Lodge: 2392894; Yogi Guest House; 2320860.

Nhà Khách Hành Hương

Annapurma Telwala: 2350025; Bagla: 2329219; Buddha Burmese; Divan tara Chand; Kamala; Kanpur; Kashi Mumuksha Bhavan.

### **Nhà hàng ăn**

Những nhà hàng trong thành phố không được phép bán bia rượu. Thực đơn phong phú các món ăn ở các nhà hàng lớn. Một vài nhà hàng nổi tiếng dưới đây:

Amrapali Restaurant ở khách sạn Relex: 2343503; Anamika Coffe & Kulfi House; Bread of Life Bakery B3/322 Shivala: 2318912-nơi duy nhất trong thành phố có 'bánh mì Châu Âu và những thức ăn nhẹ của Mỹ'; Canton's ở khách sạn Surya có những món ăn Trung Quốc; Chahat Restaurant: 2363900; El Parador sau trạm xe buýt thành phố; Kerela Café (nam A61n): 2313208; Hotel Labela Restaurant (Chinese) B 31/26 B.H.U Rd, Lanka: 2366970; Pragati Café; Shashi Restaurant: 2351069 v.v...

### **Những dịch vụ du lịch**

Air People, Sridas, The Mall, Varuna Bridge: 2340562; Asia Travel & Tours, Maldadhiya: 2351484-2357873; Cosmic Travels & Movers, Varuna Bridge: 2346726-2340628; India Travel Services CK 21/31 Thatheri Bazar: 2320628, 2329426; ITDC Transport Unit, Htel Varanasi Ashok: 2346612; Kusinagar Travels & Tours D 64/135 Sagra: 2224026-2331612; M.N travels Harishchandra Rd: 2344650; Overseas travels Pvt. Ltd., Ranavir market, Dashashvamedh Rd.: 321465, 393840; Raj travels maidagin Chauraha: 2391595 v.v...

### **Cửa hàng sách**

Chaukhambha vidya bhava, CK 29/9 Chowk: 2320404; Hamony, the  
Book shop, B1/160 Assi Ghat: 2310218; Indica Books D40/18 ngã tũ Godaulia:  
2357401; Motila Banarasidas, Raja Katra, Chowk: 2352331 v.v...

## 6. SHRAVASTI ( XÁ VỆ QUỐC), NƠI ĐỨC PHẬT THI TRIỂN THÂN THÔNG

*Qua đối thoại giữa đức Phật và lục sư ngoại đạo, ngài đã thuyết phục được các vị này bằng giáo lý của Ngài, Thế Tôn đã thi triển thân thông... đứng trên ngọn của một cây thông cao, ngọn lửa đốt phần dưới thân thể của Ngài, và năm trăm tia nước tưới ở phần thân trên của Phật, rồi ngọn lửa đốt phần trên thân thể của Ngài và năm trăm tia nước tưới lên phần thân dưới. Tiếp tục thi triển thân thông đức Phật hoá thành con trâu với cái bướu to, xuất hiện ở hướng Đông, biến mất rồi xuất hiện ở hướng Tây. Biến mất ở hướng Tây, xuất hiện ở hướng Bắc. Biến mất ở hướng Bắc xuất hiện ở hướng Nam... tất cả chúng sanh nhìn thấy đức Phật thi triển thân thông đều hoan hỷ.*

*Mahavastu*

*Tại tinh xá Kỳ Hoàn (Savatthi), sau khi ông Cấp Cô Độc chào hỏi Đức Phật xong, Ngài dạy rằng:*

*“Chân lý của tất cả các tôn giáo nên quy tụ ở đây, bởi vì không có trí tuệ sẽ không có lý trí. Chân lý này không phải chỉ dành riêng cho những người ẩn sĩ; nó liên hệ với tất cả chúng sanh, tu sĩ, hay các cư sĩ. Không có sự phân biệt giữa tu sĩ người phát nguyện xuất gia, và một người thế tục sống đời sống gia đình. Có những vị tu sĩ vẫn rơi vào địa ngục, nhưng lại có những người cư sĩ tại gia cũng có thể chứng được quả vị của những bậc thánh.*

*Tham ái là mối nguy hiểm cho tất cả chúng sanh; nó làm cho chúng sanh phải điên đảo. Ai chìm đắm trong tham ái sẽ không có cách nào thoát ra. Nhưng trí tuệ là con thuyền hữu ích, thiên định là bánh lái. Đạo Phật giúp cho các người vượt qua sự tấn công của ma vương, của kẻ thù.*

*Từ đó có thể giải thoát được tất cả nghiệp lực, hãy thực hành các điều thiện.*

*Hãy luôn chánh niệm, không làm các điều ác bởi vì “nhân nào quả nấy”*

*Ashvaghosha, A Life of Buddha*

## VỊ TRÍ VÀ BỐI CẢNH XÃ HỘI

Cách Lucknow 134 cây số về hướng Đông bắc, Bahraich 47 cây số về hướng Đông và Balrampur 18 cây số về hướng Tây, Shravasti (Pali: Savatthi), được tìm thấy những di tích của Saheth-Maheth (chạy dài từ Shravasti đến thị trấn Gonda, UP) là thủ phủ của vương quốc Kosala. Thành phố nằm trên bờ sông Rapti, một nhánh của sông Hằng. Mahabharata nói đến vua Sharavasta huyền thoại người đã lấy tên ông để đặt tên cho thành phố. Dựa theo Vishnu Purana, thành phố được thành lập do Shravasta, vua của cõi trời, Rama, người trong dòng tộc, vua của Ayodhya, lập con trai Lara làm vua của Shravasti. Theo những chứng cứ của khảo cổ, thành phố hình thành và năm 600 TTL. Theo tài liệu cổ của đạo Jain, thành phố vốn có tên là Champakapuri và Chandrkapuri,

và được nói đến như là nơi sanh của Sanbhavanatha và Chandraprabha. Shravasti là nơi đặc biệt đức Phật đã trải qua 25 mùa an cư tại tinh xá Kỳ Hoàn.

Tại Shravasti, cũng như truyền thống của chư Phật trong quá khứ, Phật Thích Ca đã thi triển thần thông ở đây. Chính ở đây đức Phật đã đấu thần thông với Tirthikas trước sự chứng kiến của vua Ba Tư Nặc và nhiều người, và Ngài đã thắng. Đức Phật bay lên không trung đứng trên hoa sen ngàn cánh, Ngài hóa lửa và nước cháy chung quanh thân thể Ngài, đức Phật biến ra vô số thân cao lớn đưng đến cả cảnh trời cao nhất. Các đạo sĩ không thắng được thần thông biến hoá phi thường đó, không dám thi thố khả năng của họ, lúng túng như bị sét đánh, bỏ chạy. Vị trí độc tôn của đức Phật đã được minh chứng, và Ngài đã thuyết pháp cho số lượng thính chúng đông đảo đến xem đức Phật thi triển thần thông. Shravasti là chủ đề chính cho những tác phẩm nghệ thuật rất sớm.

Trả lời câu hỏi của vua Ba Tư Nặc, đức Phật dạy:

*“Từ bi là kết quả của tri kiến. Thực hành con đường tỉnh thức để nhận chân được sự thật của cuộc đời. Sự thật đó là vô thường. Tất cả các pháp đều vô thường không có một cái ngã thường hằng. Tất cả đều biến chuyển. Thân thể con người cũng sẽ thay đổi, hoại diệt. Thấy được vô thường chúng ta sẽ không còn sợ hãi, chúng ta sẽ đối diện với vô thường. Do đó với lòng tử, chúng ta đừng bao giờ gây đau khổ cho người khác. Từ bi sẽ cho ta sức mạnh. Đại vương! Hôm nay Thế Tôn giảng cho ngài những điều căn bản của con đường giải thoát. Thế Tôn sẽ giảng nhiều hơn vào dịp khác.”*

Vua Ba Tư nặc hoan hỷ tín thọ. Vua đứng dậy danh lễ Thế Tôn. Vua biết rằng ngài sẽ quy y với đức Phật vào một ngày rất gần. (Majjhima Nikaya)

Cũng tại đây đức Phật đã độ cho Sunita, một người thuộc giai cấp hạ tiện xuất gia. Điều này đã dẫn đến sự chống đối dữ dội và đã được giải quyết sau này nhờ sự ủng hộ của triều đình. Trả lời vấn đề này, đức Phật nói: *“Chấp nhận một người thuộc giai cấp hạ tiện vào hàng ngũ tăng đoàn thường gây tranh luận lúc bấy giờ. Giáo pháp của ta là bình đẳng, không có giai cấp. Mặc dầu chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn về việc Sunita xuất gia, là một thành viên của tăng đoàn, nhưng chúng ta phải mở cánh cửa lần đầu tiên trong lịch sử, và những thế hệ sau này sẽ cảm ơn chúng ta về điều này. Chúng ta phải kiên quyết thực hiện điều này.”*

Trong mùa an cư lần thứ 13 tại Shravasti, đức Phật đã thuyết bài kệ tóm tắt giáo lý của Ngài:

*“Quá khứ không truy tìm,  
Tương lai không ước vọng,  
Quá khứ đã qua rồi,  
Tương lai thì chưa đến,*



*Chỉ có pháp hiện tại,  
 Tri kiến chính ở đây,  
 Không lay chuyển rung động,  
 Hôm nay nhiệt tâm làm,  
 Ai biết chết ngày mai,  
 Không ai điều đình được,  
 Với đại quân thần chết,  
 Trú như vậy tinh cần,  
 Đêm ngày không mỗi mệt  
 Xứng gọi Nhất Dạ Hiền,  
 Bạc an tịnh trầm lặng”*

Samyutta Nikaya

Ở Shravasti cũng là nơi đức Phật tranh luận với những giáo chủ của những giáo phái khác. Một số tài liệu cho rằng đức Phật tranh luận với Lục sư ngoại đạo, số khác thì cho rằng bằng thi triển thần thông; có lẽ là cả hai. Sáu giáo chủ của trường phái triết học nổi tiếng của Ấn Độ thách thức đức Phật thi đấu về thần thông nhiều lần khi Ngài đi khất thực trong thành phố. Cuối cùng, năm Ngài 57 tuổi đức Phật đồng ý thi đấu tại Shravasti. Vua Ba Tư Nặc xây một toà nhà đặc biệt cho cuộc thi này, trong đó có bảy toà ngồi được xây. Vào ngày đầu tiên của mùa xuân, Lục sư ngoại đạo đã ngồi chờ sẵn, đức Phật dùng thần thông bay đến. Ngài hoá phép lửa và nước bao quanh thân Ngài, và toà nhà biến mất, rồi hoá phép thành một cung điện pha lê. Cắm một cây tăm trên đất, đức Phật biến thành một cây đại thụ, với nhiều hoa hương thơm ngát, với trái chín trĩu cành. Ngài hoá ra vô số thân, chư Phật che kín khắp cả không gian và đang thuyết pháp. Còn nhiều thần thông khác, đức Phật đã đánh bại lục sư ngoại đạo vào ngày thứ 8, mà một số đệ tử của những vị này sau này chấp nhận giáo lý của Ngài. Liên tiếp 7 ngày đức Phật thi triển thần thông và thuyết pháp cho đại chúng. Cả hai ngài Pháp Hiển và Huyền Trang đều mô tả một điện thờ cao, có tượng đức Phật, được tôn trí phía ngoài tinh xá Kỳ Hoàn để tưởng niệm những sự kiện này. Gần đó là nơi mà Đề Bà Đạt Đa thất bại khi muốn hại đức Phật bằng cách cào đức Phật bằng móng tay có tẩm thuốc độc, cuối cùng bị đọa vào địa ngục.

Một trong những sự kiện quan trọng tại Shravasti là đức Phật độ cho Angulimala, một câu chuyện rất phổ biến. Pháp Hiển và Huyền Trang đánh dấu nơi này không giống nhau. Angulimala, nghĩa là ‘vòng hoa bằng ngón tay’, là một tướng cướp độc ác, làm kinh sợ cả nước; ông giết rất nhiều người, chặt lấy ngón tay kết lại thành vòng hoa. Một hôm, trong cơn phẫn nộ Angulimala định giết mẹ mình, lúc đó đức Phật thị hiện trước ông ta.

Angulimala cất vấn đức Phật: “Con người chẳng hề yêu thương nhau. Tại sao tôi lại phải yêu thương họ? Con người độc ác và dối trá, tôi sẽ giết hết bọn họ”

Đức Phật trả lời một cách nhẹ nhàng: “Ôi! thật đáng thương Angulimala! Ta biết người thật sự tội tệ đối với những người khác. Đôi khi con người trở nên rất độc ác. Sự độc ác ấy là kết quả của vô minh, sân hận, tham ái, và ganh tỵ. Nhưng con người cũng hiền lành và hiểu biết. Người có bao giờ gặp một vị tu sĩ chưa?. Các vị tỳ kheo phát nguyện bảo vệ mạng sống của tất cả chúng sanh. Cũng có nhiều người, không phải là tu sĩ, nhưng cuộc sống của họ dựa trên tình thương và sự thông cảm. Angulimala, trên đời này có người xấu và cũng có người tốt. Không nên mù quáng. Giáo pháp của Ta có thể chuyển hoá độc ác thành tình thương. Sân hận là con đường người đang đi. Hãy dừng lại! Hãy chọn lấy con đường của sự tha thứ, sự cảm thông và tình thương.”

Angulimala thật sự xúc động trước những lời của đức Phật. Ông ta có thể nhận ra rằng đức Phật đã nói với lòng từ của Ngài, không hề có sự sân hận hay ác cảm. Đức Phật nắm lấy tay Angulimala và nói: “Angulimala, Ta sẽ bảo vệ cho người, nếu người hứa dứt bỏ tâm thù hận, và phát nguyện thực hành giáo pháp của Ta”. Những lời dạy của đức Phật như thức tỉnh trái tim băng giá của Angulimala. Angulimala từ bỏ con đường tội lỗi của ông xuất gia quy y theo Phật.

Tên tướng cướp ngày xưa đã được chấp nhận vào tăng đoàn, sau đó không lâu chứng được quả vị A La Hán. Nhưng những ác nghiệp mà ông đã tạo ra là cứ mỗi lần ông đi khát thực đều bị dân chúng ném đá vào người, cho nên đức Phật thường giải thích cho ông về quả báo của ác nghiệp không thể tránh được.

Trong thời gian đó, Sudatta, một thương gia giàu có sống tại Shravasti. Trong một lần viếng thăm Linh Thứu, ông ta nghe đức Phật thuyết pháp và muốn trở thành đệ tử của Ngài. Ông ở trong tình trạng khó xử nên hỏi đức Phật là ông có thể trở thành đệ tử nhưng không lìa bỏ đời sống thế tục được không! Trả lời thắc mắc của ông, đức Phật đáp rằng chỉ cần ông sống với chân thật ngay thẳng là tốt.

“Cao đâu không sa môn,  
Còn nói láo phóng dật.  
Ai vẫn còn tham dục,  
Sao gọi là sa môn?  
Ai lắng dịu hoàn toàn,  
Các điều ác lớn nhỏ,  
Vì lắng dịu ác pháp  
Xứng gọi là sa môn!”

### Pháp cú 264-265

Sudatta (Cấp Cô Độc) thỉnh đức Phật đến Shravasti và tìm một nơi thích hợp để xây dựng một tinh xá. Một khu vườn rất đẹp ở phía Nam của thành phố rất vừa ý ông. Khu vườn này của thái tử Kỳ Đà, con trai của vua Shravasti, Ba Tư Nặc. Thái tử Kỳ Đà yêu cầu là nếu ông Sudatta phủ cả khu vườn bằng tiền vàng thì ông mới bán. Sudatta chịu khó trải những đồng tiền vàng khắp cả khu vườn. Thái tử Kỳ Đà nói rằng vì những gốc cây không thể phủ vàng cho nên nó thuộc về ông. Nhưng cuối cùng ông đổi ý cúng dường rừng cây để xây dựng tinh xá. Khu vườn mới có tên Jetavana Vihara.

Đức Phật rất thích tinh xá Kỳ Hoàn cho nên Ngài đã trải qua tất cả 24 mùa an cư tại đây, thuyết pháp cho chư tăng, cư sĩ. Sudatta sau có tên là Cấp Cô Độc. Về hùng vĩ, trang nghiêm của tinh xá này đã được các nhà hành hương Trung Quốc ghi lại sau nhiều thế kỷ. Tinh xá Kỳ Hoàn tiếp tục thu hút các phái đoàn hành hương trên khắp thế giới đến đây để chiêm bái hành thiền trong khung cảnh thiên nhiên rất đẹp của khu vườn này.

Một trong những điểm đẹp ở tinh xá Kỳ Hoàn là cây Bồ Đề do ngài A Nan trồng. Cây Bồ Đề vẫn còn đó chứng kiến bao sự thăng trầm của lịch sử, cây này được chiết nhánh từ cây Bồ Đề tại Tích Lan, mà gốc là từ cây Bồ Đề ở BDDT. Cây Bồ Đề do ngài A nan trồng tại tinh xá Kỳ Hoàn là những gì còn lại ở đây, vẫn còn toát ra hương thơm ngát bởi vì chính tại nơi đây Đức Phật đã trú 24 mùa an cư kiết hạ.

Đức Phật chấp nhận lời thách thức thi đấu thần thông với các đạo sĩ đạo Jain và Ajivika, và Ngài đã dùng thần thông làm cho cây xoài chỉ trong một ngày lớn và có trái. Đức Phật hoá ra thân rất lớn ngồi trên hoa sen, lửa cháy và nước toả ra từ thân Ngài. Những sự kiện này cũng là một đề tài quan trọng cho nghệ thuật điêu khắc Phật giáo.

Đức Phật đã giảng nhiều kinh và 416 chuyện tiền thân khi Ngài trú tại đây. Đức Phật đã giảng phần lớn tam tạng kinh điển trong thời gian ở Shravasti. Đề Bà Đạt Đa, người bà con của Đức Phật, đã nhiều lần hãm hại đức Phật trong thời gian Ngài ở Shravaasti. Nhưng Đề Bà Đạt Đa đã thất bại và chết cũng tại đây. Sau khi đức Phật nhập niết bàn, chư tăng vẫn tiếp tục sứ mạng ở Shravasti và nhiều nơi khác ở Koshala. Vào thời vua A Dục, tinh xá Kỳ Hoàn rất hưng thịnh và nổi tiếng.

Trong thời kỳ Kusana, Shravasti là một thành phố phát triển, một trung tâm thương mại nổi tiếng, và cũng là một trung tâm Phật giáo nổi tiếng nhờ sự ủng hộ của triều đình. Trong suốt thời gian của vua Kanishka, vua cho xây dựng rất nhiều tháp, chùa chiền, tu viện, và tượng Phật. Shravasti bắt đầu suy tàn sau triều đại của vua Kanishka. Ngài Pháp Hiển đến đây chiêm bái vào thế kỷ thứ 5 ghi lại rằng chỉ có 200 gia đình sống tại đây. Tuy nhiên ngài nói rằng tinh xá Kỳ Hoàn và một số tháp vẫn còn hiện hữu trong khu vườn sum sê

với nhiều hoa. Ngài nói rằng vì do hoả hoạn đã thiêu rụi toà nhà cao 7 tầng ở tinh xá. Thế kỷ thứ 7, Huyền Trang miêu tả rằng thành phố trở thành sa mạc, ngoại trừ tinh xá Kỳ Hoàn vẫn cây cối xanh tươi. Huyền Trang nói rằng vua A Dục đã dựng hai trụ đá tại hai bên cổng phía Đông của tinh xá, mỗi trụ cao 21 mét. Ngài cũng nói đến sự phát triển của Hindu với hơn 100 ngôi đền thờ và số lượng tín đồ rất đông.

Thời hoàng kim của Jetavana vẫn tiếp tục vào thế kỷ thứ 12 với sự ủng hộ của vua Gahavadala. Một trong những người ủng hộ cuối cùng để xây dựng Phật giáo là hoàng hậu Kumaradevi, vợ của vua Govindachandra, vua Gahadavala, hoàng hậu đã cúng dường đất cho tinh xá vào năm 1128-1129. Sau này các tu sĩ Phật giáo phải rời bỏ Jetavana vì hoàn cảnh chính trị thay đổi và sự đe dọa liên tục của Hồi giáo. Jetavana trở nên hoang tàn từ đó. Năm 1863-1875 Alexander Cunningham đã khai quật tìm ra khu di tích này trong đó gồm 16 ngôi tháp. Tiếp tục vào năm 1875-76 William Hoey tiếp tục khai quật và tìm thấy nền móng của 4 toà nhà cổ.

Cái tên Saheth-Maheth là tên của hai di tích khác nhau. Saheth nằm cách con đường Balrampur 250 mét về hướng Bắc, tọa lạc trên một khu đất rộng 13 héc ta. Đây là khu di tích của tinh xá Kỳ Hoàn nằm ngoài ranh giới của thành phố cổ. Khu di tích chỉ còn lại những cột bệ tường và những nền móng củ của những tinh xá và tháp. Những dấu vết còn hiện nay là của 8 ngôi chùa, 4 tinh xá và 14 tháp. Khu khai quật hiện nay nằm ở gần khu làng Kolga, toàn bộ thành phố tu viện của Shravasti được tìm thấy, có nhiều tinh xá, tầng xá và một hồ nước lớn dành cho chư ni. Sau khi viếng thăm những di tích ở phía Bắc chúng ta có thể tiếp tục đi về hướng Nam sẽ có con đường dẫn đến một khu di tích khác. Một tháp hình chóp nón rất dễ thấy, được xây dựng với cấu trúc hình vuông, bệ bằng loại đá cứng mỗi mặt 7.5 m. Phật tử hành hương cúng dường còn lại những dấu vết được in lên chân tháp. Chúng ta có thể thấy rằng ở đây không phải chỉ là một ngôi tháp mà trước đó là một chánh điện, sau này xây lại thành tháp. Rất nhiều tượng Phật được tìm thấy ở đây. Trong số này có hai tượng nổi tiếng là tượng Phật ngồi trong tư thế thuyết pháp và tượng Phật ngồi tay chạm đất.. trong những tượng này có nhiều hình ảnh nhỏ của Quan Âm Bồ Tát và Di Lặc được chạm khắc. Đi tiếp một đoạn về hướng Đông của tháp chúng ta sẽ thấy cây Bồ Đề, gốc cây mới được xây một bậc thêm. Người ta tin rằng cây này trồng là để đánh dấu nơi ông Cấp Cô Độc trồng cây Bồ Đề.

Maheth, cách Saheth chừng 500 mét về hướng Đông bắc, đánh dấu một thời hoàng kim của Shravasti, và là một khu di tích lớn nằm ở phía Nam sông Rapti. Tất cả những di tích ở Maheth là hai ngôi tháp được biết đến là Pakki Kutti và kachchi Kutti; sau này được xác định là tháp của Cấp Cô Độc. Phía ngoài của thành phố được chú ý đến là một thành lũy bằng đất nung với bức

tường bằng gạch ở trên chạy vòng chu vi 5.2 cây số với nhiều cổng và pháo đài riêng biệt. Bốn cổng hiện đang mở cửa là Imli, Rajgarh, Nausahra và Kandabhari nằm ở bốn góc Tây nam, Tây bắc, Đông bắc và Đông nam của bức tường thành, những cổng này có thể là những cổng thành của thành cổ; tên hiện nay là do người dân địa phương gọi. Những di tích còn lại trong thành phố có cả Phật giáo, Bà La Môn và đạo Jain và một vài ngôi mộ thời trung đại. Người ta tin rằng đền thờ Sobhanatha là nơi sanh của Sambhavanatha, tổ thứ 3 của đạo Jain. Khu vực này còn lại hai căn phòng hình chữ nhật ở phía Đông bắc và Đông nam, và một sân được đổ bê tông. Phòng ở hướng Tây bắc có một tượng Rishabhadeva, tổ thứ nhất của đạo Jain.

Từ con đường ở đền thờ Sobhanatha đi bộ chừng 500 mét về hướng Đông bắc sẽ dẫn đến Pakki Kutti; đây là một trong những mô đất lớn nhất trong khu vực. Cunningham xác định đây là tháp Angulimala do các nhà chiêm bái Trung Quốc tìm thấy. Angulimala là một tên thối phỉ nguy hiểm người mang một vòng đeo cổ bằng ngón tay của những nạn nhân bị giết. Theo một nguồn giải thích khác thì đây là “Pháp đường” do vua Ba Tư Nặc xây dựng cho đức Phật. Nhưng toàn bộ cấu trúc, nghệ thuật trang trí điêu khắc, cách bố trí cửa thì đây là một ngôi tháp.

Chừng 60 mét về phía Đông của Pakki Kutti là Kachchi Kutti, một di tích rất ấn tượng. Tên Kachchi Kutti là tên mới lấy từ tên của kachcha (bùn) và được xây dựng lại một điện thờ bằng gạch ở trên đỉnh do một ẩn sĩ sống ở đây. Những di tích còn lại hiện nay thuộc nhiều giai đoạn khác nhau, công trình xây dựng sớm nhất ở đây là vào thời đại Kusana và cuối cùng là vào thế kỷ 12. Một số hiện vật được tìm thấy ở đây là những bảng bằng đồng khắc thời đại Gupta, một số là những tác phẩm điêu khắc về những cảnh của Ramayana. Những vật này đã khẳng định cho giả thiết rằng toà nhà của thời kỳ Gupta là một ngôi đền của Hindu. Theo Vishnu Purana, Shravasti là thủ đô của nước Koshala.

Một công viên mới được xây dựng trong những khu di tích này, với nhiều cây cối, hoa và những thảm cỏ xanh tươi. Nhờ có sự phục hồi cải cách nên khu di tích này trở nên một điểm thu hút với môi trường thanh bình êm ả. Ba ngôi chùa Phật mới được xây dựng ở đây, ngôi chùa của Tích lan, và một ngôi chùa do hai nữ cư sĩ người Miến Điện xây dựng. Những nơi này đều có phòng nghỉ cho khách hành hương. Một ngôi tháp của Tây Tạng rất đẹp vừa mới xây dựng trong khuôn viên của chùa này. Ngôi chùa thứ ba ở đây do một tu sĩ Trung Quốc xây dựng nhưng vị này đã chết khi chùa còn đang xây dang dở. Chùa Trung Quốc hiện nay có một tháp bảy tầng và một số phòng trống, khoá và chờ sự bổ nhiệm chính thức người quản lý và thừa kế. Ngoài những giá trị tiềm tàng bên trong của những di tích này thì công lao của ngài Pháp Hiển và Huyền trang là người đã khôi phục và khai mở cho tất cả mọi người biết đến.

### **Nava Jetavana Mahavihara**

Đối diện với cổng chính của khu vườn bên kia đường là chùa Nava Jetavana Mahavihara, chùa mới được xây dựng do một tu sĩ có uy tín của Tích lan, sư Metivala Sangharatna. Chánh điện của chùa có nhiều bức tranh Phật giáo hiện tại ở Ấn Độ. Phần lớn các bức tranh miêu tả bốn sự kiện trọng đại trong cuộc đời đức Phật và những sự kiện xảy ra trong thời gian trú tại Shravasti cũng như nhiều sự kiện khác. Có cả thấy là 31 bức tranh vẽ. Một trong những bức tranh này là cảnh tượng 500 ngàn người giai cấp cùng đỉnh của đạo Hindu dưới sự hướng dẫn của Bhimrao Ambedkar đã quy y theo đạo Phật vào ngày 14-10-1955. Một bức tranh khác là cảnh buổi lễ khởi công xây dựng Nava Jetavana Mahavihara, thượng tọa Sangharatna đứng trước một túp lều, một bức khác là cảnh lễ khánh thành chùa vào ngày 31-12-1988 phó tổng thống Ấn Độ Dr.Shankar Dayal Sharma cắt băng khánh thành.

### **Điện thờ 12**

Bước vào cổng tinh xá Kỳ Hoàn, đi theo con đường và rẽ sang bên trái, chúng ta gặp một chùa nhỏ gồm một chánh điện, một lối đi chung quanh, hai chánh điện nhỏ hơn nằm ở hai bên. Chánh điện lớn có khả năng là thờ tượng Phật, hai chánh điện nhỏ thờ Quan Âm và Di lặc. Trong thời gian khai quật ngôi chùa này, người ta thấy có một sọ người và một số xương ở dưới nền.

### **Tinh xá 19**

Cuối con đường là một tinh xá, trước sân có một cái giếng chung quanh giếng là tầng xá gồm 21 phòng. Ở hướng Đông là một chánh điện có lối đi chung quanh. Tinh xá này xây dựng lần đầu tiên là vào thế kỷ thứ 6 và sau đó được sửa sang lại hai lần vào thế kỷ thứ 11 và 12. Trong số những hiện vật được tìm thấy ở đây là một tượng Quán Thế Âm thuộc thế kỷ thứ 8-9, một bức hình Phật bằng đất thế kỷ thứ 5-6, một tượng thần Kubera làm bằng đá sa thạch Mathura, và một số mảnh điêu khắc trên loại đá đen ở Gaya. Một phòng có một giường xây bằng gạch, với một đầu hơi cao như là gối nằm. Một phòng khác tìm thấy một hủ bằng đất nung lớn, một nửa chôn dưới sàn, có lẽ bình này dùng để đựng ngũ cốc, ngoài ra người ta còn tìm thấy một cái tách bằng đồng, và một cái muống bằng kim loại.

Một hiện vật rất thú vị được tìm thấy ở tinh xá này là một cái đĩa bằng đồng có khắc bia ký của vua Gonvindachandra, chồng của hoàng hậu Kumaradevi, người xây dựng tinh xá Dharmachakrajina ở Sarnath. Đĩa bia ký này được gói kỹ lưỡng trong một hộp đất sét chôn dưới nền của một căn phòng, bia ký cho biết niên đại vào ngày 23-6-1130. Bia ký nêu món quà của 6 làng cùng với các quan chức cúng dường cho chư tăng tại Jetavana. Để chắc chắn rằng món quà mọi người đều biết nên đã được công bố trước triều đình: “ Vua, hoàng hậu, thái tử, quan tể tướng, tu sĩ, những người gác cổng, tướng lãnh, thủ quỹ, thư ký, thầy thuốc, thầy toán số, các quan thị thân, sứ giả, và các quan

chức trông coi voi, ngựa, các làng mạc và khu mỏ.”. Điều thú vị là tên những ngôi làng được nêu trong bia ký hiện nay vẫn còn và vẫn còn mang tên cũ.

### **8 ngôi tháp**

Từ tinh xá 19 đi một đoạn ngắn về hướng bắc là một cụm 8 ngôi tháp. Những tháp này có lẽ xây để thờ di cốt của các vị cao tăng sống tại Jetavana qua nhiều thế kỷ. Người ta tìm thấy trong một ngôi tháp dấu triện vào thế kỷ thứ 5 có tên Buddhadeva trên đó.

### **Cây Bồ Đề**

Đọc theo con đường chính là nền móng của nhiều tinh xá, tháp và một cây Bồ Đề, cây này thường được xác định là cây Bồ Đề do ngài A Nan trồng. Dựa theo lời bình trong kinh Bốn Sanh, khi dân chúng đến Jetavana để đánh lễ đức Phật nhưng đôi khi Đức Phật không có mặt ở đây, họ thường để lại những vòng hoa cúng dường trước cửa của Gandhakuti (tinh thất của Phật). Ông Cấp Cô Độc biết được điều này liền thưa đức Phật làm thế nào để mọi người có thể đánh lễ Ngài khi ngài vắng mặt tại tinh xá, và đức Phật dạy rằng những người đến đánh lễ cúng dường nếu không có mặt Ngài thì có thể đặt những đồ cúng dường tại cây Bồ Đề. Do đó hạt Bồ Đề được mang từ BDDT về trồng tại Jetavana. Bởi vì hạt Bồ Đề do ngài A Nan trồng cho nên mới có tên là cây Bồ Đề An Nan. Mặc dù khi Jetavana bị bỏ hoang phế, biến thành khu rừng trong gần cả một ngàn năm, và khi các nhà khảo cổ chưa tìm ra Jetavana, thì cây Bồ Đề vẫn sống, nhưng nói rằng cây hiện nay là cây nguyên thủy thì vẫn chưa được xác minh. Trong kinh Bốn Sanh nói rằng cây được trồng gần cổng chính của tinh xá, nơi này được tin rằng là ở một nơi nào đó gần chùa Miến Điện hiện nay.

### **Tịnh thất Kosambakuti**

Cách cây Bồ Đề một đoạn ngắn về hướng Bắc và bên trái của con đường là nền móng của Kosambakuti, một trong hai vị trí mà đức Phật rất thích để nghỉ ngơi ở tinh xá Kỳ Hoàn. Kiến trúc nguyên thủy có lẽ là một thất nhỏ làm bằng gỗ và tranh nơi đức Phật có thể ngủ, hành thiền, và tiếp những Phật tử. Điều khắc trên tháp Bharhut miêu tả cảnh mua Jetavana và có cả hai nơi Kosambakuti và Gandhakuti, cho chúng ta một vài chi tiết về kiến trúc của hai nơi đó như thế nào. Tịnh thất Kosambakuti là một thất nhỏ có mái đầu hồi, hình vuông có đỉnh nhọn bằng đất sét ở trên mái. Thất xây bằng những vật liệu tạm thời cho nên sau này đã được sửa lại bằng gạch. Những thay đổi là những nền móng còn lại mà chúng ta thấy hôm nay, kích thước 5.75 x 5.45 m, gồm cả một chỗ thờ.

Cunningham tìm thấy một tượng lớn tạc trên một loại sa thạch màu hồng khi ông khai quật Kosambakuti. Bia ký khắc trên tượng bị hư hỏng nhiều nhưng cũng cho chúng ta biết được là pho tượng do một tu sĩ tên Bala đã dựng lên tại Kosambakuti. Pho tượng hiện nay được trưng bày tại Viện bảo tàng ở

Calcutta. Khi ngài Huyền Trang đến đây, pho tượng và Kosambakuti vẫn còn ở đây, Kosambakuti là di tích duy nhất còn được nguyên vẹn. Trước tịnh thất Kosambakuti là một bệ xây gạch dài đánh dấu nơi đức Phật thường thiền hành vào buổi tối.

### **Tịnh thất Gandhakuti**

Đi dọc theo con đường một đoạn là những nền móng của một di tích quan trọng nhất Phật giáo, tịnh thất Gandhakuti, Hương Thất. Những chạm khắc trên tháp Bharhut cho thấy rằng kiến trúc nguyên thủy của Gandhakuti gần giống với Kosambakuti, chỉ lớn hơn và được xây theo mô hình chữ thập. Những di tích còn lại hiện nay mà chúng ta thấy đánh dấu giai đoạn Gupta, gồm có một dãy nhà hình chữ nhật có nhiều bậc cấp và cổng vào ở hướng Đông, một sảnh đường và một chánh điện nhỏ chừng 2.85 mét vuông, những bức tường dày 1.8 m. Chánh điện này rõ ràng sau này Gandhakuti được xây dựng trên nền móng trước, trong khi sảnh đường chắc là được làm thêm sau này. Cunningham tìm ra một con đường được xây rất chắc chắn dẫn đến Gandhakuti, và điều này cho thấy rằng đó là cổng chính của Jetavana qua vị trí trung tâm của con đường trong tinh xá.

### **Tháp số 9**

Không xa Gandhakuti về hướng Bắc nằm bên trái của con đường là nền móng của một tháp nhỏ xây vào thời đại Gupta, trong tháp có một tượng Phật nhỏ cao chỉ 50 cm, tượng Phật ngồi tay bắt ấn Vô úy. Vầng hào quang sau đầu đức Phật được trang trí một hoa sen nở rộ. Ở bệ tượng là hai con sư tử đang le lưỡi, ở giữa hai con sư tử là hình Bồ tát ngồi, hai bên là hai người thị giả mang vòng hoa, dọc theo đáy của bệ là một bia ký viết bằng chữ Kusana như sau: “món quà cúng dường của Sihadeva, Pravarika từ Saketa”

### **Tháp số 8**

Nằm một bên con đường gần tháp số 9 là một ngôi tháp lớn khác. Tháp này nguyên thủy hình tròn, nhưng sau này, khoảng giữa thế kỷ thứ 9-10, được sửa lại thành hình vuông. Tầng hai của tháp được tìm thấy trong đó có một tượng chỉ còn một nửa dưới, tượng ngồi kiết già trên bệ. Bia ký viết ở phần đế tượng bằng chữ vào giai đoạn đầu của Kusana như sau: “Tượng Bồ tát được dựng tại Jetavana ở Shravasti (và) món quà của... Và Sivadhara, Kshatriyas, anh em Vilishta và những người con trai của Dharmananda ở Mathura. Những bài kệ trong kinh điển và ...những lạc thú và sự vô thường của cuộc đời (họ) cúng dường (tượng này) lên mười phương chư Phật, vì hạnh phúc của tất cả chúng sanh, đặc biệt cho cha mẹ và tích lũy công đức cho đời này và đời sau.. tượng Bồ tát này do Sivamitra tạc, một điêu khắc gia ở Mathura.” Ở dưới bia ký này là một bản tóm tắt giáo lý viết bằng chữ của thế kỷ thứ 8 hoặc thế kỷ thứ 9. Tượng dường như đã bị gãy khi thờ trong tháp, có lẽ cũng đã được đặt ở



đó, tượng bị hư hại cho nên không được tôn trí thờ, và vì người ta không dám quăng bỏ tượng đi nơi khác.

### **Tinh xá số 1**

Cuối phía Bắc của khu di tích, tinh xá số 1 là công trình kiến trúc lớn nhất được tìm thấy ở Jetavana từ trước đến nay, và tinh xá dường như được xây dựng vào thế kỷ thứ 10. Cổng vào ở hướng Đông dẫn đến một sảnh đường có bốn cột. Chung quanh sân có tất cả 35 phòng và một điện thờ ở giữa. Cũng giống như những tinh xá ở Jetavana, tinh xá này cũng chỉ còn lại những vết tích sau khi bị thiêu huỷ do hoả hoạn.

### **Hồ nước**

Rời khỏi khu vực Jetavana ở phía cổng sau, dọc theo con lộ, nằm ở hướng Tây bắc, du khách có thể băng qua hồ bằng chiếc cầu. Trong kinh Udana ghi lại, một hôm đức Phật đi khát thực Ngài gặp một đám trẻ con đang đùa giỡn với một con cá. Ngài dừng lại, với cử chỉ nhẹ nhàng và thân thiện, đức Phật hỏi những đứa trẻ rằng các con có thích bị đau đớn không? Bọn trẻ trả lời là chúng không muốn bị đau đớn và đức Phật khuyên các con không nên gây đau đớn cho kẻ khác trong khi mình không muốn bị đau đớn. Kinh Udana nói rằng cuộc gặp gỡ này xảy ra ở giữa Shravasti và Jetavana và hồ này là hồ duy nhất ở giữa hai điểm trên và địa điểm gặp nhất định ở gần khu vực hồ. Gần Jetavana là các chùa và tinh xá của các nước như Tích Lan, Trung Quốc, Miến Điện và Thái Lan. Một điểm cũng nên tham quan đó là công viên với một cái chuông do những phật tử hành hương Nhật Bản cúng dường.

Cách khu vườn chưa đến 500 mét là đền thờ của đạo Jain, các tín đồ đạo này tôn kính nơi đây như là nơi sanh của vị tổ thứ ba của họ.

### **Chỗ ở**

Inspection Bungalow of PWD, Nhà nghỉ chùa Burmese, Nhà nghỉ Trung Quốc, Nhà nghỉ Miến Điện, Jain Dharmashala, tourist Bungalow ở Katra-Shravasti. Khách sạn cao cấp Lotus Niko Hotel ở Balrampur- Bahraich Highway, Tel: 091-5252-265291-265292, Fax: 091-5252-265293; văn phòng ở Delhi, email: [lotus.del@sprintrpg.ems.vsnl.net.in](mailto:lotus.del@sprintrpg.ems.vsnl.net.in)

## 7. KAUSHAMBI, NƠI ĐỨC PHẬT THUYẾT NHIỀU BÀI PHÁP VÀO NĂM THỨ 6 VÀ THỨ 9

*Trong thời gian đức phật trú tại Kaushambi, một vị tỳ kheo bị kết tội là đã phạm giới, và vị này từ chối không nhận, các vị tỳ kheo khác tuyên bố trục xuất ra khỏi tăng đoàn.*

[...]

*Rồi Thế Tôn đứng dậy và đi đến chỗ chư tăng những người đồng ý trục xuất vị tỳ kheo phạm giới ra khỏi tăng đoàn và nói với họ: “Này các tỳ kheo! Đừng nên nghĩ rằng nếu như các ông phạm giới, các ông không nên dấu diếm, và nghĩ rằng: “chúng ta không có phạm giới”. Khi một vị tỳ kheo phạm giới, vị ấy cho rằng vị ấy không phạm trong khi các vị khác thì cho rằng có tội, vị tỳ kheo ấy nên suy nghĩ: ‘Các vị tỳ kheo này hiểu giáo lý và luật, các vị là những bậc hữu học, thông minh, phạm hạnh, tinh tấn, giữ giới; không có lý do gì các vị ấy buộc tội với sự ích kỷ, hoặc vì ác tâm, hay vì vô minh, hoặc sợ hãi.’ Hãy để vị ấy đứng dậy trước tăng chúng nhận lỗi của mình.”*

### VỊ TRÍ VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Trên đường đi Chitrakut, cách Allahabad 55 cây số (132 cây số từ Varanasi qua quốc lộ G.T, NH2) là Kaushambi, một khu di tích Phật giáo. Đi theo quốc lộ NH2 về hướng Tây Allahabad đi Bamauli (10 km) quẹo trái, đi ngang qua sân bay Kaushambi (35 km) nằm trên đường Chitrakut. Những chuyến xe buýt thất thường khởi hành từ trạm xe buýt ở đường Leader, Allahabad. Nếu ai không muốn tham quan Chitrakut thì có thể trở lại Allahabad vào buổi chiều cùng ngày và nghỉ đêm tại đây.

Người ta nói rằng vua Kuru Nikakshu, cùng thời với Janaka, đã rời thủ đô của ông từ Hastinapur đến Kaushambi. Nikakshu là người kế vị Janmejaya và người lập ra triều đại Bharata ở đây. Vua Satanika Paranatapa thuộc triều đại này. Con trai của vua Udena (Udaya) là người cùng thời với đức Phật. Con trai của Udena Bodhiraya Kumara là một phật tử thuần thành hơn cả vua cha. Ông thỉnh đức Phật đến khánh thành cung điện mới của ông, Kokanada, xây dựng tại Sumsumaragiri ở nước Bhagga. Đức Phật sau khi ngộ trai xong, thuyết pháp cho thái tử, Ngài dạy những phương pháp khổ hạnh không đưa đến giải thoát. Chính Ngài đã thực hành và đã chứng nghiệm như thế. Đức Phật tiếp tục giải thích cho thái tử: là một thiện nam tử cần có chánh tín, tinh tấn, thẳng thắn và có sức khỏe để học tập có một tay nghề vững vàng, cũng thế một tỳ kheo cũng cần có những điều trên để đạt được trí tuệ giải thoát.

Kaushambi thường liên hệ với Mahabharata; tuy nhiên trong những kinh điển Phật giáo trước đây nói đến một con đường hành hương bắt đầu từ Kaushambi, sau này trở thành một thành phố công nghiệp. Thành phố này là

một trong sáu thành phố lớn của những vương quốc hùng mạnh nhất ở Bắc Ấn trong suốt thời gian đức Phật tại thế; những thành phố khác là: Champa, Rajagriha (Vương Xá), Saketa, Varanasi, và Shravasti (Xá Vệ thành). Lúc đó có ba tinh xá lớn được xây dựng ở đây: Ghositarama, Kukkutarama và Pavarika Ambavana. Trong số những tinh xá này hiện nay chỉ còn lại di tích của tinh xá Ghositarama. Một tượng Phật bị mất đầu ghi năm thứ hai của triều đại Kanishka được tìm thấy ở đây. Nhiều bia ký của triều đại Gupta vào thế kỷ thứ 2-3, nhiều đồng tiền, chuỗi hạt, và những đồ cổ nhỏ khác tìm thấy ở đây đã ủng hộ những ý kiến trên. Kinh sách Phật giáo nói giới luật được các chư tăng ở Kaushambi hành trì như: không được đào đất, chặt cây, và không nói láo. Sử sách cũng nói có một tu viện của những vị ẩn sĩ tại Kaushambi. Một trong những kinh Vệ đà sớm nhất (Shatapatha Brahmana) nói đến một vị đạo sư người gốc ở Kaushambi, cùng thời với nhân vật nổi tiếng trong Upanishadd là Udalaka Aruni.

Trong lần viếng thăm Kaushambi đầu tiên, trước khi đức Phật rời ba vị tỳ kheo Nandiya, Kimbila và Anuruddha, Ngài nói với họ rằng:

“Này các tỳ kheo, bản chất của tăng đoàn là hoà hợp. Ta tin rằng các ông sẽ thực hiện sự hoà hợp này bằng cách tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

1. Thân hoà đồng trú: cùng nhau chia sẻ chỗ ở
2. Lợi hoà đồng quân: chia sẻ với nhau những vật dụng có được
3. Giới hoà đồng tu: cùng nhau tu tập giữ giới
4. Khẩu hoà vô tránh: nói những lời hoà hợp không nói những lời gây chia rẽ
5. Kiến hoà đồng giải: chia sẻ những kiến giải của mình
6. Ý hoà đồng duyệt: tôn trọng ý kiến của người khác, không bắt người khác phải theo ý kiến của mình.

Một tăng đoàn tuân thủ những nguyên tắc này sẽ mang lại hạnh phúc và hoà hợp. Này các tỳ kheo, hãy thực hành lục hoà này”

Các vị tỳ kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Đức Phật chào tạm biệt và bảo các vị tỳ kheo trở về, khi đức Phật đến cánh rừng Rakkhita gần Parileykaka. Sau khi hành thiền định dưới một gốc cây to, Ngài quyết định trải qua mùa an cư sắp tới một mình trong khu rừng.

Khu di tích trải rộng trong nhiều ngôi làng. Kosam-Inam và Kosam-Khiraj mang tên giống như những di tích của thành phố Kausham (Kaushambi). Thành phố là thủ phủ của Vua Vatsa, Udena, người cùng thời với đức Phật, và đức Phật đã thuyết nhiều bài pháp tại đây vào năm thứ 6 và năm thứ 9 sau khi Ngài thành đạo.

### **Trụ đá vua A Dục**

Con đường đi qua những thành lũy của thành cổ, và theo con đường này đi khoảng một chặng bạn sẽ thấy phía bên trái của con đường là trụ đá của vua A Dục ở giữa cánh đồng, chung quanh là những bức tường của một pháo đài. Trụ đá này không có khắc bia ký, nhưng có rất nhiều chữ cổ của những niên đại sau này, và cũng có một số hình tròn không bình thường trên trụ đá. Trụ đá dựng ở một khu dân cư trong thành phố, có thể là ngay giữa ngã tư hoặc tại một quảng trường. Những nền móng của những ngôi nhà và những toà nhà nằm rải rác chung quanh trụ đá. Theo ngài Huyền Trang thì đức Phật đã đến đây, hai tinh xá được xây dựng để kỷ niệm sự kiện này. Thành phố vẫn sầm uất liên tục từ thế kỷ thứ 8 TTL cho đến thế kỷ thứ 6 TL. Ở góc phía Tây nam có lẽ là di tích của một cung điện. Ngày nay chúng ta chỉ có thể thấy được nền móng của một trụ đá A Dục, một thành cổ và tinh xá Ghositarama

Những trụ đá khác của vua A Dục có đề cập đến những người có vị trí quan trọng trong tôn giáo ở Kaushambi, hiện nay vẫn còn ở thành Allahabad. Trụ đá này có lẽ được dựng ở Ghositamara, mặc dù cả ngài Pháp Hiển cũng như Huyền Trang nói đến là có một trụ đá nào khác ở Kaushambi.

### **Tinh xá Ghositarama**

Cách trụ đá vua A Dục khoảng 500 mét về hướng Đông nam, nằm trong một cánh đồng, là nền móng của tinh xá Ghositarama, là một trong những nơi nổi tiếng, nơi đức Phật đã từng trú tại đây khi ở Kaushambi. Tinh xá Ghositarama nằm ngay bên trong của những bức tường thành Kaushambi, gần cổng phía Đông, và là tinh xá độc nhất trong thành, và cũng là tinh xá duy nhất được xây dựng trong thời đức Phật tại thế lại tọa lạc ngay trong thành phố.

Đức Phật thuyết kinh Upakkilesa, kinh Kosambiya, kinh Jaliya và nhiều bài kinh khác ở tại đây. Tôn giả A Nan cũng thường hay lui tới Ghositarama, như được diễn tả trong nhiều bài pháp mà tôn giả A Nan đã thuyết tại đây.

Chúng ta biết được nhờ những bia ký tìm thấy ở đây ghi lại rằng vào thế kỷ thứ 1 TL, một tu sĩ tên là Phagol đã cúng dường một phiến đá cho chư tăng trú tại tinh xá Ghositarama “để làm bệ thờ Phật, nơi Phật cư trú”.

Năm thứ ba của triều đại Kanishka, tỳ kheo ni Buddhamitra cúng dường ba tượng Bồ tát cho tinh xá này. Một nữ thí chủ cũng được ghi lại trong bia ký trên một pho tượng Bồ tát nổi tiếng hiện nay ở Sarnath là đệ tử của một vị tỳ kheo tên là Bala. Khi ngài Pháp Hiển thăm Kaushambi (đầu thế kỷ thứ 5), ngài thấy có nhiều tu sĩ trú tại tinh xá Ghositarama, nhưng đến lúc ngài Huyền Trang đến đây thì khu vực này đã hoàn toàn đổ nát không có người ở. Tinh xá Ghositarama được tiến hành khai quật vào năm 1951 ở Kaushambi. Cư dân sống ở đây từ thế kỷ thứ 5 TTL cho đến thế kỷ thứ 5 TL nhiều lớp địa

chất được tìm thấy khi khai quật làm cho những đường nét riêng biệt của từng kiến trúc khó mà phân biệt được mặc dù có nhiều vết tích còn lại khá rõ ràng.

Kiến trúc xây dựng sớm nhất ở đây là một tháp lớn kích thước 25x 25m, công trình xây dựng đầu tiên trong thời kỳ Gupta (thế kỷ thứ 3 TTL?). Đây là ngôi tháp mà ngài Huyền Trang đã thấy ở Ghositarama, cao 61 mét mà Huyền Trang tin đó là của vua A Dục xây dựng. Nền tháp hình vuông, nhưng sau những lần sửa đổi, nhiều hốc tường để đặt tượng được thêm vào, tháp trở thành hình đa giác. Tháp có một hệ thống thoát nước làm rất công phu. Không xa tháp chính mấy về hướng Đông là nền móng của một tháp nhỏ hơn, tháp hình chữ nhật, với một loạt bậc cấp dẫn lên tháp. Bên cạnh những bậc cấp này là hai tháp nhỏ nối liền với một chánh điện. Có một trụ đá sa thạch đã bị hư hỏng, có lẽ được dựng vào triều đại của vua A Dục. Hồi giáo đã dời trụ đá này di chuyển đến thành Allahabad. Trụ đá vua A Dục ở Allahabad vốn được dựng ở Kaushambi, và là một trong những chiếu chỉ cho những quan lại tại Kaushambi.

Gần tháp là một chánh điện nhỏ xây rất kiên cố, trong đó có một tượng ngòai của Hariti, một nữ thần Yakshini, thường hay ăn thịt trẻ con và đã được đức Phật giáo hoá; sau nay nữ thần này trở thành một vị thánh bảo vệ trẻ em. Những nhà chiêm bái Trung Quốc đều nói có nhiều điện thờ nữ thần Hariti trong tất cả tinh xá Phật giáo ở Ấn Độ.

Tất cả những công trình này đều nằm trong sân của tinh xá chính, và chung quanh là những tầng phòng, hiện nay còn lại nền móng của 23 phòng. Cổng chính vào tinh xá nằm ở hướng Tây bắc. Kế đến là tinh xá được bao bọc bởi một bức tường dày có chỗ đến 4 mét.

### **Ngọn đồi Prabhosa**

Đức Phật đã trải qua mùa an cư thứ 6 gần Kaushambi tại một nơi gọi là Đồi Mankula, ngọn đồi này không thấy nhắc đến trong kinh tạng hay ngoài việc nói đến là một vùng phụ cận của Kaushambi. Bởi vì là ngọn đồi cao kéo dài hàng mấy cây số bao quanh thành phố với những đồi núi đá cho nên gọi là Prabhosa., chúng ta có thể dễ dàng nhận ra nó với ngọn đồi Mankula. Để đến Prabhosa, chúng ta quay lại con đường cắt ngang bức thành chính, quẹo phải, rồi đi thẳng về hướng Tây nam chừng 4 cây số. Con đường chưa được trải đá nhưng cũng không đến nổi tệ lắm. Prabhosa mọc sừng sững giữa vùng thôn quê, từ trên cao chúng ta có thể nhìn thấy dòng sông Yamuna. Hang động được gọi là 'Cửa sổ của Sita' có khả năng là đức Phật đã ở lại khi Ngài đến đây. Khi ngài Huyền Trang tham quan Mankuta có nói là đã thấy hang động này và hai ngôi tháp gần đó, một tháp do vua A Dục xây dựng, và một tháp ngài nói là thờ tóc và móng tay của đức Phật, mặc dù hiện nay chúng ta không còn thấy dấu vết gì của những di tích này. Một bia ký ghi ngắn gọn trên bức tường của

hang nêu rằng những món quà dâng cúng đường “các vị A La Hán của phái Kasyapiya”

Những chứng cứ khảo cổ cho thấy rằng những mẫu nghệ thuật của Kaushambi trong hình thức những bức tranh vẽ trên những vật dụng làm bằng gốm sứ bóng (1000- 800 TTL) thuộc vào thời kỳ nguyên thủy. Những mẫu trang trí trên đồ gốm dường như là những trang trí cơ bản và phần lớn là những đường ngang trên mép của những chiếc bình gốm, đánh dấu thời kỳ văn hoá sơ khai của những cư dân đầu tiên. Những đồ gốm đen trang trí ở phía Bắc (600-200 TTL) liên quan đến giai đoạn thứ hai trong đó là những công trình xây dựng đầu tiên bằng gạch. Sau thời kỳ của đồ gốm đen (175TTL-325TL) tương xứng với giai đoạn văn hoá của thế kỷ thứ 3. Những đồng tiền tìm thấy ở giai đoạn thứ ba cho thấy sự liên tiếp của các vua: Mitras, tiếp theo đó là các vua Kushana và Maghas. Svastika, Chakra, Nandipada, cây và hàng rào, núi với hình trăng lưỡi liềm, voi, bò và Gajlakshmi và nhiều hình được đúc trên những đồng tiền của Kaushambi. Con đường nhện là vẫn được sử dụng cho đến năm 300 TL và khu vực này vẫn hiện hữu cho đến năm 400 TL. Sự hiện diện của những bức thành lũy là một chứng thực.

Đồ sành sứ của Kaushambi có một vị trí quan trọng trong lịch sử đồ gốm Ấn Độ. với kỹ thuật chế tạo, chúng ta có thể liệt kê chúng thành ba nhóm. Nhóm thứ nhất là những đồ làm bằng tay, bằng chất liệu đất sét đỏ thô, thỉnh thoảng cũng có trang trí nhóm thứ hai là những đồ gốm làm bằng đất tối xốp, thế kỷ thứ 2-1 TTL, những hình ảnh trang trí trên đồ gốm giai đoạn này thường thể hiện những khái niệm trừu tượng hơn là hiện thực, phản ánh nét đặc trưng của nghệ thuật bấy giờ qua y phục, đồ trang sức v.v... Và nhóm thứ ba được làm đẹp hơn với chất liệu bằng đất sét xốp và phục hồi những hình ảnh nghệ thuật của Kushana bấy giờ, đặc biệt là những hình khuôn mặt. Những trang trí đặc biệt trên đồ gốm giai đoạn này là những hình nữ thần, phụ nữ gác tay, những vũ công, người đánh trống đội mũ cho thấy ảnh hưởng của Shaka-Parthian. Những đồng tiền và đồ sành sứ tìm thấy ở đây hiện nay được trưng bày tại Viện Bảo Tàng thành phố Allahabad và Viện Bảo Tàng Kaushambi ở trường đại học của Allahabad.

#### **Địa điểm nổi chính: Allahabad**

Dân số: 1.016.500 người. Mã số bưu điện: 211001. mã số điện thoại: 0532.

Nối liền với hai quốc lộ 2 và 27, Allahabad cách Varanasi 7 cây số về hướng Tây. Cách Agra 433 km, Chitrakut 134 km, Delhi 64 km, Khajuraho 294 km và Lucknow 204 km. Allahabad có những tuyến đường tàu hỏa đến các thành phố lớn của Ấn Độ. Sân bay lớn và gần nhất là ở tại Varanasi (148 km) và Lucknow (215 km) trên đường đi Chitrakut cách Allahabad 55 km là Kaushambi. Đi theo quốc lộ số 2 về hướng Tây từ Allahabad đi Bamauli (10

km), trên đường Chitrakut, queo phải là con đường dẫn đến sân bay Bamauli đi Kaushambi (35 km). những chuyến xe buýt khởi hành không thường xuyên tại đường Leader, Allahabad.

Allahabad vốn có tên là Prayaga, được miêu tả trong truyện thần thoại Ấn Độ như là 'Tirtharaja', vương quốc của các thánh địa. Nằm ở ngã ba của ba nhánh sông: sông Hằng, sông Yamuna và sông Shrivasti. Allahabad là một trong ba thành phố biểu tượng của 'những chiếc cầu dẫn đến thiên đường'; hai thành phố kia là Varanasi và Gaya. Nhiều người từ khắp nơi trên nước Ấn Độ kéo về Allahabad đặc biệt là vào thời điểm tháng Magha (tháng giêng-2) để tắm tại điểm gặp nhau của ba nhánh sông, và cứ mỗi 12 năm hàng triệu triệu người đổ về đây để tham dự lễ hội tắm lớn nhất thế giới., lễ hội Kumbha Mela. Sự cao quý của Prayaga được mô tả trong văn học Vệ đà, trong truyện thần thoại Ấn Độ, trong kinh tạng, trong những tác phẩm điêu khắc, trong văn học Phật giáo và đạo Jain, trong những tài liệu nước ngoài. Khu vực ở giữa sông Hằng và sông Yamuna được gọi là *mons veneris* của nữ thần trái đất, và Prayaga coi như là bộ phận sinh sản của nữ thần. Đây là sự giải thích về thuyết nguồn gốc vũ trụ về địa danh này, cho rằng Prayaga là biểu tượng trung tâm của sự sáng tạo ra vũ trụ.

Chỉ 6 km về phía Đông nhà ga xe lửa Allahabad và gần khu vực ngã ba của các nhánh sông là thành Allahabad cao sừng sững. Pháo đài được xây dựng bốn tầng do vua Hồi giáo Akbar vào năm 1583 bên bờ sông Yamuna, đây là một thành lớn nhất do ông ta xây dựng. Thành này chạy dài một khu vực 2773x 1418 m. Phần lớn pháo đài hiện nay quân đội chiếm đóng và do đó con đường này cấm xe cộ di chuyển cho đến góc đường quanh đền thờ Patalapuri và Akshayavata. Cổng chính của pháo đài có dựng một trụ đá bóng của vua A Dục, đánh dấu năm 232TTL, trụ này được di chuyển đến đây từ Kaushambi theo lệnh của Akbar. Trụ cao 10.6 m có nhiều sắc lệnh được khắc trên trụ đá cùng với bia ký viết bằng chữ Ba Tư do vua Hồi giáo Jahangir (1603-1622), vào dịp tay này lên ngôi.

**Đền thờ Patalapuri**, có thể đi bằng ngang qua một cửa ở trong pháo đài, rất nổi tiếng về những huyền thoại và đặc biệt là công đức cứu trợ của những người di dân. Dưới nền móng đền thờ là 100 trụ và rộng 25.5 m x149.1 m. Bên trong đền có 43 hộp trang trí kỳ quặc của các vị thần và nữ thần treo trên các cổng và trần nhà. Bên trong pháo đài là Akshayavata, một nơi tế tự phổ biến. Ngài Huyền Trang cũng có miêu tả cây này. Mặc dù hiện nay không còn dấu vết gì của cây nguyên thủy, tuy vậy cây hiện nay với hai nhánh chiếm cứ một góc của đền thờ Patalapuri.

Phía ngoài xa của bức tường pháo đài là một tượng Hanuman, thần Mặt khỉ. Đây là đền thờ của Hanuman, dù đền thờ này chỉ giống như là một nhà kho. Gần mô đất cao là một đền thờ hiện đại Shankar Viman Mandapam bốn

tầng cao 39.6 m. Những bức điêu khắc Kumarila, Guru Jagat, Kamaskshi Devi, Tirupati Balaji và Yogashastra Sahastayoga Linga trang trí bên trong.

Đọc theo sông Hằng ở khu vực Daraganj, một đền thờ tên Dashasvamedhika, người ta tin rằng đây là vị trí mà Bhava Shiva Nagas, một triều đại ở thế kỷ thứ 3-4 TL, đã tắm và tế lễ thần bằng 10 con ngựa. Hiện nay chỉ có một ngôi đền nhỏ bên trong có những tượng bị hỏng đặt ở sân trong của ngôi đền.

Chừng 3 km về phía bắc của pháo đài, nối liền với con đường Bandh (Đập nước), gần ngân hàng Gange là đền thờ Naga Vasuki, biểu tượng một di tích cổ của Naga Hrida (hồ nước của Rắn). Những hình rắn với nghệ thuật điêu khắc rất đẹp trên một loại đá đen là những tượng thần chính ở đây. Đền thờ được ghi niên đại là thế kỷ 18, khi vua Sridhar Bhonsle của xứ Nagpur sửa lại ngôi đền. Sự bố trí và môi trường chung quanh đền thờ rất yên tĩnh, và xinh đẹp.

Gần sông Hằng, trên đường từ thành phố đến ngã ba sông là đền thờ Rupa Gaudiya Math, nằm trên đường South Mallaca, ở khu vực Madhavapir.

Khoảng 3 cây số cách đền thờ Naga Vasuki về hướng Tây, có nhiều nơi để tham quan như Bhardvaja Ashram, Anand Bhaavan, nhà thiên văn, gần viện bảo tàng.

### **Kumbha Mela và Ngã ba sông**

KumbhaMela là nơi nhiều người tụ hội nhất trên hành tinh này. Lần cuối cùng ở Allahabad năm 2001 (ngày 9 tháng 1- ngày 21-2) đạt kỷ lục về số người quy tụ về đây. Khoảng 90 triệu người đến tham dự lễ hội của Hindu và để được tắm tại dòng sông linh thiêng, ngã ba của ba nhánh sông, sông Hằng, sông Yamuna và dòng sông vô hình Shrivasti. Cứ mỗi 12 năm, tính theo thời điểm trùng hợp của thiên văn, tất cả những người hành hương Hindu tắm tại đây với niềm tin là gột rửa những tội lỗi trong cuộc đời. Thời điểm này xác định bởi chu kỳ chuyển động của hành tinh và xảy ra cứ mỗi 12 năm một lần. Ngài Huyền Trang có tham dự một buổi họp lần thứ 6 tổ chức năm một lần của vua Harshavardhana tại Prayaga vào tháng Magha năm 644, là buổi hội thảo lần đầu tiên trong lịch sử về Kumbha Mela. Vào thế kỷ thứ 9 Shankaracharya bắt đầu tổ chức lễ Kumbha Mela, sau biến thành buổi gặp gỡ của đa thần giáo Ấn Độ với các đạo sĩ, tín đồ Hindu.

Câu chuyện về lễ hội Kumbha Mela liên quan đến một cái Kumbha (bình) chứa rượu tiên bất tử. Ma vương đánh nhau với thần để tranh dành bình rượu này, cuộc chiến kéo dài 12 ngày, trong lúc giao đấu thì bốn giọt rượu trong bình bị tràn và rơi xuống bốn nơi đó là: Allahabad, Haridvar (U.P), Nasik (Maharashtra) và Ujjain (M.P.). Người ta tin rằng một giọt rượu rơi vào ngã ba của ba nhánh sông: Sông Hằng, Yamuna và sông huyền thoại Shrivasti. Cuộc chiến 12 ngày là 12 năm của trần gian, là chu kỳ tổ chức lễ



hội này. Cứ khoảng 3 năm, Kumbha Mela tổ chức tại một nơi trong bốn thành phố trên. Năm 2003 ở Nasik, 2004 ởUjjain, và 2010 ở Haridvar.

### **Những thông tin cần thiết**

Những trung tâm du lịch: văn phòng du lịch Krishna, 93 Dara Gani: 2602832; Pratap Tourist Agency, 50 đường Zero: 2402540-2607680; Vanura Travel Agency, Maya Bazar, Civil Lines: 2624323-2623076.

Bệnh viện: Bệnh viện Dufferin:2651822, bệnh viện Motilal Nehru, bệnh viện Kamla Nehru...

Ngân hàng: State bank of india, Allahabad Bank, bank of Baroda,Canara Bank, Union Bank of India.

### **Khách sạn- Nhà nghỉ**

Allahabad Regency, 16 Tashkent Road: 2601519 - 2601735, Kanha Shyam, Civil Lines: 2420281 Fax: 2622164, email: [info@kanhashyam.com](mailto:info@kanhashyam.com); Presidency, 19 –D Sarojini Naidu: 2623308-2623309; Yatrik, 33 S.P.Road, Civil Lines: 2601713-14-2601509; Hoptel Samrat, 49 A/25A Mahatmagandhi Rd: 2604869-2604879...

### **Nhà hàng**

Trong thành phố có nhiều nhà hàng ăn với nhiều món ăn như Continental, Chinese, Ấn và tất nhiên là món ăn truyền thống Mughlal. Tourist Bungalow, Bars & Restaurant Tandoor Restaurant, Chicko Restaurant...

## **8. RAJGIR (RAJAGRIHA-VƯƠNG XÁ), NƠI ĐỨC PHẬT ĐỘ XÁ LỢI PHẬT VÀ MỤC KIÊN LIÊN**

*Vua A Xà Thế có một con voi hung dữ. Đề Bà Đạt Đa, nghe tin đức Phật sẽ đến Vương Xá, sắp xếp thả con voi điên để giết đức Phật. Khi đức Phật đến thành phố, Đề Bà Đạt Đa lên đứng trên cổng thành để nhìn đức Phật bị voi điên giết, nhưng khi con voi hung dữ kia đâm thẳng vào đức Phật, chỉ một vài câu nói, Ngài đã thuần hoá được voi, và con voi điên đã quỳ dưới chân Ngài.*

### **VỊ TRÍ VÀ BỐI CẢNH XÃ HỘI**

Dân số: 27,800. Mã số bưu điện: 803116. mã số điện thoại: 06119

Rajgir (tên cũ Rajagriha-Vương Xá thành), cách Bodh Gaya 92 cây số về hướng Đông bắc, cách Patna 105 km về hướng Đông nam, thuộc thị trấn Nalanda, có thể đến đây bằng nhiều đường. Khoảng cách từ Varanasi đi Rajgir là 333 km. Tất nhiên Rajgir cũng có thể đến bằng một chuyến tàu địa phương, nhưng đi bằng xe buýt thì nhanh hơn và cũng có ở Gaya, Patna và Pawapuri, điều kiện tự nhiên của khu vực tạo thành tên thành phố, vùng này đồi núi chung quanh cho nên mới có tên là Girivraja.

Theo huyền thoại trong Ramayana, Vasu, con trai thứ tư của Brahma, đấng tạo hoá, đã tạo nên Girivraja. Trong suốt thời kỳ của Mahabharata khu vực này là trung tâm của vua Brihadrath triều đại Barhadratha; vị vua nổi tiếng nhất của triều đại này là Jarasandha, cậu của Krishna, người thành lập vương quốc Magadha (Ma Kiệt Đà). Trong thời đức Phật, vua Tần Bà Sa La (543-491 TL) đang cai trị xứ Ma Kiệt Đà. Đức Phật trên đường đến BDDT đã đến thăm Rajgir lần đầu tiên và ngài đã gặp vua Tần Bà Sa La ở đây. Vua rất cảm phục đức Phật nên đã cố gắng thuyết phục Ngài ở lại. Đức Phật từ chối nhưng hứa là trở lại Rajgir khi Ngài thành đạo. Do đó sau khi chuyển pháp luân ở Sarnath đức Phật đã đến Rajgir cùng với 1250 vị tỳ kheo. Vua Tần Bà Sa La chào đón đức Phật và chư tăng, vua đã cúng dường tinh xá Trúc Lâm cho Phật và chư tăng. Đây là sở hữu đầu tiên của tăng đoàn và đây cũng là một nơi đức Phật thích trú lại.

Đức Phật đã độ cho vua Tần Bà Sa La trên đỉnh Linh Thứu. Khi về già vua bị con trai là A Xà Thế giam và đã chết ở trong ngục; tuy nhiên sau đó vua A Xà Thế trở thành một đệ tử thuần thành của đức Phật. Rajgir là thủ phủ của vương quốc Ma Kiệt Đà và là một thành phố thương mại nổi tiếng cho đến đời vua Udayin, người kế thừa vua A Xà Thế (459-443 TTL). Udayin đã rời thủ phủ về Pataliputra (Patna). Rajgir là thủ đô đầu tiên trong lịch sử Ấn Độ. Đức Phật đã sống ở đây nhiều năm. Cũng ở đây Đề Bà Đạt Đa đã nhiều lần hãm hại đức Phật, cả lần thả voi say để hại Ngài. Nhưng đức Phật đã thuần hoá voi say một cách dễ dàng. Có lẽ sự kiện quan trọng nhất xảy ra ở đây là đức Phật hoá độ Xá Lợi Phật và Mục Kiền Liên.

Lần đầu tiên đến Rajgir đức Phật đã ở đây 3 tuần. Sau lần đó nhiều người đến gặp để xin Ngài xuất gia. Đa số là những người trẻ tuổi có học, thuộc gia đình giàu có. Đức Phật đã làm lễ xuất gia cho họ và dạy những vị này phương pháp tu tập. Nhiều thiện nam tín nữ khác cũng đến xin quy y tam bảo.

Một hôm, tôn giả Kiều Trần Như quy y cho một nhóm 90 người. Sau lễ quy y, tôn giả giảng cho họ về Tam bảo- Phật, Pháp và Tăng.

Tôn giả Kiều Trần Như nói: *“Đức Phật là bậc đã hoàn toàn giác ngộ. Ngài thấy được bản chất của cuộc đời và cả vũ trụ. do đó Ngài không còn bị trói buộc bởi tham lam, sân hận, si mê, sợ hãi. Ngài là Bậc giải thoát hoàn toàn, từ bi và trí tuệ. Bậc Đạo sư là Phật bảo”*

*“Pháp là con đường đưa đến giải thoát, giác ngộ. Đó là con đường mà đức Phật đã dạy chúng ta để vượt qua sự trói buộc của tham, sân, si. Con đường này dẫn đến an tịnh, giải thoát. Từ bi và trí tuệ là hạt giống căn bản của con đường giác ngộ. Đây là Pháp bảo”*

*“Tăng là tập thể những người tu tập hành trì con đường giác ngộ. Nếu ai muốn giác ngộ giải thoát thì hãy xuất gia, gia nhập vào tăng đoàn. Phải quy y tăng bảo dù các vị là tỳ kheo hay cư sĩ. Đây là tăng bảo”*

Cuối cùng Kiều Trần Như nói: *“Này các thiện nam tử! Hôm nay các vị đã quy y tam bảo. Nhờ quy y tam bảo các vị sẽ không còn lạc đường các vị sẽ có mục đích và hướng đi để đến đích là giải thoát giác ngộ. Chính tôi cũng đã quy y tam bảo cách đây hai năm. Hôm nay các vị phát nguyện tu tập cũng giống như tôi. Chúng ta hãy cùng nhau thực hành con đường giải thoát để làm rạn vỡ ba ngôi báu này.”*

Vua Tần Bà Sa la cùng với 600 tùy tùng và khách ra khỏi thành để đón đức Phật. Vua đưa đức Phật và chư tăng vào trong sân hoàng thành nơi có những lều đã được dựng để che nắng. Đức Phật ngồi ở chính giữa sân, chung quanh là chư tăng cũng được chuẩn bị chu đáo. Vua và Uruvela Kassapa ngồi hai bên Phật. Lễ cúng dường trai tăng tổ chức long trọng. Vua Tần Bà Sa La và tất cả khách trong cung đều ăn trong yên lặng. Hơn 6000 khách rất ngạc nhiên bởi sự an lạc và bình thản của đức Phật và chư tăng.

Sau khi đức Phật và 1250 vị tỳ kheo dùng cơm xong, bình bát được mang đi rửa và trao lại. Vua Tần Bà Sa La quay về phía đức Phật chấp tay đảnh lễ Ngài. Hiểu được tâm ý của vua, đức Phật bắt đầu thuyết pháp. Ngài giảng về Ngũ giới là con đường đem lại hoà bình, hạnh phúc cho mọi người và cho cả quốc gia. Đức Phật dạy:

*“Giới thứ nhất là không được sát sanh. Giữ giới này sẽ trường dưỡng được lòng từ.*

*Giới thứ hai là không được trộm cắp. Mọi người không được lấy tài sản của kẻ khác.*

*Giới thứ ba là không tà dâm. Người đã lập gia đình chỉ được quan hệ tình dục với vợ/chồng mình, quan hệ với người không phải vợ/chồng mình là tà hạnh.*

*Giới thứ tư là không được nói láo. Không nói những lời nói tạo nên sự chia rẽ và hận thù.*

*Giới thứ năm là không được uống rượu. Rượu làm cho tâm bị ô nhiễm.*

Lễ trai tăng kết thúc với buổi lễ cúng dường Tinh xá Trúc Lâm. Sau đó đức Phật cùng 1250 vị tỳ kheo rời khỏi hoàng cung.

Đức Phật đã quyết định hai việc quan trọng trong lần giảng pháp ở giảng đường Visakha tại núi Linh Thứu ở Rajgir. Thứ nhất là tôn giả A Nan trở thành thị giả thường xuyên cho đức Phật. Quyết định thứ hai là đức Phật sẽ trở lại Shravasti an cư mỗi năm. Chư tăng cũng hội ý là sẽ tập trung an cư tại Shravasti, và các vị tỳ kheo đi đến thưa đức Phật về ý kiến này. Đức Phật hoan hỷ chấp thuận.

Sau khi Phật niết bàn, vua A Xà Thế mang xá lợi của đức Phật đến vương xá xây tháp thờ. Sau đó vài tháng thì kỳ đại hội kết tập kinh điển được tổ chức ở hang Sattapanni (hang Thất Diệp). Đây là lần đầu tiên những lời dạy của đức Phật được kết tập dưới sự chủ trì của ngài Ca Diếp. Trong đại hội kết tập này, tôn giả A Nan ‘đa văn đệ nhất’ tụng tụng lại những bài kinh. Những sự kiện này được diễn tả chi tiết trong kinh tạng Pali Chullavagga. Bởi vì đại hội này gồm tất cả 500 vị A La Hán cho nên được gọi là Đại hội Ngũ Bách La Hán.

Pháp Hiển khi đến Ấn Độ đã đến chiêm bái núi Linh Thứu, ngài cúng dường hương hoa, đốt đèn tại hang động; ngài tụng kinh Surangama và ở đây suốt đêm. Ngài thấy vùng này đã hoang tàn đổ nát. Ra khỏi ngọn đồi có một số tu sĩ ở tại tinh xá Trúc Lâm. Huyền Trang, đến Rajgir vào giữa thế kỷ thứ 7 thì khu vực này đã trở thành hoang tàn. Trong số những tinh xá, tháp ở đây chỉ còn lại nền móng và những bức tường đổ nát.

Những thánh tích ở đây là Trúc Lâm tinh xá và Linh Thứu sơn. Trúc Lâm là một khu vườn do vua Tần Bà Sa la cúng dường cho đức Phật xây dựng tinh xá, để các phật tử có thể lui tới nghe pháp. Đức Phật cũng trải qua nhiều mùa an cư ở đây. Những nhà khảo cổ tìm thấy ở đây một căn phòng, một vài ngôi tháp, và hồ Karanda nơi đức Phật thường tắm ở đây, và hiện nay là một vườn nai với một sở thú nhỏ. Có con suối ở dưới chân ngọn đồi Vaibhara, con suối lớn nhất có tên là Saatadhara. Khoảng 100 mét về hướng bắc của ngôi những đền thờ Hindu và Hồi giáo mới xây là một con suối nước nóng, chảy vào một hồ lớn sau đó chảy dọc theo con đường phía bên phải; hồ này có tên là Karanda được đề cập nhiều trong kinh tạng Pali và Sanskrit. Một đoạn ngắn về hướng nam của hồ là một mô đất lớn với nhiều bụi cây mọc rất cao, chung quanh là những ngôi mộ của Hồi giáo. Mô đất này người ta tin là vị trí của

những ngôi tháp và tinh xá của Trúc Lâm. Nằm một bên dòng suối là di tích của một bức tường đá chắn ngang con suối, có lẽ là một con đường đắp cao trước đây được sửa sang lại nhiều lần sau này. Ở phía Nam tinh xá Trúc lâm có đền thờ Hindu và Jain. Ở phía Đông tinh xá Huyền Trang có thấy một tháp do vua A Xà Thế xây dựng. Bức tường bằng đá bao bọc cả thành phố cổ bị hư hại vào thế kỷ thứ 5 là thành lũy của vua A Xà Thế. Phía ngoài của bức tường được xây bằng những khối đá dài từ 1 mét đến 1.5 mét. Cuối cổng phía Đông của đồi Vaibhara có sáu con suối nước nóng, có tên là Satadhara, nước suối rất nóng. Những con suối này có tên Markandeya Kunda, Vyasa Kunda, Ganga-yamuna Kunda, Ananta Kunda, Saptarshidhara , và Kashidhara. Sau này những con suối này người ta cho sát nhập lại và xây dựng ở đây một toà nhà màu hồng, đền thờ Hindu Lakshmi Narayan.

Một đoạn ngắn phía trên Sataddhara, nằm phía bên phải con đường mòn là nền móng của đền thờ Mahadeva (Shiva), dân địa phương gọi là machan ‘tháp canh’, cấu trúc xưa là hình chữ nhật, được xác nhận là nơi ở của Pippala được đề cập trong nhiều kinh điển Phật giáo và những ghi chú của những vị hành hương Trung Quốc. Trong một số kinh tạng Pali mô tả hang Pippala được đục ở một khối đá, là chỗ trú của ngài Đại Ca Diếp, chủ tọa của kỳ đại hội kết tập kinh điển lần thứ nhất. Đi theo con đường đá nhỏ dẫn đến một con đường dốc đứng phía Bắc, một bậc thang cấp nhân tạo dài dẫn đến sáu hang động (ngày trước có lẽ là 7 hang). Sáu tháng sau khi Phật niết bàn, đại hội kết tập đã được tổ chức tại đây để thống kê lại tất cả những lời dạy của đức Phật.

Rajgir cũng là thánh địa của đạo Jain. Vardhaman Mahavira, tổ thứ 24, người cuối cùng đã sống ở Vương xá 14 năm. Theo huyền thoại của đạo Jain, vua Tần Bà Sa La và A Xà Thế là những tín đồ của đạo Jain; tên của họ được đề cập đến trong kinh sách Jain là Shrenika và Kunika. Thành phố này cũng được xem là nơi sanh của giáo chủ thứ 20 của đạo Jain Muni Suvrata. Chỉ có duy nhất một di tích của đạo Jain ở đây là Maniyar Matha được nhận ra ở một điện thờ bằng gạch hình trụ, ở khu trung tâm của thành phố cổ. Theo truyền thống của dân địa phương thì nơi này là để cúng tế Mani-naga, vị thần bảo vệ thành phố Vương xá. Đền thờ đạo Jain bao bọc chung quanh là những ngọn đồi nên rất thu hút khách tham quan và người hành hương.. trên đỉnh ngọn đồi là một đền thờ đạo Jain mới xây dựng, đền Adinatha. Khu vực gần đó cũng có nhiều đền thờ Jain tưởng niệm các vị tổ sư, trong số này nổi tiếng nhất là Rishabahdeva, Parshvanatha, Mahavira, Sambhavanatha Adi Jina và Neminatha.

Đi chừng 200 mét về hướng Đông Nam của Satadhara chúng ta sẽ gặp cổng phía Bắc của bức tường thành Vương xá ở giữa đồi Vaibhava và Vipula. Chừng 1 km về phía Nam chúng ta gặp Maniyar Math, một bức tường đá và kiến trúc bằng gạch hình trụ cao 6 mét, trang trí những hình ảnh bằng vữa

chung quanh, được lợp bằng những tấm tôn bằng thép hình nón và một số kiến trúc phụ khác. Tượng Hindu thường thấy ở những đền thờ khác cũng được tìm thấy ở đây, cho thấy rằng trước đây là một tu viện của Hindu, có thể là đền thờ của Maninaga, đền thờ ‘thần rắn’. Những di tích khảo cổ cho thấy rằng trong suốt thời kỳ đức Phật và vua Tần Bà Sa La, ở đây là một nơi rất phổ biến cho những lễ tế tự và hội họp. Thời kỳ Phật giáo và đạo Jain thịnh hành đều có những di tích ở đây. Theo con đường về hướng Tây bắc của Maniyar Math có hai hang động ở phía Nam ngọn đồi Vaihara, tên là Sonbhandar, xây dựng do tổ của đạo Jain là Vairaseva. Bên trong hang phía Đông, ở phía Nam bức tường, có sáu tượng tổ sư đạo Jain được khắc nổi điển hình là Padmaprabha, Parshvanatha và Mahavira. Ở hang phía Tây hiện nay có đặt một bức điêu khắc trên đá đen hình của những vị tổ của đạo Jain ở mỗi mặt.

Đi theo con lộ chính về hướng Nam chừng 1km từ Maniyar Math, chúng ta sẽ thấy một khu đất rộng chừng 60 mét vuông chất đá rào chung quanh, và một bức tường dày 2 mét và một pháo đài hình tròn ở góc, đây là ‘nhà tù của vua A Xà Thế’. Bậc thang cấp bằng đá dẫn đến hai ngôi tháp liên hệ đến vua Tần Bà Sa La. Khu vực này được xác định là nhà tù của vua A Xà Thế đã bắt giam vua cha Tần Bà Sa La, vua đã chết trong ngục. Người ta nói rằng từ nhà tù vua có thể nhìn thấy đức Phật ngồi thiền trên đỉnh Linh Thứu. A Xà Thế cùng với Đề Bà Đạt Đa đã âm mưu giết đức Phật bằng cách thả voi say để giết Ngài. Sau khi vua Tần Bà Sa La chết không lâu vua A Xà Thế hối hận và đã quy y trở thành một phật tử thuần thành. Đoạn đường với những bậc cấp đá từ chân núi lên đến đỉnh ngọn Linh Thứu là do vua Tần Bà Sa La xây dựng, đến thế kỷ thứ 7 khi ngài Huyền Trang đến đây con đường vẫn còn tốt.

### **Tinh xá Jivakamravana**

Đi dọc theo con đường đến một thị trấn, chúng ta sẽ gặp những nền móng của tinh xá Jivakamvana do vua A Xà Thế xây dựng. Cũng theo đường chính đi về hướng Nam đến ngã ba. Con đường bên tay trái sẽ dẫn đến một khu rừng, và những di tích của tinh xá Jivakamvana, vườn xoài của Jivaka nơi đức Phật thích nghỉ ở thung lũng này. Jivaka là thầy thuốc của vua Tần Bà Sa La, sau này trở thành đệ tử của đức Phật. ông cũng đã chữa vết thương cho đức Phật khi Ngài bị Đề Bà Đạt Đa lẩn đá hãm hại. Theo luận giải, một hôm Jivaka suy nghĩ: “Ta đến thăm đức Phật hai ba lần mỗi ngày. Linh Thứu và Trúc Lâm thì lại cách xa. Vườn xoài của ta lại gần hơn. Tại sao ta lại không xây dựng một nơi nghỉ cho đức Phật?” Do đó ông đã xây dựng một tinh xá gồm nhiều phòng, chỗ nghỉ ban đêm, ban ngày, và hương thất cho đức Phật chung quanh vườn xoài có tường rào cao bao bọc. Những tài liệu cổ đều công nhận rằng tinh xá Jivakamvana ở cổng phía Đông của Rajgir, và du khách để ý trước khi đến Jivakamvana là một con đường cắt ngang một mô đất dài và qua một

cây cầu. Những di tích của tinh xá Jivakamvana được tìm thấy với 4 sảnh đường và nhiều phòng ở cuối phía Đông của Vương xá thành.

Tinh xá Jivakamvana là nơi đức Phật thuyết bài pháp quan trọng, kinh Samannaphala (Kinh Sa Môn Quả-Trường Bộ Kinh). Một đêm trăng sáng rất đẹp, vua A Xà Thế đến viếng đức Phật tại tinh xá Jivakamvana, vua đã ngạc nhiên trước sự yên lặng của một hội chúng đông. Vua A Xà Thế đã giết cha mình, trong lòng thường lo lắng không yên, vì thấy mình quá tội lỗi và nghĩ rằng có lẽ sau này chính con trai của vua là Udayibhadda sẽ giết mình như vậy. Hiểu được những hậu quả của những tham vọng thế gian thường mang lại đau khổ, vua đã đi đến để hỏi đức Phật về kết quả hiện tại thiết thực về sa môn quả. Và đức Phật đã trả lời bằng một bài pháp dài chỉ rõ con đường tu tập của một sa môn. Đức Phật cũng đã thuyết hai bài pháp quan trọng khác ở tại đây, cả hai đều thuyết cho Jivaka. Bài đầu tiên là Jivaka Sutta (Kinh Jivaka-Trung Bộ kinh), Ngài giải thích cho Jivaka về trường hợp nào vị tỳ kheo được ăn thịt, và trong bài pháp thứ hai Ngài giải thích về người phật tử tại gia quy y tam bảo và giữ gìn năm giới. Tinh xá Jivakamvana được tìm ra và tiến hành khai quật năm 1954. Mặc dù chỉ còn lại những nền móng, nhưng trong kiến trúc tổng hợp của tinh xá cũng còn lại ba bức tường dài giản lược.

### **Ngọn đồi Gridhrakuta**

Chạy theo con đường song song với bức tường thành ở phía Đông, chúng ta sẽ đến Maddakuchchi dưới chân ngọn đồi Gridhrakuta (Đỉnh Linh Thứu Sơn). Đức Phật đã thuyết kinh Pháp Hoa và kinh Bát Nhã ở đây.

*“Cố tri bát nhã ba la mật đa thị đại thân chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú; năng trừ nhất thiết khổ, chơn thiệt bất hư; cố thuyết bát nhã ba la mật”*

Đi xuống con đường thoai thoải từ đỉnh Linh Thứu chúng ta sẽ băng ngang tu viện Maddakukshhi. Chính ở đây hoàng hậu Vi đê hi đã muốn phá bỏ cái thai bà đang mang vì theo tiên đoán là đứa con sau này sẽ giết vua cha. Thế Tôn lần đầu tiên đến đây Ngài bị Đê Bà Đạt Đa lặn đá làm Phật bị thương. Trên đỉnh Linh Thứu Sơn Đức Phật đã hoá độ cho vua Tần Bà Sa La. Sau khi đi qua đoạn đường đá hẹp chúng ta sẽ đến nền móng của hương thất của Phật tại Linh Thứu sơn. Tầng đá nhô ra trên đỉnh như hình cái miệng chim ưng cho nên ngọn núi có tên là Linh Thứu. Đức Phật đã trải qua nhiều mùa an cư trong hang đá ở đây. Có hai hang động thiên nhiên hình như một ngôi nhà bằng đá, trong đó tìm thấy một tấm bằng sành có hình bảy vị Phật quá khứ và Phật Di Lặc, hiện nay đang trưng bày ở Viện bảo tàng Nalanda. Bên ngoài hang động là cấu trúc của bức tường đá lớn mà trước đây đã từng hiện hữu. Rất nhiều di tích của Phật giáo nằm rải rác ở khu vực này. Điều này rất đơn giản vì Linh Thứu vốn là nơi đức Phật rất thích ở và cũng là nơi đức Phật thuyết nhiều bài pháp quan trọng.



Hình mõm đá ở núi Linh Thú

Thăm Rajgir vào thế kỷ 13, Dharmasvamin nói rằng Linh thú có rất nhiều loài thú ăn thịt như hổ, gấu đen, gấu nâu. Để đe dọa những con thú dữ này những người muốn đến đỉnh Linh Thú phải đánh trống, thổi tù và và đem theo những ống tre để có thể đốt lửa. Một tượng Phật thế kỷ thứ 6 TL được tìm thấy ở Linh Thú, hiện nay đang được trưng bày tại Viện bảo tàng khảo cổ ở Nalanda. Sau khi chiêm bái Linh Thú, du khách có thể đi xuống bằng con đường thoải thoải. Con đường này ngày xưa vua Tần Bà Sa La đã làm, mặc dù hiện nay đã sửa sang lại rất nhiều. Hai nền móng của hai ngôi tháp nằm dọc theo con đường. Theo ngài Huyền Trang, thì một trong hai tháp này đánh dấu nơi vua xuống ngựa trong lần viếng đức Phật đầu tiên. Tháp thứ hai đánh dấu nơi vua đi một mình trở lại viếng đức Phật.

### **Những bức tường cổ của Vương Xá thành**

Đi thêm chừng hơn 1 cây số dọc theo con đường chính, chúng ta sẽ đến một đoạn đường đèo hẹp giữa đồi Sona và Udaya, nằm ở cổng thành phía Nam của Vương Xá thành, nơi đức Phật đã nhiều lần đi qua. Toàn bộ bức tường thành chạy dài hơn 40 cây số trên hai ngọn đồi, mặc dầu có nhiều đoạn tường thành hiện nay không còn. Đi theo dọc bức tường thành chúng ta nhìn thấy cảnh đồng quê của Ma Kiệt Đà rất đẹp. Ngày xưa, khi đức Phật trú tại Dakkhinagiri, ngọn đồi phía Nam, gần Rajgir, Ngài đứng nhìn những cánh đồng lúa chín vàng, những bờ ruộng đắp chia thành những thửa ruộng hình vuông, đức Phật đã bảo ngài Anan rằng y của các vị tỳ kheo may theo hình những thửa ruộng này. Lúc bấy giờ những thửa ruộng hình vuông hoặc hình chữ nhật được chia ra bằng những bờ đê. Ngày nay y của tỳ kheo vẫn giữ nguyên truyền thống này.



### **Tháp Shanti**

Rời khỏi tinh xá Jivakamvana, đi theo con đường củ đến Linh Thứu, đi về hướng Đông, là một con đường dẫn đến một ngôi tháp mới bằng đá trắng, tháp cao 50 mét do một tu sĩ nổi tiếng người Nhật thuộc phái Nipponzan Myohoji, tên Nichidatsu Fuji xây dựng năm 1969. Nằm trên đỉnh ngọn đồi Chhatha, với mái vòm bằng đá sa thạch lớn, tháp Shanti biểu tượng cho hoà bình thế giới. Tháp nằm trên ngọn đồi rất cao nên từ đây du khách có thể nhìn khắp vùng nông thôn rất đẹp. Đối diện với tháp là tu viện Saddharma Buddha. Chung quanh mái tháp là bốn pho tượng vàng: tượng dẫn sanh, thành đạo, thuyết pháp và niết bàn. Có một cáp treo (600 mét) đến tháp Nipponzan Myohoji (từ 10 giờ – 17 giờ; giá 20 rupees) mang bạn lên đến đỉnh ngọn đồi.



Tháp Hoà Bình ở Rajgir

### **Lễ hội ở Rajgir**

Lễ hội này được tổ chức cứ ba năm một lần trong suốt cả tháng nhuận (Malamasa). Từ ngày xưa đã có truyền thống tổ chức những lễ hội tôn giáo rất quy mô. Rajgir là nơi duy nhất tổ chức những hoạt động và lễ hội tôn giáo vào tháng này. Lễ hội này được minh họa trong văn học cổ tích Ấn độ với đầy màu sắc, với nhiều hình thức lễ nghi tế tự, bao gồm cả nhịn ăn và sống đơn giản. Sau khi độc lập, chính quyền cũng tham dự để tổ chức lễ hội. Với sự tăng nhanh của du lịch, và tín ngưỡng tôn giáo, cả triệu du khách, những tín đồ Hindu, phật tử đến đây vào tháng này để cảm niệm nơi linh thiêng này. Suốt cả tháng những dịch vụ như binh viện, nhà thương, đồn cảnh sát, nhà nghỉ, cung cấp nước, điện, phương tiện di chuyển, điện thoại, net mở cửa thường xuyên để phục vụ du khách. Những chương văn nghệ, múa, triển lãm và nhiều hoạt động khác được tổ chức tại lễ hội. Chính quyền ủng hộ ngân sách là 5 triệu rupees cho lễ hội này. Mặc dầu như vậy nhưng những khách hành hương đến đây vẫn không thoả mãn; thật ra họ bất mãn về việc quản lý và lạm dụng số tiền này. Nhớ rằng, Bihar là bang nổi tiếng về hối lộ và tham nhũng.

### Khách sạn-Nhà nghỉ

Gần bến xe buýt, Hotel Anand: 06119-225030 và Ajatashatru: 225273, gần suối nước nóng là những nhà nghỉ rẻ tiền nhất, với những căn phòng tối tăm giá 100/200 Rs. Chùa Burmese: 225024. Bangali Buddhist Society Temple kế bên chùa Burmese có nhiều phòng cho khách và tùy hỷ cúng dường. Hotel Siddharth: 225216 ở chợ Kund. Hotel Tathagata Vihar: 225273 và Hotel Gautam Bihar: 225273 nằm giữa bến xe buýt và nhà ga xe lửa. Hotel Rajgir: 225266 có sân vườn, phòng có nhà tắm. Nhà nghỉ Digambar Jain, Svetambar Jain, Anandabai và Sundar Shah

Khách sạn Centaur Hokke: 255245, Fax: 255231, email:centaur@sanchar.net.in, chủ yếu là dành cho những khách hành hương người Nhật, cách suối nước nóng 3 km về hướng Tây được xem là khách sạn hạng sang nhất ở Rajgir mỗi phòng giá từ 90-125 đô la một ngày (4500-6000 Rs)

### Thức ăn

Nhà hàng ăn ở đây thay đổi theo từng mùa. Hầu hết du khách đến Rajgir theo dạng du lịch trọn gói. Dhabas và những nhà hàng ăn gần bến xe buýt phục vụ cho dân địa phương. Nhà hàng Green Hotel: 225352 nằm ở cuối khu bán áo quần, có nhiều món ăn Continental, Chinese, và India với giá phải chăng.

## 9. NALANDA, TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẬT GIÁO NỔI TIẾNG

Nằm gần ngôi làng Baragaon (thị trấn Nalanda), là những di tích của một trường đại học đầu tiên trên thế giới. Trường đại học Nalanda thành lập vào thế kỷ thứ 5 TL. Có thể đến đây bằng đường bộ, cách Patna 95 km về hướng Đông nam, cách Rajgir 13 km về hướng Bắc, hay 13 cây số từ Biharsharif, dân số là 250.000. Có thể đi bằng xe taxi, mini buýt, auto richshaw từ Rajgir đến Biharsharif. Có một chuyến xe buýt chạy thường xuyên từ Patna đi Biharsharif. Từ trạm xe buýt hay ga xe lửa đến Nalanda chỉ hơn 2 cây số. Sân bay gần nhất ở Patna (93 km), ga xe lửa địa phương Bakhtiyarpur nằm trên tuyến đường Delhi – Howrah, 38 km, đi tiếp tuyến xe lửa đến Nalanda.

Nalanda nằm trải dài trên một khu đất rộng 14 hécta gồm 11 tinh xá, và 5 ngôi chùa. Những con đường nhỏ bằng đá đan chéo nhau khắp cả khu vực. Tháp ngài Xá Lợi Phất là một công trình kiến trúc hùng vĩ nhất nằm ở phía Nam, chỉ một vài phút đi bộ từ cổng chính. Ngôi tháp lớn này xây dựng để thờ xá lợi của ngài Xá Lợi Phất. Các mặt của tháp đều có những hốc tường để đặt tượng Phật hoặc Bồ tát. Đi lên loạt thang cấp là một chánh điện có thờ một tượng Phật rất lớn. Những di tích còn lại ở đây cho thấy có rất nhiều phòng nhỏ với những hành lang rộng ở trước. Mỗi khu như vậy đều có một chánh điện và có thờ tượng Phật lớn. Một cái lò rất lớn cũng được phát hiện, đây chính là nhà bếp để nấu ăn cho sinh viên. Di tích đại học Nalanda nằm trong danh sách Di sản văn hoá thế giới của UNESCO. Những cuộc khai quật vào những thập niên 1860 do Alexander Cunningham dẫn đầu đã tìm thấy ở đây một con dấu với dòng chữ *Sri Nalanda Mahavihara Arya Bhikhu Sanghasya*

Đức Phật thường hay đến Nalanda và ở lại vườn xoài của Setthi Pavarika. Hai vị đại đệ tử của Phật là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên gốc ở tại đây. Xá Lợi Phất, đệ nhất trí tuệ, người có vị trí rất quan trọng trong tăng đoàn, nhập niết bàn ở đây. Mặc dù Nalanda là một trong những nơi nổi tiếng nhờ sự hiện diện của đức Phật ở đây, nhưng sau này Nalanda đặc biệt nổi tiếng nhờ trường đại học Phật giáo có cùng tên thị trấn, đại học Nalanda, và đã đạt đến đỉnh cao của Phật giáo phát triển ở Ấn Độ. Tên Nalanda có thể xuất phát từ một tên của Phật trong đời quá khứ, khi đó Ngài là một hoàng đế mà thủ phủ ở tại đây. Nalanda có nghĩa là ‘bố thí ba la mật’. Đức Phật đã ở lại đây nhiều lần trong vườn xoài mà 500 thương nhân đã cúng dường cho đức Phật. Trường đại học Phật giáo Nalanda nổi tiếng sau này đóng một vai trò quan trọng cho Phật giáo sau này. Huyền Trang đề cập đến số lượng tinh xá và tháp đánh dấu nơi đức Phật thuyết pháp. Trong một chuyến viếng thăm Nalanda đức Phật đã thuyết pháp cho chư thiên và loài người trong ba tháng, có một tháp thờ tóc và móng tay của Phật được xây dựng vào lúc đó.

Thành lập vào thế kỷ thứ 1 TTL, Nalanda là một nơi đến để chiêm bái và học hỏi, đức Phật đã đến đây nhiều lần. Nalanda nổi tiếng vì đây là một trường đại học đầu tiên có uy tín vào thiên niên kỷ thứ nhất. Đức Phật lần đầu đến đây để học với những đạo sư bấy giờ. Thậm chí trong chuyến đi cuối từ Vương xá đến Pataligrama (Patna), đức Phật cũng đã ghé qua Nalanda. Theo tài liệu sử, Huyền Trang tin rằng sở dĩ có tên Nalanda là do lòng từ bi bố thí vô lượng của đức Phật trong những đời quá khứ. Theo kinh điển của đạo Jain thì Nalanda là ngoại ô nằm phía ngoài của Vương xá. Theo kinh tạng Pali thì có nhiều giải thích về Nalanda, chủ yếu là những lần viếng thăm của đức Phật và ở lại Nalanda một nơi rất thịnh vượng, trù phú và cũng có đề cập đến vườn xoài của Pavarika. Vua A Dục đã cúng dường và dâng lễ tháp ngài Xá Lợi Phất ở Nalanda, và xây một ngôi chùa tại tháp này. Ngài Long Thọ, một luận sư đại thừa nổi tiếng của thế kỷ thứ 2 TL, đã dạy tại đây và sau này trở thành tu sĩ. Suvishnu, một Bà La Môn, người cùng thời với ngài Long Thọ, người ta tin rằng đã xây dựng 108 đền thờ ở Nalanda.

Vào thế kỷ thứ 7 TL, ngài Huyền Trang đã đến đây học và cũng là giáo sư ở đây trong 5 năm, lúc đó ở đây có trên 3000 giáo sư, và hơn 10000 sinh viên và tu sĩ, và một thư viện với hơn 9 triệu đầu sách. Ngài có tên Ấn Độ là Mokshadeva, sau khi ngài rời đại học Nalanda mọi người vẫn nhớ đến ngài. Huyền Trang đã đến học với Shilabhadra, một đạo sư nổi tiếng và là người chủ trì tu viện. Chư tăng được sự cúng dường của cả 200 ngôi làng, và thư viện ở đây đã thu hút rất nhiều người từ nhiều quốc gia như Malaysia, Indonesia, Chiana và Korea. Những kỳ thi tuyển cho sinh viên rất khó khăn, chỉ 7-8 phần là bị rớt trong những kỳ thi tuyển sinh. Một vài năm sau Huyền Trang, một nhà chiêm bái Trung Quốc khác là Nghĩa Tịnh đã đến Ấn Độ năm 673 và cũng đã đến học tại Nalanda. Ngài ghi lại rất chi tiết cuộc sống của chư tăng ở đây và chương trình giảng dạy, cùng với những kinh điển Phật giáo gồm cả những bộ môn logic, siêu hình học và văn phạm Sanskrit. Từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ 12 các vua Pala và Sena cai trị vùng Đông Ấn rất ủng hộ cho Nalanda. Trong suốt triều đại của Devapala đầu thế kỷ thứ 9, Nalanda đã đạt đến đỉnh cao của sự hưng thịnh, nổi tiếng. Nhiều sứ thần các nước đến dâng tặng nhiều quà và cúng dường cho đại học Nalanda, và họ cũng đã có nhiều tặng phẩm đến những trường khác như Oddantapuri và Vikramshila ở thị trấn Bhagalpur của Bihar. Dưới đời các vị vua Phật giáo, Nalanda được sự ủng hộ mạnh của vua chúa và phật tử.

Nhiều học giả quy tụ về nơi đây để mong muốn học hỏi giáo lý vi diệu của đức Phật. Huyền Trang và sau này là đệ tử của ngài Hwui-li, người đến đây học vào thế kỷ thứ 6 và thứ 7, đã ghi lại tất cả rất chi tiết. Thi tuyển sinh rất khó, chỉ hai người trong số 10 người đậu. Nghệ thuật hùng biện, diễn giảng trước công chúng, và những môn học thế tục như toán học, y học cũng được dạy

ở đây. Luận biện là môn chính tại đây, giáo lý thường được đưa ra để tranh luận. Trong số những học giả nổi tiếng của Ấn Độ được đào tạo tại Nalanda là Long Thọ, Thánh Thiên và Trần Na.

Nalanda có ảnh hưởng rất lớn trong việc truyền bá Phật giáo sang Típet. Vào hạ bán thế kỷ thứ 8 vua Típet đã mời học giả nổi tiếng Shantirakshita để làm cố vấn tinh thần, vị này đã sống ở Típet nhiều năm và chết ở đây vào năm 762. Sau đó Padmasambhava từ Nalanda sang Típet để truyền bá Phật pháp và đã lập ra Lạt Ma giáo ở đây. Tuy nhiên, Atisa Srijnana Dipankara, hiệu trưởng trường đại học Vikramshila, đã giúp đỡ Típet để tái lập lại Phật giáo vào thế kỷ 11.

Như ngài Huyền Trang miêu tả, Phật giáo dần dần bị suy tàn khi ngài đến Ấn Độ; tuy vậy những trung tâm như Nalanda vẫn đang phát triển và hưng thịnh. Ngài cũng nêu lên sự phát triển của Phật giáo Mật tông và tư tưởng triết học của Bà La Môn và ảnh hưởng của Kumarila và Shakaracharya.

Do hoả hoạn và sự chia rẽ trong những hệ phái Phật giáo và sự hồi sinh của Hindu đã đưa Nalanda đến bờ vực của sự diệt vong. Và điều đó đã đến khi những tên xâm lược Hồi giáo đã có những cuộc càn quét huỷ diệt toàn bộ Nalanda. Một số ít kinh sách giá trị được chui tẩu trốn thoát trong những lần tấn công dữ dội của Hồi giáo nên không bị thiêu huỷ. Theo một giáo sư Phật học tên là Taranatha, người Thổ Nhĩ Kỳ (Hồi giáo) chiếm toàn bộ Ma Kiệt Đà, tiêu huỷ tất cả tu viện, cả đại học Nalanda. Năm 1235, chỉ hai tinh xá còn sót lại, sau đó cũng bị tiêu huỷ. Cuối thế 13 Nalanda trở thành một đồng đống nát và không ai biết đến.

Vào đầu thế kỷ 19 Nalanda, một chuyển biến mới của lịch sử bắt đầu nhờ những thông tin của Buchano-Hamilton, người đã mô tả những di tích và những tượng của Phật giáo và Hindu được phát hiện tại Nalanda. Những thập niên của 1860 Alexander Cunningham xác định được vị trí của Nalanda; và năm 1915-1916 Viện khảo cổ học Ấn Độ đã tiến hành khai quật, và kết quả là những di tích hiện nay.

Những di tích khổng lồ của Nalanda bị vùi sâu dưới lòng đất trong nhiều thế kỷ. Những tu viện đã trải qua nhiều giai đoạn hưng thịnh, và một toà nhà cao 9 tầng được tìm thấy. Ngày nay chúng ta đến Nalanda thấy được một khu di tích rộng lớn, nhiều nơi cũng vẫn còn chắc chắn chứ không phải chỉ là những nền móng như những di tích khác.

Những di tích của 11 tinh xá và nhiều tháp do nhiều vua xây dựng qua nhiều thời kỳ, chính là bằng gạch đỏ, được tìm thấy tại đây, cũng như những bậc thang cấp lớn, thư viện, giảng đường, ký túc xá, phòng ốc, bếp và giếng. Toàn bộ kiến trúc gồm nhiều tầng, được xây bằng gạch cứng trên nền cao, với những trang trí hình tượng Phật cũng như những vị thần Hindu, và những hình tượng chiến binh, vũ công, thú vật và chim bằng vữa hồ. Nhiều tinh xá

nối liền từ phía Nam cho đến hướng Bắc, có cổng bảo vệ ở cửa phía Tây; tầng xá được bố trí chung quanh sân hình chữ nhật có một hành lang rộng. Đối diện với cổng vào, một chánh điện được tìm thấy ở ngay trung tâm của cổng phía Đông, ở đây chắc chắn có một tượng Phật rất lớn. Những đường cống dẫn nước thải đến phía Đông và có nhiều bậc cấp dẫn đến các tầng. Dây điện thờ nằm ở hướng Tây của tinh xá bên trái có một khoảng đất rộng, có một chánh điện nhỏ. Các tinh xá được đánh dấu từ số 1 đến 11 từ phía Nam sang phía Bắc, con đường từ cổng vào tinh xá số 1 đến 4 ở cuối phía Nam khu di tích. Con đường sang phía tây đi qua một khu đất trống đến điện thờ lớn nhất, điện thờ số 3. công trình kiến trúc đồ sộ này nằm ngay giữa sân ở phía Tây nam chung quanh là những tháp nhỏ do những phật tử hành hương làm. Chắc chắn là ngôi tháp do vua A Dục xây dựng nhưng đã được sửa sang lại nhiều lần. Những ngôi chùa vốn là những công trình kiến trúc nhỏ xây liên kết với nhau trên những mô đất lớn. Người ta nói rằng chánh điện ở trên cao hướng về phía Bắc trước đây có một tượng Phật rất lớn. Từ trên đỉnh chúng ta có thể nhìn thấy toàn cảnh của khu vực này, đặc biệt là rất đẹp vào buổi tối lúc lên đèn. Về hướng Bắc của tháp, nhiều kiến trúc bố trí thẳng hàng, mỗi nơi đều có một chánh điện.

### **Tinh xá số 1**

Quay trở lại hướng Đông, tinh xá số 1, 1A và 1B rất quan trọng trong các tinh xá ở đây. Người ta nói rằng vua Sumatran xây dựng tinh xá vào triều đại của vua thứ ba của triều đại Pala, Devapala, giữa 810-850TL. Những phòng tìm thấy cho thấy rằng ở đây đã có một tinh xá bên dưới, có lẽ sau khi những bức tường này hoàn toàn sụp đổ. Có thể đi bộ vòng quanh cả ba tinh xá ở phía Nam. Những di tích ở Nalanda còn lại ở đây đều phải đi ngang qua con đường ở giữa tinh xá số 1 và số 4.

Một cái đĩa bằng đồng có khắc chữ được tìm thấy ở hành lang của tinh xá số 1 cho biết rằng đó là một trường cao đẳng cho các sinh viên đến từ Java và Sumatra. Bia ký do vua Devapaladeva viết (815-54 TL) vào năm thứ 39 của triều đại ông, bia ký viết là vua Balaputradeva của xứ Suvarnavipa (Java và Sumatra) đã xây một trường cao đẳng ở Nalanda và sau đó nhờ sứ quán yêu cầu vua Devapaladeva cấp tiền thuế của nhiều làng để hoạt động trường. Số tiền này được chi phí cho những “lễ lượt, cúng dường, tiền nhà, áo quần, thức ăn, giường, và thuốc men cho những người bệnh, viết sách và để tu bổ bảo quản tu viện khi bị hư hỏng”. Vua Devapaladeva chấp thuận lời đề nghị, và bia ký kết thúc là ông xây dựng một tinh xá tại Nalanda cho “chư tăng có phẩm hạnh tốt” và cấp thuế 5 ngôi làng để chi phí.

Tinh xá số 1 được xây dựng ít nhất 9 lần trên cùng một vị trí, và những gì chúng ta nhìn thấy bây giờ là những phần xây dựng ít nhất là ba hoặc bốn lần sửa sang, xây chồng lên trên kiến trúc cũ. Đi vào tinh xá phải đi qua một

cổng có mái rất ấn tượng, mái được đỡ bởi hàng cột trụ và bệ đá, hiện nay vẫn còn. Tinh xá bao gồm nhiều phòng, có giường ngủ, bố trí vòng theo một sân lớn. Những bậc thang cấp ở góc hướng Tây Nam chứng minh rằng tinh xá có ít nhất là hai tầng, trong khi độ dày của bức tường có thể tinh xá còn cao hơn dự đoán. Ở cuối phía Đông tinh xá có một chánh điện vốn thờ một tượng Phật rất lớn mà hiện nay chỉ còn phần dưới và những nếp gấp của y tạc trên tường vẫn còn. Sân trước chánh điện có nhiều hàng cột trụ có lẽ là nơi các giáo sư ngồi đọc bài cho các sinh viên tập hợp ở trong sân.

#### **Tinh xá số 4 đến số 10**

Tinh xá số 1, số 4 và số 10 là những phân khoa cao đẳng của đại học nơi các sinh viên học và nội trú, những tinh xá này không khác nhau mấy. Tinh xá số 4, ngay cổng vào phía Bắc, được xây dựng trên nền móng của một tinh xá cũ bị sập. Nhiều tinh xá có giếng nước trong sân, và những đường mương có lẽ sử dụng như là nhà vệ sinh ở góc phía Đông bắc. Một điểm đặc biệt của tinh xá số 9 là có 6 bếp lò ở trong sân. Mặc dầu hiện nay khó có thể hình dung ra được, nhưng mỗi tinh xá đều được trang trí rất đẹp, và ít nhất cũng cao đến 4 tầng. Huyền Trang miêu tả khu vực tăng xá khi ngài đến đây: “Tất cả tăng xá nằm ở phía ngoài sân cao bốn tầng. Các tầng đều có chạm hình rồng nổi và có mái hiện màu sắc đẹp, các cột trụ màu đỏ ngọc, và có chạm khắc, dây lan can trang trí rất phong phú và những mái lợp ngói phản chiếu ánh sáng rất đẹp mắt càng tăng thêm vẻ đẹp ở đây”.

Còn có rất nhiều điểm thú vị ở những tinh xá khác; hai dãy phòng ở tinh xá số 5, sân lát gạch và hai dãy bếp lò hai tầng ở sân trên của tinh xá số 6, những vết tích của ba tinh xá được xây dựng tiếp nối nhau trên cùng một vị trí tại tinh xá số 7. Chánh điện hùng vĩ và cổng vào rất độc đáo ở tinh xá số 8, những đường rãnh nước rất ấn tượng ở tinh xá số 9 và cổng vào hình vòm cung ở tinh xá số 10. 25 mảnh củ những cột trụ bị gãy được tìm thấy ở tinh xá số 11, chiều cao những cột này chỉ còn 1 mét trong khi cột nguyên thủy cao 2 mét. Đối diện với tinh xá số 11 là một chánh điện nhỏ có một tượng Phật tạc trên đá màu đen. Tượng đánh dấu vào thời kỳ Pala và hiện nay được dân địa phương thờ như là một vị thần của Hindu.

#### **Những ngôi chùa**

Ngoài những tinh xá và các ngôi chùa chính, bốn ngôi chùa khác được khai quật. Chùa số 12, 13 và 14 cùng nằm một dãy kéo dài từ phía bắc của ngôi chùa chính. Tất cả đều xây dựng theo hình vuông, và đều có tượng Phật, hiện nay những tượng này được trưng bày tại Viện bảo tàng.

Ngôi chùa vị trí số 12 là công trình kiến trúc lớn nhất ở Nalanda, rộng khoảng 52 x 50m. giống như chùa ở vị trí số 3 gồm một tháp trung tâm và bốn tháp nhỏ ở bốn phía, mỗi tháp đều có một chánh điện và đều có thờ tượng Phật. Đi hết bậc thang cấp về phía bên trái có hai cột trụ được chạm khắc. Có

lẽ Huyền Trang đã viết về ngôi chùa này: “*ngôi tháp trang trí rất công phu, và những tháp nhỏ đẹp như tranh vẽ, như đỉnh của ngọn đồi, tất cả vẻ đẹp quy tụ tại đây. Ngọn tháp chìm vào trong sương mai và những căn phòng cao tít tận mây. Từ những khung cửa sổ chúng ta đón nhận những ngọn gió mát và những cụm mây bao phủ, những mái hiên cao vút lên tận trời*” Ở phía Bắc và phía nam của chùa số 12 là hai chánh điện nhỏ hơn, mỗi chánh điện hiện nay vẫn còn tượng Phật ngồi trong tư thế tay chạm đất.

Phía Bắc của chùa số 13 người ta tìm thấy một lò luyện kim bằng gạch với nhiều mảnh kim loại và xỉ kim loại, điều này cho biết rằng những vật dụng bằng kim loại được đúc ở Nalanda. Những lỗ ở bệ tượng của tinh xá số 14 chỉ toàn là những bức tranh bích hoạ ở Nalanda.

**Chùa số 3** được xây dựng lại, tu bổ lại ít nhất cũng bảy lần qua nhiều thế kỷ, tinh xá này có nhiều tháp nhỏ do những người hành hương làm chung quanh tinh xá cho thấy rằng đây là chánh điện chính ở Nalanda. Người ta tin rằng nguồn gốc của ngôi điện thờ này là tháp kỷ niệm nơi sinh của ngài Xá Lợi Phất. Ngôi chùa này những thế kỷ sau gồm một tháp ở giữa và những tháp nhỏ ở bốn góc, hiện nay còn lại ba tháp nhỏ, không khác với tháp ở BĐĐT. Những tháp nhỏ này có nhiều lỗ trên tường đặt nhiều tượng Phật và Bồ tát bằng vữa của thời kỳ Gupta. Điều đáng buồn là những năm gần đây người ta đã bẻ gãy phần đầu của một số tượng đem bán ở các khu chợ đen buôn bán đồ cổ. Một bậc thang cấp lớn dẫn đến chánh điện ở tầng trên cùng của ngôi chùa, ở đây có thờ một tượng Phật. Nhưng tháp nhỏ ở phía Đông của ngôi chùa là nơi đáng lưu ý. Nhiều tháp nhỏ ở đây có phòng ở bên trong, có thể ngồi thiền. Một số ngôi tháp khác được xây bằng gạch và tìm thấy một số kinh sách và có lẽ được xây dựng để tưởng niệm các vị giáo sư và học giả đã sống ở đây qua nhiều giai đoạn. Từ trên đỉnh của chùa số 3, chúng ta có thể nhìn thấy toàn cảnh của Nalanda.

**Chùa số 2** nằm ở phía Đông của tinh xá số 7 và 8, có một con đường ở giữa dẫn đến chùa này. Chùa này đẹp hơn nhiều so với những di tích khai quật ở đây, chùa số 2 có một bức phù điêu bằng đá với phần chân cột nhô ra, và những bức phù điêu tạc hình 211 vị thần và nữ thần Hinđu, còn có hình vũ công, nhạc công, chiến binh, chim thú, những cặp tình nhân, chim công và ngỗng, và những cảnh trong cuộc sống hằng ngày. Không phí thời gian đi thong thả chung quanh để chiêm ngưỡng những bức phù điêu này. Một điều lý thú của ngôi chùa này nữa là chúng ta đi đến bằng những bậc thang cấp chính. Điều đáng chú ý ở đây là những tảng đá ở chùa này được nối với nhau bằng những cái kẹp bằng kim loại. Những bức phù điêu này có từ thế kỷ thứ 6 hoặc thứ 7 TL., và có lẽ được mang đến từ một ngôi chùa khác.

### **Viện Bảo Tàng**



Ở phía Đông của tinh xá số 1 là khu vực Viện bảo tàng (thành lập năm 1917) do Viện Khảo Cổ Học Ấn Độ quản lý. Ở đây có rất nhiều đồ cổ, xá lợi tìm thấy ở khu vực Nalanda và những vùng lân cận, gồm có nhiều tượng Phật, những con dấu của đại học Nalanda, tượng của Phật giáo và Hindu qua nhiều thời kỳ. Điều này cho thấy rằng đại học Nalanda rất phong phú về các trường phái sáng tác, đúc đồng và hội họa. Nó còn có một số đồ đồng rất tinh xảo của thế kỷ thứ 9 và 10 (triều đại Pala) và một số hiện vật khảo cổ còn lại ở đây. Có nhiều mẫu đồ gốm, đồng tiền, con dấu, những vật dụng bằng kim loại, và bằng đá, đồng, và nhiều tượng thân và nữ thân của Hindu và Phật giáo làm bằng gốm, phần lớn những tượng này thuộc giai đoạn Pala và Sena (thế kỷ 8-12 TL). Trường phái nghệ thuật của giai đoạn Pala rất phổ biến ở Nalanda. Bởi vì Nalanda cũng là trung tâm của Mật tông, cho nên nhiều tượng thân, nữ thân cũng được tìm thấy cùng với tượng Phật và Bồ tát. Có nhiều tượng bằng đồng được đặt ngược ở đằng sau vai của những tượng thân.

Một trong những tác phẩm nghệ thuật đẹp nhất là một tượng Quan Âm đứng lớn được tạc trên một tấm đá đen. Tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa ra, biểu tượng ban phúc lành. Trên vầng hào quang đằng sau đầu của tượng là hình ba vị Phật, hình thứ tư nằm ở chính giữa trán của tượng. Hình hai nữ cư sĩ đứng ở phần chân tượng. Trong tư thế thoải mái và những đường nét đơn giản của pho tượng cho thấy rằng tượng được tạc vào giai đoạn cuối của triều đại Gupta. Không may là pho tượng đã bị hư hỏng phần mũi đã làm mất đi vẻ đẹp trên gương mặt của pho tượng.

Những pho tượng cổ ở Nalanda tạc hình Phật trong nhiều tư thế, đứng, ngồi thiền dưới cội Bồ Đề. Tượng Phật bằng đồng đẹp nhất là tượng Phật đứng trên một đài sen với gương mặt bình thản và miệng cười hàm tiếu. Jambhala, một vị thần của Phật giáo cũng được tạc trên nhiều bức điêu khắc. Tượng Quan Âm, Tara (thần cứu tinh), Prajnaparamita (Kim cang), Hariti (vợ của Jambhala) và nhiều tượng nữ thần khác như Sarasvati, Aparajita, và Marichi cũng nên tham quan. Một bộ sưu tập những đồng tiền thuộc triều đại Shashanka của vùng Bengal (600-20 TL), Pratihara (835-85) và Gahadavala (1114-55) được trưng bày ở đây.

Viện bảo tàng nằm cạnh khu di tích Nalanda, mở cửa mỗi ngày từ 10 giờ đến 17 giờ, ngoại trừ những ngày thứ sáu và những ngày lễ, vé vào cửa 5 rupees.

Những khai quật khảo cổ mới nằm ở phía Đông bắc trên mô đất Sarai là một ngôi chùa bằng gạch với nhiều bức tranh vẽ voi, ngựa của thời kỳ Pala ở trên tường. Ở ngôi làng Bargaon và Begampur có rất nhiều tượng Hindu và Phật giáo rất đẹp.

Trung tâm Phật giáo quốc tế, hình thành năm 1951, phát triển những truyền thống của Nalanda. Một tu viện thành lập năm 1951, Nava Nalanda

Vmahavihara, cách khu di tích Nalanda chừng 2 cây số, là Viện Nghiên cứu văn học Phật giáo và Pali do chính quyền bang Bihar thành lập; Viện có nhiều tư liệu rất quý hiện nay đang được bảo quản tại đại học mở rộng Indra Gandhi. Có một ngôi chùa của Thái lan xây dựng ở đây vào năm 1980. Cạnh bên khu di tích trong ngôi làng Surajpur Baragaon là một đền thờ thần mặt trời cổ, và một cái hồ bên trong đền, thu hút rất nhiều tín đồ Hindu đến đây làm lễ cúng thần Mặt trời vào tháng Kartika (tháng 10-11).

Tu viện Nalanda mở cửa từ 6 giờ sáng đến 5 giờ 30 chiều mỗi ngày và Viện bảo tàng mở cửa từ 10 giờ đến 5 giờ chiều. Vé vào Viện bảo tàng là 5 rupees và 10 rupees cho khu di tích.

#### **Khách sạn và nhà hàng**

Không có khách sạn và nhà hàng tốt ở Nalanda, mặc dầu có một vài dhabas (quán ăn) mọc lên ở khu vực bến xe buýt. Tất nhiên chúng ta có thể có một nơi nghỉ ngơi tương đối rẻ đó là Chùa Trung Quốc, hay Nhà nghỉ Miến Điện phía trên Viện bảo tàng, cũng như ở khách sạn Youth Hostel ở tại Viện nghiên cứu Pali. Tuy nhiên tốt nhất là nên ở lại Rajgir (15 km), ở đó có những chuyến xe buýt chạy thường xuyên.

## 10. VAISHALI, NƠI ĐỨC PHẬT ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG MẬT ONG VỊ TRÍ

Cách ga xe lửa Hajipur 35 cây số về hướng Bắc, và Patna 56 km, thủ phủ của bang Bihar, Vaishali có thể đến bằng đường bộ và đường xe lửa. Khoảng cách giữa Vaishali và Harjipur là 265 cây số đường tàu hoả. Đoạn đường Varanasi – Vaishali là 300 km đi qua Chapra và Harjipur, 285 km qua Patna. Ở đây không có phương tiện di chuyển, du khách nên thuê xe riêng để đi tham quan. Rời khỏi khu chợ búa đông đúc người của một thị trấn nhỏ, con đường rải đá dẫn đến ngôi làng Basarh, nơi nhà khảo cổ người Anh, Alexander Cunningham xác định là thành Tỳ Xá Ly (Vaishali).

Những di tích cổ của Vaishali trải dài trong 6 ngôi làng. Khu di tích lớn nhất nằm ở làng Basarh, gọi là Raja Vishala ka Garh, ngôi tháp do bộ tộc Licchavi xây dựng để thờ xá lợi của Phật. những khu di tích khác được tìm thấy là hồ Kharauna gần khu dân cư của làng Chakramadas; một mô đất ở Lalpura, gần trụ đá vua A Dục tại Kolhua là hai mô đất có tên là Bhimasen Ka Palla; những di tích gần Chaturmukha mahadeva và hai nơi khác ở phía Tây ngôi làng Baniya; ba di tích gồm cả mô đất Marpasauna và Char ở làng Virpur. Nhưng trong khu vực này, hầu hết di tích nhân tạo được tìm thấy thuộc vào giai đoạn Đồ Sứ Đen (600-200 TTL). Một số mẫu hiện vật và đồ gốm tại đây thuộc thời kỳ 1110-800 TTL. Lịch sử của thành phố bắt đầu thời Ramayana khi vua huyền thoại Vishala thành lập kinh đô ở đây. Theo thần thoại Ấn Độ, những triều đại xa xưa của Vaishali bắt đầu từ thời Manu, người đầu tiên; một trong những người thừa kế ông là Sumati cai trị xứ Vaishali và khi Rama thăm nơi này trên đường đi Mithila để cưới vợ. Sau này triều đại này thay thế thành một nước cộng hoà, và bắt đầu chống đối với xứ Ma Kiệt Đà suốt thế kỷ thứ 6 TTL. Trong suốt thế kỷ thứ 6 TTL, Vaishali là thành phố phát triển và hưng thịnh của bộ tộc Licchavis. Được coi là một trong những thành phố đầu tiên trên thế giới chấp nhận thể chế cộng hoà. Chế độ này được huỷ bỏ vào thời vua A Xà Thế, đầu thế kỷ thứ 5 TTL, nhưng nó vẫn duy trì và được thể hiện trong tăng đoàn.

Theo truyền thống Phật giáo, năm năm sau ngày Phật thành đạo ở BDDT, đức Phật đã đến Tỳ Xá Ly, thủ đô của một nước cộng hoà đầu tiên trên thế giới. Nằm ở bờ phía sông Hằng, Vaishali bao bọc bởi những ngọn núi của Nepal ở phía Bắc và sông Gandak ở phía Tây. Bộ tộc Licchavis đã đến đón đức Phật bằng những đoàn xe ngựa, voi trang trí lộng lẫy. Khi đức Phật đến Vaishali, trời sấm chớp và một cơn mưa lớn làm trong sạch thành phố đang bị bệnh hạch lan truyền. Đức Phật giảng kinh Ratna và 84 ngàn người quy y.

Phụ nữ lần đầu tiên được xuất gia ở Vaishali. Di mẫu của Phật, bà Ma-ha-ba-xa- ba-đề cùng với 500 phụ nữ bộ tộc Shakya đi bộ từ Ca Tỳ la Vệ đến Vaishali, để xin được xuất gia. Đức Phật đã từ chối ba lần. Cuối cùng họ tự

xuống tóc, đắp y đến xin đức Phật. đức Phật cuối cùng phải chấp nhận cho họ xuất gia

Cũng tại Vaishali, Ambapali, một cô gái điếm hạng sang đã cúng dường Phật và chừa tăng khu vườn xoài. Ngôi làng bên cạnh Amvara được xem là vị trí của vườn xoài của Ambapali.

Khi Ambapali mới 16 tuổi, nàng đã quan hệ ngoại tình với thái tử Tần Bà Sa La, nhưng mối tình tan vỡ và nàng có con với vua là Jivaka. Nhưng mọi người trong cung đều từ chối nàng và đưa con trai. Một số người trong cung đồn là Jivaka là một đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi ở bên đường và thái tử đã cứu đứa bé ấy. Ambapali rất đau khổ về những lời buộc tội ấy. Nàng chịu đựng sự tủi nhục này và rất căm hận những người trong cung. Sau khi thấy rằng tất cả đều chẳng có gì giá trị, nàng quyết định rời bỏ cung điện và hứa rằng sẽ quan hệ với tất cả đàn ông. Nàng đã đến đức Phật xin quy y.

Đức Phật nói với Ambapali một cách nhẹ nhàng: *“Sắc đẹp rồi cũng sẽ tàn tạ theo thời gian. Danh lợi và bất hạnh không khác gì nhau. Chỉ có sự an tịnh, giải thoát tất cả là con đường thực hành thiền định mang lại hạnh phúc chân thật. Ambapali! Hãy yêu thương trân trọng những phút giây hiện tại trong cuộc sống. Đừng cố tình quên lãng và chìm đắm trong những cảm giác vô ích. Đây là điều quan trọng nhất.”*

Đức Phật dạy Ambapali làm thế nào để sắp xếp cuộc sống trong một ngày-hành thiền theo dõi hơi thở, chánh niệm giữ gìn năm giới cấm. Nàng rất hoan hỷ nghe những lời dạy quý giá của đức Phật. Trước khi ra về, nàng nói: *“Chỉ phía ngoài thành Vaishali, con có một khu vườn xoài rất yên tĩnh và mát mẻ. Con mong rằng Thế Tôn cùng chư tăng hoan hỷ đến thăm. Đây là niềm vinh hạnh to lớn cho con và con trai con. Mong Thế Tôn vui lòng nhận lời thỉnh cầu của con”*

Đức Phật vui vẻ chấp nhận lời thỉnh cầu của Ambapali. Ambapali vô cùng sung sướng lên xe ngựa trở về. Những thái tử của bộ tộc Lichchhavis đến gặp đức Phật và biết là Ngài sắp sửa đến thăm nhà của Ambapali. Các công tử bộ tộc Lichchhavis muốn đổi sự vinh dự được thỉnh trước đức Phật và họ sẽ đưa cho Ambapali ngàn đồng tiền vàng. Ambapali từ chối dứt khoát lời đề nghị của họ. Sau lần viếng thăm của đức Phật, nàng đã hoàn toàn thanh tịnh. Nàng đã cúng dường vườn xoài cho chư tăng. Ambapali xuất gia và chứng được quả vị A la hán.

*“Giọng nói ta ngọt ngào,  
Như chim hót trong rừng,  
Nay tiếng ta đứt đoạn,  
Đúng như lời Phật nói”*

Ambapali-Trưởng lão ni kệ

Cuối cùng đức Phật đã trả lời câu hỏi của tôn giả Xá Lợi Phất, Ngài nói:

*“Này các tỳ kheo! Khi các ông thấy rõ và chứng ngộ con đường giải thoát, thì cái đẹp vẫn là cái đẹp, xấu vẫn là xấu, bởi vì các ông đã giải thoát khỏi những thứ này không còn bị chúng trói buộc. Khi một vị đã giải thoát nhìn thấy sắc, vị này thấy được đó là sự kết hợp của nhiều yếu tố không đẹp. Người thấy như thế hiểu được sự vô thường và vô ngã của tất cả các pháp, trong đó bao gồm cả đẹp và xấu. Do đó vị này sẽ không bị mê hoặc bởi sắc đẹp hay bị đau khổ vì xấu. Chỉ có vẻ đẹp mà không bị úa tàn và cũng không bị khổ đau đó là cái đẹp của lòng từ và tâm giải thoát. Lòng từ có thể thương yêu tất cả mọi loài mà không cần đòi hỏi sự báo đáp. Tâm giải thoát thì không còn bị ràng buộc mọi thứ. Lòng từ và tâm giải thoát là cái đẹp thật sự. Niềm hỷ lạc về cái đẹp đó là niềm an lạc thật sự. Này các tỳ kheo hãy tinh tấn hành trì các ông sẽ nhận ra được cái đẹp chân thật này.”* (Trung bộ kinh)

Dưới sự lãnh đạo của bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề, 50 phụ nữ đầu tiên xuất gia. Tôn giả Xá Lợi Phất bố trí cho họ ở tạm thời tại vườn xoài của Ambapali. Đức Phật cũng dạy tôn giả Xá lợi Phất hướng dẫn cho họ những phương pháp tu căn bản. 8 ngày sau đó, tỳ kheo ni Mahapajapati, đến thăm đức Phật, bà nói: *“Bạch Thế Tôn, hãy vì lòng từ chỉ dạy cho con phương pháp tu để mau đạt được giải thoát.”*

Đức Phật trả lời: *“Tỳ kheo ni Mahapajapati! điều quan trọng nhất là phải chế ngự tâm, hành trì thiền định, quán sát những cảm giác, tâm và những đối tượng. Hành trì như thế, Ni sư sẽ chứng ngộ dần dần, thoát khỏi những tham ái, an lạc. Khi tâm này phát khởi thì Ni sư đang thực hành đúng con đường, con đường giải thoát và giác ngộ.”*

Bấy giờ tăng đoàn đã đầy đủ bốn chúng: tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc và ưu bà di.

Năm 800 TTL, Tỳ Xá Ly cũng như Ma Kiệt Đà bị Kushanas xâm chiếm. Năm 200 TL, một chứng cứ của sự cai trị của bộ tộc Shakya là hai con dấu ấn của Mahadevi Prabhudama được Spooner tìm thấy vào năm 1913-14. Con dấu ấn không ghi tên của người chồng của hoàng hậu Prabhudama, nhưng có đề cập hoàng hậu là con gái của Mahakshatrapa Rudrasimha và là chị của Mahakshatrapa Rudrasena. Tuy nhiên bộ tộc Lichchhavis đã nhanh chóng thành lập một vương quốc hùng cường vào năm 250 TL, đó là thời gian của Chandragupta I góp phần vào sự phát khởi triều đại Gupta. Trong thời kỳ Gupta, Vaishali là trung tâm hành chánh cho nên có nhiều ấn dấu được tìm thấy trong những lần khai quật ở Raja Visha Ka Garh, đã cho ta thấy được tình hình kinh tế, xã hội và tôn giáo lúc bấy giờ. Thành phố bị huỷ diệt vào thế kỷ thứ 7 và vào giai đoạn Huyền Trang đến đây thì khu vực này đã hoàn toàn hoang phế. Một vài ngôi chùa và đền thờ Hindu xây dựng vào thời kỳ Pala ở phía ngoài thành, nhưng lịch sử của thành phố thì vẫn còn là điều bí ẩn.

Ngài Pháp Hiển và Huyền Trang đã đến đây và mang về nước một số kinh điển từ một trong những ngôi tháp này. Đức Phật cũng đã từng đến đây ít nhất là ba lần trong đời Ngài, và đức Phật cũng thuyết nhiều bài pháp ở đây. Một trong những lần viếng thăm Vaishali, đức Phật đã được những con khỉ cúng dường bát mật ong, sự kiện này được xem như là một trong tám sự kiện chính của đời Ngài. Đức Phật thuyết bài pháp cuối cùng ở đây và tuyên bố là Ngài sẽ nhập niết bàn. Lúc đó Ngài bị bệnh nặng và báo trước là sẽ nhập niết bàn trong ba tháng nữa. Đức Phật đã sai tôn giả A Nan triệu tập chư tăng khi Ngài bệnh nặng. Ngài dạy các vị tỳ kheo hãy truyền dạy chánh pháp để mang lại hạnh phúc cho tất cả chúng sanh.

Một thế kỷ sau khi Phật nhập niết bàn, đại hội kết tập kinh điển lần thứ hai tổ chức vào năm 383 TTL tại Vaishali để thảo luận 10 điều trong luật, những giới điều gây ra nhiều tranh cãi do sự phân chia và những kiến giải xung đột; sự việc này có ghi lại trong Cullavagga. Thượng toạ Yasha tuyên bố là những điều này không đúng với giới luật Phật chế. Cùng lúc đó 60 vị A la hán đến từ các vương quốc phía Tây và hội nghị tại đồi Ahoganga. 88 vị tỳ kheo từ Avanti và những vương quốc phía Nam cũng tham dự hội nghị. Những vị này nói rằng câu hỏi này rất khó và tế nhị. Cuối cùng thượng toạ Revata ở Sahajati tuyên bố rằng chúng không thích hợp. Cuộc tranh luận tiếp tục ở hội nghị gồm 700 vị tỳ kheo do thượng toạ Sabbakami chủ trì người cuối cùng đã đưa ra ý kiến kết thúc là 10 điều trên là trái với pháp luật. Kết quả chủ yếu của đại hội là đã phá đi nhiều phái đoàn để truyền đạo nhiều nước trên thế giới.

Khoảng 1.5 km về hướng Tây bắc của Raja Vishala ka Garh là một cái hồ cổ (hồ đăng quang) hoặc Kharauna Pokhar (58.8m cách mặt biển), hồ này thường được dùng khi lễ đăng quang của các vua Vajjian. Bằng kích thước của một hồ bơi ở thế vận hội, nước trong hồ người ta cho là nước thánh được dùng để xúc trên đầu của các vị vua của Vaishali trong ngày lễ đăng quang- hiện nay dân địa phương sử dụng để giặt đồ. Ở phía Nam của hồ là một ngôi tháp Vishva Shanti mới xây dựng. Viện bảo tàng của Vaishali nằm gần đó. Tháp phía sau Viện bảo tàng, tháp số 1 hay tháp xá lợi, được lợp mái bằng tôn hình nón, nằm trong một khu vườn nhỏ xinh xắn, và tháp này có thờ xá lợi của đức Phật. Ở đây bộ tộc Lichchhavis đã được vinh dự nhận một trong tám phần xá lợi của Phật sau lễ trà tỳ và tôn thờ tại đây. Cách tháp chừng 500 mét là một địa điểm cắm trại du ngoạn của bộ tộc Lichchhavis ở thế kỷ thứ 6 TTL.

Kutagarasata Vihara cách thành phố chừng 3 cây số. Tinh xá này người Lichchhavis xây dựng cho đức Phật. Và đây được biết đến như là tháp Phật số 2. Khu vực này còn lại di tích của một tinh xá lớn với một sân và một hành lang. Một hồ nước lớn và một tháp có thể thấy ở phía Nam. Đó là tinh xá Kutagarshala nơi đức Phật nhận bát mật ong do một con khỉ cúng dường. Đức Phật nhận vật cúng dường nhỏ này của con khỉ, và con khỉ vì quá hoan hỷ,

chuyển từ cảnh này sang cảnh khác, không may bị rơi xuống và bị một cành cây đâm chết. Con khi sau khi chết được sanh vào cõi trời.

### **Raja Vishala ka Garh**

Đi trở lại thành phố, không xa lắm của con đường chính, chúng ta có thể nhìn thấy một khu di tích được bao bọc bởi một bức tường dài chừng 1 cây số, cao 2 mét, đó là đại sảnh của Vajjian. Vaishali có tên xuất phát từ thành này của ông vua huyền thoại Vishala. Những đường hào rộng 43 mét chung quanh toà nhà quốc hội cũ, có thể tổ chức hội nghị với 7707 đại biểu. Ngài Huyền Trang đến thăm Vaishali vào tháng 1-2-637, mô tả khu này như sau:

*“Những bức tường thành (Raja Vishala ka Garh) khoảng chừng 4-5 dặm. Có rất ít người sống ở đây... phía Tây bắc của hoàng thành, 5-6 dặm là một sangaram với một ít tín đồ. Họ học giáo lý tiểu thừa, theo phái Sammatiya.... Bên cạnh là một ngôi tháp. Tại đây đức Phật đã thuyết kinh Duy Ma Cật và con trai của một gia trưởng và một số người khác cúng dường một cái lọng cho đức Phật... ở phía Đông cũng có một tháp. Ở đây tôn giả Xá Lợi Phất và một số vị chứng A la hán. Ở phía Đông nam và điểm cuối là một ngôi tháp; tháp này do một ông vua Vaishali xây dựng. Sau khi đức Phật niết bàn, vị vua trước của vương quốc này nhận được một phần xá lợi của Phật và đã xây ngôi tháp để tôn thờ.”*

Những bức tường thành ở Raja Vashala ka Garh thuộc giai đoạn thế kỷ thứ 1 TTL và 100 TL. Những đồng tiền Kusana, mác, cung tên, và những vật dụng bằng kim loại được tìm thấy ở đây. Thời kỳ Kusana có những toà nhà làm bằng gạch rất lớn, cùng với những bình tưới và những chén làm bằng đồ gốm. Kiến trúc vào thời kỳ Gupta mặc dù làm bằng loại gạch thẻ nhưng có nhiều phòng với nhiều kích thước. Một khám phá đáng chú ý nhất ở đây là số mẫu của thời kỳ đồ gốm bạc. Một chiếc bình nhỏ bằng vàng cũng được tìm thấy, cũng phát hiện gần đó một chiếc bình khác trong đó có nhiều lá bùa bằng bạc và 121 chuỗi hạt bằng loại đá quý. Tất cả những thứ này đều thuộc thời kỳ Kusana.

### **Trụ đá vua A Dục**

Địa điểm này có thể đến bằng auto-richshaw hay xe đạp. Ở làng Kolhua, cách Raja Vishala ka Garh chừng 4 cây số về hướng Tây bắc, nằm trong một khu đa hợp có hàng rào là một trụ đá nguyên khối, dân địa phương gọi là Bhimasen's lath. Trụ đá là một khối đá sa thạch đỏ, được tạc hình chuông trên đỉnh, cao 18.3 mét, trên đỉnh có hình tượng con sư tử đặt trên một bệ hình vuông. Vua A Dục cho dựng trụ đá để kỷ niệm nơi đức Phật thuyết bài pháp cuối cùng, trước khi Ngài nhập niết bàn. Dãy 5 trụ đá trong khu vực này người ta nói rằng vua A Dục đã đánh dấu năm giai đoạn của những cuộc chiêm bái từ Pataliputra đến Lumpini mà vua đã thực hiện vào năm thứ 20 triều đại của ngài. Con sư tử trên đỉnh trụ xoay mặt về hướng Bắc hướng về Kusinagar, nơi

đức Phật nhập diệt. Gần phía Nam là một cái hồ nước nhỏ Ramakunda, ‘hồ nước của con khỉ’, được kể rằng hồ được đào bởi một đàn khỉ đã cúng bát mật ong cho đức Phật.

Về hướng Tây bắc có một mô đất, hiện tại cao 5 mét với đường kính là 20 mét ở đế, tháp này được ngài Huyền Trang xác định là tháp A Dục. Điều này cũng đã được khẳng định qua những cuộc khai quật tiến hành giữa năm 1976 và 1978. Tháp lần đầu tiên xây dựng trong triều đại Mauryan và được xây trở lại và làm lớn hơn sau này hai lần. Một phòng bằng gạch ở trong tháp chứa xá lợi gồm một hộp bằng đá bóng và nhiều miếng vàng và nhiều đá ngọc. Trên đỉnh của tháp có một ngôi điện thờ một tượng Phật thời trung cổ. Hai tháp kế bên người ta nói cũng có thờ xá lợi của Phật, tháp thứ hai được khai quật vào năm 1958. Một trong những di tích của một tinh xá mà đức Phật đã sống còn lại ngày nay.

### **Trụ đá sư tử khác**

Quay trở lại con đường chính, đi tiếp chừng độ 1 cây số, chúng ta sẽ thấy một tháp lớn có một trụ đá bên cạnh. Trụ đá này thường được cho là trụ đá do vua A Dục dựng, nhưng trụ đá này rất khác xa những trụ đá vua đã dựng, cho nên giả thiết này vẫn còn nhiều nghi ngờ. Cột trụ đá dày và ngắn, trái lại với những trụ đá thon thả của vua A Dục, và cũng ít trang trí như các trụ đá A Dục. Con sư tử trên đỉnh, rất ấn tượng, nhưng tỉ lệ lại không cân xứng như những con sư tử ở Lauriya Nandangarh, Rampurva hay Sarnath. Con sư tử ngồi trên một bệ vuông phẳng, trong khi những bệ của trụ đá vua A Dục hình tròn, thường được trang trí hình xoắn. Trụ đá này không có bia ký, nhưng có rất nhiều granito. Những xét nghiệm gần đây cho biết rằng toàn bộ chiều cao của trụ đá là 14.6 mét, mặc dù trụ đã bị chôn dưới đất nhiều mét. Có thể là trụ đá này có trước thời kỳ vua A Dục không lâu và đây là mẫu cho những trụ đá của vua A Dục sau này.

### **Tháp Lichchhavi**

Sau khi Phật nhập niết bàn tất cả là 13 ngôi tháp được xây dựng để thờ xá lợi của Ngài. Trong số này chỉ còn 6 tháp còn lại di tích ngày hôm nay. Hình ảnh của đức Phật đã gắn liền với thiên nhiên, bởi vì những thành tựu rực rỡ trong thời gian này thì chỉ nhìn vào sự phát triển rực rỡ của Vaishali. Trong lần viếng thăm cuối Vaishali, để cảm niệm tấm lòng của những người dân ở đây đức Phật đã tặng họ bình bát của Ngài và bình bát này được cất giữ trong thời gian rất lâu.

Cách Viện bảo tàng không xa về hướng Đông bắc là những dấu vết của một ngôi tháp nhỏ rất quan trọng. Bộ tộc Lichchhavis là một trong tám nước được phân chia xá lợi đức Phật. Ngôi tháp mà họ xây để thờ xá lợi Phật đã được vua A Dục cho mở, vua đã chia xá lợi ra làm nhiều phần để xây tháp thờ



trong vương quốc của ngài. Huyền Trang đã xác định câu chuyện này và thêm một số chi tiết:

Sau khi Phật nhập niết bàn, một vị vua của vương quốc này đã nhận xá lợi của đức Phật đã xây dựng tháp để tôn thờ. Đại đế A Dục đã cho mở tháp này lấy đi 9 phần mười xá lợi. Sau này có một ông vua của vương quốc này cũng muốn mở tháp một lần nữa, nhưng khi bắt đầu mở thì đất rung động, cho nên ông không dám tiếp tục.”

Những phát hiện và khai quật ngôi tháp này vào năm 1958 đã cung cấp những chứng minh cho những câu chuyện trên. Ngôi tháp gốc tìm thấy làm bằng đất nện, chứng minh tháp có từ những ngày đầu tiên, một hộp bằng đá trơn bóng có đựng những mẫu xương cháy, một đồng tiền bằng đồng, một vỏ ốc xà cừ, hai chuỗi hạt bằng thủy tinh, và một cái đĩa bằng vàng. Sau khoảng 250 năm ngôi tháp được làm lớn bằng gạch, và sau này cũng được xây dựng lại hai lần. Tháp số 1 và 2 có những dấu hiệu là đã được mở. Tất cả những điểm nêu trên là từ ngôi tháp gốc do bộ tộc Lichchhavi xây dựng và xá lợi bên trong là của đức Phật. Mặc dù những phát hiện xá lợi của đức Phật tại đây cũng như ở Piprahwa đã làm cho những phật tử trên thế giới vui mừng nhưng hiện nay những xá lợi quý báu kia lại được để bám bụi trong nhà kho ở Viện bảo tàng Patna.

### **Viện bảo tàng khảo cổ**

Trên bờ sông Kharauana Pokhar nằm ở phía Bắc là Viện bảo tàng, có một số ít hiện vật khảo cổ được tìm thấy ở trong khu vực từ thế kỷ thứ 3 TTL đến thế kỷ thứ 6 TL. Ngay bên trong cổng vào là tượng Phật, tạc trên đá xanh đen, trong tư thế tam chạ đất với một vương miện cao trên trán. Tượng được tìm thấy ở một cánh đồng và sau này được thờ trong một điện thờ nhỏ trên nóc tháp gôn trụ đá sư tử. Những dòng chữ viết trên tượng cho biết rằng tượng do Uchaba một nhà văn con trai của Manikya cúng dường. Một vật rất lý thú là một trụ thẳng của một hàng rào có minh họa cảnh mua bán khu vườn của thái tử Kỳ Đà. Nhiều cái đầu khỉ làm bằng gốm theo nhiều kiểu khác nhau là những hiện vật rất thú vị. Viện bảo tàng mở cửa hàng ngày từ 9 giờ đến 5 giờ chiều, đóng cửa những ngày thứ sáu.

Những nhu cầu cần thiết

Những nơi nghỉ lại vừa phải có đủ ở Tourist Bungalow, Tourist Yoth Hostel of Bihar, và Jain Dharmashala. Ở đây không có khách sạn.

## 11. PATNA, KHU DI TÍCH PHẬT GIÁO CỔ

Mã số bưu điện: 800000. Mã số điện thoại 0612.

Nằm ở ngã ba của ba con sông Son, sông Punpun, và sông Ganga, Patna, dân số 2 triệu, là thủ đô của Bihar, nằm cách Varanasi 250 km về hướng Đông, Kolkata 350 km về hướng Tây, và 56 km phái nam của vashali. Lịch sử của Pana có từ 2600 trước. Kinh Đại Bát Niết bàn nói rằng đức Phật cùng chư tăng trong khi từ Nalanda đi đến Varanasi, đã đi ngang qua cổng thành Pataligama (Patna) và đã gặp hai quan chức từ Ma Kiệt Đà là Sunidha và Vassakara. Họ được vua A Xà Thế bổ nhiệm làm quan tổng trấn ở đây. Họ thưa với đức Phật: “Chúng con dự định sẽ đổi tên thành phố này là ‘Gautamadrava’. Cho phép chúng con đi cùng với Thế Tôn đến chỗ bến phà. Chúng con sẽ đặt tên bến phà là ‘bến phà Gautama’.” Hiện nay chỗ này được xác định là một đền thờ Gautama nằm dọc theo sông Hằng. Nhiều câu chuyện kể rằng trong chuyến đi cuối cùng, đức Phật đã nghỉ lại một đêm ở đây và đã dự báo sau khi đức Phật đi thì thành phố sẽ có thảm họa, hoả hoạn, lụt lội và chiến tranh. Những dự đoán đã thành sự thực sau này. Trong Luật tạng miêu tả những huyền thoại liên quan đến thành phố. Huyền Trang cũng đã miêu tả thành phố này như là Pataliputta và Kusumpur.

A Xà Thế, vị hoàng đế thứ hai cai trị vùng Vương xá đã xây một thành nhỏ ở Pataligrama. Sau này Chandragupta Murya thành lập thủ đô của vương quốc Maurya ở Pataliputra. Lịch sử Phật giáo chứng minh rằng chính ở đây vua A Dục đã chiếm đoạt ngai vàng vua cha, Bindusara, giết chết tất cả những người đối địch và bắt đầu một triều đại tàn bạo, chỉ trước 8 năm sau khi vua có nhiều đóng góp lớn lao cho Phật giáo.

Sứ thần Hy Lạp Megasthenes rất ấn tượng đối với triều đại Hadragupta và sự hưng thịnh của thành phố. Những di tích có thể thấy hiện nay ở Kumrahar, Bhiknapahari và Bulandhi Bagh với đoạn đường dài 75 mét bằng gỗ.

Hiện nay thành phố Patna chạy dài dọc theo con sông Hằng khoảng 15 cây số. Chia làm hai bởi những cư dân đầu tiên, một công viên rộng, có nhiều vùng phụ cận, trung tâm thành phố thì đông đúc, bụi bặm và hầu như không có quan tâm gì về kiến trúc.

### Những nơi quan trọng

Những toà nhà ở Patna phản ảnh chức năng giáo dục và hành chánh của thành phố. Thuế vụ, toà án, trường y khoa, bệnh viện, cao đẳng Patna, đại học, cao đẳng Luật, cao đẳng kỹ thuật tất cả đều nằm gần bờ sông và nằm ở phía Tây thành phố. Toà thị trưởng cũng nằm ở phía này, cung điện Maharaja, Toà án cao cấp, Viện bảo tàng cũng chẳng tốt hơn gì ở khu dân cư. Ở phía Đông là thành phố Patna củ với nhiều khu chợ búa, nhà thờ Hồi giáo, và nhà thờ thiên chúa giáo St. Mary xưa nhất ở Patna xây dựng năm 1775.

Golhar: Gola hay nhà tạm gian là một công trình kiến trúc hình tổ ong cao 29 mét giữa khu vực dân cư và sông Hằng. Toà nhà do đại úy công binh Bengal John Garstin xây bằng đá , toà nhà được sử dụng như một nhà kho chứa lúa mì cho quân đội Anh trong khi bị thiếu hụt như năm 1770. Toà nhà có tầng hầm rộng 125 mét với những bức tường dày 3.6 mét và hai cầu thang cấp đi theo hình xoắn ốc ra bên ngoài. Khi chưa hoàn thành toà nhà đã chứa đến 137.000 tấn lúa mì. Mặc dầu hiện nay toà nhà để trống nhưng là một điểm thú vị để nhìn toàn cảnh của thành phố và sông Hằng.

### **Viện bảo tàng Patna**

Viện bảo tàng Patna trưng bày nhiều bộ sưu tầm về điêu khắc Phật giáo, mặc dầu hình thức bên ngoài của Viện bảo tàng rất lụp xụp và thiếu ánh sáng, nhưng là nơi nên tham quan. Một vật nổi tiếng ở Viện bảo tàng là một bức tượng người phu khuân vác vào thời kỳ Maurya. Bức tượng này có lẽ là một trong hai bức tượng đặt ở cổng hoàng thành. Pho tượng kích thước như người thật, được chạm trổ rất thực và tinh vi. Những vòng mang ở chân và tay lớn và chắc nịch, không giống như những vòng mà phụ nữ Ấn thường mang. Tay phải cầm một *cauri*, cái chổi đuổi ruồi. Ngày xưa, nếu được theo hai người hầu cầm quạt đuổi ruồi là biểu tượng của người có quyền lực và có địa vị trong xã hội.

Một pho tượng Quan Âm và Di Lặc được đặt ở hai bên tượng Phật rất đẹp. Cả hai pho tượng được tạc trên đá granito màu xám, ngồi xếp một chân, thuộc thế kỷ 11. Gương mặt của hai bức tượng thể hiện được lý tưởng của hai vị Bồ tát. Cả hai pho tượng tay phải đều bắt ấn vô úy, trên tay, trên cổ và vai có đeo đồ trang sức và những búi tóc xoả xuống vai. Tượng Di Lặc, khác là nhờ phân biệt do có hình tháp ở giữa trán tay cầm hoa Nagakeshara trong khi tượng Quan Âm thì có hình Phật ở trán và tay cầm một hoa sen lớn. Cả hai tượng cùng có tượng Phật được tìm thấy ở Vishnupur ở Sobhnath.

Phòng triển lãm ở tầng hai của Viện bảo tàng có trưng bày bộ sưu tầm thangkas mà một tu sĩ nổi tiếng người Ấn Rahula Sankrityayana đã tìm được trong những lần sang Tíbet vào những thập niên 1930. Cũng ở tầng hai có trưng bày nhiều hiện vật bằng đồng tìm thấy ở Kurkihar năm 1930.

Một hiện vật ở đây cũng thu hút khá nhiều phật tử là những đồ gốm cũng ở tầng hai. Đó là một tấm bằng sứ tròn gọi là Kumrahar Plaque có hình giống như là Đại tháp ở BĐĐT. Tấm sứ này tạo cho những khách tham quan có nhiều ý kiến là hình ảnh này có lẽ là Đại tháp khi mới xây dựng lần đầu tiên. Có một vài thứ rất dễ dàng nhận ra trên tấm sứ này ở các ngôi tháp ngày nay là con đường đi vào thì nghiêng theo hình xoắn ốc, hàng rào chung quanh v.v.... Nhưng tấm sứ cũng cho thấy là ngôi tháp đã được sửa sang lại nhiều lần. Những phòng hình vòm cung ngày nay hoàn toàn khác, và bốn góc hình chóp nón được thêm vào. Tấm sứ này được tìm thấy ở Kumrahar. Viện

bảo tàng còn có trưng bày nhiều tác phẩm điêu khắc ở Nalanda, Gandhara, Orissa và Negapatam ở Nam Ấn.

Viện bảo tàng Patna nằm trên đường Buddha Marg ở khu trung tâm thành phố, mở cửa từ 10.30 sáng đến 16.30 chiều., đóng cửa vào những ngày thứ hai và ngày lễ.

### **Khách sạn**

Có nhiều khách sạn hạng sang: Maurya Patna (80 phòng), Fraser Rd, South Gandhi Maidan Tel: 2203040, Fax: 2203060, email: [mauruya@dte.vsnl.net.in](mailto:mauruya@dte.vsnl.net.in), hiện đại, sạch sẽ, có hai nhà hàng và hồ bơi là khách sạn hàng đầu ở Patna giá 3000/6000 Rs; Pataliputra Ashok, Bir Chand Patel Path: 2226270 (56 phòng); và Channakya (90 phòng) Ber Chand Patel Path (Tel: 2220590, Fax:2220598, Web: [www.chanakyapatna.com](http://www.chanakyapatna.com)), nhà hàng, sạch sẽ và hiện đại, giá 1500/3000Rs.

Khách sạn hạng trung: Satkar Internaional, Fraser Rd: 2220586 (50 phòng) có máy lạnh trung tâm, chủ yếu cho những khách thương gia; Republic (35 phòng), lauriya Bagh, Exhibition Road(Tel:2685021,Fax: 2685024, email:lovelysen@sancharnet.net.in) phòng ăn có máy lạnh, đối ngoại tệ, sân thượng có vườn, giá 600/1200 Rs; marwari Awas Griha, Fraser Rd: 231866 (42 phòng) có phòng máy lạnh, đặc biệt có người địa phương, nhà ăn nhỏ nhưng có những món ăn chay đặc biệt; Avantee đối diện Dak Bungalow, Fraser Rd: 2220504 (40 phòng) có phòng máy lạnh; Prsident: 2220600 (36 phòng) có phòng máy lạnh; Rajasthan, Fraser Rd: 225102 (20 phòng); Mayur Fraser Rd: 2224149, phòng sạch sẽ có nhà hàng; Chaitanya, Exhibition Rd:255123 (48 phòng)..

Văn phòng du lịch, có những phòng cho thuê nửa ngày, tư vấn, thức ăn tốt, giá cả rất thấp.

\*Chiếc cầu Mahatma Gandhi dài 7.5 km, một trong những cầu dài nhất thế giới, bắc qua sông Hằng nằm ở phía Đông Patna. Những bản đồ hiện nay không nêu con đường nối liền này, khánh thành năm 1983. Bihar được ra bởi dòng sông Hằng, nhưng cây cầu mới này đã nối liền tuyến đường sang Nepal và đi tắt về hướng Bắc của sông rất tiện cho xe cộ đi lại.

Vaishali nằm ở phía Bắc Patna 56 km khoảng một giờ đi xe buýt.

## 12. KESARIYA (KESSAPUTTA), NƠI ĐỨC PHẬT TẶNG BÌNH BÁT CỦA NGÀI

Ở Kessaputta, gần Vaishali, thế Tôn dạy tôn giả A nan:

*“Thức ăn chỉ để nuôi dưỡng cơ thể, nước uống để cho khỏi khát. Thọ dụng những thứ này giống như con bướm hút nhụy hoa nhưng không làm tổn thương hương sắc của hoa.*

*Do vì không hiểu chánh pháp và chấp thủ. Nay An Nan! Cả ta và ông đã đi lạc đường, lang thang mãi trong vòng sanh tử luân hồi, cho đến khi Ta chứng ngộ.*

*Hành trì thiên định mà Ta đã dạy ông. Tiếp tục tinh tấn loại trừ những lỗi lầm. Bước những bước đi chắc chắn trên con đường của các bậc Thánh. Hãy giữ gìn phạm hạnh. Hãy chế ngự các căn. Khi trí tuệ trong ông bừng sáng, ông sẽ thấy và chứng ngộ con đường dẫn đến niết bàn.*

*Hãy lắng nghe, này A nan, Thế Tôn đã giác ngộ từ lâu, nay Ta khuyên ông hãy nhớ rằng: ‘Hết thấy các pháp đều vô thường, biến hoại. Hãy nỗ lực tinh tấn để giải thoát.’”*

### Kinh Đại Bát Niết Bàn

Quay trở lại Vaishali, chúng ta sẽ đến Daudnagar, từ đó đi chừng 50 cây số về hướng Bắc chạy dọc theo bờ sông Gandak, chúng ta sẽ đến Sahibganj. Chừng 1 cây số trước khi đến đây, có một ngôi làng Salempur, có một con đường đi về hướng Tây, đi thêm 5 cây số nữa chúng ta sẽ đến làng Manohar Chapra. Cách làng này 500 mét về hướng Đông bắc là Deura, là vị trí của một ngôi tháp, nền móng và những mô đất. Deura là một thôn nhỏ nằm ở phía Nam của Kessariya. Nếu bạn đi từ Kusinagar đến Vaishali và patna, theo quốc lộ 28, thì sẽ đi ngang qua Gopalganj, trị trấn hành chánh gần sông Gandak; sau đó qua sông. Khoảng chừng 10 cây số có một khu buôn bán Berwa từ đây sẽ có con đường đi Kesariya chừng 15 cây số về hướng Đông nam. Chúng ta sẽ đi qua làng Rampur Khajuriya, trước khi đến Kesariya.

Sau khi thuyết bài pháp cuối cùng ở Vaishali, đức Phật khởi hành đi Kusinagar, nhưng người Lichchhavis vẫn tiếp tục đi theo Ngài. Đức Phật triệu tập các vị tỳ kheo tại Mahavana Kutagarasala và nhắc rằng toàn bộ lời dạy của Ngài bao gồm trong 37 phẩm trợ đạo, chia làm bảy nhóm. Theo những tài liệu sử, sau những lời dạy cuối cùng, đức Phật rời Vaishali đi qua những ngôi làng Bhandagama, Hatthigama và Jambugama, và nghỉ tại Kesariya. Mọi người cứ tiếp tục đòi đi theo Ngài đến Kusinagar, đức Phật đã trao bình bát của Ngài cho dân chúng ở Kesariya, và yêu cầu mọi người quay trở lại. Để tưởng niệm nơi này vua A Dục đã cho xây một ngôi tháp nhỏ tại Kessaputta. Trải qua nhiều triều đại Maurya, Sunga, và Kusana ngôi tháp đã được xây

dựng và làm lớn hơn nhiều lần. Vào thế kỷ thứ 6 TL, triều đại Gupta, tháp được làm lớn hơn và trang trí với hàng trăm bức phù điêu. Nhiều tháp tương tự được xây ở Kashmir, Bhutan, Típet và Burma.

Tuy ít ỏi nhưng những sử liệu và khảo cổ đều có nói đến sự kiện này. Sau khi thăm Ambapali, đức Phật tiếp tục cuộc hành trình đến Kusinagar. Ngài đi dọc theo bờ sông phía Đông của dòng sông Gandak. Một số tín đồ Lichchhavi đi theo Ngài. Tại địa điểm gọi là Kessaputta, đức Phật đã nghỉ qua đêm ở đây. Chính tại đây đức Phật đã công bố cho chư tăng là Ngài sẽ nhập niết bàn, và yêu cầu họ trở lại Vaishali. Người Lichchhavi rất đau buồn, khăng khăng đòi đi theo đức Phật. Đức Phật bèn dùng thần thông tạo ra một dòng suối rộng 914 mét chảy rất mạnh ngăn giữa Ngài và họ, cho nên những người này buộc phải quay trở lại. Và để kỷ niệm và an ủi họ đức Phật đã cho họ bình bát của Ngài. Địa điểm này được xác định là Deora ngày nay, là làng Kesariya. Người Lichchhavi miễn cưỡng quay về nhưng rất đau buồn, sau này xây một ngôi tháp ở đó để tưởng nhớ sự kiện này. Đức Phật giải thích cho An Nan là vì sao chọn nơi đó công bố với đệ tử là Ngài sắp sửa nhập niết bàn, bởi vì trong một đời quá khứ đức Phật đã cai trị vùng này tên là Kessaputta. Theo ngài Huyền Trang thì chính tại đây đức Phật đã tuyên bố rằng trong đời quá khứ Ngài là một vị Bồ tát cai trị xứ này tên là Chakravarti Raja Ben. Truyện cổ tích Padma Ấn Độ nói rằng Raja Ben là một ông vua phật tử. Nhưng theo truyền thuyết dân gian thì Raja Ben nổi tiếng là một vị hoàng đế rất nhân từ, và là một trong đại đế của vùng Bắc Ấn. Huyền Trang nói rằng có một Chakravarti Raja của thế kỷ thứ 7 TTL, có lẽ là Raja Ben. Deora rất phồn thịnh trong suốt thời gian này.

Theo truyền thuyết, Raja Ben không hề thu thuế đất. Nhưng có một truyền thuyết khác là ông chỉ lấy một thúng vỏ bắp của người nông dân. Nhưng sau này ông ra lệnh mọi người nộp cho ông một ít lúa mạch. Thần thông của ông bỗng dưng biến mất. Vợ của vua là hoàng hậu Rani Kamlavati. Bà thường tắm trên lá sen. Khi bà đang tắm thì lá sen gãy khiến bà chết chìm. Vua Raja Ben đã triệu hồi tất cả các tu sĩ, những người này nói với ông là sở dĩ hoàng hậu bị chìm là do ông nâng thuế đất. Sau đó Raja Ben cho xây Deuro (tháp), rồi cùng gia đình đi vào trong tháp, ông dùng thần thông đóng cửa, và từ đó không ai còn nhìn thấy ông.

Địa điểm trên được gọi là ‘Thành của Raja Ben’, đã bị hư hại nặng do trận động đất năm 1938. Viện khảo cổ học Bihar đang giữ những xá lợi, nhưng khu di tích này thì không được phát triển như là một điểm hành hương quan trọng. Khoảng 750 mét về hướng Đông bắc của Deuro là cung điện của hoàng hậu, ngày nay người ta gọi là Ranivas (nơi ở của hoàng hậu). Hồ mà hoàng hậu tắm rất nổi tiếng có tên là Gangeyatal, hồ rộng 278.7 mét vuông như đã được miêu tả trong nhiều tài liệu lịch sử. Chương trình khai quật tại Ranivas tiến

hành năm 186, đã xác định sự hiện diện của một tinh xá lớn nhất tại khu vực này. Một tượng Phật rất lớn được tìm thấy ở đây là minh chứng. Một trụ đá có tượng sư tử ở đầu cột được tìm thấy ở tại đây do đại úy Markham Kittoe.

Một trong những bài pháp nổi tiếng của đức Phật là Kalamasutta, Ngài khuyên đệ tử chỉ tin vào những lời dạy của Ngài sau khi suy xét cân nhắc một cách kỹ lưỡng. Sau này người ta xây một ngôi tháp tại địa điểm này. Những khám phá gần đây trong những lần khai quật những con kinh, phát hiện nhiều đồng tiền vàng có chạm hình nổi cùng với những ấn của vua Kanishka của triều đại Kusana đã xác minh vị trí lịch sử của Kesariya

Ngôi tháp chính được phát hiện lần đầu tiên do Alexander Cunningham vào năm 1862, tháp cao 15.5 mét, chu vi 427 mét và ước tính độ cao trên mái vòm khoảng độ 21.4 mét. Cunningham ghi rằng: “những cuộc khai quật đã phát hiện một ngôi chùa nhỏ chừng 3 mét vuông, tượng Phật rất lớn chỉ còn lại phần đầu và vai, với tóc quấn bình thường”. Theo ông thì nơi này đã có từ năm 200 đến 700 TL là một thủ phủ của một vương quốc. Ngôi tháp có năm tầng và mỗi tầng mỗi hình dáng khác nhau, do đó từ đỉnh tháp trông giống như một hình Mandala khổng lồ. Ở mỗi tầng có nhiều hốc đặt những tượng Phật kích thước như người thật.

Năm 1911, theo một sử gia người Anh tên là L.O. O' Malley, những di tích ở Deura cao 19 mét với chu vi là 427 mét. Trong thời gian này, khu di tích là một vùng cây cối mọc um tùm. Cơ bản tháp cao chừng 24.5 m đến 27.5, và toàn bộ từ mô đất và để tháp thì tháp cao khoảng 45.7 m.

Ngôi tháp chính, có lẽ là một trong những tháp cao nhất thế giới, người ta cho rằng ngôi tháp ở Borobudur ở Java, Indonesia là bản sao của tháp này. Theo những người dân địa phương thì phần trên của tháp bị đổ do một trận động đất vào năm 1934 ở Bihar. Người ta ước tính lúc đó là 37.5 m. Trong thời kỳ thanh bình, khi mà Phật giáo phát triển mạnh ở Ấn Độ, tháp Kesariya cao đến 45.7 m, trong khi đó tháp Borobudur cao 42.1 m. Chiều cao của tháp Sanchi, một di sản văn hoá thế giới cao 23.6 m, chỉ bằng một nửa chiều cao của tháp Kesariya trước đây.

Đặc biệt là cả hai tháp Kesariya và Borobudur đều có sáu tầng, đường kính của tháp Kesariya bằng với tháp Borobudur. Nhưng nhiều chuyên gia cảm thấy đường kính của tháp Kesariya lớn hơn bởi vì một số phần của tháp vẫn còn nằm dưới lòng đất chưa được khai quật lên. Phải mất đến 3 năm người ta mới khai quật được toàn bộ tháp (1999-2001). Cũng cần một vài năm nữa mới hoàn toàn khai quật hết toàn bộ ngôi tháp. Viện nghiên cứu khảo cổ Ấn Độ đang bảo tồn khu di tích này và sau khi công trình khai quật hoàn tất họ sẽ quyết định phát triển khu vực chung quanh đây thành một khu di tích hành hương và du lịch.

Lưu ý: ở đây không có chỗ nghỉ qua đêm không có một khách sạn hay nhà nghỉ nào cả. Theo quốc lộ 28, chừng 20 km về hướng Bắc, sau khi qua sông Gandak là Gopalganj, một thị trấn nằm cách Kesariya 50 cây số về hướng Tây bắc, chúng ta có thể ở lại đây qua đêm trong một khách sạn rẻ tiền.

### **Một di tích Phật giáo lân cận: Lauriya Nandangarh**

Chùa hơn 92 cây số về hướng Bắc của Kesariya, nối liền bằng quốc lộ 28 là Lauriya Nandangarh. Điểm này cách Bettiah 26 cây số, nằm trên con đường chính đi Patna. Bettiah cách Patna 190 cây số đi ngang qua Motihari và Muzaffarpur. Cách Vaishali 142 cây số về hướng Bắc, gần biên giới Nepal.

Thị trấn nhỏ Lauriya Nandangarh không liên hệ với đức Phật, nhưng những di tích này cho thấy đây là một điểm đặc biệt đối với những phật tử thời xưa. Chung quanh khu vực này có 3 dãy với khoảng 20 mô đất cỏ mọc cao. Những mô đất này có lẽ là nền móng của những ngôi tháp cổ, công trình khai quật đã tìm thấy một số mảnh bình bằng đất xương người, và có một hình người làm bằng vàng dát mỏng. Ngôi tháp không có một nét gì tiêu biểu rằng đã xuất hiện vào thời kỳ đầu tiên. Có hai khu di tích khác cũng thu hút sự quan tâm của phật tử.

### **Trụ đá vua A Dục**

Người ta cho rằng vua A Dục đã cho dựng hết thảy là 40 trụ đá, nhưng chỉ một số ít là không bị hư hại. Một số bị sét đánh gãy, một số thì bị đổ, và bị đập bể nát, một số thì bị dời đi nơi khác, và một số như tháp Sanchi thì bị đập để lấy đá cho những mục đích khác. Chỉ trụ đá ở Lauriya Nandangarh là vẫn còn nguyên vẹn, chúng ta có thể hình dung được nét hùng vĩ uy nghi của những di tích này lúc mới được dựng.

Thân trụ có độ nghiêng, cao 12.8 m mặc dầu một vài mét nằm ở dưới đất qua nhiều thế kỷ. Hình sư tử ngồi ở đầu trụ mảnh khảnh hơn sư tử ở Sarnath, và có những đường trang trí hình xoắn ốc ở dưới. Phần trên trụ là một phần có hình cái trống có trang trí hình nhiều con ngỗng trời chung quanh. Trên phần này là tượng sư tử ngồi được trạm trổ rất mạnh mẽ và rất đẹp. Không may là phần mặt của sư tử đã bị mất có lẽ là do bị pháo kích của quân đội Mir Jumla vào năm 1660. Sáu sắc lệnh của vua A Dục được viết trên trụ đá ở Lauriya Nandangarh, những sắc dụ này nói những nỗ lực của vua thực hành giáo pháp trong cai trị của mình. Những sắc dụ như sau:

(1) Vua tuyên bố rằng: Đây là pháp dụ đã được ban hành năm thứ 26 của triều đại vua cai trị. Hạnh phúc trong cuộc đời này và đời sau sẽ khó đạt được nếu như không hiểu giáo pháp, phải tự mình hành trì, phải tôn quý, phải sợ hãi những tội lỗi, và phải biết cảm thông. Qua những chỉ thị của ta liên quan đến giáo pháp, lòng tin giáo pháp phải được tăng trưởng hàng ngày, và phải tiếp tục tăng trưởng. Những quan chức cao cấp, thấp hay những người có chức vị trung bình cũng đều phải thực hành giáo pháp, thì mới có khả năng hưởng



dẫn cho kẻ khác. Ở khu vực biên giới Mahamatras cũng đang hành trì giáo pháp. Và đây là những sắc lệnh của ta: bảo vệ chánh pháp, làm cho mọi người hạnh phúc trong chánh pháp, và phải bảo đảm với chánh pháp.

(2) Người con yêu của chư thiên, vua Piyadassi, tuyên bố: giáo pháp là tốt. Nhưng hành trì pháp gì? Ít tạo tội lỗi, làm điều thiện, có lòng từ, khoan dung, chân thật và trong sạch. Ta thực hành điều này bằng nhiều cách. Đối với loài người hay thú vật, chim chóc hay những loài thủy tộc, ta cung cấp mọi thứ gồm cả quyền sống. Và nhiều việc thiện khác ta đã làm. Đây là pháp dụ ta công bố đến mọi người phải thi hành và phải thực thi mãi mãi. Và ai thực hành pháp dụ này một cách nghiêm túc sẽ tạo được nhiều phước thiện.

(3) Vua Piyadassi tuyên bố rằng: mọi người chỉ thấy những việc làm tốt nên nói rằng “ta đã làm việc tốt này”, nhưng họ không thấy những hành động tội lỗi của mình. Điều này rất khó thấy. Mọi người nên suy nghĩ như thế này: “đây là những hành động đưa đến lỗi lầm, bạo lực, độc ác, sân hận, cao ngạo, và ganh tỵ. Đừng để những điều này làm hư hại ta”. Và mọi người nên suy nghĩ như thế này: “Việc làm này mang lại hạnh phúc cho đời này và đời sau”.

(4) Vua Payadasi tuyên bố rằng: Pháp dụ này được ban hành vào năm thứ 26 của triều đại ta. Những người trợ lý của ta đang làm việc trong dân chúng, trong số hàng trăm ngàn người. Phải biết lắng nghe những lời góp ý chỉ trích thì các quan lại mới có thể hoàn thành trách nhiệm một cách tự tin, không sợ hãi và để có thể mang lại sự an lạc, hạnh phúc và lợi ích cho thần dân trong nước. Nhưng những vị này phải luôn luôn ghi nhớ nguyên nhân gì đưa đến hạnh phúc hay đau khổ, tự chính bản thân phải thực hành giáo pháp và phải khuyến khích mọi người hành trì theo như vậy, thì mọi người có thể đạt được hạnh phúc ngay trong cuộc đời này và đời sau. Những Rajjukas này hoan hỷ phụng sự ta. Họ cũng tuân lệnh những quan chức khác những người biết được nguyện vọng của ta đã hướng dẫn cho những Rajjukas để họ có thể làm ta hài lòng. Cũng như một người cảm thấy tự tin giao con mình cho một người y tá giỏi, vị ấy nghĩ rằng: “Người y tá này sẽ chăm sóc con mình tốt”, cũng vậy những người trợ lý do ta chỉ định sẽ vì hạnh phúc và an lạc cho tất cả thần dân trong nước.

Khi nghe những kiến nghị các quan chức phải giải quyết ngay đối với những Rajjukas để họ có thể hoàn thành nhiệm vụ mà không phải sợ hãi lo lắng và tự tin. Đây là ý muốn của ta, ta sẽ không hề thay đổi về luật pháp và không thay đổi về xử phạt. Ta sẽ ban cho những tù nhân phạm tội chết có ba ngày tự do. Trong ba ngày này những tù nhân này có thể sống tự do với thân nhân. Nếu không có yêu cầu gì thì những tù nhân này được ân huệ tạo những công đức cho đời sau, hoặc là kiêng ăn. Thật sự mong muốn của ta là như vậy, thậm chí đến giờ phút chót của những tù nhân này, có thể chuẩn bị cho đời sau bằng cách thực hành giáo lý, kiềm chế bản thân và khoan dung.

(5) Vua Piyadassi tuyên bố rằng: sau khi ta lên ngôi 26 năm, tất cả thú vật đều được bảo vệ-chim kết, hồng hạc, vịt trời, dơi, kiến, rùa nước, cá, rùa khô, nhím, sóc, nai, trâu bò, lừa, bò câu hoang, bò câu nuôi và tất cả loài cầm thú đều không được giết để ăn thịt. Những con dê sữa, cừu, và heo cho sữa đang trong thời gian nuôi con cũng không được giết hại, cho đến khi những con con được 6 tháng tuổi. Không được thiến gà, vỏ trấu có những sinh vật sống trong đó cho nên không được đốt, không được đốt rừng, nếu không có lý do chính đáng không được giết hại súc vật. Không lấy mạng sống của con này để nuôi con vật khác. Vào ba ngày Chaturmasis, ba ngày của Tisa và trong suốt những ngày 14-15 của lễ bố tát, không được buôn bán cá. Trong những ngày này không được giết súc vật, cũng không được dự trữ cá trong nhà. Vào ngày mồng tám của mỗi tháng, ngày 14 và 15 tháng Tisa, Punarvasu và những ngày đặc biệt không được thiến trâu bò đực, dê đực, cừu, heo, và những súc vật khác đều không được thiến. Vào tháng Tisa, Punarvasu, Chaturmasis và rằm Chaturmasis không được nung lửa đóng dấu và ngựa và bò thiến. Từ năm 26 triều đại của ta tù nhân sẽ được ân xá 25 dịp trong năm.

(6) Vua Piyadassi nói: Ta bắt đầu thực hành chánh pháp từ năm thứ 20 sau khi lên ngôi, ta bắt đầu ban hành những Pháp dụ này là vì sự an lạc, hạnh phúc của mọi người, để mọi người không còn phạm tội và có thể tăng trưởng chánh pháp. Ta nghĩ rằng: “làm thế nào có thể mang lại an lạc hạnh phúc cho mọi người?”. Ta đã ra lệnh đến tất cả những người thân ở gần hoặc ở xa để họ có thể hướng dẫn mọi người sống hạnh phúc và vì vậy ta đã làm như vậy. Ta đối xử bình đẳng với mọi người. Ta tôn trọng tất cả tôn giáo khác. Nhưng tốt nhất là ta muốn trực tiếp gặp dân chúng. Pháp dụ này ban hành vào năm thứ 26 sau khi ta lên ngôi.

Những chỉ dụ giống như vậy được tìm thấy ở trên trụ đá tại Topra và Meeru, ở Delhi, trụ đá ở Allahabad, và các trụ đá ở Lauriya Nandangarh và Rampurva. Cũng như những bia ký của vua A Dục, trụ đá có nhiều granito, vừa cũ vừa mới. Tại sao vua A Dục chọn nơi đây để dựng trụ đá thì hiện nay vẫn chưa rõ, nhưng nó được đồng ý là có từ xa xưa, Lauriya nandangarh là một trong những điểm chính để chiêm bái trên tuyến đường từ Patna đi Lumpini.

### **Tháp**

Khoảng chừng 1.5 cây số từ trụ đá vua A Dục, phía sau một lò đường ở địa phương là những di tích của một ngôi tháp cổ lớn nhất ở Ấn Độ. Mặc dù tháp hiện nay chỉ cao 24 mét, và có chu vi gần 457 mét. Đế của tháp nằm trên nhiều mô đất cao, có những mô đất thấp hình đa giác, những mô cao thì hình tròn. Từ tháp trở xuống 11 mét có một tháp nhỏ nhưng không có xá lợi bên trong. Tuy nhiên bên trong tháp có một miếng vỏ cây dài, người ta cho rằng đây là một trang trong một cuốn kinh Phật giáo vào giai đoạn thế kỷ thứ 4 TL.

Một cái tháp to lớn như vậy thường xây để thờ xá lợi hoặc để tưởng niệm những sự kiện quan trọng nhưng những gì bên trong tháp vẫn còn huyền bí.

### 13. KUSHINAGAR, NƠI ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

Trước khi nhập niết bàn ở Kushinagar, đức Phật dạy tôn giả A Nan:

*“Này A Nan, có lẽ những suy nghĩ phát sanh trong ông rằng ‘Thế Tôn không còn giáo huấn nữa, chúng ta sẽ không có bậc Đạo sư!’ nhưng không phải như thế, này An Nan, ông nên nhớ rằng. Sau khi Như lai nhập diệt, tuy rằng thân thể Ta tan rã nhưng Như lai vẫn thường trụ. giới luật mà Ta đã đặt ra cho các ông sẽ là bậc Đạo sư. Sau khi ta nhập diệt, nếu có những giới luật nhỏ nhặt không còn thích hợp thì có thể bỏ bớt.”*

Kinh Đại Bát Niết bàn

Một lần nữa trước khi Thế tôn nhập diệt vẫn khuyến khích các đệ tử của Ngài: *“Này các tỳ kheo! Các pháp hữu vi là vô thường, khổ đau. Chỉ có chân lý là bất biến. Hãy tinh tấn để giải thoát!”*. Đây là lời dạy cuối cùng của đức Phật. Sau đó Ngài nhập thiền định và nhập niết bàn.

#### VỊ TRÍ VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Dân số: 26.000 người. Mã số điện thoại: 05563.

Kushinagar (Kushinara, hay Kasia) có thể đến bằng xe buýt từ Gorakpur chừng 55 cây số bằng quốc lộ 28. Khoảng cách từ Kushinagar với một vài nơi chính: Lumpini 175 km, Kapilavastu 146 km, Shravasti 274 km và Varanasi 270 km. Sân ga gần nhất là ga Gorakpur, 51 km. Không có xe buýt chạy từ Kushinagar trước 6.30 sáng. Tất cả những nơi để chiêm bái, tham quan và chỗ nghỉ đều nằm trên con đường chính của Kushinagar. Bến xe buýt nằm ở ngôi làng bên cạnh Kasia, chừng 3 cây số về hướng Đông. Trong khu vực thánh tích có một khu nhà building mới mọc gồm cả trường cao đẳng chung với trường trung học, và những toà nhà và ba nhà nghỉ công cộng và Dharmashalas, một nhà nghỉ của Arakan và Phật giáo Miến Điện, cái thứ ba xây do Birlas

Trong bài pháp cuối cùng, đức Phật đã nói Kushinagar là nơi Ngài nhập niết bàn, và đây cũng là thánh tích quan trọng cho những phật tử hành hương chiêm bái. Có ba lý do tại sao đức Phật quyết định chọn Kushinagar là địa điểm ngài nhập niết bàn: (1) đây là địa điểm thích hợp để thuyết kinh Đại Thiện Kiến Vương (Maha-sudassana suttanta), (2) nhận Tu Bạt Đà la làm đệ tử cuối cùng vì ông này đang sống ở đó, (3) Bà la Môn Drona có khả năng phân chia xá lợi của Ngài. Hơn nữa, tại đây đức Phật trong bảy kiếp quá khứ cũng đã thị tịch ở Kushinagar, và Ngài quyết định không nơi nào khác hơn là Kushinagar “nơi mà Thế Tôn đã 8 lần nhập diệt”. Tại đây đức Phật đã vào niết bàn.

Trong suốt 45 năm giáo hoá, đức Phật đã tóm tắt toàn bộ giáo pháp của Ngài gói gọn trong 37 phẩm trợ đạo – khi Ngài rời đỉnh Linh Thứu để cùng với tôn giả A nan đi về phương Bắc. Sau khi nghỉ lại đêm ở Nalanda, đức Phật đã qua sông Hằng lần cuối cùng, nơi đây hiện giờ là thành phố Patna và đến

ngôi làng Beluva. Trong khi an cư mùa mưa tại ngôi làng này gần Vaishali, đức Phật đã dạy tôn giả A Nan rằng hiện giờ Ngài đang nhuộm bệnh thân thể rất đau nhức vì già nua. Đức Phật báo là sẽ nhập diệt trong ba tháng nữa. Trong khi trú tại Vaishali, đức Phật đã ba lần nói với An Nan rằng như lai có thể kéo dài thọ mạng. Không hiểu những lời nói của Phật, tôn giả A Nan đã không nói gì và đi ngôi thiền ở gần bên. Đến khi tôn giả A Nan hiểu ra thỉnh đức Phật kéo dài thọ mạng nhưng Ngài đã từ chối, bởi vì đã quá trễ. Đức Phật nhập định để kềm lại cơn đau và tiếp tục đến Vaishali. Ngài đã triệu tập chư tăng đang sống ở Vaishali lại tại Mahavana Kutagarasala và nhắc nhở các vị tỳ kheo là giáo pháp của Ngài bao hàm trong 37 phẩm trợ đạo (Bodhipakshiya Dhammas) chia ra làm 7 nhóm (sự kiện này có thể xem như là lần Chuyển Pháp Luân lần thứ ba).

1. Smrityupasthana (Pali, Satipatthanas)- Tứ Niệm Xứ: chánh niệm về thân, cảm thọ, tâm và pháp. Đây là con đường duy nhất được Thế Tôn tán dương dẫn đến chứng ngộ giải thoát.

2. Samyakaprahana (Pali: Sammappadhanas)- Tứ Chánh Cần: tinh cần ngăn ngừa những ác pháp chưa sanh, đoạn trừ những ác pháp đã sanh, tinh cần làm phát khởi những thiện pháp chưa sanh và tinh cần làm tăng trưởng những thiện pháp đã sanh.

3. Riddhipada (Pali: Iddhipadas)-Tứ Như ý Túc: chứng đạt thân thông bằng Dục định, Tinh tấn định, Tâm định và Tư duy định.

4. Indriya (Pali: Indriyas)- Ngũ căn: nhân tố căn bản là Tín (niềm tin) vững chắc vào đức Phật là bậc Giác ngộ, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Thiên Nhân Sư.. và tin vào giáo pháp và tăng già, tín được hỗ trợ bởi tinh tấn, niệm, định và trí tuệ.

4. Balas- Ngũ lực: Ngũ lực cũng giống như ngũ căn đó là Tín, Tấn, Niệm, Định, và Tuệ. Sức mạnh của ngũ căn gọi là ngũ lực

6. Sambodhyanga (Pali: Sambojjhangas)-Thất giác chi: là con đường dẫn đến giác ngộ hoàn toàn, đoạn trừ tất cả lậu hoặc, dẫn đến chứng đạt trí tuệ và giải thoát. Thất giác chi là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi.

7. Marga (Pali: Magga)-Bát Thánh Đạo: hay con đường Trung đạo tránh xa hai cực đoan khổ hạnh ép xác và hưởng thụ dục lạc thế gian. Do thấy được nguồn gốc của già chết đức Phật đã hoàn toàn giải thoát mọi khổ đau, Ngài đã chứng ngộ chân lý cao siêu, vi diệu, vượt khỏi ngôn ngữ khái niệm.

Chịu đựng những đau đớn của cơn bệnh, đức Phật tiếp tục cùng tôn giả A Nan đi đến Kushinagar, Ngài đi qua làng Pava và nghỉ lại một ngôi làng mà một đoàn lái buôn vừa mới đi qua. Đến Pava con trai người thợ rèn Kunda (Thuần Đà) đã cúng dường đức Phật bữa cơm trong đó có thịt. Đức Phật chấp nhận nhưng không để ai ăn thức ăn đó. Đức Phật bảo Thuần Đà đem những

thức ăn còn lại đi chôn để người khác không bị trúng độc. Sau khi biết được thịt không tốt, Kunda rất đau khổ và ân hận vì nghĩ rằng chính thức ăn mà ông cúng dường đã làm cho đức Phật trúng độc nặng. Nhưng đức Phật đã khuyên giải ông ta rằng công đức của người cúng dường Thế Tôn bữa ăn cuối cùng cũng ngang bằng với người cúng dường Thế Tôn trước khi thành đạo. Người chủ một hiệu buôn, giai cấp quý tộc tên là Mailla, đến nói chuyện với đức Phật. Cảm động sâu sắc lời dạy của Phật, ông đã cúng dường đức Phật hai tấm vải vàng sáng. Tuy nhiên màu sắc của vải không sánh được với ánh sáng phát ra từ người đức Phật. Thân đức Phật toả ra ánh sáng kỳ diệu hai lần, đó là đêm trước khi Ngài thành đạo và trước khi nhập niết bàn.

Ngày kế tiếp, Đức Phật và A Nan đến bên bờ sông Hiranyavati ở phía nam Kushinagar, ở đó giữa hai cây sa la song thọ, đức Phật nằm nghiêng hông bên phải, tư thế sư tử đầu xoay về hướng Bắc. Đức Phật nói với tôn giả A Nan điều quan trọng của giáo pháp Ngài là đức tin, một số giới luật mà các vị tỳ kheo cần phải giữ, trong đó có cả việc trà tỳ kim thân của Ngài:

“Này A Nan! Thế Tôn biết rằng tất cả chư tăng ở đây đều có niềm tin vào Tam bảo. Thậm chí có số người tuy chỉ mới chứng được quả vị Tu đà hoàn”

Đức Phật im lặng nhìn chư tăng rồi nói; *“Này các tỳ kheo, hãy lắng nghe Thế Tôn. Các pháp hữu vi là vô thường. Nếu có sanh tất có tử. Hãy nỗ lực tinh tấn để chúng ngộ giải thoát!. Ta tuyên bố với các ông rằng các pháp hữu vi đều biến hoại. Hãy nỗ lực tinh tấn!”*

Đức Phật nhắm mắt. Ngài đã nói những lời dạy cuối cùng. Trái đất rung động. Hoa Sa la nở rộ và rơi xuống như mưa. Thân và tâm của mọi người đều rung động. Đức Phật nhập niết bàn.

Đức Phật dạy hãy làm lễ trà tỳ giống như nghi lễ của một vị vua của tất cả vua; pháp thân Ngài được quấn trong vải mới, buộc bằng vải nhung, đặt trong một kim quan, bên ngoài bọc một kim quan bình thường và hoả táng. Sau cùng, tháp được xây ở các ngã tư đường để thờ. Những nhà quý tộc Mallas đã đến dâng lễ ngài. Trong bài pháp cuối cùng đức Phật thuyết cho Tu Bạt Đà La, một đạo sĩ Bà La Môn đã 120 tuổi, đến quy y xuất gia làm đệ tử Phật, trước khi Ngài nhập niết bàn và là người đệ tử xuất gia cuối cùng của đức Phật. Đức Phật dạy: *“Hãy nhớ kỹ, này các Tỳ kheo! Ta luôn nói với các ông là tất cả các pháp hữu vi đều biến hoại! Hãy nỗ lực tinh tấn để giải thoát. Tu bạt đà la ngồi thiền kế bên, lập tức nhập định chứng A la hán và nhập niết bàn, ngay trước khi đức Phật niết bàn.”*

Trong suốt 45 năm, đức Phật đã đi nhiều nơi để giáo hoá cho chúng sanh hiểu được giáo lý của Ngài. Người ta cho rằng sở dĩ đức Phật nhập niết bàn là do ăn bị trúng độc. Theo một số tài liệu thì cho rằng đức Phật bệnh nặng do ăn thức ăn (suraka-maddavam) do một nữ thí chủ tên là Cundo, mẹ của Kunda nấu. Có người giải thích nghĩa của từ tên là một loại ‘thịt heo’. Một số học giả cho là

thịt heo rừng, ngược lại một số lại cho rằng đây là một loại nấm hoang. Một số thì không đồng ý đó là thịt heo rừng cũng không phải nghĩa của từ Sukarakanda, mà là một loại củ mọc nhiều ở trong rừng, mà người theo đạo Hindu rất thích ăn. Nó là một loại cây thiên nhiên người ta ăn trong những ngày kiêng ăn.

Khi canh ba đến, đức Phật hỏi các đệ tử của Ngài ba lần là có ai thắc mắc điều gì liên hệ đến Pháp và Luật không? Sau khi đức Phật dạy các vị tỳ kheo lần cuối cùng, Ngài vào niết bàn. Trái đất rung động, sao rơi trên bầu trời. Trên trời xuất hiện cả khắp 10 phương sáng rực và nhạc trời vang lên.

Trong 6 ngày kế tiếp, pháp thân của Ngài vẫn để nằm và các quý tộc Mallas dưới sự hướng dẫn của tôn giả A Nậu Lôu Đà chuẩn bị cho lễ trà tỳ kim thân của Ngài. Vào ngày thứ 7, kim thân đức Phật được ướp bằng dầu thơm, hoa. Và lễ trà tỳ được chính thức tổ chức do ngài Ma Ha Ca Diếp tại Makutabandhana-chaitya (Rambhar stupa). Kim thân của Ngài được tẩm liệm bằng cả ngàn tấm vải đặt vào kim quan có rất nhiều vật quý giá. Sau khi lễ trà tỳ kết thúc, các tỳ kheo thu thập xá lợi của Phật. Chỉ còn những xương sọ, răng và những vải liệm bên ngoài và bên trong còn lại. Xá lợi được các quý tộc Mallas thu thập làm lễ tôn thờ tại Kushinagar. Ngày nay ngôi tháp này không còn như cũ, hiện giờ là một tháp xây bằng gạch cao 15 mét và một khu vườn được chăm sóc cẩn thận.

Những quý tộc Mallas ở Kushinagar nghĩ rằng họ rất may mắn được tất cả xá lợi của đức Phật nhưng đại diện của 8 nước đến đều muốn chia xá lợi và sắp sửa xây ra chiến tranh. Để ngăn chặn sự xung đột, bà la Môn Drona đưa ý kiến là sẽ chia xá lợi ra 8 phần bằng nhau. Có một số giải thích là xá lợi của Phật được chia ra làm ba phần: chư Thiên, A tu la và loài Người. Và phần của loài người được chia làm 8 phần. Mỗi nước mang về thờ tại vương quốc của họ, và tám ngôi tháp được xây dựng. Sau này xá lợi lại được phân chia khi vua A Dục quyết định xây 84.000 ngôi tháp. Ngày nay xá lợi của Phật có ở nhiều ngôi tháp trên toàn lãnh thổ của Ấn Độ.

Hai thế kỷ sau Kushinagar bị quên lãng, chẳng còn ai quan tâm. Cuối cùng nhờ lần chiêm bái của vua A Dục, Kushinagar đã hồi sinh. Vua đã cho xây dựng tháp và trụ đá tại đây. Điều này đã được Pháp Hiển và Huyền Trang xác minh, hai ngài đã đến đây và có đề cập đến ba ngôi tháp, hai trụ đá và nhiều thánh tích khác; dĩ nhiên khu vực này đã hoang tàn. Huyền Trang cũng đã nhìn thấy một tháp do vua xây tại nhà của Kunda, nơi đức Phật dùng bữa cơm cuối cùng. Tưởng niệm nơi đức Phật nhập niết bàn là một ngôi chùa lớn xây bằng gạch và một pho tượng Phật nằm. Ngoài ra còn có một số di tích của tháp vua A Dục và một trụ đá và một bia ký kể lại sự kiện. Có hai tháp tưởng niệm những đời quá khứ của đức Phật ở đây. Cả ngài Pháp Hiển và Huyền Trang đều đề cập đến một ngôi tháp nơi mà vị bảo vệ đức Phật, Vajapani đã

không còn bình tĩnh quăng cây tích trượng khi nghe tin Phật niết bàn. Cách đó một đoạn là tháp do vua A Dục xây tưởng niệm nơi phân chia xá lợi. Một nhà chiêm bái Trung Quốc khác, ngài Nghĩa Tịnh (672-693) có ghi chép một số chi tiết về Kushinagar, tuy nhiên ngài nói đến sự hưng thịnh của Kushinagar lúc bấy giờ. Theo một bia ký thế kỷ thứ 10-11, trong giai đoạn của triều đại Kalachuri, một tinh xá và một chánh điện thờ một tượng Phật rất lớn được xây dựng. Sau cả gần một thiên niên kỷ bị lãng quên, những di tích ở đây được Buchannan, một nhân viên của Công ty Đông Ấn chú ý đến. Lần đầu tiên trong giai đoạn cận đại, năm 1854 H.H Wilson đã nêu ra vị trí của Kushinagar và Kasia. Tuy nhiên chính Alexander Cunningham, nhà khảo cổ đã chắc chắn xác định vị trí của Kushinagar trong những lần đến đây vào những năm 1861-62. Năm 1876-77, người phụ tá của ông là A.C.L. Carlleyle đã khai quật tìm thấy ngôi tháp chính và ngay trước tượng Phật niết bàn. Suốt thời gian năm 1904-1907 dưới sự giám sát chính của J.Ph. Vogel và vào năm 1910-1912, Hirananda Shastri đã tiến hành nhiều cuộc khai quật, tìm thấy nhiều toà nhà bằng gạch, di tích và nhiều bia ký. Điều lạ lùng là không có một bia ký nào đề cập đến cái tên Kushinagar hay bất cứ một từ tương đương nào. Sự khôi phục phần lớn là nhờ những nỗ lực của tỳ kheo Mahavira người sống ở đây vào những năm 1890-1920. Hội chợ thường niên tổ chức vào những ngày kỷ niệm của đức Phật được khởi xướng do Đại đức Chandramani, đã trở thành phổ biến và thu hút rất nhiều du khách.

Kushinagar được xác định trở lại vào cuối thế kỷ 19. Những cuộc khai quật cho thấy Phật giáo đã phát triển ở đây trong một thời gian khá lâu. Những di tích của 10 tinh xá khác nhau có từ thế kỷ thứ 4 đến thế kỷ 11 được tìm thấy. Hầu hết những di tích này đều nằm trong một công viên, ở giữa khu vườn là một chánh điện mới xây và một tượng Phật niết bàn lớn. Tượng Phật này vốn được làm ở Mathura và thờ ở đây do một tu sĩ tên là Haribhadra sống vào triều đại Kumaragupta (415-56 TL), người thành lập tinh xá Nalanda. Pho tượng được tìm thấy vào cuối thế kỷ 19 nhưng đã bị hư hỏng, hiện nay đã được tu sửa trở lại. Đằng sau chánh điện là một tháp lớn xây vào thời kỳ Gupta. Phật giáo Miến Điện đã tu sửa lại vào đầu thế kỷ 20. Gần đó là một ngôi chùa nhỏ xây dựng kỷ niệm nơi đức Phật nghỉ lần cuối trước một khu vườn Sa la, khu vườn này cũng được khôi phục trở lại. Về phía Đông là một tháp lớn, bây giờ người ta gọi là Ramabhar, di tích của nơi trà tỳ kim thân đức Phật.

### **Tháp Niết bàn**

Ngay sau chánh điện thờ tượng Phật niết bàn là một tháp xây dựng ngay nơi đức Phật nhập niết bàn giữa hai cây sa la song thọ.





Tháp Niết Bàn ở Kusinagara

Cũng như những ngôi tháp khác, tháp này gồm có nhiều tháp nhỏ. Bên trong của ngôi tháp trước đây người ta tìm thấy những mẫu than đen và đất đen, chắc đây là những thứ từ giàn thiêu. Ngôi tháp chính được khai quật hoàn toàn vào năm 1876 do Carlleyle. Ngôi tháp là một khối gạch đồ sộ trong tình trạng sắp đổ. Điều này cho thấy tháp là một công trình kiến trúc rất hùng vĩ, gồm cả tháp nhọn, và có thể cao đến 45.72 m. Móng của tháp và chùa xây trên khu vực cao hơn mặt đất là 2.74 m. Phần eo hình trụ của tháp cao 5.5 m dọc theo đường viền trên đỉnh là những trang trí và những hình vẽ thu nhỏ. Ở phần eo này là mái vòm đã bị hỏng hoàn toàn chỉ còn một bức tường bằng gạch. Bia ký khắc trên một cái bình bằng đồng tìm thấy ở đây có bài kinh Nidana sutta bằng chữ Sanskrit. Bia ký này tóm tắt lời tuyên bố rằng chiếc đĩa đã được Haribala đặt trong tháp niết bàn (nirvana-chaitya), người có lẽ đã tôn tượng Phật niết bàn trong ngôi chánh điện gần bên. Haribala cũng đã làm lớn ngôi tháp lên. Và xá lợi của đức Phật đã được thờ tại tháp này. năm 1922, ngôi tháp đã được phục hồi hoàn toàn nhờ sự cúng dường của U Po Kyu và U Po Hlaing người Miến Điện.

#### **Chùa Niết bàn- Nirvana temple**

Nằm trên cùng khu đất của ngôi tháp chính là Nirvana temple. Năm 1876 Carlleyle đã khai quật toàn bộ khu vực này và tìm thấy một pho tượng Phật niết bàn lớn đã bị gãy phần đế. Những mảnh vỡ của tượng sau đó bị thất lạc, tuy nhiên ông đã tìm thấy chúng bị chôn cùng với phần chính của đế tượng. Với sự giúp đỡ ông đã khôi phục lại và sửa lại pho tượng trở lại hình dáng cũ, mặc dù có một số mảnh vỡ đã bị thất lạc. Pho tượng dài 6.1m được làm từ một khối đá sathach nguyên màu hơi đỏ của Chunar. Tượng biểu tượng Phật Niết Bàn, nằm nghiêng hông bên phải, mặt xoay về hướng Tây. Tượng được đặt trên một bệ xây bằng gạch lớn.



Tượng Phật Niết Bàn ở Kusinagara

Tượng Phật nằm một cách an lành, nghiêng hông bên phải, đầu xoay về hướng Bắc; tay phải đặt ở dưới đầu, tay trái duỗi thẳng trên đùi. Nơi đặt tượng Phật có ba hốc ở phía Tây mỗi hốc đều có đặt một tượng nhỏ. Bức hình phía bên trái là một phụ nữ tóc dài, có lẽ biểu trưng cho những người quý tộc Mallas đau buồn khi Phật niết bàn. Bức hình ở chính giữa là một vị tỳ kheo đang thiền định quay lưng ra phía ngoài. Bức hình bên phải cũng là một tỳ kheo, nhưng vị này tay ôm đầu rất đau buồn. Những hình này không nghi ngờ gì là biểu tượng cho một số tỳ kheo vẫn giữ được bình tĩnh và một số vị rất đau buồn khóc lóc khi Phật nhập niết bàn. Tượng Phật niết bàn được đắp bằng vữa màu vàng mù tạc, và trang nghiêm với những lời kinh của đệ tử của Ngài. Để thuận tiện cho những phật tử hành hương và đi nhiễu chung quanh tháp, nhà nước Ấn Độ đã cho xây dựng lại ngôi chùa vào năm 1956 vào dịp lễ kỷ niệm 2500 ngày đức Phật dẫn sanh.

Một bia ký ở đế tượng ghi vào thế kỷ thứ 5. Bia ký này đã bị hỏng nhiều: “Pho tượng này là món quà cúng dường của Haribala, một tu sĩ ở Đại tinh xá, thiết kế bởi Din....”. Cho chúng ta biết được rằng vào thời kỳ của Kumargupta (413-455 TL), một tỳ kheo tên là Haribala đã dựng tượng này. Từ những chứng tích của những chỗ sửa bằng vữa cho thấy rằng pho tượng đã bị vùi dưới lòng đất qua nhiều thế kỷ. Ngài Huyền Trang cũng đã đến danh lễ tại đây và cũng đã nhìn thấy pho tượng, đọc được những dòng chữ ở tượng là vào thế kỷ thứ 5 TL. Khi Carlleyle khai quật ngôi chùa vào năm 1876, ông đã tìm thấy tượng đã bị vỡ hoàn toàn và ông đã cố gắng khôi phục lại pho tượng. Điều chú ý rằng đây là một trong rất ít những chứng cứ của Phật niết bàn được tìm thấy ở Bắc Ấn Độ.

### **Điện thờ Matha-kuar**

Khoảng 200 mét cách tháp chính về hướng Tây nam, rời khỏi khu di tích và đi theo con đường chính về hướng Nam, là điện thờ Matha-kuar, nơi có thờ một tượng Phật rất lớn. Theo truyền thuyết của dân địa phương, thì đây là nơi mà trước khi Phật nhập niết bàn đã thuyết bài pháp sau cùng. Pho tượng này dân địa phương gọi là Matha-kuar, có nghĩa là ‘thái tử chết’. Tượng Phật làm bằng một loại đá đen cao 3.05 m (trong tư thế ngồi chạm đất) vào thế kỷ thứ 5 TL. Pho tượng được Carlleyle tìm thấy khi khai quật đã bị gãy làm hai và chắc chắn ở đây là một chánh điện của một tinh xá lớn, mà nền móng chúng ta có thể nhìn thấy ngày nay. Trong tư thế này đức Phật ngồi thiền, tay phải chạm đất. Pho tượng khi tìm được đã bị gãy làm đôi và đã được sửa phục hồi trở lại, và ngôi điện thờ được xây dựng vào năm 1927. Ngôi điện thờ này do những phật tử hành hương người Miến Điện xây dựng.

### **Tháp Trà tỳ**

Khoảng 1.6 km cách điện thờ Matha-kuar về hướng Đông là một ngôi tháp nằm đối diện với con đường từ Kasia đi Deoria đánh dấu nơi trà tỳ kim thân đức Phật, trong Phật giáo gọi tháp này là Makutabhanha-chaitya. Gần đó là một hồ nước Ramabhar, đó là lý do vì sao tháp có tên là Ramabhar. Tháp này hình cái trống tròn lớn, đường kính là 34.14 m và phần vòng tròn ở dưới móng gồm hai hoặc nhiều tầng đường kính ở đáy là 47.24 . tháp cao 15.5 m.

Những di tích khác tìm thấy là những tháp nhỏ dựng bởi những phật tử hành hương qua nhiều giai đoạn. Một bảo sao của tháp trà tỳ đã được xây dựng gần đây, dựa trên những yếu tố chính của vũ trụ, biểu tượng năm yếu tố tạo thành con người, biểu trưng cho Đất (bộ hình vuông), gió (hình tròn), lửa (đế hình tam giác), nước (hình lưỡi liềm), hư không (đỉnh hình chóp nón). Kunwarkakot Matha cách Ramabhar chừng 2.4 km về hướng Tây là một ngôi chùa có thờ một tượng Phật ngồi lớn.

Những khu vườn xanh tươi chung quanh các ngôi tháp, những khu di tích và cây cối xanh tươi chung quanh khu vực đã làm cho toàn bộ khu thánh tích này rất thanh bình, trong sạch. Một tượng Phật vàng ngồi một cách oai nghiêm ở chùa Miến Điện, dựng trong một hồ nước đối diện với văn phòng du lịch. Tượng Phật rất đẹp thu hút nhiều khách hành hương ở tại chùa Trung Quốc. Có rất nhiều chùa có cả trung tâm Phật giáo Indo-Japan-Sri Lanka. Nằm một bên của khu vườn là Trung tâm thiền quốc tế của Trung Quốc. Nằm ở phía Nam khu vườn là một ngôi chùa Típet nhỏ với nhiều ngôi tháp xây dựng theo kiến trúc của Típet. Cũng ở tại Kushinagar chúng ta có thể thấy nhiều sinh hoạt của Phật giáo hồi sinh ở đây. Vào dịp lễ Phật đản mỗi năm đều có tổ chức lễ rất lớn.

Có nhiều tinh xá, chùa mới xây dựng. Chùa đầu tiên xây dựng ở Kushinagar là chùa Chandramani Bhikshu Dharmasala của Miến Điện. Gần đó là chùa Trung quốc có thờ tượng Phật bằng đá trắng và thân Tara trắng.

Gần Trung tâm thiền của Sri Lanka Japanese Foundation là một viện bảo tàng Kushhinagar mới xây dựng.

Những thông tin và dịch vụ cần thiết

Mã số điện thoại: 05563. Central bank of India nằm trên quốc lộ 28-Kasya Rd, Tel: 271089, State bank of India (Tel: 271024). Tuy nhiên nhữn ngân hàng này không đổi các check du lịch. Văn phòng du lịch UP nằm trên đường Buddha marg. Bưu điện ở ngã tư (Tel: 271029); mã số bưu điện 274403.

Khách sạn và thức ăn

Hotel Nekko Lotus (Tel: 271039), International Buddhist Guest House, Hindu Birla Budha Dharmashala, nepali Dharmashala, UP State Tourist Bungalow, và Ashok Traveler's Lodge. Những chỗ nghỉ với giá rẻ hơn là Chùa Linh Sơn, chùa Miến Điện và Nhà nghỉ Miến Điện. Gần chùa Miến Điện là một quán Yama Kwality Café có nhiều món ăn tốt, có cả thức ăn Thái, Chinese, Tipet, và Nepal.

Ga nối liền: Gorakpur

Dân số khoảng 1 triệu người; mã số điện thoại 0551.

Đây là thành phố chính cuối cùng ở Ấn Độ nếu như du khách muốn sang Nepal. Quân đội Anh và Gorkha đã đánh nhau gần thành phố vào đầu thế kỷ 18. sau này thành phố trở thành trung tâm tuyển mộ binh sĩ Gorkha gia nhập vào quân đội Anh và Ấn Độ. Đây là một trung tâm nghỉ ngơi thành phố bảo trì tàu lửa chính. Thành phố cũng trở thành trung tâm hành hương do có ngôi đền Gorakhnath. Nằm trên quốc lộ 28 cách khoảng 55 km là Kasia, đi khoảng 3 cây số về hướng Tây nam là Kushinagar.

Bến xe buýt chừng 3 phút đi bộ từ sân ga. Xe buýt có tuyến đường đi Lucknow và Varanasi, Patna và những thị trấn lân cận. Có nhiều du khách đi bằng xe buýt để sang Nepal. Rời Gorakpur chừng 5 cây số đi ngang qua đền thờ Gorakhanath, đi thêm 7 km nữa quẹo trái đi Nauwgarh và Lumpini (65 km), ở đây là biên giới của Nepal, nhưng hiện nay biên giới này đóng cửa, chúng ta phải tiếp tục đi về Sonauli để sang Nepal.

\*Chú ý: coi chừng những tay cò ở bến xe. Sẽ đòi tăng thêm tiền cước hành lý. Đừng đi với International Tourism Agency đối diện sân ga xe lửa, những chuyến xe bus ở đây chất lượng rất tồi. Xe Buýt ở biên giới Sonauli thì OK.

## **14.SANKISA, NƠI ĐỨC PHẬT XUỐNG TỪ CUNG TRỜI ĐÂU SUẤT**

Về hướng Tây và có lẽ ít được biết đến trong 8 thánh tích quan trọng của Phật giáo là Sankasya, tên này xuất phát từ một ngôi tháp do vua Tịnh Phạn xây để tưởng nhớ đức Phật. Sankasya (Pali: Sankissa, hiện tại Sankisa-Basantpur) là một ngôi làng nhỏ cách Feteahgarh , trị trấn Farrukhabad 37 km về hướng Tây. Nằm dọc theo bờ sông Kali, sankisa cách Lucknow 180 km về hướng Tây, Kannauj 80 km về hướng Bắc. Sankisa cách ga Pakhna 12 km, trên tuyến đường tàu hỏa Shikohabad-Lucknow. Cũng rất dễ dàng đến từ Agra-Mainpuri.

Nơi này liên quan đến một trong những điều thần diệu của đức Phật, nơi đây Ngài đã trở lại cõi ta bà từ cung trời Đâu suất, ‘trayastrimsa’ (tam thập tam thiên), đức Phật đã giảng A Tỳ Đàm cho hoàng hậu Maya và chư thiên. Sự kiện này xảy ra sau khi đức Phật thi triển thần thông ở Shravasti, bởi vì đây là truyền thống của chư Phật phải nghỉ ngơi ở cõi trời 33 sau khi chư Phật thi triển thần thông. Theo truyền thống Phật giáo, sau khi thuyết pháp cho mẫu hậu Maya, đức Phật trở lại bằng ba bậc thang cùng với Phạm thiên và Đế Thích.

Cảnh tuyệt diệu của chiếc thang kỳ diệu mà đức Phật trở lại từ cung trời Đâu suất được diễn tả trong bức phù điêu ở Bharhut. Chiếc thang này chỉ là hình ảnh tượng tượng của ba bậc thang bằng đá cứng, tương tự với những bậc thang được tìm thấy ở tại cổng phía Tây của ngôi tháp. Huyền thoại của chiếc thang này được Pháp Hiển và Huyền Trang miêu tả cũng như trong sử của Tích Lan. Theo huyền thoại ngày xưa, đức Phật đã thăm cung trời Đâu suất và giảng pháp cho chư thiên và hoàng hậu Mayadevi. Kết thúc ba tháng, mục đích của Ngài đã xong, Ngài quyết định trở lại cõi ta bà tại thành phố Sakaspura (Sankassa hay Sankisa). Đế Thích nghĩ rằng đức Phật trở lại cõi ta bà, cho nên tổ chức lễ tiễn Ngài cho long trọng. Cho nên Đế Thích đã bắt một chiếc thang vàng từ Mahameru đến Sakaspura. Lúc ấy xuất hiện ba thang báu. Đức Phật đứng ở chiếc thang giữa, được làm bằng bảy báu, và Ngài trở lại cõi ta bà. Phạm thiên biến chiếc thang bạc mất, nắm lấy chỗ ngồi bằng tay phải, tay trái cầm chiếc lọng trắng trong khi đó Đế Thích hoá một chiếc thang vàng, nắm lấy cung điện bằng tay trái, cầm lọng trong tay. Vô số chư thiên đến tiễn đức Phật. Sau khi đức Phật trở về, tất cả những chiếc thang này đều biến mất, chỉ còn lại bảy dấu chân có thể thấy được. Những thang này dài 80.000 do tuần. Những bậc thang làm bằng châu báu trang trí rất đẹp. Tất cả xuất hiện ở trần gian như hình ba cầu vòng.

Khi đức Phật ở tại cung trời Đâu suất để thuyết pháp cho hoàng hậu, sau ba tháng Ngài sẽ trở lại ở Sankisa. Vào thời điểm đó, các vua của 8 nước, tất cả quan lại dân chúng không gặp đức Phật trong thời gian rất lâu, và họ muốn

gặp đức Phật. họ kéo đến vương quốc này để chào đón đức Phật trở lại. Khi đó một tỳ kheo ni tên là Utpala nghĩ rằng: 'Hôm nay tất cả vua chúa, dân chúng đều đi đến gặp đức Phật. Ta là nữ giới làm thế nào có thể được thấy mặt Thế Tôn?'. Đức Phật lúc đó dùng thần thông biến tỳ kheo ni này trở thành vua Chakravarti, và vị này đã diện kiến được Ngài trước tiên.

Ngôi làng Sankisa hiện nay nằm trên một khu đất cao. Dãy đất này chạy dài ra khỏi khu vực của ngôi làng, người địa phương gọi là Kila. Khu đất này cao 12.5 m ra trải dài một khu vực 457.2 m x 305m. Khoảng chừng 400 mét về hướng Nam có một mô đất khác được xây bằng gạch cứng chung quanh là một ngôi đền thờ tượng niệ**m** Bisahari Devi. Những mô đất khác gồm nhiều khối gạch xây, có một bức tường thành kéo dài 5.5 km. Về hướng Đông của Sankisa khoảng 400 mét là một nơi gọi là Chaukhandi. Ở đây người ta t**h**ấy một số gạch cổ cỡ lớn. Ở hướng Đông bắc của khu vực này người ta tìm thấy một số trụ hàng rào làm bằng đá sa thạch của Mathura. Gần đó là ngôi đền thờ Terha Mahadeva, trong đó có một hồ nước gọi là Nagasara (hồ của thần rắn).

Nơi đây chỉ là một trong tám thánh tích liên quan đến cuộc đời đức Phật. Hiện nay ở đây không có một ngôi chùa hay một tịnh xá nào cả thậm chí cũng không có đến một vị tu sĩ. Có lẽ do vì nơi này còn hoang dã và cách xa thành phố

\*Ở đây chỉ có một chỗ nghỉ lại duy nhất là Tourist Bungalow. Thành phố gần nhất là Manipuri, tốt nhất là nên đến Agra (175 km) bằng quốc lộ 2.

## 15. MATHURA, THỦ PHỦ CỦA SURASENA- ĐỨC PHẬT ĐÃ ĐẾN NƠI NÀY

Dân số khoảng 250.000 người, mã số điện thoại 0565.

Mathura cách Delhi 145 km, cách Agra 58 km nằm trên quốc lộ 2, có đường xelữa nối liền hai thành phố này.. Viện bảo tàng cách sân ga chừng 1 cây số.

Mathura, trước đây đọc là Madhura, vào thời đức Phật là thủ đô của vương quốc Surasena nằm trên bờ sông Yamuna. Đức Phật có đến đây một đôi lần, và hình như Ngài cũng không có ấn tượng tốt về nơi này. khi Maha Kachchhana đến đây, Ngài đã giảng kinh Mathura cho nhà vua, phủ nhận những quan điểm Bà la môn là giai cấp tối cao. Mặc dù nơi này không liên quan đến đức Phật nhiều nhưng Mathura sau này trở thành một trung tâm Phật giáo rất hưng thịnh vào những thế kỷ sau. Trong suốt thời kỳ Kusana và Gupta, những thợ điêu khắc đá ở đây đã làm ra nhiều tác phẩm nghệ thuật để trang trí trong những điện thờ ở địa phương và nhiều nơi khác.

Thành phố cũng là thủ đô trong suốt thế kỷ thứ 1 và thứ 2. Khi ngài Pháp Hiển đến đây, ở đây có đến 20 tinh xá và 3000 tu sĩ. Có những tháp tưởng niệm ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên và A Nan, và có nhiều tháp thờ kinh tạng, luật tạng và luận tạng. Cứ mỗi năm, sau mùa an cư, có một lễ hội tôn giáo lớn mà tất cả mọi người đều tham dự.

*“Tất cả các tu sĩ đều đến rất đông đủ và giảng pháp, sau đó lễ và cúng tại tháp ngài Xá Lợi Phất, với hương hoa và nhang. Người ta thắp đèn khắp nơi, những nhạc công biểu diễn. Tỳ kheo ni thì tập trung lễ cúng tháp ngài A Nan vì nhờ ngài A Nan đã xin phép đức Phật cho nữ giới xuất gia. Các sa di thì lễ tháp ngài La Hâu La. Các luận sư thì cúng tháp thờ luận tạng, Luật sư thì cúng tháp thờ luật tạng.”*

Huyền Trang nói là đã nhìn thấy một lễ hội giống như vậy trong thời gian ngài ở tại Mathura. Ngài cũng thấy ở đây có ba ngôi tháp của vua A Dục. Năm 1017, Madmuh Ghazni (Hồi giáo) đã đánh phá thành phố và phá hủy các chùa chiền. Điều này đã tái diễn bởi sự huỷ diệt của Sikander Lodi năm 1500. Vào cuối thế kỷ 17, với những sắc lệnh mù quáng của vua Aurangzeb, tất cả những chùa chiền đền thờ chính đều bị phá hủy. Jats và Marathas đã đánh nhau tranh dành thành phố khi triều đại Mughal suy tàn, nhưng vào đầu thế kỷ 9 thì người Anh đã kiểm soát khu vực này. Họ đặt những căn cứ quân sự ở phía Nam, có một nghĩa trang và một nhà thờ thiên chúa giáo chính thống La mã. Hiện nay không có một di tích nào đặc biệt của Hồi giáo, ngoại trừ một số toà nhà kiến trúc rất đẹp nhưng đã bị hư hỏng vì lâu ngày và sự thờ ơ không chăm sóc.

Sự hồi sinh của Phật giáo ở Mathura được xác minh qua những cuộc khai quật kéo dài cả hơn 100 năm ở khu vực chung quanh thành phố đã tìm thấy được rất nhiều di tích cổ của Phật giáo. Năm 1836, Col. L.R. Stacy tìm thấy một pho tượng phụ nữ bán thân, đứng trên một người lùn tịt, có một con chim trên vai và tay phải cầm một lồng chim. Bức tượng rất dễ thương này hiện nay đang được triển lãm tại Viện bảo tàng ở Kolkata, thu hút rất nhiều sự chú ý, và nhiều nhà khảo cổ nghiệp dư bắt đầu khai quật ở những mô đất chung quanh thành phố để tìm kiếm thêm cái gì đó. Cunningham khám phá ra khu vực này vào năm 1853 và tiếp tục vào những năm 1862 và 1871. năm 1860, trong lúc toà án đang xây cất, một số tác phẩm điêu khắc được phát hiện, trong đó có nhiều tượng và trụ hàng rào, trụ đá, nhiều tháp nhỏ, và nhiều lọng bằng đá. Chính ở đây pho tượng Phật Mathura, có lẽ là pho tượng Phật đẹp nhất ở Ấn Độ đã được tìm thấy từ trước đến nay. Pho tượng hiện nay được bảo tồn ở Rastrapati Bhavan ở New Delhi, và không có triển lãm cho công chúng xem.

Trong số những tượng Phật Mathura, thì hai tư thế rất phổ biến. Ở mô đất Katra một tượng Phật ngồi trong tư thế đang thuyết pháp (thế kỷ thứ 2 TL), tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đứng ở phía sau. Một tư thế khác nữa là đức Phật đứng và đang thuyết pháp (thế kỷ thứ 4 TL); đức Phật đắp y mềm.

Những cuộc khai quật cuối cùng ở Mathura tiến hành vào năm 1976 ở vùng ngoại ô phía Tây của thành phố, gần nhà máy thủy điện. Một số lượng điêu khắc giá trị của thời đại Kusana và Gupta được tìm thấy, trong số đó có hai pho tượng Phật kích thước như người thật, cả hai pho tượng đều rất đẹp và có ghi tên của người tạc tượng. Không may là không có một ngôi chùa nào trong rất nhiều ngôi chùa ở Mathura còn lại đến ngày nay, bởi vì người ta đã xây dựng một thành phố hiện đại ở đó. Muốn thấy thời kỳ hoàng kim của Mathura chỉ đi đến tham quan Viện bảo tàng mới thấy được.

### **Viện Bảo Tàng**

The Government Museum là một trong những Viện bảo tàng quan trọng ở Ấn Độ, bởi vì ở đây trưng bày rất nhiều hiện vật khảo cổ, điêu khắc của Phật giáo rất thu hút khách hành hương đến tham quan. Tác phẩm đẹp nhất tại Viện bảo tàng là pho tượng Phật đứng kích thước như người thật. Pho tượng được tạc vào giữa thế kỷ thứ 5 TL, và có một dòng chữ ghi ở chân tượng là tượng do một tu sĩ tên là Yasadinna cúng dường. Tay phải của tượng, hiện nay đã mất, được giơ cao và bắt ấn vô úy trong khi tay trái thì nắm dải y. Dây nịt thắt ở eo có thể nhìn thấy dưới lớp y, những nếp y có màu óng ánh. Hai người phật tử nhỏ đang quỳ thỉnh cầu ở một bên chân đức Phật. Tay, gương mặt và hào quang của pho tượng được tạc rất thanh nhã, tạo cho pho tượng có một nét sống động và là tượng độc nhất vô nhị ở Ấn Độ.



Một tác phẩm điêu khắc đẹp khác là pho tượng Phật ngồi tìm thấy ở Katra, cách Mathura chừng vài cây số. Pho tượng vẫn còn nguyên vẹn, ngồi kiết già trên một bệ có ba con sư tử. Tượng được làm vào thế kỷ thứ 2 TL, và dòng chữ ghi trên bệ là pho tượng được một tỳ kheo ni tên là Amoha-asi cúng dường cho “sự an lạc hạnh phúc của tất cả chúng sanh”. Hai thị giả chỉ nhìn thấy như ở đằng sau đức Phật, trong khi hai chư thiên thì một người ở bên trái đang mang một bình bát châu báu, còn người khác thì ở bên phải chấp tay bay về hướng hào quang. Những cành lá của cây Bồ Đề có thể nhìn thấy ở phía sau đầu đức Phật. Mắt mở lớn, tay trái đặt chắc chắn trên đầu gối, tạo một ấn tượng mạnh mẽ và tỉnh táo.

Đứng về phương diện lịch sử mà nói, tác phẩm điêu khắc quan trọng nhất ở Viện bảo tàng là hình tượng của vua Kanishka, một trong số ít hình tượng của một nhân vật lịch sử còn lại ở Ấn Độ. Mặc dầu đầu của tượng đã bị mất, chân bị xiên, tay trái cầm trượng, tay phải cầm một thanh kiếm lớn cho thấy rõ ràng vua Kanishka là một ông vua thẳng thắn. Bia ký trên tượng ghi rằng: “Đại Đế, Vua của các vị vua, con trai của Thượng đế, Kanishka”. Mặc dù vua là một người giỏi về quân sự nhưng vua cũng rất ham mê nghệ thuật và đã đóng góp rất lớn cho Phật giáo hơn bất kỳ ông vua nào ở Ấn Độ ngoại trừ vua A Dục.

Viện bảo tàng mở cửa từ ngày 1 tháng 7 cho đến 30 tháng 4: 10 giờ 30 đến 17 giờ và từ 1 tháng 5 đến 30 tháng 6 từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 30, đóng cửa ngày chủ nhật, thứ hai và ngày thứ bảy của tuần thứ hai trong tháng. Giữa thời gian từ 16 tháng 4 đến 30 tháng 6 giờ mở cửa là từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 30; vé vào cửa 5 rupees.

### **Khách sạn**

Madhuvan (28 phòng), Krishna nagar, tel 2420064, Fax 242684, có phòng máy lạnh, nhà hàng, và đối ngoại tệ; Radha Ashok (21 phòng), Tel 2530395, Fax 2530396, [bwra@vsnl.com](mailto:bwra@vsnl.com); Mansarovar Palace (22 phòng), tTel 2408686, Fax 2401611; Agra, tel 2403318; Tourist Bungalow (14 phòng), tel 2407822; International Guest House, tel 2405888.

Dịch xong ngày 30-6-2005

New Delhi-Ấn Độ

Nguyên tác: **WHERE THE BUDDHA WALKED**

**A COMPANION TO THE BUDDHIST PLACES OF INDIA**

của giáo sư Rana P.B. Singh

Dịch giả: Minh Tâm

